



TÀI LIỆU
HỘI NGHỊ TOÀN QUỐC HỆ THỐNG VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
NÔNG THÔN MỚI CÁC CẤP NĂM 2024

Hà Nội, tháng 4/2024

DANH MỤC TÀI LIỆU

I.	Chương trình Hội nghị.....	04
II.	Báo cáo của Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương về Kết quả thực hiện công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023, Quý I năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện trong năm 2024	05
III.	Báo cáo của các bộ, ngành Trung ương	
	1. Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường.....	27
	2. Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp	47
	3. Cục Khám chữa bệnh - Bộ Y tế.....	56
	4. Trung ương Hội LHPN Việt Nam.....	60
	5. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh	68
III.	Báo cáo của các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	
	<i>III.1 Kết quả, định hướng và giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tại địa phương</i>	
	1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh	76
	2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nghệ An	81
	3. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai	85
	<i>III.2. Kế hoạch và giải pháp xây dựng đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới</i>	
	1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố Hà Nội	89
	2. Sở Nông nghiệp PTNT tỉnh Ninh Bình	93
	3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Trà Vinh.....	102
	<i>III.3. Đánh giá kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn</i>	
	1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Cao Bằng.....	107
	2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Điện Biên	112
	3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi	116
	4. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Kon Tum.....	120
	5. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Bình Phước.....	132
	6. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Cà Mau	135
	<i>III.4. Đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM</i>	

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Yên Bái.....	138
2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên.....	142
3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá.....	147
4. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam.....	153
5. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Đồng Tháp.....	160
<i>III.5. Đánh giá kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới</i>	
1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La	164
2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định.....	169
3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng.....	176
4. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Gia Lai.....	183
<i>III.6. Đánh giá kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn</i>	
1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang	186
2. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh.....	191
3. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế.....	197
4. Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang.....	208
5. Văn phòng Điều phối các Chương trình MTQG tỉnh Hậu Giang	214

* Tài liệu Hội nghị theo đường link tại mã **QR**:



CHƯƠNG TRÌNH

Hội nghị toàn quốc hệ thống Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp năm 2024

Thời gian: Ngày 25/4/2024 (thứ Năm)

Thời gian	Nội dung	Thực hiện
07:30 - 08:00	Đón tiếp đại biểu tham dự	Văn phòng Điều phối NTM Trung ương
08:00 - 08:10	Tuyên bố lý do và giới thiệu đại biểu tham dự Hội nghị	Đ/c Phương Đình Anh , Phó Chánh Văn phòng Điều phối NTM Trung ương
08:10 - 08:30	Phát biểu khai mạc Hội nghị	Đ/c Trần Thanh Nam Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025
08:30 - 08:50	Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023, Quý I/2024 và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện trong năm 2024	Đ/c Ngô Trường Sơn , Chánh Văn phòng Văn phòng Điều phối NTM Trung ương
08:50 - 09:45	Phát biểu tham luận Hội nghị của Lãnh đạo Văn phòng Điều phối NTM các tỉnh, thành phố.	Chủ trì Hội nghị điều hành phiên thảo luận
09:45 - 10:00	Nghỉ giải lao	
10:00 - 10:30	Phát biểu tham luận Hội nghị của Lãnh đạo Văn phòng Điều phối NTM các tỉnh, thành phố (tiếp tục)	Chủ trì Hội nghị điều hành phiên thảo luận
10:30 - 11:00	Phát biểu của đại diện một số bộ, cơ quan trung ương tham dự Hội nghị	Đại diện một số bộ, cơ quan trung ương
11:00 - 11:30	Phát biểu chỉ đạo và kết luận Hội nghị	Đ/c Trần Thanh Nam Thứ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT, Ủy viên Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025
11:30	Kết thúc Hội nghị	

Hà Nội, ngày 25 tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành
Chương trình MTQG xây dựng NTM năm 2023, Quý I năm 2024
và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm tập trung thực hiện trong năm 2024**
*(Tài liệu phục vụ Hội nghị toàn quốc hệ thống Văn phòng Điều phối
nông thôn mới các cấp năm 2024)*

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2023 VÀ ĐẾN HẾT QUÝ I/2024

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THAM MƯU CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả ban hành cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025:

a) Ở cấp trung ương

Từ đầu năm 2023 đến hết Quý I/2024, Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đã tham mưu Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, hoặc phối hợp với các bộ, ngành trung ương ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành:

- Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”;

- Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy định đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm;

- Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 chương trình mục tiêu quốc gia tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ;

- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 - 2025. Đến nay, một số bộ, ngành trung ương đã hoàn thành, một số bộ, ngành đang hoàn thiện để ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu NTM theo phân công;

- Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn NTM, đạt chuẩn NTM nâng cao, đạt chuẩn NTM kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025.

- Quyết định số 54/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 08/4/2024 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

- Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc ủy quyền thông báo mục tiêu, nhiệm vụ năm 2024 của các chương trình mục tiêu quốc gia (*tại Văn bản số 125/TTg-QHĐP ngày 07/02/2024*), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã hoàn thành thông báo dự kiến mục tiêu, nhiệm vụ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM năm 2024 giao các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (*Thông báo số 1397/TB-BNN-VPĐP ngày 29/02/2024*).

Lũy kế đến nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các bộ, ngành trung ương có liên quan trình cấp có thẩm quyền ban hành 03 Nghị quyết của Quốc hội, 03 Nghị định của Chính phủ, 04 Nghị quyết của Chính phủ, 27 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, trong đó, đã chủ trì tham mưu trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 16 Quyết định; đồng thời, ban hành theo thẩm quyền 01

Thông tư, 34 Quyết định và nhiều văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng giúp các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thuận lợi hơn trong công tác chỉ đạo, quản lý, tổ chức triển khai thực hiện, cũng như có căn cứ để xây dựng, ban hành những cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tế trên địa bàn.

b) Ở địa phương:

Căn cứ các văn bản pháp lý và hướng dẫn thực hiện Chương trình của trung ương, các địa phương đã tập trung hoàn thành các văn bản trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ban hành các văn bản để cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, quy định của Trung ương và triển khai các nội dung của Chương trình. Nhiều địa phương đã chủ động, khẩn trương triển khai Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, đồng thời, phê duyệt, ban hành kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia ngay từ đầu năm 2024.

Một số địa phương đã chủ động nghiên cứu, ban hành các chính sách đặc thù nhằm nâng cao chất lượng và đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế.

2. Kết quả thực hiện công tác tuyên truyền, vận động xây dựng NTM

a) Ở Trung ương:

Công tác tuyên truyền về xây dựng NTM tiếp tục được chú trọng. Thực hiện Chương trình Truyền thông phục vụ Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 đã được Bộ ban hành¹, trong năm 2023, nhiều hoạt động tuyên truyền, truyền thông đã được Văn phòng Điều phối NTM Trung ương phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông đẩy mạnh thực hiện như: Tăng cường tuyên truyền về xây dựng NTM và các Chương trình chuyên đề, truyền tải các thông điệp về phát triển bền vững, phát huy tính đa giá trị của nông nghiệp, nông thôn, vai trò của cộng đồng, cán bộ cơ sở trên VTV1, VOV, VTC16, trên các báo điện tử và báo giấy... Thường xuyên cập nhật tin tức, kết quả, văn bản, quy định, hướng dẫn về xây dựng NTM trên Cổng thông tin điện tử của Chương trình MTQG xây dựng NTM, facebook “*NTM Trung ương*” và fanpage “*OCOP Việt Nam - Kết nối và chia sẻ*”. Thường xuyên cung cấp thông tin đến các cơ quan thông tấn, báo chí, phóng viên về định hướng hoạt động truyền thông của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, cũng như kết quả thực hiện Chương trình; tổ chức các đoàn báo chí đi công tác địa phương để phản ánh thực tiễn; hàng nghìn tin, bài, phóng sự về nông thôn mới và các chương trình chuyên đề được các báo, đài xây dựng và đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng và các phương tiện truyền thông xã hội.

¹ Quyết định số 1828/QĐ-BNN-VPĐP ngày 23/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Văn phòng Điều phối nông thôn mới Trung ương đã chủ trì, phối hợp với Văn phòng Điều phối nông thôn mới các địa phương biên soạn, giới thiệu 149 mô hình, sáng kiến hay trong xây dựng nông thôn mới ở các địa phương trên cả nước (500 trang tài liệu A4) để các địa phương học tập kinh nghiệm. Hiện nay, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã phối hợp với Vụ Tổ chức cán bộ (Bộ Nông nghiệp và PTNT) và các đơn vị có liên quan tham mưu, xây dựng Kế hoạch tổ chức Hội nghị biểu dương điển hình tiên tiến thực hiện Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng NTM” trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn (Dự kiến tổ chức cuối Quý III/2024).

b) Ở địa phương:

Công tác tuyên truyền, vận động thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 được các cấp, các ngành quan tâm với nhiều hình thức đa dạng thông qua hệ thống phát thanh, truyền hình, báo chí, mạng xã hội, các phương tiện pano, áp phích, tờ rơi, các hội thi, hội diễn...² qua đó phát huy tốt hiệu quả trong tuyên truyền, vận động, hướng dẫn thực hiện Chương trình và điều hành công việc; góp phần tạo sức lan tỏa sâu rộng nội dung thực hiện Chương trình. Thông qua các hoạt động tuyên truyền, vận động đã góp phần nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội, sự quan tâm, tích cực hưởng ứng của người dân thực hiện Chương trình. Các hội, đoàn thể và chính quyền địa phương thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân thu gom và phân loại rác thải tại nguồn, chỉnh trang nhà cửa, vệ sinh đường làng, ngõ xóm đảm bảo cảnh quan, môi trường trong khu dân cư, trồng hoa, cây xanh dọc các tuyến đường giao thông, trường học, khu dân cư... tạo cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp đạt kết quả cao...³

3. Công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm NTM các cấp và người dân về xây dựng NTM

a) Ở Trung ương:

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Khung chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 3360/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06/9/2022*), đồng thời, đã xây dựng và phổ biến Bộ Tài liệu khung phục vụ tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 với 19 chuyên đề, cung cấp đầy đủ các thông tin, cơ

² **Tỉnh Bến Tre** tổ chức Talkshow truyền thông về chuyên đổi số về xây dựng NTM và Mini game trực tuyến “Nhà thông thái xứ Dừa” tìm hiểu kiến thức về Tổ hợp tác, hợp tác xã, xây dựng sản phẩm OCOP, tuyên truyền về chuyển đổi số trong xây dựng NTM, đô thị văn minh, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; **tỉnh Bình Định** tổ chức Cuộc thi xây dựng mô hình tuyến đường nông dân tự quản “4 có, 2 không” trên địa bàn 17 xã, phường năm 2023; **tỉnh Lâm Đồng** tổ chức “Ngày thứ 7 Dân vận cùng nhân dân xây dựng NTM”; **tỉnh Nghệ An** tổ chức thành công cuộc thi “Mô hình tiêu biểu trong xây dựng NTM kiểu mẫu và đô thị văn minh”...

³ Ngôi nhà xanh thu gom rác thải có ý nghĩa là ý tưởng sáng tạo của Hội Liên hiệp Phụ nữ **tỉnh Bình Thuận**; Tuyến đường sáng - an toàn, **thành phố Cần Thơ**; Cán bộ, hội viên phụ nữ “Thực hiện tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp” của tỉnh Đồng Nai; Mô hình mô hình “Hàng cây nông dân ơn Bác” của **tỉnh Nghệ An**;...

chế, chính sách, nội dung và các hướng dẫn cụ thể để đội ngũ cán bộ xây dựng NTM các cấp nắm bắt và áp dụng thực hiện vào thực tiễn tại địa phương.

Để nâng cao chất lượng công tác tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ làm NTM các cấp và người dân về xây dựng NTM, trong năm 2023, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã hoàn thành việc xây dựng và ban hành khung bồi dưỡng về đổi mới, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp (theo Quyết định số 5064/QĐ-BNN-KTHT ngày 28/11/2023); ban hành Tài liệu tập huấn về phát triển mô hình du lịch cộng đồng nông nghiệp, nông thôn trong xây dựng NTM (*Quyết định số 703/QĐ-BNN-VPDP ngày 11/3/2024*); biên soạn và phổ biến tài liệu về phát triển cộng đồng trong xây dựng NTM; tài liệu tập huấn nâng cao nhận thức và chuyển đổi tư duy của người dân và cộng đồng về phát triển kinh tế nông nghiệp và xây dựng NTM... làm cơ sở để các địa phương hướng dẫn, sử dụng tài liệu tập huấn đến các cơ quan, đơn vị, cộng đồng và người dân. Đặc biệt, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên biên soạn, ban hành Cẩm nang xây dựng NTM gồm 03 cuốn: (1) “Nông thôn mới - Cuộc hành trình lịch sử”; (2) “Hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới” và (3) “Nông thôn mới - Những miền quê đáng sống” để hỗ trợ cho công tác triển khai của các cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, nhất là ở cơ sở.

Từ đầu năm 2023 đến nay, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp tổ chức được 05 lớp tập huấn cho các cán bộ nòng cốt làm công tác xây dựng NTM các cấp tại một số vùng trên cả nước; tổ chức 03 lớp tập huấn ToT cho cán bộ quản lý Chương trình các cấp về phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn tại 03 miền (*Bắc, Trung, Nam*); tổ chức 03 lớp tập huấn ToT cho cán bộ quản lý Chương trình OCOP các cấp, tư vấn Chương trình OCOP tại các vùng miền trên cả nước; tổ chức 01 lớp tập huấn về công tác truyền thông cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp trên toàn quốc; tổ chức 08 lớp tập huấn trực tuyến về hướng dẫn thực hiện các tiêu chí NTM giai đoạn 2021-2025 với hơn 10.000 lượt học viên là cán bộ làm công tác xây dựng NTM cấp tỉnh, huyện, xã tham dự. Ngoài ra, một số đơn vị trong Bộ đã tổ chức các lớp tập huấn về phát triển nghề nông thôn và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, về tiêu chí nước sạch và phòng chống thiên tai,...

Các bộ, ngành trung ương chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các lớp đào tạo tập huấn chuyên sâu cho cán bộ quản lý tham gia triển khai Chương trình giai đoạn 2021-2025 cấp trung ương, cấp tỉnh, huyện... nhằm cập nhật kịp thời các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước về xây dựng NTM, nâng cao nhận thức và thay đổi tư duy trong triển khai Chương trình.

b) Ở địa phương:

Căn cứ Khung chương trình tập huấn, bồi dưỡng cán bộ xây dựng NTM các cấp thuộc Chương trình giai đoạn 2021-2025 được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt và điều kiện thực tế, các địa phương đã chủ động xây dựng kế hoạch, triển

khai công tác tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ NTM các cấp. Đến nay, có 35 tỉnh, thành phố đã ban hành Kế hoạch đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng thuộc Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, làm căn cứ để triển khai thực hiện. Trên cơ sở đó, các địa phương đã ban hành Bộ tài liệu và tổ chức đào tạo, tập huấn cho cán bộ làm công tác xây dựng NTM ở cơ sở và người dân trên địa bàn nông thôn. Tính đến hết năm 2023, theo báo cáo của 53 tỉnh, thành phố, có 2.238 lớp tập huấn cho cộng đồng và người dân đã được tổ chức (trung bình mỗi tỉnh/thành phố có khoảng 42 lớp tập huấn). Nội dung tập huấn chú trọng về giới thiệu, phổ biến các chủ trương, cơ chế, chính sách trong xây dựng NTM, hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM, quy định thẩm định, xét, công nhận địa phương đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, các chương trình chuyên đề...; một số địa phương đã chủ động tổ chức các đoàn tham quan, học tập kinh nghiệm ở một số tỉnh, thành phố trên cả nước có các mô hình tiêu biểu, cách làm hay về xây dựng NTM...

4. Kết quả kiện toàn bộ máy tham mưu giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện Chương trình

a) Ở Trung ương:

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã kiện toàn Văn phòng Điều phối NTM Trung ương để thực hiện nhiệm vụ giúp việc Ban Chỉ đạo Trung ương và trực tiếp giúp việc Tổ trưởng Tổ công tác, Lãnh đạo Bộ về quản lý, điều phối, tổ chức thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025⁴.

b) Ở địa phương:

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (*sau đây gọi tắt là Quyết định 263*), đến nay, 62/63 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương kiện toàn VPĐP NTM cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025 theo hướng kế thừa bộ máy đã được xây dựng giai đoạn 2016 - 2020. Riêng tỉnh Hậu Giang thành lập VPĐP các chương trình mục tiêu quốc gia để tham mưu giúp Ban Chỉ đạo tỉnh và UBND tỉnh quản lý, chỉ đạo và triển khai thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn.

5. Kết quả và tiến độ triển khai các Chương trình chuyên đề:

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt các chương trình chuyên đề hỗ trợ thực hiện xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025⁵, Bộ Nông nghiệp

⁴ Quyết định số 01/QĐ-BNN-TCCB ngày 02/01/2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

⁵ Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số **919/QĐ-TTg** ngày 01/8/2022 phê duyệt Chương trình Mỗi xã một sản phẩm - OCOP giai đoạn 2021-2025; số **922/QĐ-TTg** ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; số **923/QĐ-TTg** ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình KHCN phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; số **924/QĐ-TTg** ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025; số **925/QĐ-TTg** ngày

và PTNT đã chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện 05/06 chương trình chuyên đề⁶, 01 văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình chuyên đề (*do Bộ Nông nghiệp và PTN được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện*)⁷. Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 7032/QĐ-BCA-V05 ngày 23/9/2022 về Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025. Một số kết quả triển khai thực hiện cụ thể:

5.1. Chương trình Mỗi xã một sản phẩm:

Đã có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã xây dựng và ban hành Đề án/Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025. Chương trình OCOP tiếp tục được các địa phương triển khai đồng bộ, rộng khắp, trở thành một giải pháp được ưu tiên trong phát triển kinh tế nông thôn. Trên cơ sở bộ máy, tổ chức triển khai chương trình của giai đoạn 2018-2020, các tỉnh đã tiếp tục kế thừa và kiện toàn lại bộ máy quản lý, đến nay có 35 tỉnh, thành phố giao cho Chi cục Phát triển nông thôn, 28 tỉnh, thành phố giao cho Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh là cơ quan tổ chức quản lý, triển khai Chương trình. Tính đến tháng 4/2024, cả nước đã có 63/63 tỉnh, thành phố triển khai đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP, với kết quả cụ thể như sau:

- Đã có **12.075 sản phẩm OCOP** đạt 3 sao trở lên (*tăng 3.208 sản phẩm so với cuối năm 2022*), trong đó, 73,9% sản phẩm 3 sao, 24,7% sản phẩm 4 sao, 42 sản phẩm 5 sao, còn lại là tiềm năng 5 sao. ĐB sông Hồng dẫn đầu cả nước với 30,7% số lượng sản phẩm OCOP của cả nước, ĐB sông Cửu Long với 18,3%, tiếp đến là MN phía Bắc chiếm 16,8%, thấp nhất là vùng Đông Nam Bộ với 5,8%.

- Đã có **6.542 chủ thể OCOP**, trong đó có 32,5% là HTX, 22,0 % là doanh nghiệp, 40,3% là cơ sở sản xuất/hộ kinh doanh, còn lại là tổ hợp tác. Đặc biệt, đã có 2.642 hợp tác xã có sản phẩm OCOP, từng bước chuyển đổi hoạt động, thực hiện chức năng tiêu thụ sản phẩm, gắn với việc xây dựng sản phẩm có tiêu chuẩn, quy

02/8/2022 phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

⁶ Quyết định số 04/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 05/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 06/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 12/10/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 07/QĐ-BCĐTW-VPĐP ngày 17/10/2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương về ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 4454/QĐ-BNN-VPĐP ngày 15/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Kế hoạch triển khai Quyết định số 923/QĐ-TTg ngày 08/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025

⁷ Văn bản số 8050/BNN-VPĐP ngày 29/11/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc hướng dẫn thực hiện 04 chương trình chuyên đề được giao chủ trì theo phân công của Thủ tướng Chính phủ

chuẩn, bao bì, nhãn mác và thương hiệu của hợp tác xã, thay vì chỉ làm các dịch vụ đầu vào cho các thành viên.

Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã phối hợp tổ chức các hoạt động giới thiệu các sản phẩm OCOP tại các sự kiện (hội nghị, hội thảo): Hội nghị quốc tế về lương thực thực phẩm (23-28/4/2023); sự kiện kỷ niệm Ngày sách Việt Nam năm 2023; phối hợp với Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh tổ chức không gian triển lãm sản phẩm OCOP tại Hội nghị Nghị sĩ trẻ toàn cầu lần thứ 9 (*tổ chức tại Việt Nam*) và Diễn đàn Kinh tế - Xã hội Việt Nam năm 2023 với gần 40 chủ thể, 110 sản phẩm tiêu biểu tham gia; phối hợp với Trung tâm Xúc tiến thương mại nông nghiệp tổ chức không gian giới thiệu sản phẩm OCOP của vùng gắn với du lịch tại tỉnh Thừa Thiên Huế (ngày 29/9/2023 cho khu vực miền Trung), tại Lâm Đồng (ngày 03/11/2023 cho khu vực Tây Nguyên), tại Ninh Bình (ngày 13/11/2023 cho khu vực Đồng bằng sông Hồng); tổ chức không gian triển lãm sản phẩm OCOP tại Festival bảo tồn và phát triển làng nghề Việt Nam năm 2023 (từ 9-11/11/2023 tại Hà Nội); chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức Diễn đàn kết nối sản phẩm OCOP vùng Đồng bằng Sông Cửu Long năm 2023 tại tỉnh Cà Mau (ngày 10-13/12/2023); tổ chức không gian triển lãm sản phẩm OCOP tại Festival quốc tế ngành hàng lúa gạo Việt Nam (ngày 12-15/12/2023 tại Hậu Giang).

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã phê duyệt danh mục thí điểm thuộc Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025 (*Quyết định số 799/QĐ-BNN-VPĐP ngày 8/3/2023 và Quyết định số 1528/QĐ-BNN-VPĐP ngày 14/4/2023*) cho **31 mô hình** thuộc 3 nhóm: Mô hình thí điểm phát triển chuỗi giá trị sản phẩm OCOP gắn với vùng nguyên liệu địa phương, phát triển chế biến quy mô nhỏ và vừa (theo hướng kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ,...); Mô hình phát triển chuỗi sản phẩm OCOP xanh gắn với mục tiêu phát triển cộng đồng trong quản lý tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học; Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò tổ chức và quản lý cộng đồng. Bộ Nông nghiệp và PTNT đã có văn bản hướng dẫn các địa phương triển khai mô hình thí điểm (*Văn bản số 4541/BNN-VPĐP ngày 12/7/2023*). Hiện nay, các tỉnh đang chủ động xây dựng dự án/kế hoạch, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt để triển khai thực hiện mô hình. Theo báo cáo của các địa phương, đến nay đã có 12/31 mô hình⁸ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án/kế hoạch; 04 mô hình đã trình hồ sơ⁹; 15 mô hình đang hoàn thiện dự án/kế hoạch để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

5.2. Chương trình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn

Đến nay, đã có **58/63** tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã ban hành Đề án/Kế hoạch triển khai phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM theo

⁸ Thuộc các tỉnh: Thừa Thiên Huế, Đồng Tháp, Bắc Kạn, Kon Tum, Điện Biên, Ninh Thuận, Gia Lai, Nghệ An, Đắk Nông, Hà Tĩnh, Phú Yên, Quảng Bình.

⁹ Thanh Hóa, Yên Bái, Đắk Lắk, Đồng Tháp.

Quyết định 922/QĐ-TTg (một số địa phương đã ban hành đề án/kế hoạch về phát triển du lịch (trong đó có du lịch nông thôn) trước khi Chương trình du lịch nông thôn được phê duyệt, như: Hưng Yên, Lai Châu, Bình Định,... thì các tỉnh không ban hành kế hoạch/đề án riêng, nhưng cũng đã có các văn bản chỉ đạo đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt danh mục **20 mô hình** thí điểm (*Quyết định số 1386/QĐ-BNN-VPĐP ngày 06/4/2023; Quyết định số 2478/QĐ-BNN-VPĐP ngày 20/6/2023; Quyết định số 3996/QĐ-BNN-VPĐP ngày 28/9/2023*) tại 20 tỉnh, tập trung vào định hướng xây dựng được mô hình phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với sản xuất nông nghiệp, làng nghề, bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường, cảnh quan nông thôn. Tổng hợp báo cáo của các địa phương, có 05 tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch và bố trí ngân sách để triển khai mô hình¹⁰; 03 tỉnh¹¹ đang thẩm định đề trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và 12 tỉnh đang hoàn thiện rà soát, hoàn thiện kế hoạch/đề án.

5.3. Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng NTM

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất nhiệm vụ của các địa phương và cơ quan trung ương; thực hiện theo các quy định, trình tự, thủ tục triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và các quy định khác có liên quan, đến nay, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hoàn thành thủ tục trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nội dung, kinh phí của 08 nhiệm vụ KH-CN; 03 nhiệm vụ đang hoàn thiện thủ tục tổ chức các Hội đồng tư vấn tuyển chọn và Tổ thẩm định kinh phí; 31 nhiệm vụ đã hoàn thành tổ chức họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ, hiện đang trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt danh mục, làm cơ sở để tiến hành các thủ tục tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định.

Văn phòng Điều phối NTM của 30/63 tỉnh thành phố cũng đã phối hợp với các đơn vị có liên quan trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình KH-CN phục vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 để chủ động triển khai thực hiện tại địa phương.

5.4. Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh

Đến nay, đã có 61/63 tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình (*còn 02 tỉnh chưa ban hành là Bắc Ninh và Bình Định*), trong đó, xác định rõ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với Chương trình, làm cơ sở để tổ chức

¹⁰ Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Bình Định, Sóc Trăng, Cà Mau

¹¹ Yên Bái, Ninh Thuận, Đồng Tháp.

triển khai thực hiện tại các xã, huyện; phân công cho các sở, ngành, cơ quan, đơn vị và địa phương triển khai thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phê duyệt danh mục **15 mô hình** thí điểm (tại các Quyết định: Số 969/QĐ-BNN-VPĐP ngày 16/3/2023 và 1824/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2023).

Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã tham mưu, trình Lãnh đạo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành văn bản số 3445/BNN-VPĐP ngày 29/5/2023 hướng dẫn tạm thời về triển khai xây dựng mô hình thí điểm xã NTM, xã thương mại điện tử. Theo hướng dẫn của Bộ, đến nay đã có tỉnh Thừa Thiên - Huế ban hành Kế hoạch triển khai, thực hiện mô hình; các tỉnh còn lại đang trong quá trình xây dựng, hoàn thiện thuyết minh mô hình để trình cấp có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định.

5.5. Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM

Đến nay, đã có 52/63 tỉnh đã ban hành kế hoạch triển khai Chương trình Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn¹².

Trên cơ sở tổng hợp đề xuất của các địa phương, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu, trình Bộ phê duyệt 48 mô hình thí điểm (tại các Quyết định: Số 4165/QĐ-BNN-VPĐP ngày 10/10/2023; số 1796/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn); còn 14 mô hình thí điểm hiện nay chưa đủ điều kiện để được phê duyệt danh mục¹³. Có 07 địa phương đã có văn bản xin dừng không thực hiện (Thái Bình, Nam Định, Hà Tĩnh, Bình Định, Tây Ninh, Bến Tre, Tiền Giang). Theo báo cáo của các địa phương, có 29/48 mô hình các tỉnh đã giao đơn vị chủ trì thực hiện, giao kinh phí, tổ chức khảo sát thực tế địa điểm thực hiện và đang thẩm định các nội dung trước khi phê duyệt; 19 mô hình còn lại đều đang trong giai đoạn khảo sát thực tế để lập kế hoạch/dự án/thuyết minh đề cương chi tiết. Đến nay, cả 48 mô hình đã được Bộ phê duyệt danh mục, nhưng chưa có tỉnh nào phê duyệt kế hoạch/dự án/thuyết minh đề cương chi tiết thực hiện trên thực tế.

Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã xây dựng và gửi đến các địa phương Hướng dẫn tạm thời về thu gom, xử lý và quản lý nước thải sinh hoạt cho khu vực nông thôn (quy mô hộ gia đình và cụm dân cư). Ngoài ra, trong tháng 4/2024, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã tổ chức 02 lớp tập huấn trực tuyến về việc triển khai các tiêu chí về môi trường trong xây dựng NTM và kỹ

¹² Còn 11/63 tỉnh chưa ban hành kế hoạch: Cao Bằng, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp

¹³ Dự kiến thực hiện trên địa bàn các tỉnh: Kiên Giang, Cà Mau, Phú Yên, Ninh Thuận, Đắk Lắk, Gia Lai, Bình Phước, Vĩnh Long, Phú Thọ, Nam Định, Quảng Ngãi, Lạng Sơn

thuật, công nghệ về thu gom, xử lý và quản lý nước thải sinh hoạt cho khu vực nông thôn.

5.6. Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Quyết định số 926/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí an ninh, trật tự (ANTT) trong xây dựng NTM (NTM) giai đoạn 2021 - 2025 (gọi tắt là Chương trình), Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 7032/QĐ-BCA-V05 ngày 23/9/2022 về ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch số 71/KH-BCA-V05 ngày 23/02/2023 thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM năm 2023. Đồng thời chủ động rà soát, đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025 và nghiên cứu, ban hành văn bản hướng dẫn tiêu chí về ANTT trong xây dựng NTM; sửa đổi bổ sung các văn bản về xác định xã trọng điểm phức tạp về ANTT phù hợp với tình hình thực tiễn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ triển khai thực hiện Chương trình, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tham mưu, tổ chức triển khai thực hiện Chương trình¹⁴.

Công an các địa phương đã phối hợp với sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành các kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình, chủ động xây dựng kế hoạch công tác công an thực hiện Chương trình. Đến nay, đã có 63/63 Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025; 63/63 Công an địa phương có Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2023 theo Kế hoạch số 71/KH-BCA-V05. Ngoài ra Công an các tỉnh, thành phố còn ban hành các văn bản để chỉ đạo Công an các huyện, thị xã, thành phố về việc tập trung thực hiện tiêu chí ANTT trong xây dựng NTM năm 2023.

Các địa phương đã chủ động triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp kéo giảm tội phạm, thực hiện có hiệu quả các giải pháp đấu tranh phòng, chống liên quan đến hoạt động “tín dụng đen”, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản..., thường xuyên mở các đợt cao điểm tấn công, trấn áp tội phạm, tệ nạn xã hội trên phạm vi toàn tỉnh, thành phố nói chung và ở địa bàn nông thôn nói riêng.

¹⁴ Hướng dẫn số 06/HD-BCA-V05 ngày 29/3/2022 về thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu về an ninh, trật tự đối với xã NTM, xã NTM nâng cao, huyện NTM, huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; Hướng dẫn số 3371/BCA-V05 ngày 26/9/2022 về xác định xã không phức tạp về an ninh, trật tự trong xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025; Công văn số 590/V05-P3 ngày 18/4/2023 về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM.

6. Công tác tham mưu xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn ngân sách trung ương 5 năm và hàng năm

6.1. Công tác Kế hoạch tham mưu xây dựng kế hoạch và phân bổ vốn ngân sách trung ương 5 năm và hàng năm

a) Đối với kế hoạch vốn ngân sách trung ương 5 năm 2021-2025:

Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu trình cấp có thẩm quyền hoàn thành giao bổ sung 2.050 tỷ đồng Kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021 - 2025 (*tương đương 88,6 triệu USD*) để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn¹⁵; thông báo dự kiến mức vốn sự nghiệp nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình năm 2024 và 02 năm (2024 và 2025) cho các bộ, ngành trung ương và các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương¹⁶. Hoàn thành thông báo 100% vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương.

b) Đối với kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023:

Hoàn thành tham mưu, trình cấp có thẩm quyền giao dự toán ngân sách trung ương năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM cho các bộ, ngành trung ương và địa phương¹⁷ (*gồm: 7.000 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển và 2.210 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp*); giao bổ sung 1.025 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) còn lại năm 2023 cho 16 tỉnh để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn (*Quyết định số 1221/QĐ-TTg ngày 22/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ*). Hoàn thành giao 100% kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2023 cho các bộ, ngành trung ương và địa phương. Đồng thời, có văn bản số 1486/BNN-VPĐP ngày 13/3/2023 hướng dẫn triển khai vốn bổ sung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và kế hoạch vốn NSTW năm 2023 thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM;

c) Đối với kế hoạch vốn ngân sách trung ương năm 2024:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hoàn thành công tác tham mưu, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, giao 9.660,44 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương năm 2024 cho các địa phương để triển khai thực hiện Chương trình, bao gồm: 7.820 tỷ đồng vốn đầu tư phát triển (trong đó: vốn trong nước là 7.000 tỷ đồng, vốn nước ngoài là 820 tỷ đồng), 1.840,44 tỷ đồng vốn sự nghiệp.

¹⁵ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ

¹⁶ Văn bản số 7013/BNN-VPĐP ngày 29/9/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

¹⁷ Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022, Quyết định số 1513/QĐ-TTg ngày 03/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang hoàn thiện lại phương án phân bổ 369,56 tỷ đồng kinh phí sự nghiệp cho các bộ, ngành trung ương để gửi Bộ Tài chính tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Quốc hội quyết định.

6.2. Kết quả huy động nguồn lực thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2023 (lũy kế đến hết năm 2023):

Cả nước huy động được khoảng 2,55 triệu tỷ đồng đầu tư thực hiện Chương trình, trong đó, vốn ngân sách Nhà nước đã bố trí trực tiếp cho Chương trình khoảng 206.700 **tỷ đồng (8,1%)**, cụ thể: Vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ là **22.235 tỷ đồng (chiếm khoảng 1,0%)**, vốn đối ứng từ ngân sách địa phương đã bố trí thực hiện Chương trình khoảng 184.465 **tỷ đồng (chiếm 7,2%)**; lồng ghép từ các Chương trình, dự án khác: khoảng 142.478 tỷ đồng (*chiếm 5,6%*); tín dụng (Dự nợ cho vay trên địa bàn các xã trên toàn quốc đến hết năm 2023¹⁸): khoảng 1.983.970 tỷ đồng (*chiếm 77,9%*); doanh nghiệp: khoảng 112.174 tỷ đồng (*chiếm 4,4%*); Cộng đồng và người dân tự nguyện đóng góp: khoảng 100.632 tỷ đồng (*chiếm 3,9%*).

6.3. Kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2023 (bao gồm cả vốn năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023):

Theo số liệu tổng hợp của Bộ Tài chính, đến hết năm 2023, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công thực hiện Chương trình năm 2022 chuyển sang thực hiện năm 2023 đạt khoảng 98%; vốn đầu tư công năm 2023 đạt khoảng 76%. Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp (bao gồm cả nguồn vốn năm 2022 kéo dài sang thực hiện năm 2023) đạt khoảng 54%. Thực hiện Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội về giám sát chuyên đề “việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về Chương trình MTQG về xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 - 2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030”, các bộ, ngành trung ương và địa phương đang tiếp tục triển khai các nguồn vốn năm 2023 (bao gồm các nguồn vốn năm 2022 được chuyển sang năm 2023) trong năm 2024 theo quy định.

Tính đến tháng 4/2024, nguồn vốn đầu tư công các năm trước chuyển sang thực hiện năm 2024 đã giải ngân được 12%; Đối với nguồn vốn của năm 2024, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công đạt 22% kế hoạch; vốn sự nghiệp đạt 6,4% dự toán.

7. Công tác kiểm tra, giám sát

a) Ở cấp trung ương:

¹⁸ Theo số liệu do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cung cấp

- Thực hiện Chương trình công tác năm 2023 của Ban Chỉ đạo Trung ương và Kế hoạch kiểm tra giám sát của Tổ công tác Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã tham mưu, trình Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Kế hoạch kiểm tra, đánh giá tình hình triển khai, thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2023¹⁹; đồng thời tổ chức các Đoàn công tác đi kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các chương trình MTQG của một số địa phương theo địa bàn được phân công (*Khánh Hòa, Ninh Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông,...*) và tổ chức một số đoàn công tác đi kiểm tra tình hình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của một số địa phương (*Long An, Bình Phước, Thanh Hóa, Hà Giang, Thái Nguyên, Bắc Giang,...*); tham gia các Đoàn công tác của Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Lưu Quang, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương đi khảo sát, kiểm tra thực tế tại địa phương (*Bắc Kạn, Yên Bái, Bình Định, Gia Lai, Sóc Trăng, Bạc Liêu*) và tổ chức 05 Hội nghị trực tuyến với các địa phương thuộc 05 vùng (*Miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Duyên Hải Nam Trung Bộ, Tây Nguyên và Đồng bằng sông Cửu Long*); tham gia Tổ công tác (*do Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì*) đi đôn đốc, kiểm tra tình hình giải ngân kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia của các địa phương; phối hợp, tham gia các đoàn công tác của các thành viên Ban Chỉ đạo Trung ương, các bộ, ngành đi kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện các chương trình MTQG tại một số địa phương (*Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Hà Nam, Gia Lai, Lâm Đồng, Phú Yên, Bình Định, Tiền Giang, Bến Tre, Trà Vinh, Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Hậu Giang, Sóc Trăng,...*); thường xuyên cập nhật tiến độ, kết quả triển khai thực hiện Chương trình (*hàng tháng, hàng quý*); kịp thời hỗ trợ, giải đáp các vướng mắc của các địa phương trong quá trình triển khai Chương trình, đặc biệt là công tác phân bổ kế hoạch vốn ngân sách trung ương được giao. Ngoài ra, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã tổ chức một số đoàn khảo sát, làm việc thực tế về một số nội dung chuyên đề như việc triển khai thực hiện 04 đề án thí điểm huyện NTM kiểu mẫu tại Nam Định, Nghệ An, Đồng Nai và Lâm Đồng; việc phân đấu và hoàn thiện hồ sơ cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; triển khai thực hiện các chương trình chuyên đề... Các nội dung kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện Chương trình cũng được gắn với các Đoàn công tác đi khảo sát, thẩm định đơn vị cấp huyện đạt chuẩn NTM.

Trong các cuộc làm việc với các địa phương của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nội dung kiểm tra, giám sát, chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM là một trong những nội dung chính của các đợt công tác. Qua đó, đã kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc của các địa phương đang gặp phải để đôn đốc các bộ, ngành trung ương khẩn trương giải quyết và đề xuất giải pháp tháo

¹⁹ Quyết định số 2475/QĐ-BNN-VPĐP ngày 20/6/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT

gỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương đẩy nhanh tiến độ thực hiện; phát hiện được nhiều cách làm hay, mô hình hiệu quả, sáng tạo trong xây dựng NTM ở cơ sở, cũng như kịp thời chấn chỉnh những cách làm chưa đúng, chưa hiệu quả và có biểu hiện chạy theo thành tích của một số địa phương để đảm bảo thực hiện đúng định hướng chỉ đạo của Trung ương và các quy định của pháp luật.

b) Ở địa phương:

Công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình được các địa phương quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, những bất cập để tìm giải pháp tháo gỡ, cũng như phát hiện những gương điển hình, tiêu biểu, những cách làm hay để biểu dương và nhân rộng. Ngay từ đầu năm 2023, từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở (huyện, xã) đều xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát, đánh giá Chương trình. Đồng thời tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát trong Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hằng năm theo quy định.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ CỦA CHƯƠNG TRÌNH (Tính đến tháng 4/2024)

1. Kết quả đạt chuẩn NTM:

- Đến nay, cả nước có **khoảng 78%** số xã đạt chuẩn NTM (tăng 4,9% so với cuối năm 2022), trong đó, có 1.860 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (tăng 902 xã so với cuối năm 2022) và 340 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (tăng 229 xã so với cuối năm 2022); bình quân cả nước đạt 17,1 tiêu chí/xã.

- Có **283 đơn vị** cấp huyện thuộc 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn NTM (tăng 28 đơn vị so với cuối năm 2022, chiếm 43,9% tổng số đơn vị cấp huyện của cả nước), trong đó, đã có **03 huyện** được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao²⁰.

- **22 tỉnh**, thành phố trực thuộc Trung ương²¹ có 100% số xã đạt chuẩn NTM (tăng 04 tỉnh so với cuối năm 2022). Trong tổng số **15 tỉnh, thành phố**²² có 100% số xã đạt chuẩn NTM và 100% đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ NTM, có 05 tỉnh (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

²⁰ Huyện Đàm Hà và Tiên Yên, tỉnh Quảng Ninh; huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

²¹ Hà Nội, Hải Phòng, Hưng Yên, Vĩnh Phúc, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Quảng Ninh, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Dương, Đồng Nai, Cần Thơ, Bạc Liêu, Trà Vinh, Hà Tĩnh, Tiền Giang, Đồng Tháp

²² Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Hà Nam, Nam Định, Thái Bình, Ninh Bình, Đà Nẵng, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Cần Thơ, Trà Vinh

Bên cạnh nỗ lực, quyết tâm để hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao, các địa phương đã tập trung chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện các chương trình chuyên đề được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm giải quyết những vấn đề cấp thiết ở cơ sở, tiếp tục nâng cao chất lượng xây dựng NTM đi vào chiều sâu và bền vững, điển hình như: Xây dựng NTM kiểu mẫu gắn với bảo vệ môi trường và cải tạo cảnh quan nông thôn (*Nam Định, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Tiền Giang*); thúc đẩy chuyển đổi số, xây dựng NTM thông minh (*Hà Tĩnh, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Đồng Nai, Bình Dương*), phát triển sản phẩm OCOP thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn và phát huy các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống (*Bắc Giang, Nam Định, Hà Nội, Thanh Hóa, Nghệ An, Kon Tum, Đồng Tháp...*), phát triển du lịch nông thôn (*Hà Giang, Sơn La, Quảng Nam, Lâm Đồng, Cần Thơ, An Giang*); phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (*Hà Nội, Lâm Đồng, Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai*), xây dựng NTM gắn với đô thị hóa (*Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu*)...

2. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM giai đoạn 2021-2025

a) Về quy hoạch: Có 7.589 xã hoàn thành tiêu chí về Quy hoạch, đạt 92,8% (*giảm 0,8% so với cuối năm 2022*).

b) Về hạ tầng kinh tế - xã hội:

- 6.916 xã (84,6%) đạt tiêu chí Giao thông (*tăng 2,9% so với cuối năm 2022*);
- 7.990 xã (97,7%) đạt tiêu chí Thủy lợi và phòng, chống thiên tai (*tăng 1,0% so với cuối năm 2022*);
- 7.813 xã (95,6%) đạt tiêu chí Điện (*tăng 0,5% so với cuối năm 2022*);
- 6.998 xã (85,6%) đạt tiêu chí Trường học (*tăng 3,5% so với cuối năm 2022*);
- 6.807 xã (83,3%) đạt tiêu chí Cơ sở vật chất văn hóa (*tăng 1,6% so với cuối năm 2022*);
- 7.867 xã (96,2%) đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn (*tăng 0,9% so với cuối năm 2022*);
- 7.720 xã (94,4%) đạt tiêu chí Thông tin và Truyền thông (*tăng 1,2% so với cuối năm 2022*);

- 7.086 xã (86,7%) đạt tiêu chí về Nhà ở dân cư (*tăng 1,7% với cuối năm 2022*);

c) Về kinh tế và tổ chức sản xuất:

- 6.497 xã (79,5%) đạt tiêu chí về Thu nhập (*tăng 1,4% so với cuối năm 2022*);
- 6.458 xã (79,0%) đạt tiêu chí về tỷ lệ nghèo đa chiều (*giảm 0,6% so với cuối năm 2022*);
- 7.439 xã (91%) đạt tiêu chí về Lao động (*giảm 2,0% so với cuối năm 2022*);

- 6.859 xã (83,9%) đạt tiêu chí Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (*giảm 0,7% so với cuối năm 2022*).

d) Về văn hóa - xã hội - môi trường:

- 7.869 xã (96,3%) đạt tiêu chí Giáo dục và Đào tạo (*tăng 1,7% so với cuối năm 2022*);

- 7.252 xã (88,7%) đạt tiêu chí về Y tế (*giảm 1,3% so với cuối năm 2022*);

- 7.687 xã (94%) đạt tiêu chí về Văn hóa (*tăng 2,1% so với cuối năm 2022*);

- 6.512 xã (79,7%) đạt tiêu chí về Môi trường và An toàn thực phẩm (*tăng 1,2% so với cuối năm 2022*).

đ) Về hệ thống chính trị:

- 7.549 xã (92,3%) đạt tiêu chí về Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật (*tăng 1,1% so với cuối năm 2022*);

- 7.691 xã (94,1%) đạt tiêu chí về Quốc phòng và An ninh (*giảm 1,3% so với cuối năm 2022*).

III. MỘT SỐ HẠN CHẾ, KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC TRONG TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

1. Trong năm 2023, cơ chế chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 của Trung ương sau khi ban hành đã bộc lộ một số bất cập, gây khó khăn, vướng mắc cho các địa phương trong triển khai thực hiện (*Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; quy định về quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình;...*). Đến tháng 8/2023 mới cơ bản được khắc phục, tháo gỡ. Một số địa phương chậm cụ thể hóa các tiêu chí NTM theo phân cấp.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Chính phủ, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tổng hợp đầy đủ các khó khăn, vướng mắc của các địa phương để tham mưu, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định sửa đổi, bổ sung một số cơ chế, chính sách cho phù hợp hơn với điều kiện thực tế và đặc thù của các vùng miền²³. Như vậy, đến tháng 4/2024, hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn, điều chỉnh thực hiện Chương trình đã được ban hành đầy đủ, đồng bộ, tạo điều kiện thuận lợi cho các địa phương triển khai thực hiện phù hợp hơn trên thực tiễn.

2. Tiến độ triển khai các chương trình chuyên đề rất chậm. Đến nay vẫn còn **02 tỉnh** chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây

²³ Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP của Chính phủ; các Quyết định: số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, số 03/2024/QĐ-TTg ngày 07/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 55/2023/TT-BTC của Bộ Tài chính; Thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và PTNT...

dựng NTM, hướng tới NTM thông minh (*Bắc Ninh, Bình Định*); **11 tỉnh** chưa ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn (*gồm: Cao Bằng, Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Bắc Ninh, Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp*); **19/31 tỉnh** chưa phê duyệt Kế hoạch/dự án triển khai mô hình thí điểm của Chương trình OCOP; **15/20 tỉnh** chưa phê duyệt Kế hoạch/dự án triển khai mô hình thí điểm của Chương trình phát triển du lịch nông thôn; **chưa có địa phương** phê duyệt dự án/mô hình thí điểm của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn; mới có **01/15 tỉnh** (*Thừa Thiên Huế*) phê duyệt Kế hoạch triển khai mô hình thí điểm của Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh.

3. Một số địa phương còn chưa chủ động thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; công tác lập kế hoạch hàng năm còn chưa phù hợp với tình hình thực tế dẫn tới, trong quá trình thực hiện phải trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi nhiều lần, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn được giao, nhất là kinh phí sự nghiệp.

4. Những địa phương phần đầu đạt chuẩn NTM (huyện, xã) ở giai đoạn này hầu hết thuộc địa bàn khó khăn. Tuy nhiên, giai đoạn đầu thực hiện Chương trình, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên nhiều tỉnh, thành phố gặp nhiều khó khăn trong phát triển kinh tế, dẫn đến khó cân đối, bố trí vốn từ ngân sách địa phương các cấp để thực hiện xây dựng NTM; khả năng huy động nguồn lực ngoài ngân sách rất hạn chế. Trong khi đó, nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ trực tiếp cho Chương trình giai đoạn 2021-2025 giảm gần 40% so với giai đoạn 2016-2020, chỉ đáp ứng được 35% so với nhu cầu đề xuất của các địa phương, nguồn vốn ngân sách trung ương phân bổ cho các địa phương phải đảm bảo không chồng chéo, trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung của 03 chương trình mục tiêu quốc gia theo yêu cầu của Quốc hội. Do đó, hiện nay, các địa phương cũng gặp nhiều khó khăn để bố trí nguồn lực thực hiện các mục tiêu xây dựng NTM được giao. Đến nay, mới có **122/1.458 xã khu vực III²⁴** vùng DTTS và MN; **04/54 xã ĐBKK** vùng bãi ngang ven biển và hải đảo được công nhận đạt chuẩn NTM.

5. Kết quả đạt chuẩn xã NTM của một số vùng vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn, điển hình như (*Đồng bằng sông Hồng: 100%, Đông Nam Bộ: 92,9% trong khi đó Miền núi phía Bắc mới đạt 50,3%, Tây Nguyên 59,9%*); vẫn còn 04 tỉnh²⁵ thuộc khu vực Miền núi phía Bắc, có tỷ lệ xã đạt chuẩn NTM dưới 30%, còn 05 tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM²⁶. Đặc biệt, đến nay vẫn còn **16 huyện nghèo** thuộc 12 tỉnh “trắng

²⁴ Không bao gồm phường, thị trấn

²⁵ Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Điện Biên.

²⁶ Gồm: Cao Bằng, Điện Biên, Quảng Bình, Khánh Hòa, Kon Tum.

xã NTM”²⁷. Có **05 tỉnh** vẫn chưa có đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM²⁸, trong khi mục tiêu của Chương trình trong giai đoạn 2021-2025 phấn đấu mỗi đơn vị cấp tỉnh có ít nhất 02 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Còn khoảng **1.548 xã** đạt dưới 15 tiêu chí, hầu hết tập trung ở vùng DTTS và miền núi (1.208 xã).

6. Phong trào xây dựng NTM ở một số địa phương có dấu hiệu chững lại, thỏa mãn với kết quả đã đạt chuẩn; công tác tuyên truyền có nơi, có lúc chưa đáp ứng yêu cầu; chưa phát huy được tính chủ động, tự giác trong xây dựng NTM; một số địa phương chưa chú trọng nhiều đến công tác duy trì bền vững kết quả và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM sau đạt chuẩn, nhất là tiêu chí môi trường, thu nhập, an ninh trật tự xã hội... Chất lượng các công trình cơ sở hạ tầng, nhất là đường giao thông nông thôn, sau khi đạt chuẩn ở một số địa phương đã có dấu hiệu xuống cấp do chưa được quan tâm, duy tu bảo dưỡng thường xuyên.

7. Sự vào cuộc của cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội ở một số địa phương chưa thực sự quyết liệt; chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm nên phần nào đã ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện các nội dung, tiêu chí của Chương trình; năng lực của cán bộ cơ sở (huyện, xã) còn hạn chế, nhất là ở địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, nên cũng ảnh hưởng rất lớn đến tiến độ triển khai thực hiện Chương trình, nhất là trong hoàn thiện thủ tục phê duyệt dự toán, thủ tục nghiệm thu, thanh quyết toán công trình, dự án.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM THỰC HIỆN TRONG NĂM 2024

I. DỰ KIẾN MỤC TIÊU PHÂN ĐẤU THỰC HIỆN NĂM 2024

Phân đấu năm 2024, cả nước có khoảng 80% xã đạt chuẩn NTM, trong đó, có khoảng 32% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao và NTM kiểu mẫu; có ít nhất 290 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; khoảng 11.500 sản phẩm được chuẩn hóa theo bộ tiêu chí sản phẩm OCOP.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

Thời gian còn lại của giai đoạn 2021-2025 không nhiều, trong khi khối lượng các mục tiêu, nhiệm vụ cần nỗ lực phấn đấu hoàn thành là rất lớn. Do đó, ngay trong năm 2024, đề nghị Văn phòng Điều phối NTM các cấp cần tham mưu cho

²⁷ Gồm: Huyện Bảo Lâm, huyện Nguyên Bình (tỉnh Cao Bằng); huyện Mù Căng Chải (tỉnh Yên Bái); huyện Pắc Nặm (tỉnh Bắc Kạn); huyện Tủa Chùa, huyện Tuần Giáo, huyện Điện Biên Đông, huyện Mường Chà (tỉnh Điện Biên); huyện Mường Lát (tỉnh Thanh Hóa); huyện Quế Phong (tỉnh Nghệ An); huyện Nam Giang (tỉnh Quảng Nam); huyện Sơn Tây (tỉnh Quảng Ngãi); huyện Khánh Sơn (tỉnh Khánh Hòa); huyện Bắc Ái (tỉnh Ninh Thuận); huyện Tuy Đức (tỉnh Đắk Nông); huyện Tu Mơ Rông (tỉnh Kon Tum).

²⁸ Gồm các tỉnh: Điện Biên, Cao Bằng, Quảng Bình, Khánh Hoà và Kom Tum.

Ban Chỉ đạo quan tâm, đẩy mạnh hơn nữa công tác chỉ đạo, đôn đốc các địa phương (tỉnh, huyện, xã) tập trung triển khai hiệu quả các giải pháp của Chương trình đề nỗ lực, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ được giao. Trong đó, cần tập trung vào một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo, triển khai hiệu quả Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình giai đoạn 2021-2025 và các văn bản chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương. Đặc biệt cần tập trung giải quyết, khắc phục những hạn chế, bất cập trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2023 đã được nêu trong Nghị quyết số 108/2023/QH15 ngày 29/11/2023 của Quốc hội và kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước.

2. Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí đối với các đơn vị cấp huyện đã được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM. Đối với các địa phương (cấp huyện, xã) chưa đạt chuẩn cần tập trung rà soát, đánh giá thực trạng và xác định rõ lộ trình, khả năng thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024 và 5 năm (2021-2025) đã được giao (*bao gồm cả các mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình chuyên đề*), làm cơ sở đề tập trung chỉ đạo và bố trí nguồn lực thực hiện.

3. Đẩy mạnh hơn nữa công tác truyền thông nhằm thống nhất nhận thức, thay đổi tư duy cho cán bộ và người dân về thực hiện xây dựng NTM gắn với xây dựng “*Nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh*”, dám nghĩ, dám làm và sáng tạo trong triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình, đặc biệt là thực hiện phát triển kinh tế nông thôn theo hướng chuyển từ đơn giá trị sang đa giá trị; thực hiện các nội dung, hoạt động về bảo vệ môi trường, chuyển đổi số, an ninh trật tự... để nâng cao chất lượng phong trào thi đua xây dựng NTM, góp phần xây dựng nông thôn mới hiệu quả hơn, bền vững hơn, tạo sự lan tỏa rộng lớn trong cả hệ thống chính trị và mọi tầng lớp nhân dân; tập trung phát hiện và bồi dưỡng những gương điển hình trong xây dựng nông thôn mới để đề xuất khen thưởng trong phong trào “*Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới*” giai đoạn 2021-2025.

4. Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế để đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả Chương trình. Khẩn trương hoàn thành ban hành các văn bản hướng dẫn, cụ thể hóa các tiêu chí, chỉ tiêu NTM theo phân công, phân cấp tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024, Quyết định số 03/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản quy định khác có liên quan. Nghiên cứu, đề xuất các nội dung có liên quan, chuẩn bị cho việc đề xuất Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

5. Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở về phát triển kinh tế nông nghiệp, bảo vệ môi trường, chuyển đổi số trong xây dựng NTM, phát triển du lịch nông thôn, phát triển sản phẩm OCOP gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế, bảo tồn các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc...

6. Nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả công tác phối hợp giữa các bộ, ngành trung ương và với địa phương trong công tác tham mưu cho Ban Chỉ đạo Trung ương, Tổ công tác trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, triển khai thực hiện Chương trình; công tác phối hợp trong chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn thực hiện các nội dung, tiêu chí của Chương trình giữa các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh với các huyện, xã, đặc biệt ở các tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện được công nhận NTM và các huyện còn trắng xã NTM...

7. Tiếp tục triển khai hiệu quả 11 nội dung của Chương trình; 06 chương trình chuyên đề trọng tâm, nhất là các mô hình chỉ đạo điểm của trung ương, nhằm nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn; giải quyết các vấn đề bức xúc, tồn tại trong xây dựng NTM...

8. Tiếp tục triển khai các giải pháp huy động tối đa các nguồn lực thực hiện Chương trình. Quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước được giao đảm bảo hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật. Quyết tâm giải ngân 100% vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia theo Kế hoạch được giao (*bao gồm các nguồn vốn từ các năm trước chuyển sang thực hiện trong năm 2024*); đối với các địa phương đặc biệt khó khăn, nhất là các xã vùng DTTS và miền núi, cần ưu tiên nguồn lực được bố trí vốn của 02 chương trình mục tiêu còn lại để tập trung đầu tư, hỗ trợ thực hiện theo các tiêu chí NTM, phấn đấu đến 2025 không còn xã dưới 15 tiêu chí và khuyến khích đạt chuẩn NTM. Tăng cường các hoạt động vận động các nhà tài trợ quốc tế, các Tổ chức phi chính phủ hỗ trợ nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm thực hiện các nội dung liên quan đến những vấn đề cấp thiết của Chương trình.

9. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Phối hợp chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị, xã hội các cấp trong công tác giám sát, phản biện xã hội, lắng ý kiến về sự hài lòng của người dân đối với kết quả thực hiện Chương trình. Kịp thời khen thưởng những tổ chức, cá nhân làm tốt, đồng thời có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình./.

**VĂN PHÒNG ĐIỀU PHỐI
NÔNG THÔN MỚI TRUNG ƯƠNG**



BÁO CÁO

CỦA CÁC BỘ, NGÀNH TRUNG ƯƠNG

Một số kết quả trong công tác chỉ đạo điều hành, triển khai thực hiện các hoạt động về bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới, thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2021-2025

Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường - Bộ Tài nguyên và Môi trường

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021 – 2025, với trách nhiệm là cơ quan tham mưu cho Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường (BVMT), ứng phó với biến đổi khí hậu, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tập trung xây dựng, hoàn thiện khung chính sách pháp luật về bảo vệ môi trường nói chung và BVMT nông thôn nói riêng, đặc biệt là hệ thống chính sách pháp luật về quản lý chất thải rắn, quản lý chất lượng các thành phần môi trường, quản lý các nguồn có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nông thôn, nhằm triển khai thực hiện hiệu quả các định hướng chỉ đạo lớn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ.

Báo cáo này xin tóm tắt một số kết quả đạt được (đến hết tháng 3/2024), những khó khăn vướng mắc và đề xuất giải pháp về BVMT trong xây dựng nông thôn mới (NTM) giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể như sau:

1. Công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ Tài nguyên và Môi trường trong xây dựng nông thôn mới

a) Triển khai thực hiện các định hướng lớn của Đảng, Quốc hội, Chính phủ về việc nâng cao vai trò, trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII của Đảng về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 đã chỉ đạo: *“Chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai, dịch bệnh, quản lý, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên; lấy BVMT sống và sức khỏe nhân dân làm mục tiêu hàng đầu; kiên quyết loại bỏ những dự án gây ô nhiễm môi trường, bảo đảm chất lượng môi trường sống, bảo vệ đa dạng sinh học và hệ sinh thái; xây dựng nền kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, thân thiện với môi trường”*.

Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” đã khẳng định quan điểm: *“Bảo đảm phát triển hài hoà giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hoá theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”*. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp

hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết số 25/2001/QH15 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Nghị quyết 26/NQ-CP ngày 27/2/2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch thực hiện nội dung bảo vệ môi trường nhằm triển khai Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường²⁹

Đồng thời, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ động xây dựng Kế hoạch lồng ghép triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Nghị quyết 26/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW, song song với việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương về môi trường và biến đổi khí hậu³⁰.

Có thể nói Nghị quyết số 19-NQ/TW của Đảng đã định hướng cho công tác BVMT trong giai đoạn tới tiếp tục được quan tâm và chú trọng thực hiện, trong đó lấy chất lượng môi trường nông thôn là nền tảng, là mục tiêu để bảo vệ (nhằm duy trì điều kiện sống cho người dân nông thôn, bảo đảm an ninh lương thực) trên cơ sở điều tiết các hoạt động dân sinh, kinh tế có tác động đến chất lượng môi trường nông thôn thông qua công tác kiểm kê, thống kê, theo dõi và quản lý bằng các công cụ phù hợp (như quy hoạch vùng sản xuất tập trung và đầu tư hạ tầng phù hợp; thực hành sản xuất sạch và an toàn; tận thu quay vòng tái sử dụng các sản phẩm phụ, chất thải...); các khu vực có nguy cơ bị ô nhiễm (đặc biệt là các nguồn nước) được theo dõi, ngăn chặn ô nhiễm, cải thiện và phục hồi chất lượng môi trường.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các văn bản chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (cụ thể như Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 07/5/2018 phê duyệt điều chỉnh Chiến lược quốc gia về quản lý tổng hợp chất thải rắn đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2020 phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, ...).

²⁹ Ban hành tại Quyết định số 1649/QĐ-BTNMT ngày 26/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

³⁰ Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của BCH Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

b) Tổ chức xây dựng và triển khai thực hiện những quy định của Luật Bảo vệ môi trường liên quan trực tiếp đến công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

Các chính sách về quản lý chất lượng môi trường, nhất là chính sách về BVMT nông thôn đã được đưa vào Luật BVMT 2020, trong đó, lấy chất lượng môi trường nông thôn là nền tảng, là mục tiêu để bảo vệ, trong đó bao gồm các quy định cụ thể như sau:

- Xác định quản lý chất thải rắn sinh hoạt là hoạt động có tính then chốt trong công tác BVMT giai đoạn hiện nay, đặc biệt đối với khu vực nông thôn, nơi có 65% tổng dân số Việt Nam sinh sống, nơi được lựa chọn và quy hoạch các khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt tập trung, thời gian qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tập trung nguồn lực triển khai hướng dẫn Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường về quản lý chất thải rắn, trong đó đã quy định: (1) Nội dung về yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (2) Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (3) Tiêu chí về công nghệ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (4) Giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (5) Hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo khối lượng hoặc thể tích chất thải; (6) Phương pháp định giá dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý chất thải rắn sinh hoạt; (7) Đóng bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi kết thúc hoạt động. Ngoài ra, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02/11/2023 hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

- Về quản lý chất lượng các thành phần môi trường:

+ Vấn đề ô nhiễm nguồn nước, tập trung vào các lưu vực sông lớn, có vai trò quan trọng với phát triển kinh tế, xã hội và BVMT: Trong thời gian qua, Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 1068/BTNMT-KSONMT ngày 24/02/2023 hướng dẫn kỹ thuật về lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của Luật BVMT và tổ chức phổ biến, hướng dẫn cho các địa phương; thực hiện đánh giá sức chịu tải của môi trường nước mặt và xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng nước đối với 14 LVS liên tỉnh. Bộ TN&MT đã tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về BVMT các LVS; xây dựng dự thảo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường, kiểm soát, xử lý ô nhiễm môi trường nước lưu vực sông, đặc biệt là các sông chảy qua các đô thị, thành phố lớn như hiện nay; triển khai Kế hoạch xử lý ô nhiễm nguồn nước hệ thống thủy lợi Bắc Hưng Hải; tổ chức đoàn kiểm tra chấp hành pháp luật về

BVMT đối với các cơ sở xả thải vào hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải; tổ chức đoàn công tác kiểm tra, khảo sát thực tế và làm việc với các tỉnh, thành phố về đánh giá thực trạng ô nhiễm, tình hình quản lý, xử lý các nguồn thải gây ô nhiễm nguồn nước hệ thống công trình thủy lợi Bắc Hưng Hải...

+ Ngoài ra, để từng bước khắc phục các vấn đề “nóng” về ô nhiễm môi trường từ hoạt động sản xuất tại các làng nghề, quản lý chất lượng môi trường đất, Bộ TN&MT đã tập trung triển khai thực hiện một số nội dung về điều tra, đánh giá các khu vực đất bị ô nhiễm nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cần đầu tư nguồn lực xử lý;

+ Xác định danh mục các làng nghề bị ô nhiễm cần được xử lý³¹ và bổ sung quy định chặt chẽ, nghiêm ngặt hơn đối với các nhóm đối tượng “làng nghề” và các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tại khu vực nông thôn “gây ô nhiễm môi trường kéo dài”.

- Về BVMT nông thôn (Điều 58), là điểm mới hoàn toàn so với Luật 2014, trong đó quy định các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có hoạt động sản xuất tuân thủ các quy định của pháp luật về BVMT; cảnh quan, cây xanh, ao hồ, hệ sinh thái nước mặt, các nguồn nước phải được giữ gìn, bảo vệ, phục hồi và cải tạo; chất lượng môi trường nông thôn phải được theo dõi, đánh giá; các khu vực ô nhiễm phải được xác định, khoanh vùng, xử lý, cải tạo, phục hồi môi trường.

- Về quản lý nước thải sinh hoạt, quy định đối với khu dân cư tập trung, phân tán và hộ gia đình phải thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt, quy định trách nhiệm của các bên hướng dẫn về công nghệ, kỹ thuật xử lý nước thải. Bên cạnh đó, Luật (và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn đã đưa ra những quy định mới về “xử lý nước thải tại chỗ”:

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về BVMT trước khi thải vào nguồn tiếp nhận. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách theo lộ trình hỗ trợ thu gom, xử lý tại chỗ nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình tại các khu dân cư không tập trung (Điều 86).

+ Cụm dân cư nông thôn có hệ thống thoát nước và biện pháp xử lý nước thải phù hợp; UBND cấp huyện đầu tư nâng cấp hệ thống thoát nước và xử lý nước thải khu vực nông thôn (Điều 58).

+ UBND cấp tỉnh: bố trí nguồn lực, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư hệ thống thu gom, xử lý (Điều 86).

+ Bộ TNMT hướng dẫn công nghệ, kỹ thuật **xử lý nước thải tại chỗ**; Bộ Xây dựng hướng dẫn công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước (Điều 86).

³¹ Tại Quyết định số 577/QĐ-TTg ngày 11/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tổng thể bảo vệ môi trường làng nghề đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030.

- Về BVMT làng nghề (Điều 57), quy định làng nghề phải có phương án BVMT, có tổ chức tự quản về BVMT và hạ tầng BVMT; Cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải xây dựng và thực hiện biện pháp BVMT theo quy định của pháp luật; thực hiện biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, ánh sáng, bụi, bức xạ nhiệt, khí thải, nước thải và xử lý ô nhiễm tại chỗ; thu gom, phân loại, lưu giữ, xử lý chất thải rắn theo quy định của pháp luật.

- Về BVMT trong sản xuất nông nghiệp (Điều 61), quy định các sản phẩm thải bỏ từ quá trình sản xuất nông nghiệp (bao bì thuốc BVTV, bao bì phân bón, bùn thải từ nuôi trồng thủy sản,...) phải được thu gom, xử lý theo quy định về quản lý chất thải; Phụ phẩm nông nghiệp phải được thu gom để sản xuất ra sản phẩm hàng hóa, sử dụng làm nguyên liệu, nhiên liệu, sản xuất phân bón, sản xuất năng lượng hoặc phải được xử lý theo quy định; không đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng gây ô nhiễm môi trường.

c) Những chính sách, pháp luật về BVMT trong xây dựng NTM đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường tổ chức triển khai thực hiện; trực tiếp xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện

Để triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao; đồng thời chủ trì xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật về BVMT trong xây dựng NTM, cụ thể như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư của Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025; nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ³² và Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG³³ giai đoạn 2021-2025 giao, đến nay, hệ thống cơ chế, chính sách và văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của Trung ương đã được ban hành tương đối đầy đủ, tạo cơ sở pháp lý để chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện các nội dung về môi trường thuộc Chương trình (các nội dung được giao về Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn)³⁴.

³² Quyết định số 1689/QĐ-TTg ngày 11/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28/7/2021 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

³³ Quyết định số 35/QĐ-BCĐCTMTQG ngày 25/3/2022 của Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về Ban hành Chương trình công tác năm 2022 của Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025.

³⁴ Với vai trò là cơ quan đầu mối hướng dẫn thực hiện một số chỉ tiêu thuộc tiêu chí môi trường và chất lượng môi trường sống, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ, ngành có liên quan để xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt 05 Quyết định về tiêu chí/quy định địa phương đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025, gồm:

- Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao giai đoạn 2021-2025.
- Quyết định số 319/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã NTM kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025.

Về phía Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chủ động ban hành các văn bản, hướng dẫn, cụ thể như sau:

- Công văn số 3659/BTNMT-TCMT ngày 28/6/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn một số nội dung thành phần Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ TN&MT.

- Công văn số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về NTM các cấp giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ.

- Công văn số 10570/BTNMT-TCMT ngày 14/12/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc đẩy mạnh thực hiện nội dung thuộc trách nhiệm của ngành Tài nguyên và Môi trường trong Chương trình tăng cường BVMT, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (trong đó đã đề cập đầy đủ, chi tiết các mục tiêu và nhiệm vụ về bảo vệ môi trường được đề cập đến tại các Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/2/2022 của Thủ tướng Chính phủ³⁵ và Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ³⁶).

Vừa qua, Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM, Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021 - 2025; bổ sung tiêu chí huyện NTM đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021 – 2025.

Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rất chủ động, khẩn trương xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn Công văn số 2251/BTNMT-KSONMT ngày 09/4/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc hợp nhất hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí NTM và Bộ tiêu chí NTM nâng cao cấp xã, huyện và các tiêu chí huyện NTM đặc thù giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường (thay thế Công văn số 2155/BTNMT-TCMT ngày 27/4/2022 nêu trên).

Để hướng dẫn thực hiện Điều 58 của Luật Bảo vệ môi trường về bảo vệ môi trường nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số

- Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao giai đoạn 2021- 2025.

- Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025.

³⁵ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

³⁶ Phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

5054/BTNMT-TCMT ngày 26/8/2022 hướng dẫn triển khai công tác bảo vệ môi trường nông thôn.

2. Những kết quả đạt được trong công tác BVMT nông thôn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Tài nguyên và Môi trường

2.1. Kết quả đạt được trong phạm vi chức trách nhiệm vụ được giao của Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Kết quả bước đầu thực hiện nhiệm vụ *“Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới”*

- Thực thi trách nhiệm theo phân công của Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia³⁷; và trách nhiệm giám sát, đánh giá kết quả thực hiện nội dung Chương trình tại các địa phương theo phân công của Tổ công tác, Ban Chỉ đạo³⁸, ngoài trách nhiệm chung theo sự phân công của Tổ công tác, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm *“chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức thực hiện nội dung, tiêu chí về bảo vệ môi trường nông thôn theo quy định của pháp luật”*³⁹; kiểm tra, chỉ đạo công tác xây dựng NTM trên địa bàn 02 tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi. Bộ Tài nguyên và Môi trường đã lên kế hoạch triển khai các Đoàn công tác tới làm việc với các địa phương⁴⁰ để đánh giá kết quả thực hiện nội dung thành phần về môi trường; hướng dẫn thực hiện tiêu chí môi trường, chất lượng môi trường sống trong xây dựng NTM nói chung; tiêu chí môi trường, chất lượng môi trường sống trong xây dựng NTM nâng cao, tiếp nhận và giải đáp những bất cập, tồn tại, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đánh giá kết quả thực hiện về chỉ tiêu, tiêu chí môi trường, chất lượng môi trường sống; đề xuất các giải pháp đẩy mạnh hiệu quả thực hiện trên địa bàn một số tỉnh. Đây cũng là một căn cứ thực tiễn để Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng hướng dẫn thực hiện nhằm giúp các địa phương triển khai có hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ *“Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh”*

³⁷ Quyết định số 1945/QĐ-TTg ngày 18/11/2021 về việc thành lập Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình Mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

³⁸ Theo Quyết định số 1629/QĐ-BNN-TCCB ngày 09/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc thành lập Tổ công tác về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

³⁹ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22/9/2022 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường

⁴⁰ Như: Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Nam Định, Ninh Bình, Quảng Ninh, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bến Tre, Trà Vinh, An Giang

- Nhiệm vụ đã Xây dựng “Hướng dẫn xây dựng Đề án/kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn cấp huyện”; Áp dụng thí điểm xây dựng Đề án/Kế hoạch cho một hoặc một số huyện làm cơ sở triển khai thực hiện và hoàn thiện Hướng dẫn;

- Xây dựng, hoàn thiện các Hướng dẫn kỹ thuật cần thiết và phổ biến để thực hiện các nội dung của Đề án/Kế hoạch (hướng dẫn phân loại, tận thu, tái chế, tái sử dụng, vận chuyển, quản lý an toàn các loại chất thải khác nhau phát sinh tại khu vực nông thôn);

- Hỗ trợ thực hiện Đề án/Kế hoạch (sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt); xây dựng, đề xuất các nội dung, biện pháp, giải pháp (bao gồm thí điểm các giải pháp công trình và phi công trình) nhằm thực hiện hiệu quả Đề án/Kế hoạch; thí điểm các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh (bao gồm nhiều loại nguồn khác nhau, từ hộ gia đình, cụm dân cư, vùng sản xuất, khu vực có hoạt động phát sinh chất thải); xây dựng, hỗ trợ thực hiện và chứng minh hiệu quả (kinh tế, xã hội, môi trường) đối với các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn phát sinh để nhân rộng trong giai đoạn từ nay đến năm 2025

c) Kết quả thực hiện nhiệm vụ *“Tiếp tục tăng cường nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM các cấp, đặc biệt cán bộ cơ sở”*

Nhiệm vụ đã xác định mục tiêu “Xây dựng nội dung và triển khai thực hiện các hoạt động nâng cao nhận thức, kiến thức, trình độ chuyên môn, năng lực - kỹ năng quản lý, điều hành và thực thi về các quy định bảo vệ môi trường nói chung và thực hiện tiêu chí bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới nói riêng” cho cán bộ tham mưu xây dựng nông thôn mới cấp cơ sở, nhằm xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ năng lực để triển khai hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong phạm vi thực hiện nhiệm vụ năm 2023 Bộ đã thực hiện xây dựng “Cẩm nang nâng cao năng lực, chuyển đổi nhận thức, tư duy cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới về xây dựng cảnh quan nông thôn” và đã tổ chức 4 tập huấn tại 4 tỉnh Yên Bái, Quảng Ninh, Hà Tĩnh và Bến Tre cho các cán bộ cấp cơ sở (cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp huyện/xã) nhằm nâng cao nhận thức, kiến thức, năng lực - kỹ năng quản lý, điều hành và thực thi các quy định về BVMT nói chung và xây dựng cảnh quan nông thôn cho các đối tượng là cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới cấp huyện, xã có kết hợp thăm quan thực tế mô hình điển hình tại 4 tỉnh dựa trên Cẩm nang đã được dự thảo góp ý.

đ) Kết quả thực hiện nhiệm vụ *“Tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025”*

Bộ đã giao đơn vị chủ trì (Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường) xác định nội dung để tổ chức thực hiện, bao gồm: (1) Triển khai thí điểm các giải pháp, biện pháp xử lý chất thải rắn, nước thải phát sinh từ làng nghề truyền thống; hỗ trợ xây dựng và thực hiện các mô hình, giải pháp quản lý, biện pháp kỹ thuật, phương án công nghệ phù hợp nhằm khắc phục tình trạng ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại các làng nghề bị ô nhiễm nghiêm trọng; xử lý ô nhiễm các khu vực làng nghề đã bị ô nhiễm nghiêm trọng sau khi có phương án di dời cơ sở sản xuất vào khu sản xuất tập trung; (2) Hướng dẫn xây dựng phương án tổ chức thoát nước và xử lý nước thải sinh hoạt cho đơn vị cấp huyện; hỗ trợ xây dựng để nhân rộng các mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn phù hợp với đặc thù của địa phương; (3) Hướng dẫn xây dựng đề án/kế hoạch cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng chất lượng nước ao hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; Áp dụng thí điểm mô hình cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng chất lượng nước ao hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; (4) Thông tin, tuyên truyền về tăng cường bảo vệ môi trường trong xây dựng NTM nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; (5) Hỗ trợ đầu tư xây dựng mô hình xử lý chất thải sinh hoạt quy mô cấp xã/huyện, áp dụng công nghệ phù hợp, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật môi trường tại một địa phương; (6) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng các điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt phù hợp; trang bị các phương tiện, trang thiết bị lưu chứa rác tại khu vực công cộng đảm bảo thuận tiện, thân thiện với môi trường và mỹ quan.

e) Kết quả thực hiện nhiệm vụ “*Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP Quốc gia; phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị*”

Nhiệm vụ đã xác định những nội dung thuộc trách nhiệm được giao cho Bộ Tài nguyên và Môi trường trong “*Triển khai Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) gắn với lợi thế vùng miền, thành lập Trung tâm OCOP quốc gia; phát triển tiêu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ nông thôn, bảo tồn và phát huy các làng nghề truyền thống ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất, chế biến muối theo chuỗi giá trị*”, tập trung rà soát, đánh giá việc thực hiện các tiêu chí về BVMT trong Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng các sản phẩm OCOP của Việt Nam giai đoạn 2019-2022. Trên cơ sở đó, xây dựng hướng dẫn thực hiện các tiêu chí về BVMT trong Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 148/2023/QĐ-TTg ngày 24 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ.

Nhiệm vụ cũng đã thực hiện Hướng dẫn và hỗ trợ 01 địa phương xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn, tỉnh Hà Giang thực hiện các yêu cầu về BVMT trong Bộ tiêu chí đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP để thực hiện nâng cao cho sản phẩm du lịch cộng đồng tại thôn Lô Lô Chải. Tại đây Tổ chức 02 lớp Hướng dẫn, hỗ trợ chủ thể các giải pháp thực hiện các tiêu chí về BVMT trong Bộ tiêu chí đánh giá sản phẩm OCOP và thực hiện các mô hình vừa phân loại, xử lý chất thải tại nguồn vừa trồng hoa tạo cảnh quan du lịch cộng đồng bao gồm cán bộ gồm 02 đối tượng (1) Cán bộ làm công tác quản lý môi trường, nông thôn mới cấp huyện/xã; (2) Chủ thể thực hiện OCOP du lịch cộng đồng tại xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn tỉnh Hà Giang.

g) Ngoài ra, thực thi trách nhiệm quản lý nhà nước đối với công tác quản lý chất thải rắn hoạt, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã tham mưu Chính phủ trình Quốc hội ban hành quy định về phân loại CTRSH tại nguồn trong Luật BVMT năm 2020. Theo đó, CTRSH được phân thành 3 loại là CTR có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm và CTRSH khác; đồng thời đưa ra lộ trình bắt buộc thực hiện chậm nhất là ngày 31/12/2024. Bên cạnh đó, Luật BVMT cũng giao trách nhiệm cụ thể cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh triển khai thực hiện quy định này.

h) Đối với quản lý nước thải sinh hoạt, Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã triển khai một số dự án như: (i) Mô hình xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp tạo cảnh quan sinh thái tại thành phố Sông Công - Thái Nguyên thuộc Dự án “Khắc phục ô nhiễm, cải tạo cảnh quan môi trường lưu vực sông Cầu bằng việc xử lý nước thải sinh hoạt thí điểm theo công nghệ lọc kỵ khí kết hợp bãi lọc ngầm trồng cây”. Dự án được triển khai trên địa bàn lưu vực sông Cầu, áp dụng thí điểm tại phường Bách Quang, thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên với mục tiêu xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ kỵ khí kết hợp với bãi lọc ngầm trồng cây có chi phí vận hành thấp và thân thiện với môi trường; (ii) Công trình Trạm xử lý nước thải khu dân cư Phú Thứ, Phú Hà (phường Tây Mỗ) với công suất 400 m³/ngày đêm thuộc Dự án: “Xử lý ô nhiễm và cải thiện môi trường cho khu dân cư đô thị thuộc lưu vực sông Nhuệ - Đáy” sử dụng công nghệ yếm - hiếu khí kết hợp triển khai đi vào hoạt động có hiệu quả.

i) Đối với quản lý, BVMT làng nghề, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã đề nghị Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các đơn vị liên quan thực hiện các nội dung về: Tăng cường công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường tại các làng nghề, trong đó cần tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường làng nghề, kiên quyết xử lý nghiêm đối với các hành vi gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng; áp dụng các công cụ, biện pháp để kiểm soát chặt chẽ hơn hoạt động xả thải của các làng nghề, của cơ sở sản xuất ngành nghề nông thôn để giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường bức xúc, phòng ngừa, giảm thiểu các nguồn gây ô nhiễm, tác động xấu đến môi trường.

2.2. Một số kết quả đạt được điển hình tại các địa phương

Các Chương trình xây dựng nông thôn mới tại các địa phương trong cả nước tiếp tục được duy trì, thực hiện đồng bộ và nâng cao chất lượng các tiêu chí hướng tới nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, môi trường nông thôn được cải thiện theo hướng sáng - xanh - sạch - đẹp. Hạ tầng nông thôn tiếp tục được đầu tư, cải tạo, nâng cấp và làm mới; xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững; quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.

Tính đến hết năm 2023, cả nước có 6.378/8.177 xã (đạt 78%) số xã đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 4,94% so với năm 2022), trong đó, có 1.612 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 256 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có 271 đơn vị cấp huyện được công nhận hoàn thành nhiệm vụ đạt chuẩn nông thôn mới (tăng 16 huyện so với năm 2022); có 20 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó, có 05 tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Nam Định, Đồng Nai, Hà Nam, Hưng Yên và Hải Dương). Các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và người dân đã có nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường trong phát triển nông nghiệp, nông thôn. Một số mô hình như sản xuất nông nghiệp hữu cơ, sử dụng phân bón sinh học, quản lý dịch hại tổng hợp, xử lý chất thải nông nghiệp... đã được triển khai và mang lại hiệu quả tích cực; các hoạt động tuyên truyền, giáo dục về bảo vệ môi trường được tổ chức thường xuyên, góp phần nâng cao ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường sống. Đến nay đã có 57/63 tỉnh, thành phố đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch cấp tỉnh (trong đó có nội dung quy hoạch về các khu xử lý chất thải trên địa bàn); đã có 42/63 tỉnh, thành phố thực hiện các đề án, kế hoạch phân loại, thu gom, lưu giữ và vận chuyển chất thải sinh hoạt trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 hoặc triển khai kế hoạch xử lý chất thải rắn tập trung ở nông thôn, trong đó có một số địa phương triển khai trên phạm vi toàn tỉnh (như Nam Định, Đồng Nai, Hà Tĩnh...).

a) Kết quả Đề án thí điểm tại tỉnh Hà Tĩnh⁴¹

Ngày 16/12/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 2114/QĐ-TTg phê duyệt Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”, trong đó giao “Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng mô hình thí điểm xử lý nước thải sinh hoạt quy mô tập trung”. Ngày 22/4/2021, Lãnh đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường và Lãnh đạo tỉnh Hà Tĩnh đã có buổi làm việc về một số vấn đề liên quan đến công tác quản lý tài nguyên môi

⁴¹ Theo Quyết định số 2114/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

trường trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Sau buổi làm việc, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Thông báo số 47/TB-BTNMT ngày 04/6/2021 cam kết hỗ trợ tỉnh Hà Tĩnh thực hiện thí điểm xây dựng một số mô hình xử lý nước thải sinh hoạt cho khu vực dân cư nông thôn từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường Trung ương.

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cũng đã ban hành Quyết định số 1475/QĐ-BTNMT ngày 27/7/2021 về Kế hoạch thực hiện Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021-2025”, trong đó giao Tổng cục Môi trường (nay là Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường) hỗ trợ thí điểm các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt khu, cụm dân cư nông thôn.

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã giao Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tĩnh lựa chọn, đề xuất dự án, xây dựng thuyết minh đề cương nhiệm vụ để phê duyệt và triển khai thực hiện thí điểm các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt.

b) Kết quả một số địa phương xây dựng huyện NTM nâng cao điển hình

Huyện Xuân Lộc – tỉnh Đồng Nai, là huyện thứ 3 của cả nước được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn nâng cao năm 2023. Nếu như xây dựng NTM tập trung vào phát triển giao thông nông thôn, hệ thống cơ sở hạ tầng thì xây dựng NTM kiểu mẫu tập trung vào cải tạo cảnh quan môi trường sống xanh - sạch - đẹp. Điển hình như tại xã Xuân Bắc, các tuyến đường giao thông đều được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, hai bên đường là những vườn cây trái sum suê, hoặc những diện tích đất lớn trồng nhiều loại cây nông nghiệp hứa hẹn những vụ thu hoạch được mùa. Bên lề đường được trồng nhiều loại cây xanh hoặc các loại hoa đủ màu sắc, khiến cảnh sắc thêm đẹp, thôn ấp thấm đẫm vẻ thanh bình khiến lòng người dịu lại, tinh thần trở nên thoải mái và phấn chấn. Tại đây, lãnh đạo xã này cho biết hiện 100% khu ấp văn hóa và hơn 90% hộ gia đình có khuôn viên nhà ở đạt tiêu chí xanh, sạch, đẹp.

UBND huyện Xuân Lộc đã tổ chức thực hiện với tinh thần đổi mới mạnh mẽ và đảm bảo có hiệu quả trên tất cả các mặt như chủ trương về xã hội hóa với phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm trong việc hỗ trợ thu gom, xử lý CTR.

c) Kết quả thực hiện Đề án xử lý nước thải phân tán tỉnh Hưng Yên

Ngày 19/01/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên ban hành Quyết định số 175/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Hưng Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”.

Mục tiêu chung của Đề án như sau: Giảm thiểu ô nhiễm, cải thiện môi trường nông thôn tỉnh Hưng Yên, tạo cảnh quan môi trường sống xanh - sạch - đẹp, bảo vệ sức khỏe người dân, góp phần thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Cải thiện chất lượng nước mặt hệ thống Bắc Hưng Hải, các sông, kênh, mương, ao hồ trên địa bàn tỉnh, đáp ứng yêu cầu về cấp nước sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp của người dân. Theo đó, tỉnh Hưng Yên phấn đấu đến năm 2030 có 25% số điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% lượng nước thải sinh hoạt được xử lý; đến năm 2045 có 50% số điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 30% lượng nước thải sinh hoạt được xử lý.

Một trong những nhiệm vụ cần triển khai thực hiện tiếp là duy trì, vận hành tốt các mô hình công trình thu gom, xử lý nước thải quy mô hộ, cụm hộ gia đình đã đầu tư tại xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động; xã Nhật Tân, huyện Tiên Lữ; trường mầm non xã Đình Dù, huyện Văn Lâm. Cải tạo, nâng cấp các công trình thu gom, xử lý nước thải đã đầu tư tại huyện Ân Thi, huyện Yên Mỹ, huyện Kim Động.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hưng Yên có một số mô hình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô nhỏ được xây dựng và vận hành, như: mô hình xử lý nước thải sinh hoạt Johkasou công nghệ Nhật Bản tại các huyện Văn Lâm và Văn Giang; mô hình xử lý nước thải sinh hoạt cụm hộ gia đình tại các huyện Kim Động và Tiên Lữ.

Mô hình xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ Johkasou của Nhật Bản đã được lắp đặt thử nghiệm tại Khu đô thị Ecopark, huyện Văn Giang và Trường mầm non xã Đình Dù, huyện Văn Lâm có công suất cỡ nhỏ từ 1,5 đến 6 m³/ngày và cỡ lớn 240 m³/ngày đang vận hành xử lý nước thải sinh hoạt với hiệu quả tốt.

Tại xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên mô hình xử lý nước thải quy mô cụm hộ gia đình, công suất khoảng 50 m³/ngày, được thiết lập trên cơ sở xây dựng hệ thống gom nước thải từ hệ thống thải của các hộ gia đình trong khu dân cư vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Huyện Phù Cừ tỉnh Hưng Yên đang triển khai xây dựng một số công trình xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn quy mô khu dân cư. Những công trình đầu tiên được hoàn thành đã đem đến những tín hiệu vui về cải thiện môi trường khu vực nông thôn. Điển hình công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn ở thôn An Nhuế, xã Đình Cao đã thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của khu dân cư trong thôn làm cho hệ thống cống rãnh không còn tồn đọng nước thải, chất lượng cuộc sống của người dân được cải thiện, ý thức về bảo vệ môi trường của người dân trong thôn được nâng cao.

d) Kết quả thực hiện một số dự án mô hình xử lý nước thải sinh hoạt do Bộ TNMT triển khai thực hiện tại các địa phương

Trung tâm Công nghệ và Dữ liệu kiểm soát ô nhiễm môi trường (trước đây là Trung tâm Tư vấn và Công nghệ môi trường) đã nghiên cứu xây dựng thí điểm mô hình trạm xử lý nước thải sinh hoạt bằng công nghệ kỵ khí kết hợp với bãi lọc

ngâm trồng cây, áp dụng tại phường Bách Quang, thị xã Sông Công (tỉnh Thái Nguyên). Trạm xử lý nước thải sử dụng công nghệ lọc kỵ khí kết hợp bãi lọc ngâm trồng cây. Sau 6 tháng đưa vào vận hành, tiến hành lấy mẫu phân tích, các chỉ tiêu phân tích đều đạt hoặc nằm dưới giá trị cho phép của QCVN 14: 2008/BTNMT (mức B- mức quy định giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt). Với chi phí đầu tư cho hạng mục xử lý nước thải 3,79 tỷ đồng; lưu lượng xử lý 750 m³/ngày. Nếu so sánh với mặt bằng chung, khi xử lý 1m³ nước thải bằng công nghệ khác chi phí từ 10 - 15 triệu đồng/m³. Với công nghệ xử lý nước thải này, mức chi phí khoảng 5 triệu đồng/m³, đây là giải pháp xử lý nước thải chi phí thấp, phù hợp với nhiều địa phương hiện nay. Điều quan trọng là khi công trình đi vào hoạt động, một lượng lớn nước thải được xử lý, góp phần cải thiện môi trường nước, giảm thiểu ô nhiễm, hạn chế lây lan bệnh tật, hạn chế suy giảm chất lượng môi trường tự nhiên và bảo vệ sức khỏe cộng đồng. Đồng thời, với thiết kế tổng thể hài hòa với thiên nhiên và sinh thái, sử dụng nhiều loại thực vật để xử lý nước thải, hệ thống cây xanh, tiểu cảnh được bố trí xen kẽ theo trạm xử lý tạo ra một khu công viên sinh thái, vừa có tác dụng cải tạo cảnh quan môi trường khu vực, vừa là địa điểm vui chơi giải trí cho người dân. Qua đó, tuyên truyền, vận động người dân có ý thức bảo vệ và gìn giữ môi trường tại các khu dân cư.

đ) Kết quả thực hiện một số mô hình cải tạo cảnh quan ao hồ

Mô hình tại UBND huyện Yên Khánh đã triển khai dự án xây dựng mô hình xử lý nước mặt ao, hồ trên địa bàn huyện tại hồ trung tâm nhà văn hóa cũ của huyện Yên Khánh thuộc thị trấn Yên Ninh, có diện tích 3.000 m² với tổng kinh phí là 456,8 triệu đồng.

Trước khi thực hiện mô hình, hồ bị ô nhiễm do tiếp nhận nước thải và rác thải sinh hoạt, bị phú dưỡng gây ô nhiễm môi trường. Các giải pháp công nghệ được áp dụng xử lý nước mặt ao hồ như sau:

+ Bè thủy sinh: các bè thủy sinh được lắp đặt nổi trên mặt hồ và được kết nối với nhau thành 1 khối để xử lý nước hồ. Cây thủy sinh được sử dụng là cây thủy trúc. Cây thủy trúc sống tốt trong môi trường nước nhờ bộ rễ chùm nên được chọn làm cây thủy sinh lọc nước bẩn, giúp nước trong và sạch hơn.

+ Bơm tạo oxy: máy tạo oxy thành đài phun nước nên có tác dụng lưu chuyển dòng nước cung cấp thêm oxy hoà tan vào trong nước hồ, khử mùi hôi trong nước, làm mát nước vào mùa hè làm ấm nước vào mùa đông theo nhiệt độ môi trường.

+ Bể lọc: lắp đặt bể lọc tuần hoàn nước trong hồ kết hợp trồng cây trong bể lọc để hấp thu các chất ô nhiễm trong nước, các bể lọc được lắp đặt ngay trên bờ hồ, nước hồ được bơm vào các bể lọc bằng máy bơm chìm sau khi qua bể lọc được chảy xuống hồ theo đường ống.

Đến thời điểm hiện tại, chất lượng nước hồ đã được cải thiện rõ rệt không còn tình trạng ô nhiễm và được duy trì thường xuyên nhờ các bè thủy sinh có tác dụng xử lý chất ô nhiễm trong nước. Mô hình đã tạo được cảnh quan sạch đẹp, góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng trong công tác bảo vệ môi trường nước nói riêng và môi trường nói chung.

g) Một số mô hình xây dựng cảnh quan sáng – xanh – sạch – đẹp tiêu biểu

- Tại huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình:

Hàng năm, UBND huyện Yên Khánh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh huyện tổ chức các hoạt động hưởng ứng các sự kiện quan trọng về môi trường như: Ngày đất ngập nước thế giới 02/02; Ngày Nước và Khí tượng thế giới, Chiến dịch Giờ Trái đất, Tuần Lễ quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường; Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn... bằng các hoạt động treo băng rôn, khẩu hiệu tuyên truyền về BVMT, tiến hành thu gom rác thải trên địa bàn, khơi thông dòng chảy và làm sạch dòng sông. Các khu dân cư trên địa bàn huyện đã xây dựng các hương ước, quy ước trong đó có nội dung về bảo vệ môi trường. Duy trì việc tổng vệ sinh môi trường mỗi tháng 2 lần tại các xã, thị trấn, thôn, xóm, phố. 100% xã, thị trấn có cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung.

- Tại huyện Phù Cừ, tỉnh Hưng Yên:

Hưởng ứng phong trào xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp đã có 82 đoạn đường phụ nữ tự quản, gắn biển 14 đoạn đường thanh niên tự quản xanh- sạch-đẹp tại 14 xã, thị trấn; 31 chi Hội phụ nữ “xanh – sạch – đẹp”; 28 câu lạc bộ hạn chế sử dụng túi nilon; 20 mô hình “xóm 3 sạch”; 02 mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không 3 sạch”; toàn huyện trồng được 113 tuyến đường hoa với tổng chiều dài 68,3 km; 5 điểm trồng hoa tại trụ sở làm việc; nghĩa trang liệt sỹ với tổng diện tích 350 m²; 100% các nhà trường tổ chức trồng hoa tại các bồn hoa trong khuôn viên nhà trường; xây dựng công trình vườn hoa thanh niên cấp huyện tại 14 xã, thị trấn.

- Tại tỉnh Bến Tre:

Tỉnh Bến Tre đã tổ chức 08 lần phát động cuộc thi “Mô hình có cảnh quan, môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp”. Qua các lần phát động phong trào đã được các ngành, các cấp quán triệt, triển khai sâu rộng trong toàn xã hội và được nhân dân đồng tình hưởng ứng tích cực, qua thực hiện có nhiều cá nhân, tập thể tham gia đầy đủ năm nội dung của phong trào, 5 nội dung của danh hiệu như: con đường đẹp, cảnh quan đẹp, nhà đẹp, cơ quan đẹp, con người đẹp và đã đạt được nhiều kết quả nổi bật, đặc biệt là đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng lên, phong trào đã tạo được ý thức tự giác của toàn xã hội trong việc chỉnh trang cảnh

quan, môi trường trên các tuyến giao thông, tại nơi sinh sống, học tập, làm việc, sản xuất và kinh doanh, nhằm góp phần xây dựng Bến Tre ngày thêm sáng, xanh, sạch, đẹp, đóng góp tích cực vào thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với mục tiêu xây dựng nông thôn mới.

3. Những khó khăn vướng mắc trong thực hiện các tiêu chí BVMT trong xây dựng nông thôn mới

3.1. Khó khăn trong công tác thực hiện nhiệm vụ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 được Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 và Bộ Tiêu chí quốc gia về NTM các cấp được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 08/3/2022. Để hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện các nội dung, yêu cầu đáp ứng mục tiêu của Chương trình theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rất khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn, đơn đốc triển khai thực hiện. Tuy nhiên, tại thời điểm các quyết định của Thủ tướng Chính phủ bắt đầu được triển khai thực hiện (cuối năm 2022), nguồn lực từ ngân sách phân bổ cho "đầu tư công trung hạn" giai đoạn 2021-2025 đã được phân bổ, dẫn đến không phân bổ được cho các nội dung thuộc hạng mục "cơ sở hạ tầng BVMT nông thôn". Bên cạnh đó, nguồn sự nghiệp dành cho Chương trình MTQG và các chương trình thành phần rất hạn chế, không đủ và không chi được cho đầu tư hạ tầng (thu gom xử lý chất thải rắn, nước thải, xử lý ô nhiễm môi trường tại các làng nghề) dẫn đến khó bảo đảm mục tiêu của Chương trình và các Tiêu chí khi xem xét công nhận xã, huyện đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao.

3.2. Khó khăn của địa phương

- Trong công tác chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện chưa quyết liệt trong việc huy động cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc, vai trò trách nhiệm của các ngành trong việc phối hợp thực hiện Chương trình NTM chưa cao; đặc biệt là năng lực của đội ngũ cán bộ cơ sở, bộ phận giúp việc chương trình còn hạn chế, thiếu kinh nghiệm, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

- Nhận thức của người dân về xây dựng NTM còn hạn chế, vẫn còn tình trạng một bộ phận dân cư có tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước nên việc huy động người dân tham gia chủ yếu mới chỉ dừng lại ở việc hiến đất giải phóng mặt bằng, tham gia ngày công lao động hoặc chỉ hưởng ứng trong thời gian phát động phong trào nên dẫn đến không đạt hiệu quả như mong muốn.

- Kinh tế hợp tác ở nông thôn có phát triển nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu tổ chức lại sản xuất; liên kết, hợp tác trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ còn hạn chế. Việc áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất chưa phổ biến; nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái, hữu cơ và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao chậm

phát triển. Việc duy trì các làng nghề truyền thống còn gặp nhiều khó khăn, sản phẩm của nhiều làng nghề chất lượng chưa cao, mẫu mã chưa đẹp nên khó tiêu thụ.

- CTRSH phát sinh ngày càng đa dạng về số lượng và chủng loại, xuất hiện ngày càng nhiều thành phần thải bỏ khó xử lý, trong khi việc phân loại rác thải chưa tốt, xe vận chuyển chưa đáp ứng được việc phân loại rác tại nguồn, tình trạng xả rác thải sinh hoạt không đúng nơi quy định tại các khu vực công cộng vẫn còn diễn ra phổ biến làm mất cảnh quan sinh thái, gây ô nhiễm môi trường.

- Chưa có phương thức quản lý chung đối với tổ chức mạng lưới thu gom, vận chuyển rác thải; các tổ chức vệ sinh môi trường hoạt động còn mang tính tự phát, chưa có cơ chế phân công trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của tổ chức hoạt động.

- Một số cơ sở xử lý CTRSH trên địa bàn các huyện (các lò đốt, bãi chôn lấp đã được đầu tư) hoạt động không hiệu quả hoặc không đáp ứng các quy định về BVMT. Tại một số địa phương hạ tầng các khu xử lý, bãi chôn lấp chưa đáp ứng khối lượng phát sinh thực tế, nhiều bãi chôn lấp tự phát, không nằm trong quy hoạch hoặc không còn khả năng tiếp nhận CTRSH, phát sinh khí thải, nước rỉ rác không được thu gom, xử lý mà xả thải trực tiếp ra môi trường...

- Một số cán bộ chính quyền xã chưa có kinh nghiệm trong tổ chức thực hiện xây dựng NTM, còn lúng túng trong tổ chức thực hiện; cấp ủy một số xã chưa thực sự vào cuộc; chưa phát huy cả hệ thống chính trị để vận động nhân dân chung tay xây dựng NTM; công tác xây dựng kế hoạch thực hiện các tiêu chí NTM từng năm còn chậm và chưa cụ thể; công tác phối hợp giữa Mặt trận tổ quốc, đoàn thể các cấp, các sở, ngành chuyên môn trong công tác tuyên truyền, vận động nhân dân chung tay xây dựng NTM chưa đồng bộ và thường xuyên, chưa có cách làm hay và sáng tạo.

- Công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến pháp luật về BVMT tới cộng đồng dân cư còn hạn chế, chủ yếu được thực hiện qua các cuộc vận động trong thời gian ngắn. Do đó, sự tham gia của cộng đồng và nhận thức của xã hội về quản lý CTRSH chưa cao, dẫn đến việc thực thi chính sách, pháp luật về quản lý CTRSH chưa đạt hiệu quả như mong muốn.

- Do chưa có các cơ chế ưu đãi, thu hút đầu tư phù hợp nên hầu hết công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH đô thị đều do các Công ty Môi trường Đô thị thực hiện. Mô hình quản lý CTRSH khu vực nông thôn cũng như nguồn lực thực hiện chưa được quan tâm đầu tư thích đáng, chủ yếu do chính quyền cấp xã, cộng đồng tự tổ chức thực hiện ở quy mô nhỏ lẻ, thiếu trang thiết bị, cơ sở vật chất và con người thực hiện.

- Công tác xã hội hóa, huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách còn khó khăn, các nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm đến lĩnh vực này do lợi nhuận thấp,

rủi ro cao. Tính hấp dẫn của các dự án xử lý CTRSH chưa cao do thường đòi hỏi vốn lớn, thời gian thực hiện dài, thu hồi vốn khó khăn, tính toán thu hồi vốn phức tạp. Do đó các nhà đầu tư chưa thực sự quan tâm đến các dự án xử lý CTRSH.

- Công tác xây dựng cảnh quan, quy hoạch trồng cây xanh, đường hoa được chính quyền địa phương, tổ chức xã hội và người dân nhiệt tình hưởng ứng nhưng đa số là theo phong trào, chưa thành nền nếp. Tại một số xã, huyện đã đạt chuẩn NTM có đường hoa chưa nhiều, manh mún, nhỏ lẻ và tính bền vững không cao. Cây xanh đang trồng chưa được quy hoạch, chủ yếu trồng ở các tuyến đường liên xã, liên xóm, chưa trồng đồng đều ở các vị trí khu vực công cộng cần có cây xanh, như: nhà văn hóa, đường làng... Một số loài cây đưa vào trồng chưa được chọn lọc phù hợp với không gian nông thôn, có thể sẽ là tác nhân làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp...

- Đối với các xã đạt chuẩn NTM, tiêu chí môi trường có thể không giữ vững, đặc biệt là vấn đề liên quan đến CTRSH, nước thải sinh hoạt, vệ sinh môi trường của các khu chăn nuôi; hệ thống tiêu thoát nước chưa được đầu tư xây dựng hoặc hư hỏng có thể dẫn đến tình trạng ngập, ú đọng trong mùa mưa lũ.

- Tại các địa phương mặc dù có nhiều sản phẩm OCOP đang phát triển rầm rộ, song đều trong tình trạng sản xuất nhỏ lẻ, manh mún, tư duy thời vụ, tự phát chạy theo phong trào; sản xuất không tập trung, không có sự đầu tư, thiếu sự liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, dẫn đến sản phẩm khó duy trì, tạo tâm lý không mặn mà, thiếu tính bền vững của chủ cơ sở các sản phẩm OCOP. Bên cạnh đó, vai trò, trách nhiệm và sự chủ động của cấp huyện, cấp xã trong việc hỗ trợ phát triển sản phẩm và tổ chức kiểm tra, giám sát sản phẩm OCOP còn ở mức thấp.

4. Các đề xuất, kiến nghị về giải pháp thực hiện để đạt hiệu quả.

4.1. Kiến nghị, đề xuất về nội dung chỉ đạo điều hành

- Điều chỉnh nguồn cho Chương trình tăng cường BVMT, an toàn thực phẩm (ATTP) và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 (huy động thêm các nguồn kinh phí khác như nguồn đầu tư, nguồn kinh phí dự phòng) để triển khai thực hiện nhằm đạt được mục tiêu đã đặt ra.

- Đề nghị Văn phòng Điều phối Nông thôn mới Trung ương căn cứ trên cơ sở đề nghị của các địa phương và ngân sách để xem xét, hỗ trợ kinh phí để thực hiện các chỉ tiêu môi trường trong Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM tại một số địa phương khó khăn về kinh tế như: cải tạo các bãi chôn lấp CTRSH; xây dựng các công trình xử lý nước thải tập trung, hỗ trợ cho các hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn xây dựng 3 công trình vệ sinh (nhà tắm, nhà tiêu, bể chứa nước hợp vệ sinh); hỗ trợ các ban, ngành, đoàn thể tham gia vào công tác tuyên truyền vận động người dân phân loại và xử lý CTRSH tại nguồn, ...

- Đề nghị Chính phủ tiếp tục có chính sách hạn chế sử dụng túi nhựa, đồng thời có chính sách khuyến khích sản xuất, sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; đề xuất chính sách hạn chế nhập khẩu phế liệu nhựa làm nguyên liệu sản xuất, tiến tới cấm hoàn toàn nhập khẩu loại này.

- Nghiên cứu ban hành hệ thống cơ chế chính sách đồng bộ và linh hoạt ở các cấp (thành phố, huyện, xã, ấp) và phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của từng địa phương. Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp luật, cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng NTM theo hướng tiếp tục sáp nhập các chương trình, dự án có cùng nội dung đầu tư, nội dung hỗ trợ trên địa bàn nông thôn với chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM nhằm thống nhất cơ chế, chính sách hỗ trợ các địa phương triển khai hiệu quả các nội dung của chương trình, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư các nguồn lực, đảm bảo không chồng chéo, lãng phí.

- Định hướng mô hình xử lý CTRSH quy mô nhỏ phù hợp đối với các xã miền núi có điều kiện giao thông trở ngại, địa hình tách biệt để các địa phương tham khảo áp dụng.

- Hoàn thiện các quy định quản lý sản phẩm thải bỏ, thể hiện chặt chẽ mối quan hệ trách nhiệm giữa nhà sản xuất và người tiêu dùng trong công tác quản lý sản phẩm nhằm giảm thiểu tối đa lượng chất thải, đặc biệt là chất thải nhựa.

- Nghiên cứu kiến nghị định biên nhân lực làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường theo từng cấp quản lý nhằm đảm bảo nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Thường xuyên tổ chức các đợt tập huấn, hội thảo về công tác quản lý CTRSH để nâng cao trình độ cho cán bộ chuyên môn, đồng thời qua đó tạo điều kiện cho các địa phương được trao đổi, chia sẻ, học hỏi kinh nghiệm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về công tác BVMT nói chung và quản lý CTRSH nói riêng.

4.2. Kiến nghị, đề xuất về tổ chức thực hiện tại các địa phương

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp, nhất là vai trò của người đứng đầu trong xây dựng NTM, đặc biệt là ở cấp cơ sở, cấp trực tiếp tổ chức thực hiện. Nâng cao năng lực và kỹ năng cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM chuyên trách ngày càng chuyên nghiệp.

- Tổ chức thực hiện công tác thẩm định các cấp (xã, huyện) đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao thực sự nghiêm túc, trách nhiệm, gắn với chuyển biến trên thực tế và sự vào cuộc, hài lòng của người dân đối với các chỉ tiêu, tiêu chí về môi trường.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên và nhân dân về nội dung xây dựng NTM.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu về nông nghiệp, nông thôn, nông dân để chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở về kết quả xây dựng NTM. rà soát các nội dung, định mức hỗ trợ của Nhà nước về chuyển đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng NTM thông minh; chính sách khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số về các lĩnh vực kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch,... để đầu tư vào khu vực nông thôn.

- Tạo điều kiện, môi trường đầu tư thuận lợi nhằm thu hút doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư về cơ sở hạ tầng số và kết nối mạng internet đến cấp xã, ấp; hạ tầng công nghệ gắn với phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực.

- Chú trọng đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị. Ưu tiên vốn đầu tư cho các hạ tầng kết nối, đặc biệt là hạ tầng liên thông nông thôn - đô thị; hạ tầng về xử lý môi trường; hạ tầng kỹ thuật, công nghệ thông tin...

- Thu hút đầu tư từ các thành phần kinh tế vào nông nghiệp, nông thôn, bao gồm cả đầu tư theo hình thức đối tác công tư nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội phát triển kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công, xử lý chất thải; đồng thời với nâng cao hiệu quả đầu tư từ ngân sách nhà nước.

- Ưu tiên nguồn lực cho các địa phương còn khó khăn xây dựng lộ trình, kế hoạch cụ thể để hoàn thành sớm công tác đạt chuẩn các chỉ tiêu, tiêu chí theo quy định.

- Ngoài nguồn vốn ngân sách hỗ trợ trực tiếp từ Chương trình, cần tăng cường huy động, lồng ghép nguồn vốn từ các chương trình dự án khác thực hiện trên địa bàn theo nguyên tắc ưu tiên huy động, khai thác tối đa nguồn lực trực tiếp tại địa phương, các nguồn vốn hỗ trợ của các cơ quan, tổ chức, nguồn huy động của cộng đồng, cá nhân để tập trung ưu tiên hỗ trợ các địa phương theo kế hoạch đạt chuẩn.

- Tăng cường các lớp tập huấn, tuyên truyền Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật về bảo vệ môi trường, tập huấn về phân loại, xử lý CTRSH tại nguồn cho các địa phương.

- Có cơ chế phối hợp nhằm trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ thông tin về các mô hình hay, thiết thực để các địa phương trong nước tham khảo áp dụng./.

**Tiếp cận pháp luật hướng tới đảm bảo và nâng cao chất lượng
đời sống người dân nông thôn, thực hiện tốt Chương trình MTQG
xây dựng nông thôn mới**

Cục Phổ biến, giáo dục pháp luật – Bộ Tư pháp

I. Mục đích, ý nghĩa, vai trò của tiêu chí tiếp cận pháp luật trong xây dựng nông thôn mới

Với mục tiêu xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại; cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh trật tự được giữ vững; đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa”, từ năm 2005 đến nay, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã đi qua 03 giai đoạn. Nếu như ở giai đoạn 2010-2015, Quyết định số 800/QĐ-TTg nêu rõ 19 tiêu chí, 39 chỉ tiêu thành phần và 07 nhóm giải pháp, trong đó, phần lớn các tiêu chí, chỉ tiêu là về hạ tầng, cơ sở vật chất, số ít các tiêu chí, chỉ tiêu về văn hóa, không có tiêu chí, chỉ tiêu nào về tiếp cận pháp luật, thì bước sang giai đoạn 2016 - 2020, trong điều kiện hội nhập quốc tế sâu rộng và đáp ứng yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa theo Hiến pháp năm 2013, vấn đề cải cách tư pháp, cải cách hành chính, xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất và thực thi công khai đòi hỏi Đảng và Nhà nước cần quan tâm, nhận thức đúng đắn việc xây dựng nông thôn mới không phải là một dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đơn thuần mà là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị, pháp luật và an ninh quốc phòng. Người dân ở địa bàn nông thôn là trung tâm, là đối tượng của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nhận định rõ việc xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. Lần đầu tiên tiêu chí tiếp cận pháp luật được xác định là một được xác định và trở thành một trong những nội dung của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (Tiêu chí thành phần 18.5 về “Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định” và Bộ Tư pháp, Sở Tư pháp, Ngành Tư pháp được giao chủ trì, hướng dẫn thực hiện “đánh giá, công nhận, xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân”.

Đến giai đoạn 2021-2025, cùng với việc thực hiện mục tiêu “*Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội*” được đề ra tại Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật lại tiếp tục được xác

định là tiêu chí, tiêu chí thành phần của 03 Bộ Tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới, xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và huyện đạt chuẩn nông thôn mới. Trong đó, xác định 02 nhiệm vụ trọng tâm của Bộ, ngành Tư pháp bao gồm: (i) “Tăng cường hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL), hòa giải ở cơ sở, giải quyết hòa giải, mâu thuẫn ở khu vực nông thôn”; (ii) “Nâng cao nhận thức, thông tin về trợ giúp pháp lý; tăng cường khả năng thụ hưởng dịch vụ trợ giúp pháp lý.

Từ thực tiễn đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật trong thời gian qua cho thấy, đây là nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý nhà nước, nhất là tại cơ sở trong bối cảnh xây dựng Chính phủ liên chính, kiến tạo, hành động, phục vụ người dân và doanh nghiệp. Đặt trong tổng thể với xây dựng nông thôn mới, việc thực hiện nhiệm vụ này hướng tới mục tiêu sau đây:

Thứ nhất, nâng cao nhận thức pháp luật, giáo dục ý thức tôn trọng, tuân thủ và chấp hành pháp luật; bảo đảm quyền con người, quyền công dân, quyền được thông tin về pháp luật; kịp thời tháo gỡ mâu thuẫn, tranh chấp, vướng mắc, kiến nghị trong thi hành pháp luật tại cơ sở.

Thứ hai, tổ chức và bảo đảm hiệu lực, hiệu quả thi hành Hiến pháp, pháp luật, quản lý nhà nước và xã hội bằng pháp luật. Qua việc tổ chức đánh giá, công nhận và xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật nắm bắt thực trạng công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực thuộc tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp luật, đề xuất giải pháp duy trì, phát huy ưu điểm và khắc phục hạn chế, tồn tại. Từ đó, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức cấp xã trong thực thi công vụ.

Thứ ba, cải thiện điều kiện tiếp cận thông tin pháp luật, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý giải quyết thủ tục hành chính, phát huy dân chủ ở cơ sở của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

Thứ tư, bảo đảm và tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật cho người dân ngay tại cơ sở đáp ứng yêu cầu tăng cường quản lý xã hội bằng pháp luật, khẳng định vai trò của Ngành Tư pháp và của pháp luật trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của địa phương, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, góp phần xây dựng nông thôn phát triển toàn diện, phục vụ ngày càng tốt hơn đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là người dân ở nông thôn, miền núi.

II. Kết quả triển khai thực hiện tiêu chí “Tiếp cận pháp luật” trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

1. Công tác xây dựng thể chế, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện

Cùng với quá trình đề xuất tiêu chí thành phần “tiếp cận pháp luật” trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025, Bộ Tư pháp đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ xây dựng Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày

22/7/2021 về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg. Thực hiện các Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022, Quyết định số 318/QĐ-TTg, Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022, Bộ Tư pháp đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong các Bộ Tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới⁴². Hiện nay, Bộ Tư pháp đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo văn bản hợp nhất hướng dẫn các chỉ tiêu, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong các Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao theo yêu cầu của Quyết định số 211/QĐ-TTg. Dự kiến, văn bản sẽ được ban hành trong tháng 4/2024.

Để nâng cao hiệu thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, hằng năm, Bộ Tư pháp đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đồng thời xác định việc triển khai các văn bản này là nhiệm vụ trọng tâm của Kế hoạch công tác PBGDPL, hòa giải cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật trên toàn quốc; ban hành 10 văn bản giải đáp, hướng dẫn một số nội dung về đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho địa phương; tổng hợp, giải đáp các khó khăn, vướng mắc và đăng tải trên Trang tin PBGDPL, Cổng thông tin điện tử PBGDPL quốc gia để tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai, thực hiện nhiệm vụ; đẩy mạnh truyền thông về vị trí, vai trò, ý nghĩa và kết quả triển khai các tiêu chí tiếp cận pháp luật, trọng tâm là các tiêu chí về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở trên các phương tiện thông tin đại chúng.⁴³

2. Xây dựng tài liệu, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện tham mưu đánh giá, công nhận cấp xã, cấp huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Công tác tập huấn, cung cấp tài liệu về đánh giá, công nhận tiếp cận pháp luật, triển khai tiêu chí tiếp cận pháp luật, trọng tâm là các tiêu chí về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý cũng được chú trọng. Năm 2021-2022, Bộ Tư pháp tổ chức biên soạn, in và phát hành 9.500 cuốn “Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ về chuẩn tiếp cận pháp luật” cho Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp xã trên cả nước, ưu tiên địa bàn có điều kiện khó khăn, đặc biệt khó khăn (trong đó có các tỉnh Tây Nguyên); 3.066 Sổ tay “Bảo đảm bình đẳng giới trong quá trình hòa giải ở cơ sở” đến 1.022 xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó

⁴² Quyết định số 1723/QĐ-TTg ngày 15/8/2022 ban hành Hướng dẫn tiêu chí huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới, tiêu chí tiếp cận pháp luật thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025 và tiêu chí quận, thị xã, thành phố đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thuộc tiêu chí quận, thị xã, thành phố thuộc cấp tỉnh đạt chuẩn đô thị văn minh; Công văn số 1918/BTP-TGPL ngày 10/6/2022 về việc thực hiện một số nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

⁴³ Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Báo Pháp luật Việt Nam, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin PBGDPL quốc gia.

khăn (mỗi xã 03 quyển để phát cho tổ hòa giải ở cơ sở trên địa bàn). Biên soạn một số tài liệu pháp luật phục vụ triển khai các tiêu chí tiếp cận thông tin, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở; xây dựng nhiều video bài giảng điện tử theo chuyên đề hướng dẫn triển khai đánh giá, công nhận tiếp cận pháp luật, kỹ năng về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở.

Từ năm 2021 đến nay, Bộ Tư pháp đã tổ chức 15 lớp tập huấn nghiệp vụ đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho một số địa phương đại diện theo vùng, miền⁴⁴, tập trung giải đáp, hướng dẫn một số nội dung địa phương còn lúng túng, tiếp cận chưa thống nhất, kết hợp với triển khai nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; cử 09 lượt báo cáo viên pháp luật trung ương hỗ trợ tập huấn tại các Hội nghị, Tọa đàm do địa phương tổ chức⁴⁵.

3. Kết quả triển khai công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát

Năm 2022-2023, Bộ Tư pháp tổ chức 11 Đoàn kiểm tra, khảo sát về công tác đánh giá, công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật⁴⁶; tổ chức 05 Hội thảo, tọa đàm chia sẻ, trao đổi kinh nghiệm thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật tại Hà Tĩnh, Long An và Thành phố Hà Nội. Thông qua kiểm tra, khảo sát, hội thảo, tọa đàm, Bộ Tư pháp có điều kiện nắm bắt tình hình thực tiễn tổ chức thực hiện các văn bản, quy định về đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật tại cơ sở; giải đáp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho địa phương; hướng dẫn, chỉ đạo, kịp thời, đầy đủ công tác đánh giá, công nhận cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật của địa phương... Qua khảo sát, kiểm tra cho thấy nhiệm vụ đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật, cũng như thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật đã nhận được quan tâm, chỉ đạo, tổ chức thực hiện của cấp ủy, chính quyền các cấp ở địa phương và sự tham gia của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Về cơ bản, việc tổ chức đánh giá tiêu chí tiếp cận pháp luật trong đánh giá nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao đảm bảo quy trình, thời hạn theo quy định. Hồ sơ, tài liệu kiểm chứng kết quả đạt được trong thực hiện chỉ tiêu, tiêu chí tương đối đầy đủ.

4. Kết quả lồng ghép, huy động nguồn lực, quản lý và sử dụng nguồn lực thực hiện nội dung thành phần được giao chủ trì

Hàng năm, Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính đã quan tâm, bố trí kinh phí triển khai thực hiện nhiệm vụ và nội dung thành phần do Bộ Tư pháp chủ trì (Năm 2021: Không được cấp kinh phí, năm 2022: 2,5 tỷ đồng, năm 2023: 5 tỷ đồng, năm 2024: chưa

⁴⁴ Hà Giang, Gia Lai, Đồng Nai, Hà Tĩnh, Nam Định, Bắc Kạn, Tiền Giang, Long An, Khánh Hoà, Sóc Trăng, Lâm Đồng, Quảng Nam, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La.

⁴⁵ Hà Nội, Cà Mau, Vĩnh Phúc, Hải Phòng, Quảng Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình.

⁴⁶ Nghệ An, Hà Tĩnh, Bắc Kạn, Long An, Lâm Đồng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Hòa Bình, Trà Vinh, Sơn La, Cao Bằng.

được cấp kinh phí). Bên cạnh đó, để triển khai nhiệm vụ, Bộ Tư pháp còn sử dụng lồng ghép nguồn kinh phí hằng năm cho công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý và kinh phí Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg để thực hiện một số chỉ tiêu trong chuẩn tiếp cận pháp luật.

5. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ của các nội dung thành phần

Qua tổng hợp số liệu báo cáo của các địa phương, năm 2021 có 9938/10599 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt 93.8%. Năm 2022 có 10.086/10.596 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt 95.2%. Năm 2023, có 10.177/10.578 đơn vị cấp xã được công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, đạt tỷ lệ 96.1%.

Nhìn chung, việc triển khai các tiêu chí tiếp cận pháp luật trong Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới gắn với việc đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP đã được các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm, tích cực thực hiện và dần đi vào nền nếp, kết quả đạt được rõ nét hơn, trách nhiệm của chính quyền và cán bộ, công chức cấp xã trong tổ chức thi hành Hiến pháp, pháp luật hướng tới xây dựng môi trường pháp lý lành mạnh cho người dân tại cơ sở tiếp tục được tăng cường gắn với tổ chức thi hành pháp luật và thực thi trách nhiệm của chính quyền địa phương cấp xã theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương. Cơ quan tư pháp các cấp từ trung ương đến địa phương chủ động tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức triển khai các nhiệm vụ được giao; tham gia tích cực vào việc thẩm định, đánh giá, công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật gắn với xã nông thôn mới; tập huấn cho cán bộ, công chức tham mưu, tổ chức thực hiện nhiệm vụ; kịp thời giải đáp, tháo gỡ lúng túng, khó khăn; xây dựng và cấp phát cho cơ sở các tài liệu phổ biến kiến thức pháp luật và kỹ năng nghiệp vụ có liên quan đến các tiêu chí, chỉ tiêu; chọn điểm triển khai mô hình PBGDPL hiệu quả, điển hình tại cơ sở... Từ đó cho thấy các cơ quan, các ngành, các cấp đã nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của nhiệm vụ này trước yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật của chính quyền địa phương cấp xã.

Kết quả xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đã góp phần vào tác động, hiệu quả xây dựng nông thôn mới, các lĩnh vực và nhiệm vụ được gắn với các tiêu chí về chuẩn tiếp cận pháp luật (thi hành Hiến pháp và pháp luật, giải quyết thủ tục hành chính, PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, thực hiện dân chủ ở cơ sở) đã từng bước tăng cường, thúc đẩy trách nhiệm của chính quyền địa phương cơ sở trong bảo đảm, thực hiện các quyền con người, quyền công dân, ý thức chấp hành pháp luật của người dân từng bước có chuyển biến, việc giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp kịp thời ngay tại cơ sở thông qua hòa giải được coi trọng... góp phần cải thiện, nâng cao đời sống văn hóa pháp lý của người dân tại cơ sở, xây dựng

môi trường sống lành mạnh, văn minh, dân chủ; thể hiện rõ sự lãnh đạo, chỉ đạo, quyết tâm chính trị của Ban cán sự Đảng, Lãnh đạo Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp; đã tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội của đất nước, góp phần xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần, dân trí pháp lý của người dân.

6. Tồn tại, hạn chế

- Nội dung thành phần 18.4 “*tiếp cận pháp luật*” trong Tiêu chí 18 thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 318/QĐ-TTg (được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 211/QĐ-TTg), nội dung thành phần 9.6 “*huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật*” trong Tiêu chí 9 thuộc Bộ Tiêu chí quốc gia huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 320/QĐ-TTg có vị trí chưa phù hợp, chưa thể hiện đúng vai trò, tầm quan trọng của thực hiện nhiệm vụ trước yêu cầu và đòi hỏi về xây dựng, thực hiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, với tinh thần thượng tôn pháp luật trong đời sống và góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh mà trước hết là nâng cao chất lượng đời sống cho người dân, bảo đảm và thực hiện đầy đủ, kịp thời các quyền con người, quyền công dân. Do chưa được xác định là tiêu chí riêng nên việc quan tâm, đầu tư nguồn lực còn hạn chế.

- Việc tổ chức thực hiện các tiêu chí, cũng như tổ chức đánh giá, công nhận chuẩn tiếp cận pháp luật tại các địa phương, nhất là ở cơ sở còn gặp nhiều khó khăn, trước hết cấp ủy và lãnh đạo chính quyền địa phương chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo sát sao, kịp thời, thường xuyên; các ngành, các cấp chưa vào cuộc theo tinh thần đây là nhiệm vụ của hệ thống chính trị. Một số địa phương chưa chú trọng giải pháp khắc phục, thúc đẩy các tiêu chí đạt chuẩn, dẫn tới kết quả đạt được còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu và mục tiêu đề ra. Việc quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đầu tư nguồn lực về con người và kinh phí, kiểm tra, giám sát thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật tại một số tỉnh chưa được quan tâm.

- Đội ngũ công chức Tư pháp – Hộ tịch, cán bộ, công chức cấp xã nhìn chung còn hạn chế về chuyên môn nghiệp vụ, trong bối cảnh nhiệm vụ nhiều, nhân lực mỏng, nguồn lực thấp. Kiểm tra thực tế cho thấy công chức cấp xã chưa nắm vững các văn bản để tham mưu, tổ chức triển khai nhiệm vụ đúng quy định, đảm bảo chất lượng... mặt khác còn lúng túng trong việc tham mưu, đề xuất và triển khai giải pháp để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác này trong thực tiễn.

- Sự phối hợp giữa cơ quan Tư pháp và các cơ quan, đơn vị có liên quan cùng cấp, nhất là cấp huyện, cấp xã trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn chưa chặt chẽ, chưa thường xuyên để đảm bảo kết quả chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu sát với thực tiễn các lĩnh vực quản lý thuộc trách nhiệm của các cơ quan,

đơn vị; một số nơi chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm tư vấn, thẩm định của thành viên Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Kinh phí phân bổ cho thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế. Qua kiểm tra khảo sát và theo dõi từ các báo cáo, phản ánh của địa phương, hiện nay, rất ít địa phương được cấp kinh phí từ nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cho thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật. Cấp huyện, cấp xã hầu như chưa bố trí nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật đặc biệt là các nội dung về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; kinh phí từ nguồn ngân sách thường xuyên bố trí cho các nội dung này rất hạn hẹp dẫn đến không thúc đẩy được hiệu quả triển khai các tiêu chí trên thực tế.

III. Một số giải pháp thực hiện hieeuj quả tiêu chí tiếp cận pháp luật hướng tới đảm bảo và nâng cao chất lượng đời sống người dân nông thôn, thực hiện tốt chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

Việc triển khai tiêu chí tiếp cận pháp luật trong các Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện nông thôn mới và thực hiện thống nhất trong cả nước là một cơ hội lớn, đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho Ngành Tư pháp để tham gia có chiều sâu, thực chất trong phát triển kinh tế - xã hội, chung sức xây dựng nông thôn mới. Để thực hiện nhiệm vụ nhiệm vụ này đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, trong thời gian tới, các Bộ, ngành liên quan và địa phương cần quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số định hướng và giải pháp sau đây:

Một là, khẩn trương hoàn thiện, ban hành và tổ chức triển khai Quyết định của Bộ Tư pháp Hướng dẫn nội dung các tiêu chí tiếp cận pháp luật trong các Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, huyện đạt chuẩn nông thôn mới (thay thế Quyết định số 1723/QĐ-TTg) bảo đảm thực chất, khả thi, gắn với các nhiệm vụ trực tiếp của Bộ, ngành Tư pháp. Trong thời gian tới, Bộ Tư pháp sẽ tiếp tục phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, đề xuất, bổ sung tiêu chí tiếp cận pháp luật thành các tiêu chí độc lập trong các Bộ tiêu chí đánh giá địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu các cấp trong giai đoạn tiếp theo.

Hai là, đẩy mạnh thông tin, truyền thông về vị trí, vai trò, mục tiêu của nhiệm vụ đánh giá, công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, tiêu chí tiếp cận pháp luật trong các Bộ Tiêu chí quốc gia nông thôn mới/nông thôn mới nâng cao. Qua đó thống nhất về nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ của hệ thống chính trị.

Ba là, tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nâng cao trách nhiệm của chính quyền các cấp từ Trung ương đến địa phương trong triển khai thực hiện nhiệm vụ được giao. Xác định, phân công rõ trách nhiệm, nhiệm vụ của từng cơ

quan, tổ chức, từng cấp, ngành trong chỉ đạo, hướng dẫn, phối hợp, tổ chức thực hiện, phát huy tính chủ động, sáng tạo của địa phương, cơ sở, cộng đồng, huy động trí tuệ, sức mạnh xã hội để thực hiện Chương trình được hiệu quả, bền vững. Các địa phương cần chủ động xây dựng Kế hoạch hằng năm về thực hiện tiêu chí tiếp cận pháp luật và nhiệm vụ được giao trong Bộ Tiêu chí quốc gia nông thôn mới các cấp làm căn cứ triển khai cũng như đề xuất nguồn lực từ Chương trình.

Bốn là, rà soát, hoàn thiện thể chế, chính sách, đề xuất cơ chế, giải pháp phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý với trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số, hướng mạnh về cơ sở và ưu tiên đối tượng đặc thù, nhóm yếu thế...; cơ chế, chính sách xã hội hóa, huy động nguồn lực xã hội tham gia công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý; xây dựng, phát triển nguồn nhân lực biết tiếng dân tộc thiểu số, là người dân tộc thiểu số nhằm tăng cường và nâng cao hiệu quả thực hiện tại vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, những địa bàn trọng điểm...

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các đề án liên quan đến công tác PBGDPL: Đề án "Tổ chức truyền thông chính sách có tác động lớn đến xã hội trong quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật giai đoạn 2022 - 2027" (Quyết định số 407/QĐ-TTg); Đề án "Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân" (Quyết định số 977/QĐ-TTg); Đề án "Thí điểm đổi mới hoạt động đánh giá hiệu quả công tác PBGDPL" (Quyết định số 979/QĐ-TTg); Đề án đổi mới công tác trợ giúp pháp lý giai đoạn 2015-2025 (Quyết định số 749/QĐ-TTg); xây dựng và thực hiện hiệu quả Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật thực hiện PBGDPL tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2024-2030.

Năm là, nâng cao hiệu quả bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ đánh giá, thẩm tra, thẩm định các tiêu chí tiếp cận pháp luật cho công chức được giao tham mưu, theo dõi thực hiện đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu tiếp cận pháp; chú trọng tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ tuyên truyền viên pháp luật, hòa giải viên ở cơ sở, trợ giúp viên pháp lý.

Sáu là, huy động và sử dụng nguồn lực thực hiện các nội dung, tiêu chí tiếp cận pháp luật một cách hiệu quả.

- Huy động các nguồn lực theo hướng lồng ghép thực hiện nhiệm vụ có liên quan từ các chương trình, đề án khác của trung ương, địa phương; có chính sách hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho các xã, huyện đặc biệt khó khăn, xem xét hỗ trợ một số hoạt động cho thôn, làng, bản, ấp của địa bàn khó khăn, đặc biệt khó khăn để thực hiện các tiêu chí tiếp cận pháp luật.

- Tiếp tục hỗ trợ nguồn lực của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 cho các bộ, ngành trung ương, địa phương được giao chủ trì thực hiện các tiêu chí và nội dung, nhiệm vụ thành phần trong

Chương trình. Trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục quan tâm, bố trí tăng định mức kinh phí phân bổ của Chương trình mục tiêu quốc gia để Bộ Tư pháp, ngành Tư pháp thực hiện nhiệm vụ được giao; ưu tiên có kinh phí hỗ trợ xây dựng các mô hình điểm, hiệu quả về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý, hỗ trợ các đơn vị xã còn nhiều chỉ tiêu, tiêu chí chưa đạt chuẩn nhằm góp phần thực hiện mục tiêu xây dựng xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao; chia sẻ kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả trong triển khai các nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia...

- Đẩy mạnh thực hiện xã hội hóa một số lĩnh vực như phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý nhằm huy động đóng góp, tài trợ của doanh nghiệp, người dân trong cộng đồng; tận dụng nguồn lực từ các dự án, chương trình hợp tác quốc tế có liên quan.

Bây là, chú trọng đánh giá thực tiễn, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh khi thực hiện; thường xuyên kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, qua đó nhận diện những quy định bất cập của pháp luật để đề xuất sửa đổi, bổ sung, thay thế và nhận diện được những tồn tại, hạn chế trong triển khai thực hiện để kịp thời có giải pháp khắc phục./.

Tham luận về phương hướng triển khai Bộ tiêu chí nông thôn mới về lĩnh vực khám, chữa bệnh

Cục Khám chữa bệnh - Bộ Y tế

1. Quá trình triển khai thực hiện

Ngày 8/3/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 318/QĐ-TTg về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025.

Sau khi nhận được Quyết định trên, Bộ Y tế phân công Cục Quản lý Khám, chữa bệnh hướng dẫn thực hiện (Tiêu chí 15.4 thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới cấp xã, Tiêu chí: 14.2; 14.3; 14.4 thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao cấp xã), cụ thể như sau:

- Tiêu chí "15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử" thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
5	tế	Tiêu chí 15.4: Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥60%	≥50%	≥70%	≥50%	≥50%	≥50%	≥70%	≥50%

- Tiêu chí "14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)" thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

Tiêu chí "14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)" thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

Tiêu chí "14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử" thuộc bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao.

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu theo vùng						
				Trung du miền núi phía Bắc	Đồng bằng sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Duyên hải Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Đồng bằng sông Cửu Long
4	Y tế	14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%	≥90%
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%	≥40%
		14.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥75%	≥70%	≥90%	≥70%	≥70%	≥70%	≥90%	≥70%

Ngày 31/8/2022, Bộ Y tế Ban hành Quyết định số 2373/QĐ-BYT về việc Hướng dẫn thực hiện một số tiêu chí, chỉ tiêu thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế; Công văn số 3191/BYT-KCB ngày 25/5/2023 của Bộ Y tế về việc hướng dẫn thực hiện Tiêu chí 14.2; 14.3; 14.4 của Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025.

- Nhận được ý kiến về khó khăn, vướng mắc của nhiều địa phương trên toàn quốc, Cục đã tổ chức các cuộc họp với Vụ, Cục liên quan và các Sở Y tế về việc

đề xuất điều chỉnh nội dung các tiêu chí trình Chính phủ, để phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế trong triển khai thực hiện của các đơn vị;

- Ngày 25/7/2023, Cục đã tham mưu trình Bộ Y tế có công văn 4683/BYT-KH-TC gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý dự thảo Tờ trình và Quyết định sửa đổi một số tiêu chí nông thôn mới cấp xã, huyện và bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù giai đoạn 2021-2025, đồng thời Bộ Y tế đã gửi công văn này đến Ủy ban nhân dân, Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để các đơn vị nắm bắt tình hình, chỉ đạo triển khai thực hiện;

- Sau thời gian trên, Cục tiếp tục có nhiều văn bản trả lời địa phương, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc liên quan đến Bộ tiêu chí;

- Ngày 01/3/2024, Bộ Y tế nhận được Quyết định số 211/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới, Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao, Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; bổ sung tiêu chí huyện nông thôn mới đặc thù, không có đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2021-2025. Hiện tại Cục đang phối hợp với các đơn vị chức năng liên quan của Bộ Y tế xây dựng hướng dẫn thực hiện các tiêu chí sửa đổi này để hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện.

2. Phương hướng triển khai trong thời gian tới:

- Cục sẽ tiếp tục tham mưu Bộ Y tế hoàn thiện hành lang pháp lý để triển khai các Tiêu chí theo Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023, Nghị định 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

- Trong năm 2024 sẽ hướng dẫn địa phương ban hành văn bản, kế hoạch triển khai thực hiện đồng thời hoàn thiện các điều kiện cơ bản để thực hiện tiêu chí như: cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, kết nối mạng, chuẩn bị các phương án kết nối dữ liệu của Bảo hiểm xã hội và Bộ Công an (Đề án 06 của Chính phủ về dữ liệu dân cư)

- Trong năm 2025, địa phương nào hoàn thành các tiêu chí của năm 2024 sẽ được tiếp tục hướng dẫn triển khai thực hiện các tiêu chí như: tập huấn cho nhân viên y tế triển khai thực hiện, tuyên truyền tập huấn cho nhân dân về việc triển khai thực hiện và sử dụng ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa, thực hiện liên thông dữ liệu bảo hiểm và Bộ Công an.

- Sau khi các địa phương hoàn thành các nội dung trên, Bộ Y tế sẽ hướng dẫn các cơ sở y tế, người dân nhập dữ liệu các trường thông tin sức khỏe để thực hiện quản lý sức khỏe điện tử và tính tỷ lệ phần trăm người dân được quản lý sức khỏe, đồng thời hướng dẫn người dân sử dụng sổ sức khỏe điện tử đi khám, chữa

bệnh tại các cơ sở y tế. Đồng thời Bộ Y tế sẽ hướng dẫn các địa phương áp dụng thí điểm ứng dụng khám, chữa bệnh từ xa “Bác sĩ cho mọi nhà”.

- Sau thời gian triển khai thực hiện thí điểm sẽ tiến hành đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và chỉnh sửa nội dung (nếu có) và áp dụng triển khai thực hiện trong toàn quốc./.

**Đề xuất giải pháp nâng cao vai trò của phụ nữ trong phát triển
kinh tế, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới**

Trung ương Hội LHPN Việt Nam

Kính thưa đồng chí.....

Kính thưa các đồng chí đại biểu tham dự Hội nghị!

Được sự cho phép của Ban tổ chức tham luận phát biểu tại hội nghị, trước hết, thay mặt cho Đoàn Chủ tịch TW Hội LHPN Việt Nam, xin kính chúc các quý vị đại biểu luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, chúc hội nghị thành công tốt đẹp.

Thưa các quý vị đại biểu!

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đến nay đã bước sang năm thứ 4 của giai đoạn 5 năm. Cho đến nay, hệ thống hạ tầng nông thôn phát triển mạnh mẽ, kinh tế nông thôn phát triển, làm thay đổi bộ mặt nhiều vùng nông thôn. Điều kiện sống cả về vật chất và tinh thần của dân cư nông thôn được nâng cao rõ rệt. Có thể thấy, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đạt được những kết quả quan trọng bước đầu, góp phần hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế xã hội chung của cả nước. Có được những kết quả đó là nhờ sự chỉ đạo sát sao của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Ban Chỉ đạo Trung ương các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, cùng với sự nỗ lực, quyết tâm của cả hệ thống chính trị các cấp từ trung ương đến địa phương, sự đồng tình, hưởng ứng, tham gia tích cực của mọi tầng lớp nhân dân. Trong những nỗ lực chung đó, có sự **đóng góp tích cực** với nhiều **thành quả đáng ghi nhận** của phụ nữ và các cấp Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”. Thực hiện Chương trình xây dựng NTM cán bộ, hội viên, phụ nữ vừa là chủ thể thực hiện, là nhân tố tích cực thúc đẩy quá trình phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới, vừa là người được trực tiếp thụ hưởng những thành quả tốt đẹp của chương trình.

Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của phụ nữ và Hội LHPN trong xây dựng nông thôn mới, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ⁴⁷ cho Trung ương Hội LHPN Việt Nam chủ trì, hướng dẫn triển khai thực hiện nội dung Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025⁴⁸; Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”⁴⁹. Đây là điều kiện thuận lợi để Hội LHPN các cấp tiếp tục phát

⁴⁷ Quyết định 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022

⁴⁸ Nội dung 03 thuộc nội dung thành phần số 09

⁴⁹ Nội dung 05 thuộc nội dung thành phần số 09

huy năng lực, trách nhiệm trong thực hiện các nội dung thành phần Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Có thể thấy rằng, vai trò, vị thế chủ thể của phụ nữ trong nông thôn mới ngày càng được tôn trọng và phát huy.

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của tổ chức Hội, giai đoạn 2021-2023, Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã bám sát các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ ngành để tập trung chỉ đạo các cấp Hội thực hiện các nội dung thành phần được phân công chủ trì, phối hợp thực hiện; tích cực đóng góp ý kiến và đề xuất sửa đổi các thông tư, hướng dẫn thực hiện Chương trình nhằm cụ thể hóa các nhiệm vụ Hội LHPN Việt Nam được Chính phủ giao thành các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội phụ nữ toàn quốc nhiệm kỳ 2022-2027 **gắn với CVĐ**, Chương trình, Đề án của Hội để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra, tạo khí thế thi đua, tinh thần phấn khởi trong cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước, được cấp ủy, chính quyền địa phương ghi nhận, đánh giá cao. Trong đó, đặc biệt cần ghi nhận vai trò nòng cốt của các cấp Hội cơ sở.

Các cấp Hội thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM theo hướng dẫn của Trung ương Hội; đồng thời, phối hợp với chính quyền địa phương triển khai thực hiện các hoạt động xây dựng nông thôn mới bằng nhiều chương trình và hình thức cụ thể như: **tham gia Ban Chỉ đạo** Chương trình MTQG từ trung ương đến địa phương; vận động phụ nữ hiến đất, góp công xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, thủy lợi nội đồng; Thực hiện **tín dụng chính sách**⁵⁰, **để phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho hộ gia đình**⁵¹, tích cực tham gia **chuyển đổi cơ cấu kinh tế** nông nghiệp, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong sản xuất để tăng giá trị sản phẩm cây trồng, vật nuôi, gắn công nghiệp chế biến với thị trường tiêu thụ sản phẩm⁵²; Chú trọng **nâng cao chất lượng đào tạo nghề** cho lao động nông thôn, gắn với nhu cầu của thị trường⁵³; **Hỗ trợ thúc đẩy và phát triển** các mô hình khởi nghiệp, sáng tạo; hỗ trợ mô hình doanh nghiệp, HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho phụ nữ và đối tượng khác⁵⁴; **Tham gia vào việc phổ cập giáo dục, nâng cao chất lượng** giáo dục từ gia đình đến nhà trường; vận động hội viên và nhân dân **tham gia bảo hiểm y tế** để tăng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế; Chủ động tham gia các chương trình/hoạt động nhân đạo, đền ơn đáp nghĩa gắn với đảm bảo an sinh – xã hội: Chương trình “Triệu

⁵⁰ Đến 31/10/2023 với dư nợ trên **117 nghìn tỷ đồng**, chiếm tỷ trọng trên 38,2%, vượt chỉ tiêu đề ra (35%); 100% Tổ tiết kiệm và vay vốn Ngân hàng Chính sách - xã hội có hoạt động tiết kiệm; tỷ lệ nợ quá hạn từ 0,13 - 0,15% dưới mức 1%. Có **51/63** Hội LHPN tỉnh, thành ký Chương trình phối hợp với Agribank; **49/63** tỉnh đang quản lý 108 chương trình, dự án tài chính vi mô ở cấp tỉnh với tổng số dư nợ 1.700 tỷ đồng cho gần một triệu phụ nữ vay vốn phát triển sản xuất kinh doanh

⁵¹ Đã có **45/63** tỉnh, thành ký văn bản hợp tác, tạo điều kiện quan trọng giúp phụ nữ tiếp cận các dịch vụ tài chính chính thức, góp phần hạn chế tín dụng đen. Cấp Trung ương, TYM đã hỗ trợ hơn **201.000** phụ nữ tiếp cận vốn với dư nợ khoảng 2.700 tỷ; Tính đến 30/11/2023, các cấp Hội ước giúp **68.786** hộ có phụ nữ thoát nghèo, thoát cận nghèo dưới nhiều hình thức đồng.

⁵² hỗ trợ thành lập mới **209** hợp tác xã; 100% tỉnh, thành đạt và vượt chỉ tiêu đề ra

⁵³ hỗ trợ kết nối cho phụ nữ tham gia học nghề và giới thiệu việc làm cho phụ nữ với tổng số **360.779** phụ nữ trong năm 2023

⁵⁴ tổ chức **02 diễn đàn** “Cơ hội có việc làm sau đào tạo nghề cho lao động nữ nông thôn trong kỷ nguyên số” và **02 lớp tập huấn** cho cán bộ các ban, đơn vị có liên quan thuộc Trung ương Hội LHPN Việt Nam và Hội LHPN các tỉnh, thành phố có cơ sở giáo dục nghề nghiệp; **13 lớp** lớp tập huấn nâng cao năng lực nhằm tạo cơ hội nâng cao, cập nhật các kiến thức mới, trao đổi, liên kết, kết nối tiêu thụ sản phẩm.

phần quà san sẻ yêu thương”, tiếp bước cho em đến trường, Chương trình “Mẹ đỡ đầu”⁵⁵ đã **hỗ trợ chăm sóc, đỡ đầu trẻ mồ côi** đã phát huy hiệu quả, lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng xã hội, được lãnh đạo Đảng, Nhà nước đánh giá cao, thu hút sự quan tâm vào cuộc của cả hệ thống chính trị; **Đóng vai trò quan trọng trong xây dựng, vun đắp giá trị gia đình Việt Nam** lưu giữ, trao truyền các giá trị văn hóa truyền thống; đồng thời, xây dựng đời sống văn hóa cơ sở tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức cũng như hành động của hội viên phụ nữ và cộng đồng; đời sống vật chất và tinh thần của các gia đình được cải thiện rõ nét; vai trò chủ thể của phụ nữ trong gia đình và xã hội ngày càng được nâng cao, trở thành nhân tố tích cực trong xây dựng nông thôn mới; **Phụ nữ là nhân tố quan trọng, quyết định** hiệu quả CVĐ, là **lực lượng chủ chốt** tham gia công tác vệ sinh, bảo vệ môi trường nông thôn, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu⁵⁶...; **Tích cực tham gia giám sát, phản biện xã hội**⁵⁷ đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới và phát triển nông thôn; phát huy vai trò thành viên trong tham gia các đoàn kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới. Qua đó, kịp thời phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chính sách tại địa phương, làm căn cứ đề xuất với cấp ủy, chính quyền để có giải pháp tháo gỡ để triển khai Chương trình ngày càng đi vào chiều sâu và có chất lượng. Đồng thời, các cấp Hội đã chủ động triển khai, lựa chọn, đăng ký, đảm nhận những công trình/phần việc phù hợp với khả năng của Hội và nhu cầu của phụ nữ trong xây dựng Nông thôn mới.

Thực hiện “3 sạch” gắn với hàng chục nghìn công trình/phần⁵⁸ việc bảo vệ môi trường do các chi hội/tổ phụ nữ đảm nhiệm được triển khai rộng khắp làm thay đổi bộ mặt nông thôn và khẳng định vai trò của tổ chức Hội trong xây dựng nông thôn mới; Các hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, điển hình như: hướng dẫn hộ dân phân loại rác tại nguồn, ra quân thu dọn vệ sinh đường phố, khu dân cư và các tuyến kênh nội đồng; xóa các điểm bỏ rác tự phát, trồng cây xanh, cây hoa các loại góp phần làm mới và duy trì nâng cao chất lượng “Tuyến đường phụ nữ - xanh, sạch, đẹp”, hỗ trợ xây dựng nhà tiêu hợp vệ

⁵⁵ Đến tháng 11/2023, lũy kế Hội LHPN các cấp và hội viên, phụ nữ cả nước đã vận động được gần **150** tỷ đồng, hỗ trợ chăm sóc, đỡ đầu cho **27.670** trẻ mồ côi, trong đó, Hiệp hội Nữ doanh nhân Việt Nam và Hội Nữ doanh nhân các tỉnh, thành đã nhận đỡ đầu **843** trẻ với kinh phí khoảng **5** tỷ đồng/năm

⁵⁶ Ban hành Kế hoạch hành động số 324/KH-ĐCT ngày 07/7/2023 của Đoàn Chủ tịch về “Thúc đẩy triển khai hiệu quả nội dung “3 sạch” trong thực hiện cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” và hỗ trợ các tỉnh Sóc Trăng, Thái Nguyên, Cà Mau, Gia Lai **đề xuất UBND phê duyệt và cấp kinh phí** thực hiện nội dung 3 sạch đảm bảo khả thi; Có **38.351** cuộc truyền thông cả trực tiếp và trực tuyến thu hút **2.312.249** lượt hội viên phụ nữ tham gia; **7.862** cơ sở Hội có mô hình tham gia giữ gìn VSMT

⁵⁷ TW Hội giám sát 03 nội dung liên quan đến quy hoạch cán bộ nữ BTV cấp ủy và tổ chức Đảng các cấp; một số nội dung Luật BĐG; pháp luật chính sách lao động nữ, công tác chăm lo trẻ em là con công nhân, người lao động; **62/63** Hội LHPN tỉnh, thành giám sát ít nhất 01 chính sách; 729 sso huyện và 10.008 xã chủ trì và phối hợp giám sát ít nhất 01 chính sách.

⁵⁸ Phát động đợt thi đua đặc biệt với chủ đề “*130 công trình, phần việc vượt khó, sáng tạo, hiệu quả chào mừng Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII*”; Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới; Phong trào thi đua đặc biệt “Cả nước đoàn kết, chung sức đồng lòng thi đua phòng, chống và chiến thắng đại dịch Covid-19”;

sinh và tiếp cận với các điều kiện sử dụng nước sạch được quan tâm thực hiện⁵⁹. Tích cực tham gia chương trình “Mỗi xã một sản phẩm” (OCOP), Đề án 939 hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; Đề án 01 về HTX; bảo vệ môi trường, trồng nhiều cây xanh, tuyến đường hoa, xanh – sạch – đẹp – văn minh, đóng góp đáng kể trong thực hiện các tiêu chí xã NTM nâng cao, kiểu mẫu, đô thị văn minh, **góp phần thực hiện 13/19 tiêu chí** NTM. Sau 3 năm, đã có 22.083 cơ sở Hội đăng ký các hoạt động thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh, được 40.648 công trình/phần việc (vượt 136% so với kế hoạch); giúp 17.931.440 hộ gia đình đạt 8 tiêu chí của cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” (vượt chỉ tiêu đăng ký); vận động hỗ trợ 698.854 hộ xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh; 3.619.579 hộ sử dụng nước sạch.

Kính thưa các quý vị đại biểu!

Thực tế, công tác chỉ đạo, triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM của Hội LHPN Việt Nam trong 3 năm qua có nhiều đổi mới, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp Hội; Công tác tham mưu với cấp ủy, đề xuất với chính quyền và phối hợp với các ngành chức năng đã được các cấp Hội quan tâm, chú trọng. Nhiều địa phương sáng tạo trong đề xuất cơ chế, huy động được sự tham gia của cả hệ thống chính trị địa phương trong triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và tập trung các nguồn lực để thực hiện các nội dung thành phần được phân công; cụ thể hóa các tiêu chí phù hợp để thực hiện, phát huy sự tham gia tích cực của các tầng lớp hội viên, phụ nữ; Về cơ bản các chỉ tiêu trong năm đạt và vượt so với kế hoạch, tạo khí thế thi đua, tinh thần phấn khởi trong cán bộ, hội viên, phụ nữ cả nước.

Tuy nhiên, trong giai đoạn vừa qua Việt Nam trải qua đại dịch Covid-19, sau đó là quá trình phục hồi kinh tế, xã hội. Trong xu thế hội nhập, ứng dụng khoa học công nghệ trong thời đại 4.0 phát triển mạnh mẽ, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt và dịch bệnh ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của hội viên phụ nữ, tác động đến sản xuất, đến phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới của các cấp Hội. Đặt

⁵⁹ Tiêu biểu: Nam Định: Các cấp Hội duy trì hiệu quả các mô hình “Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp với 2.605 tuyến đường hoa, dài 2.775 km. Triển khai nhân rộng mô hình Phụ nữ chủ động thực hiện phân loại rác thải tại hộ gia đình” với 1.750 chi hội, thu hút 296.715 hộ gia đình tham gia, tặng 74.795 nắp đậy hồ ủ thùng chứa rác cho các gia đình tham gia mô hình. Triển khai có hiệu quả nguồn vốn vay công trình nước sạch vệ sinh hộ gia đình, đến nay lũy kế vốn vay là 143,851 tỷ đồng cho 24.475 thành viên vay góp phần thực hiện chỉ tiêu 18.7 về chất lượng môi trường sống trong Bộ tiêu chí QG về xã NTM nâng cao. Long An: tổ chức 1.339 hoạt động truyền thông về bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, điển hình như: hướng dẫn hộ dân phân loại rác tại nguồn; tổ chức 110 lễ phát động; 1.101 đợt ra quân thu dọn vệ sinh đường phố, khu dân cư và các tuyến kênh nội đồng; xóa trên 70 điểm bỏ rác tự phát; trồng trên 83.800 cây xanh, cây hoa các loại góp phần làm mới và duy trì nâng chất 499 Tuyến đường phụ nữ - xanh, sạch, đẹp có tổng chiều dài 660,5 km với tổng số tiền thực hiện trên 31 tỷ đồng; hỗ trợ xây dựng 15.073 nhà tiêu hợp vệ sinh; hỗ trợ 15.049 hộ gia đình tiếp cận với các điều kiện sử dụng nước sạch; cấp phát 800 thùng đựng rác có nắp đậy, 6.500 sọt đựng rác gia đình, 1.950 giỏ xách đi chợ, 600 túi vải thân thiện môi trường; trao 100 thùng ủ rác cho hộ gia đình hội viên, phụ nữ tham gia mô hình “Ủ rác thải thành phân bón hữu cơ”; 140 bồn chứa nước sạch... Duy trì hiệu quả hoạt động của 520 mô hình truyền thông về bảo vệ môi trường và 34 mô hình sinh kế thích ứng biến đổi khí hậu với 18.197 thành viên tham gia, điển hình như: mô hình “Phụ nữ Long An tận dụng rác thải sinh hoạt”, “Phụ nữ nói không với túi ni lông”, “Tuyến đường không rác thải”,...

ra những thách thức đối với các cấp Hội và quá trình triển khai tổ chức thực hiện có những khó khăn, hạn chế như sau:

- Nội dung vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện CVD “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và “Gia đình 5 có, 3 sạch” là nội dung mới, tuy đã được hướng dẫn nhưng hoạt động ở địa phương cơ sở chưa thực sự có chuyển biến rõ nét.

- Công tác tuyên truyền, vận động còn nhiều khó khăn và bất cập do điều kiện từng địa phương khác nhau về phương tiện, năng lực cán bộ. Nhiều hội viên, phụ nữ ở vùng dân tộc thiểu số không giao tiếp bằng tiếng phổ thông nên việc tuyên truyền không sử dụng tiếng của đồng bào sẽ không hiệu quả.

- Chất lượng công tác giám sát việc thực hiện bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới một số nơi chưa được như mong đợi.

- Sản phẩm OCOP do phụ nữ là chủ thể quy mô sản xuất còn nhỏ lẻ, chưa có sự liên kết để thúc đẩy sản phẩm phát triển bền vững, đăng ký thương hiệu, chưa quan tâm, nâng cấp sản phẩm từ 3 sao lên 4 sao, 5 sao...; Nhiều doanh nghiệp giải thể đã tác động đến việc làm, thu nhập, cuộc sống của hội viên, phụ nữ.

- Đời sống, trình độ dân trí của một bộ phận hội viên, phụ nữ nhất là ở vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số còn thấp, phương thức sản xuất, kinh doanh còn lạc hậu, cùng với sự ảnh hưởng của thiên tai, dịch bệnh nên việc hỗ trợ phụ nữ thoát nghèo bền vững còn gặp nhiều khó khăn.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chỉ đạo, điều hành hoạt động công tác Hội, Chương trình MTQG xây dựng NTM ở một số cơ sở còn hạn chế.

- Việc phân bổ kinh phí cho các cấp Hội tại nhiều địa phương rất hạn chế, do vậy nhiều nội dung, hoạt động không thực hiện được theo kế hoạch đề ra.

Đề phát huy vai trò của cán bộ, hội viên phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới, tiếp tục thực hiện các chỉ tiêu của Hội LHPN Việt Nam nhiệm kỳ 2022-2027 nhằm đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đề ra. Trung ương Hội LHPN Việt Nam đã và đang tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả những giải pháp trọng tâm cơ bản sau:

1. Tăng cường đổi mới các hoạt động tuyên truyền, vận động, ứng dụng công nghệ thông tin và đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số để tuyên truyền nâng cao nhận thức của hội viên phụ nữ về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới

TW Hội đang tích cực nghiên cứu xây dựng Đề án “Hỗ trợ phụ nữ tham gia chuyển đổi số đến năm 2030”, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2024; phát động chủ đề năm 2024 “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động hội” và cuộc thi “Ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức

sinh hoạt hội”. Đồng thời, tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông qua các nền tảng công nghệ số, ứng dụng chuyển đổi số trong tổ chức các hội nghị, hội thảo trực tuyến đến các cơ sở Hội, cán bộ, hội viên, phụ nữ nhằm cung cấp, trang bị các kiến thức về mục đích, ý nghĩa, kết quả thực hiện của Cuộc vận động, tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng NTM; Cung cấp thông tin, kiến thức về chuyển đổi số; các chủ trương, chính sách của nhà nước về chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn; các giải pháp phát huy vai trò của phụ nữ trong ứng dụng công nghệ thông tin về thực hiện thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng các loại chất thải, sản xuất xanh. Chia sẻ các bài học kinh nghiệm, mô hình sáng tạo về ứng dụng chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới; Nâng cao năng lực cho cán bộ Hội trong thực hành, ứng dụng các phần mềm của hệ thống Hội trong công tác Hội; Hướng dẫn thực hành sử dụng các kỹ năng số, nền tảng số phục vụ công tác Hội và xây dựng NTM tại địa phương hướng đến xây dựng nông thôn thông minh, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn. Tuyên truyền vận động phụ nữ phát huy nội lực, chủ động, tích cực tham gia, hỗ trợ, giúp nhau giảm nghèo bền vững; tiếp tục thực hiện các mô hình sinh kế phù hợp với điều kiện của phụ nữ và ưu tiên phát triển của địa phương, tập trung hỗ trợ phụ nữ thuộc hộ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số vùng đặc biệt khó khăn. Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, biểu dương và nhân rộng các điển hình tiêu biểu trong thực hiện Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch”; “Gia đình 5 có, 3 sạch” gắn với vun đắp giá trị gia đình trong xây dựng nông thôn mới; điển hình trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường trên các phương tiện thông tin đại chúng.

2. Đẩy mạnh tập huấn, truyền thông nâng cao năng lực, kiến thức cho đội ngũ cán bộ Hội các cấp; xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình

Tăng cường các hoạt động nâng cao kiến thức, năng lực cho cán bộ Hội các cấp về hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, phát triển kinh tế, giảm nghèo; ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại, chuyển đổi cơ cấu sản xuất; thúc đẩy phụ nữ tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), phát triển ngành nghề truyền thống; Bảo vệ môi trường; xây dựng, duy trì đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên về bảo vệ môi trường làm hạt nhân, nòng cốt, tiên phong trong các hoạt động bảo vệ môi trường tại cộng đồng. Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình điển hình hỗ trợ hội viên phụ nữ, nhân dân tham gia xây dựng NTM; mô hình sản xuất kinh doanh, khởi nghiệp phù hợp với đối tượng, địa bàn thích ứng với biến đổi khí hậu và bền vững góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững; sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm chất lượng, an toàn vì sức khỏe cộng đồng; mô hình về phân loại rác thải sinh hoạt tại nguồn, xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình, tái chế, biến rác thành tiền, thay thế rác thải nhựa...; Khuyến khích và thúc đẩy các sáng kiến do phụ nữ khởi xướng hoặc phụ nữ làm chủ, tạo cơ hội để phụ nữ tiếp cận được các nguồn lực tài chính, trao quyền năng

về kinh tế cho phụ nữ ở các vùng, ngành nghề dễ bị tổn thương trong công tác bảo vệ môi trường.

3. Phát huy vai trò của tổ chức Hội và các tổ chức thành viên⁶⁰ trong tổ chức thực hiện các nội dung Chương trình

TW Hội tiếp tục chỉ đạo Hội LHPN các tỉnh/thành xây dựng đề án/kế hoạch thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo kế hoạch/hướng dẫn của TW Hội và Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG tỉnh/thành; Tiếp tục thực hiện hiệu quả Đề án 938 của TTg về Hỗ trợ phụ nữ tham gia giải quyết một số vấn đề xã hội bức xúc liên quan đến PNTQ; Đề án 939 về Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp; Chương trình phối hợp số 01 với Chính phủ, Hội Nông dân Việt Nam về ATTP; Đề án "Hỗ trợ hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030"; Hỗ trợ Hội LHPN tỉnh/thành đề xuất Đề án, kế hoạch về thúc đẩy *thực hiện 3 sạch góp phần thực hiện tiêu chí 17.8 trong bộ tiêu chí quốc gia Nông thôn mới* trình UBND các tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí để hỗ trợ thực hiện xây dựng nhà tiêu hợp vệ sinh/tiến tới xóa bỏ tình trạng đi tiêu bừa bãi...; Vận động cấp ủy, chính quyền cần quan tâm đến việc thực hiện bảo đảm lồng ghép giới trong các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới; ngoài ra, cần có cơ chế, chính sách để phát huy năng lực, khả năng đóng góp của phụ nữ trong xây dựng nông thôn mới.

Phối hợp với các Bộ, ngành TW thông qua thực hiện các CTPH với các nội dung cam kết cùng thực hiện như tuyên truyền, vận động phụ nữ và nhân dân tham gia quản lý chất thải sinh hoạt giai đoạn 2024-2027; tuyên truyền, vận động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe cho phụ nữ.

Tăng cường công tác phối hợp với các ngành, cấp ủy, chính quyền, cơ quan địa phương trong chỉ đạo nhân rộng mô hình; vận động nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, giảm nghèo bền vững. Mở rộng quan hệ phối hợp với các tổ chức trong nước, quốc tế để tập trung nguồn lực cho hoạt động hỗ trợ phụ nữ phát triển kinh tế, khởi nghiệp, giảm nghèo bền vững.

4. Thực hiện đánh giá giữa kỳ Cuộc vận động xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, đảm bảo duy trì bền vững các mô hình xây dựng nông thôn mới ở cơ sở góp phần xây dựng nông thôn mới; Nâng cao chất lượng các phần việc/hoạt động xây dựng nông thôn mới ở cơ sở nhằm thực hiện các chỉ tiêu của Nghị quyết Đại hội PNTQ lần thứ XIII đề ra có liên quan xây dựng NTM

Tổ chức đánh giá theo chỉ tiêu/kết quả đầu ra và quá trình thực hiện Cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch"; Tiếp tục duy trì hiệu quả mô hình "Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới"; Tiếp tục chỉ đạo và nhân rộng mô hình "Gia đình 5 có, 3 sạch" trên toàn quốc; Nghiên cứu và bổ sung

⁶⁰ Hội doanh nhân, Hội nữ trí thức

hướng dẫn triển khai xây dựng “Gia đình 5 có, 3 sạch” trong thôn/xã nông thôn mới thông minh, xa thương mại điện tử;

Tiếp tục hướng dẫn các cấp Hội mở rộng đăng ký phân việc liên quan đến xây dựng gia đình, nâng cao đời sống văn hóa, thúc đẩy bình đẳng giới, đỡ đầu trẻ em mồ côi; xây dựng thực hiện, nhân rộng các mô hình khởi nghiệp, khởi sự kinh doanh khả thi. Đặc biệt, cần nghiên cứu, mở rộng các mô hình dịch vụ theo nhu cầu xã hội hiện đại: chăm sóc người già/người ốm/ trẻ em, đưa đón trẻ, giúp việc gia đình, hỗ trợ việc nhà, dọn dẹp vệ sinh, dịch vụ cưới hỏi,... giảm gánh nặng việc nhà cho phụ nữ, cải thiện cuộc sống; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội, phòng chống mua bán người và bạo lực trên cơ sở giới góp phần vun đắp và lan tỏa giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

5. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội, đề xuất chính sách liên quan đến phụ nữ, gia đình, trẻ em và bình đẳng giới

TW Hội tiếp tục đề xuất ứng dụng **Bộ công cụ và cơ chế giám sát** việc thực hiện bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới đưa vào Bộ Chỉ số giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025.

Hội LHPN các tỉnh, thành tiếp tục thực hiện Quyết định 217-QĐ/TW, chủ động tham mưu, đề xuất các cấp ủy về nội dung giám sát đảm bảo đúng quy trình. Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể cùng cấp tiếp tục tham gia **giám sát, đánh giá** kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ở địa phương; tham gia phản biện xã hội về các cơ chế, chính sách, lồng ghép các chương trình, dự án, nguồn vốn thực hiện Chương trình MTQG; **đề xuất chính sách** về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ do nữ làm chủ; hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp, hợp tác xã do phụ nữ tham gia quản lý, phát triển sản phẩm OCOP; nghiên cứu, đánh giá, nhân rộng mô hình hợp tác xã, tổ hợp tác hiệu quả; Nghiên cứu, xây dựng **cơ chế chính sách** phát huy những mô hình hiệu quả trong thực tiễn về phân loại xử lý rác hữu cơ tại hộ gia đình; **cơ chế hỗ trợ** đối với phụ nữ làm nhiệm vụ thu gom rác ở các địa phương về dụng cụ bảo hộ lao động, điều kiện đảm bảo an toàn lao động và thu nhập.

Qua đó, góp phần hoàn thiện chính sách, pháp luật liên quan đến công tác gia đình, thực hiện bình đẳng giới trong xây dựng nông thôn mới; chủ động nghiên cứu, đề xuất, xây dựng các chương trình, đề án, dự án, đề tài khoa học về xây dựng gia đình, vun đắp giá trị gia đình, xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc./.

Báo cáo kết quả và giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh phong trào "Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới" và phát triển kinh tế nông thôn

Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới là một chương trình tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội, chính trị và an ninh quốc phòng do Chính phủ Việt Nam xây dựng và triển khai trên phạm vi nông thôn toàn quốc, căn cứ tinh thần của Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

Thực hiện Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội Khóa XV về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 với phương châm đầu tư được đồng bộ, kịp thời, thống nhất và có hiệu quả; Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tiên phong với sức trẻ tình nguyện tham gia xây dựng nông thôn mới. Trong giai đoạn 2021 – 2025 tuổi trẻ Việt Nam đã tình nguyện tham gia vào các hoạt động chung tay xây dựng nông thôn mới, có những đóng góp nhất định trong công cuộc xây dựng những Làng quê đáng sống.

Tác giả lựa chọn bài viết hội thảo “*Kết quả và giải pháp trọng tâm nhằm đẩy mạnh phong trào Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn*”, nhằm mô tả khái quát những kết quả đạt được và những khó khăn, trong triển khai phong trào của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Từ đó, rút ra một số giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong công cuộc đẩy mạnh phong trào Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế nông thôn.

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Trong công cuộc truyền thông xây dựng nông thôn mới

Các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình trong và ngoài Đoàn thanh niên đã tích cực tuyên truyền, phản ánh kịp thời về các hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới của Đoàn thanh niên các cấp. Trung ương Đoàn chỉ đạo các báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình trong hệ thống Đoàn thanh niên xây dựng các chuyên mục, phóng sự truyền hình, viết tin, bài phản ánh về hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới của thanh niên; phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam xây dựng các phóng sự, chuyên mục, trailer phát liên tục hàng tháng trên các kênh VTV1, VTV3; giới thiệu, tuyên truyền các nhà nông trẻ xuất sắc trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng nông thôn mới, phát trên các kênh VTV1, VTV6. Tổ chức tuyên dương những thanh niên có thành tích xuất sắc trong sản xuất kinh doanh, bảo vệ môi trường và xây dựng nông thôn mới.

Các tỉnh, thành đoàn đã chủ động và linh hoạt trong tổ chức các hoạt động tuyên truyền về nông thôn mới dưới nhiều hình thức, như: phối hợp với báo, đài phát thanh, truyền hình địa phương xây dựng các chuyên mục phản ánh hoạt động xây dựng nông thôn mới của Đoàn thanh niên; xây dựng chuyên mục thông tin, hiến kế xây dựng nông thôn mới trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, thành đoàn; lập hòm thư điện tử riêng về xây dựng nông thôn mới kết nối với các cơ sở Đoàn; đưa các nội dung của Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, các tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới vào các bản tin phát hành định kỳ cho sinh hoạt chi đoàn; tổ chức các hội thi tìm hiểu về nông thôn mới, hội diễn văn nghệ, biểu diễn tiểu phẩm, hội thảo, tọa đàm, đối thoại trong thanh niên nông thôn; tuyên truyền trực quan qua hệ thống poster, tờ rơi, sổ tay, hệ thống phát thanh thôn, bản, xã, qua mạng xã hội như: facebook, zalo; từ năm 2021 đến nay các cấp bộ Đoàn đã tổ chức tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới trên các phương tiện thông tin đại chúng được **246.321** tin, bài, phóng sự.

Thời gian qua, các hoạt động tuyên truyền của Đoàn Thanh niên về xây dựng nông thôn mới đã được triển khai dưới nhiều phương thức khác nhau và lồng ghép vào các hoạt động tuyên truyền khác của Đoàn Thanh niên, triển khai chỉ đạo đồng loạt "Ngày cao điểm tình nguyện chung tay xây dựng nông thôn mới" trên toàn quốc. Các hoạt động tuyên truyền đã góp phần nâng cao ý thức, trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong tham gia xây dựng nông thôn mới. Từ đó, đoàn viên, thanh niên có những công trình, phần việc cụ thể, đóng góp vào việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại các địa phương. Bên cạnh các hoạt động tuyên truyền, các cuộc thi, các kỳ tổ chức tuyên dương để tuyên truyền. Ban Bí thư Trung ương Đoàn chỉ đạo các tỉnh, thành đoàn hàng năm lựa chọn các thôn, bản khó khăn hoàn thành tiêu chí nông thôn mới.

2. Tham gia xây dựng hạ tầng, cảnh quan và bảo vệ môi trường nông thôn

Việc xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn được Đoàn thanh niên các cấp chú trọng, thực hiện ngay từ những ngày đầu triển khai phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới”. Trung ương Đoàn đã huy động nguồn lực từ các doanh nghiệp, lực lượng vũ trang, các đoàn trực thuộc tham gia xây dựng nông thôn mới, tập trung vào xây dựng đường giao thông nông thôn, nhà văn hóa thôn. Từ năm 2021 đến nay các cấp bộ đoàn đã huy động đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn xã, nhất là đối với những xã nghèo, xã đặc biệt khó khăn, tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, tăng hưởng thụ trực tiếp cho thanh niên và cư dân nông thôn. Trong đó, nhiều hoạt động đã mang tính rộng khắp và thu hút đông đảo thanh niên tham gia hưởng ứng, được xã hội đồng tình, ghi nhận, đánh giá cao, như: xây dựng đường giao thông nông thôn; cầu giao thông nông thôn; thấp sáng đường giao thông nông thôn, với mô hình “Thấp sáng đường quê”, nhà văn hóa thôn; thực hiện các công trình đoạn đường thanh niên; nạo vét kênh mương, thủy lợi nội đồng; hỗ trợ nhân

dân xây dựng nhà nhân ái, nhà tiêu hợp vệ sinh, trường học, các công trình cấp và chứa nước, công trình vệ sinh, chuồng trại chăn nuôi; hỗ trợ các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn xây dựng Nhà khăn quàng đỏ; xây dựng sân chơi cho thanh thiếu nhi; vận động nhân dân làm cột cờ, hàng rào xanh... Nhiều tỉnh, thành đoàn đã thành lập các đội thanh niên tình nguyện xây dựng nông thôn mới chuyên đảm nhận các nhiệm vụ xây dựng cơ sở hạ tầng ở địa phương. Kết quả, Đoàn thanh niên các cấp đã làm mới **4463,56** km đường giao thông nông thôn; thấp sáng **12573,3** km đường giao thông nông thôn; xây mới **1185** cầu nông thôn; **8064** tuyến đường nông thôn kiểu mẫu; xóa **8185** nhà tạm, nhà dột nát.

Các hoạt động bảo vệ môi trường trong xây dựng nông thôn mới được đông đảo đoàn viên, thanh thiếu niên tại các địa phương tích cực tham gia, với các hoạt động: tổ chức tuyên truyền về bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước sạch; triển khai chương trình “Vì một Việt Nam xanh”, “Hạnh phúc xanh”, “Chống rác thải nhựa”, “Đường hoa thanh niên”, “Con đường bích họa”, cải tạo các lớp xe ô tô cũ làm bồn hoa, sân chơi cho thiếu nhi (Hành trình thứ 2 của lớp xe), ra quân làm sạch bờ biển; trồng cây xanh, trồng hoa ven đường; trồng rừng, trồng cây ăn quả; vệ sinh đường làng, ngõ xóm.

3. Tham gia phát triển kinh tế ở nông thôn

Các cấp bộ Đoàn đã có nhiều giải pháp phát huy tinh thần sáng tạo, mạnh dạn của thanh niên cũng như hỗ trợ thanh niên trong phát triển kinh tế nông thôn như: Tổ chức đào tạo, tập huấn, chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ trong hoạt động sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp ; hướng dẫn thanh niên vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh; tổ chức cho thanh niên nông thôn trao đổi kinh nghiệm, giới thiệu, tham quan, học hỏi các mô hình tiêu biểu; tuyên truyền, hỗ trợ thanh niên tham gia Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP); chương trình phát triển kinh tế gắn với du lịch cộng đồng được thanh niên các tỉnh miền núi phía Bắc và Tây nguyên triển khai hiệu quả, góp phần tích cực vào phát triển kinh tế gắn với xây dựng nông thôn mới; phát triển **9.591** Hợp tác xã, **13.207** Tổ hợp tác thanh niên, **6.745** câu lạc bộ thanh niên làm kinh tế...

Nhằm cổ vũ, khuyến khích, định hướng và xây dựng tinh thần khởi nghiệp, lập nghiệp, tham gia phát triển kinh tế khu vực nông thôn của thanh niên và tạo môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ thanh niên nông thôn trong quá trình khởi nghiệp, đổi mới, sáng tạo; đồng thời, phát huy vai trò của thanh niên trong phát triển kinh tế tham gia cơ cấu lại ngành nông nghiệp, Trung ương Đoàn tổ chức Cuộc thi dự án khởi nghiệp thanh niên nông thôn. Qua các năm 2021, 2022, 2023 cuộc thi đã thu hút được **1.220** dự án đăng ký dự thi.

Ngoài ra, nhiều giải pháp hỗ trợ thanh niên trong khởi nghiệp đã được các cấp bộ Đoàn triển khai, như: Tổ chức các diễn đàn, tọa đàm về khởi nghiệp với sự tham gia của các chuyên gia, các doanh nghiệp khởi nghiệp thành công; tổ chức

các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp; tổ chức tập huấn, đào tạo kiến thức về khởi nghiệp; thành lập các Tổ tư vấn giúp đoàn viên, thanh niên hình thành ý tưởng, dự án khởi nghiệp; xây dựng các không gian khởi nghiệp cho thanh niên; kết nối doanh nghiệp, các nhà đầu tư với các ý tưởng, dự án khởi nghiệp; tư vấn chính sách, pháp lý, kết nối giao thương, tiêu thụ sản phẩm.

Các hoạt động hỗ trợ cung cấp thông tin thị trường, kết nối giao thương; hỗ trợ bảo hộ nhãn hiệu cho các sản phẩm do thanh niên sản xuất, kinh doanh được triển khai thông qua thành lập trang fanpage; Tổ hợp tác, Hợp tác xã thanh niên giúp thanh niên tìm kiếm đầu ra cho sản phẩm, quảng bá giới thiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương tới người tiêu dùng. Kết nối các công ty, doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn tìm đầu ra cho sản phẩm. Hỗ trợ các sản phẩm khởi nghiệp tham gia các kênh bán lẻ, các kênh phân phối có sẵn. Chỉ đạo đoàn cấp huyện xây dựng gian hàng thanh niên theo đặc thù địa phương trong các mùa lễ hội, trưng bày sản phẩm theo chương trình “mỗi xã một sản phẩm” qua đó quảng bá, giới thiệu các sản phẩm của thanh niên.

Năm 2023, Trung ương Đoàn tổ chức các Diễn đàn Chuyển đổi số trong truyền thông quảng bá sản phẩm OCOP của thanh niên với Chủ đề "Khai thác tiềm năng kinh tế số trong xúc tiến quảng bá sản phẩm OCOP" tại tỉnh Bắc Kạn, Bắc Giang, Sơn La, Hà Tĩnh, Thanh Hoá. Diễn đàn là cơ hội cho các chủ thể, doanh nghiệp, người dân tiếp cận đến các kiến thức và kỹ năng cần thiết để phát triển trên các nền tảng số, định hướng tư duy và khai thác tiềm năng kinh tế số để nâng cao hiệu quả trong xúc tiến quảng bá sản phẩm OCOP; Tổ chức **05** Hội nghị tập huấn tăng cường kỹ năng bán các sản phẩm OCOP qua phương tiện số cho thanh niên nông thôn tại các tỉnh, thành phố; Tổ chức **07** Hội nghị hướng dẫn hoàn thiện chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn sản phẩm tham gia OCOP theo Bộ tiêu chí OCOP được tổ chức cho gần **900** học viên là các chủ thể OCOP thanh niên, doanh nghiệp trẻ, Hợp tác xã, tổ hợp tác thanh niên, đoàn viên, thanh niên học trực tiếp tại các tỉnh, thành phố: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Nghệ An, Khánh Hòa, Cần Thơ, Tiền Giang, Đồng Nai và phát trực tuyến trên toàn quốc tại fanpage Thanh niên nông thôn.

Thông qua các hoạt động hỗ trợ, tổ chức Đoàn đã cổ vũ, động viên, hướng dẫn thanh niên thay đổi phương thức sản xuất, tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh; liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm; phát triển sản xuất đã gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn; tạo thêm nhiều việc làm, nâng cao thu nhập cho thanh niên, góp phần xây dựng kinh tế tại các địa phương. Điều kiện sống của phần lớn thanh niên và cư dân nông thôn được nâng cao.

4. Tham gia xây dựng đời sống văn hoá ở nông thôn

Các cấp bộ Đoàn đã tổ chức cho đoàn viên, thanh niên tham gia tu sửa, làm đẹp các công trình, di tích lịch sử, văn hóa của địa phương; vận động đoàn viên

thanh niên nông thôn đi đầu bài trừ các hủ tục lạc hậu, gương mẫu thực hiện các quy ước của cộng đồng, nhất là thực hiện tiết kiệm, văn minh trong việc cưới, việc tang; tổ chức cho đoàn viên, thanh niên khai thác và sử dụng có hiệu quả các điểm truy cập Internet; duy trì và phát triển các loại hình câu lạc bộ gia đình trẻ, câu lạc bộ dân số; tổ chức các hoạt động giao lưu, kết nghĩa, các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao giữa tổ chức Đoàn địa phương với thanh niên lực lượng vũ trang, thanh niên trong các cơ quan, doanh nghiệp, trường học đóng trên địa bàn; xây mới, sửa chữa các nhà văn hóa, xây dựng các sân chơi cho thiếu nhi. Kết quả, tu sửa **5.018** nhà văn hóa; xây mới **414** nhà văn hóa.

5. Xung kích giữ gìn an ninh, trật tự trên địa bàn nông thôn

Các tỉnh, thành đoàn đã chủ động phối hợp với Ban an toàn giao thông cùng cấp đẩy mạnh các hoạt động cao điểm về an toàn giao thông trên địa bàn nông thôn với các hoạt động như: tổ chức tuyên truyền về an toàn giao thông thông qua hệ thống tờ rơi; các buổi diễn đàn “Thanh niên với văn hóa giao thông”; xây dựng các “Bến đò ngang an toàn”, “Đội thanh niên tình nguyện” trực trong các giờ cao điểm tại các bến sông, bến đò, hướng dẫn sử dụng áo phao và các thiết bị cứu sinh trên đò, kết hợp các ngành chức năng thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở các chủ đò và người điều khiển phương tiện thực hiện tốt các quy định đảm bảo an toàn khi hoạt động, nhất là trong điều kiện mưa lũ; thành lập các đội thanh niên sơ cứu, ứng cứu nhanh tai nạn giao thông trên tuyến đường quốc lộ... Các hoạt động đã góp phần nâng cao ý thức của đoàn viên, thanh niên, người dân trong tham gia chấp hành luật giao thông đường bộ, đường thủy và giảm thiểu tai nạn giao thông khu vực nông thôn.

6. Tổ chức các đội trí thức trẻ tình nguyện xây dựng nông thôn mới

Trung ương Đoàn đã triển khai chương trình “Trí thức trẻ tình nguyện tham xây dựng nông thôn mới”, phát huy đội ngũ giảng viên trẻ, sinh viên xuất sắc đã được đào tạo chuyên ngành, đội ngũ cán bộ ở các viện nghiên cứu và các sở ngành đến các địa bàn khó khăn hỗ trợ cư dân nông thôn xây dựng nông thôn mới. Các hoạt động của các đội trí thức trẻ tình nguyện tập trung vào chuyên giao tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sản xuất nông nghiệp và chăn nuôi cho nhân dân; xây dựng các mô hình trồng trọt, chăn nuôi; nghiên cứu các đề tài về nông nghiệp; định hướng cho cư dân các loại cây trồng, vật nuôi phù hợp, đem lại hiệu quả kinh tế cao; tổ chức các hoạt động tình nguyện xây dựng các công trình dân sinh; giúp dân cải tạo vườn tạp, xây dựng vườn mẫu, khu dân cư kiểu mẫu.

Một số tỉnh, thành đoàn đã phối hợp với các đơn vị trong và ngoài tỉnh thành lập các đội hình trí thức trẻ, nòng cốt là sinh viên về tình nguyện tại các xã điểm xây dựng nông thôn mới, với nhiều hoạt động cụ thể, như: tổ chức tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về xây dựng nông thôn mới; tổ chức làm đường bê tông nông thôn, sửa chữa nhà cho hộ nghèo; dọn vệ

sinh môi trường, xóa các điểm đen ô nhiễm môi trường; tham gia triển khai dự án phát triển kinh tế, góp phần xóa đói, giảm nghèo; dạy học cho học sinh nghèo; tổ chức sinh hoạt hè cho thanh thiếu nhi... các đội trí thức trẻ trên toàn quốc đã triển khai 6.666 hoạt động chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật cho người dân. Các hoạt động tình nguyện đã góp phần tích cực trong việc thay đổi diện mạo nông thôn, được người dân và chính quyền địa phương đánh giá cao đặc biệt là góp phần quan trọng trong việc hoàn thành các tiêu chí nông thôn mới ở nhiều xã.

II. KHÓ KHĂN

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai các hoạt động đẩy mạnh phong trào “Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới” và phát triển kinh tế nông thôn vẫn còn những tồn tại, hạn chế như:

- Công tác tuyên truyền tại một số đơn vị vẫn còn mang tính hình thức, chưa đi vào chiều sâu và tạo được khí thế thi đua thực sự trong đoàn viên, thanh niên; nội dung, hình thức tuyên truyền còn rập khuôn, thiếu sự sáng tạo, đổi mới. Việc hỗ trợ thanh niên tiếp cận các nguồn thông tin về kinh tế, cơ chế, chính sách, tiếp cận khoa học, công nghệ còn chưa đồng đều, đặc biệt là vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa còn thiếu, gặp nhiều khó khăn. Thiếu nhiều giải pháp thiết thực hỗ trợ, giúp thanh niên tiêu thụ các sản phẩm nông nghiệp. Hoạt động tham gia giữ gìn bản sắc văn hóa tại nông thôn chưa thể hiện rõ nét, nhiều đơn vị tổ chức hoạt động chưa thường xuyên, mới chỉ đẩy thành cao trào tại các đợt hoạt động cao điểm của Đoàn. Công tác kiểm tra, đánh giá kết quả và thông tin báo cáo ở một số tỉnh, thành đoàn chưa nghiêm túc.

- Công tác hỗ trợ vốn cho thanh niên phát triển kinh tế còn chưa đáp ứng được nhu cầu của thanh niên, nhiều cơ sở Đoàn chưa chủ động tìm kiếm các nguồn tín dụng hỗ trợ cho thanh niên phát triển kinh tế.

- Việc triển khai các chủ trương mới trong công tác xây dựng nông thôn mới như: xây dựng nông thôn mới nâng cao, xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, xây dựng nông thôn mới thôn bản còn lúng túng.

III. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Để phong trào Tuổi trẻ chung tay xây dựng nông thôn mới ngày càng phát huy hiệu, Trung ương Đoàn chỉ đạo các cấp bộ đoàn những nội dung trọng tâm, cụ thể như:

Một là, tăng cường công tác tuyên truyền để mỗi người dân hiểu và nâng cao trách nhiệm trong việc tạo dựng cảnh quan nông thôn đẹp từ khuôn viên gia đình đến từng đường làng, ngõ xóm. Các chương trình trồng cây bóng mát, trồng hoa ven đường, lắp đặt cột đèn chiếu sáng, giữ vệ sinh môi trường,...

Hai là, chủ động triển khai sáng tạo, đa dạng các nội dung tham gia xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới thông minh, nhất là

trong lĩnh vực chuyên giao tiến bộ khoa học, công nghệ, giúp thanh niên nông thôn có kiến thức, có điều kiện để phát triển sản xuất nông nghiệp, làm giàu từ nghề nông, chế biến sản phẩm nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, quản lý tài nguyên nông nghiệp và phát triển các dịch vụ liên quan đến nông thôn. Phát huy sức trẻ, tinh thần và trí tuệ của tuổi trẻ để tham gia giải quyết những thách thức của nông thôn, đồng thời đóng góp ý kiến và ý tưởng của mình để tạo ra các giải pháp sáng tạo và hiệu quả.

Ba là, triển khai các hoạt động hỗ trợ bà con nông dân ứng dụng chuyên đổi số và khai thác tiềm năng kinh tế số trong quản lý sản xuất, quảng bá và thúc đẩy xúc tiến thương mại các sản phẩm nông sản, đặc biệt là các sản phẩm OCOP của địa phương. Phát huy khả năng ứng dụng công nghệ số của Thanh niên để hỗ trợ địa phương trong công tác tuyên truyền, truyền thông và hỗ trợ bà con sử dụng các ứng dụng số; tiếp cận hình thức bán hàng trên các sàn thương mại điện tử, kết nối với các KOL để cùng đồng hành trong quá trình tiếp cận hình thức bán hàng mới, tiến tới xây dựng các xã thương mại điện tử.

Bốn là, xây dựng các công trình thanh niên tạo cảnh quan môi trường nông thôn: tuyến đường hoa, tuyến đường cây, tuyến đường sáng – xanh – sạch - đẹp - an toàn - văn minh; công trình thấp sáng đường quê bằng năng lượng mặt trời; nhân rộng các mô hình thôn xóm, cộng đồng dân cư làm tốt công tác bảo vệ môi trường và làm đẹp cảnh quan nông thôn, giữ gìn cảnh quan truyền thống của nông thôn.

Năm là, tiếp tục theo dõi, nắm bắt, đồng hành và hỗ trợ đoàn viên, thanh niên trong sản xuất, kinh doanh, phát hiện các mô hình thanh niên làm kinh tế giỏi trên địa bàn đồng thời định hướng phát triển các mô hình sản xuất của thanh niên theo hướng Hợp tác xã thanh niên có phát thải ròng bằng không (net zero).

Hoạt động tham gia xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế của đoàn viên, thanh niên các cấp rất cần và mong muốn nhận được sự quan tâm, chỉ đạo của các Bộ, ngành để những hoạt động của thanh niên tiếp tục được phát huy hiệu quả, khẳng định vị trí và vai trò của thế hệ trẻ trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh; để những làng quê Việt Nam trở thành những Làng quê đáng sống./.



BÁO CÁO

CỦA CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

Kết quả, định hướng và giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh



1. Kết quả xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

Tỉnh Quảng Ninh, sau 13 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với sự nỗ lực, cố gắng không ngừng của cấp Ủy, chính quyền các cấp, các lực lượng xã hội, chung sức của người dân, với quan điểm chỉ đạo xuyên suốt là xây dựng các xã đạt chuẩn nông thôn mới theo hướng thực chất của các tiêu chí, tiến tới xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu, xác định người nông dân là chủ thể và huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị để thực hiện; với mục tiêu cốt lõi của Chương trình là không ngừng cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Bằng nhiều cách làm linh hoạt, sáng tạo, đột phá và bán sát chỉ đạo, phù hợp với điều kiện, thực tiễn, kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới của tỉnh đến nay đã đạt được là:

(1) Xã đạt chuẩn nông thôn mới: có 98/98 xã (đạt 100%), đạt kế hoạch đến hết năm 2023; sớm 3 năm so với đạt mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm 2025; đạt mục tiêu theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(2) Xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Có 56/98 xã (đạt 57,1%), tăng 21 xã so với năm 2020 (năm 2020 là 35 xã); vượt mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm 2025 (giao là 56,1%); đạt mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(3) Xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Có 28/98 xã (28,57%), tăng 16 xã so với năm 2020 (năm 2020 là 12 xã); đạt trên 90% mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm 2025 (giao là 31,6%); đạt mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(4) Huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Có 13/13 đơn vị cấp huyện (đạt 100%) tăng 4 huyện so với năm 2020 (năm 2020 có 9 địa phương được công nhận); đạt sớm 2 năm so với mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm

2025; đạt mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(5) Huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: Có 02/7 huyện (Đầm Hà, Tiên Yên) đã được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (cả nước chưa có huyện nào được công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); hiện nay tỉnh đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023 đối với 02 huyện Vân Đồn và Hải Hà; đạt 80% so với mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm 2025 (Chính phủ giao đến năm 2025 là 5 huyện), vượt 2,8 lần so với mục tiêu Nghị quyết 25/2021/QH15 của Quốc hội (đến năm 2025 cả nước đạt 20% huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); đạt mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

(6) Tỉnh Quảng Ninh đã hoàn thành tiêu chí/ chỉ tiêu nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, hiện nay đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận tỉnh Quảng Ninh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2023, về sớm hơn 2 năm so với mục tiêu theo Quyết định số 652/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Quảng Ninh thực hiện đến năm 2025; đạt mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh.

(7) Thu nhập bình quân khu vực nông thôn đạt 73,9 triệu đồng/người/ năm, gấp 1,6 lần so với năm 2020 (năm 2020 là 46,1 triệu đồng/người/năm), vượt mục tiêu theo Nghị quyết 25/2021/QH15 của Quốc hội (mục tiêu đến năm 2025 là 1,5 lần); đạt 80% mục tiêu của tỉnh theo Nghị quyết 115/NQ-HĐND ngày 09/7/2022 của HĐND tỉnh (mục tiêu đặt ra gấp 2 lần so với năm 2020 tương đương 92,2 triệu đồng).

2. Quan điểm, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

2.1. Quan điểm, định hướng

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Ninh đến năm 2025 theo tinh thần Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo hướng Công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa của tỉnh và các địa phương. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. Tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội và đời

sống cư dân nông thôn, nhất là vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo.

- Người dân nông thôn là chủ thể, là trung tâm của quá trình phát triển nông nghiệp, kinh tế nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Mục tiêu cao nhất là nâng cao toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn theo tiêu chí của “hạnh phúc”. Nông dân Quảng Ninh phát triển toàn diện, văn minh, yêu nước, đoàn kết, tự chủ, tự lực, tự cường, đổi mới sáng tạo, có ý chí, khát vọng; có trình độ, học vấn và năng lực tổ chức sản xuất tiên tiến, nếp sống văn minh, có trách nhiệm xã hội, tôn trọng pháp luật; được thụ hưởng những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, được tiếp cận các dịch vụ của đô thị.

- Xây dựng nông thôn hiện đại, phồn vinh, hạnh phúc, dân chủ, văn minh; có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể; môi trường sáng, xanh, sạch, đẹp an toàn; đời sống văn hóa lành mạnh, là quá trình thường xuyên không có điểm kết thúc. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cần chú trọng phát triển hài hòa, đồng bộ cả nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, gắn với cơ cấu lại lao động, tạo sinh kế, việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập cho nông dân và cư dân nông thôn, gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa Quảng Ninh, tăng cường tiềm lực và đảm bảo vững chắc quốc phòng, an ninh, củng cố hệ thống chính trị cơ sở, nhất là các địa bàn chiến lược trọng điểm, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc. Xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu, thực chất, hiệu quả và bền vững. Quản lý, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên đất, tài nguyên nước, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển bền vững các hệ sinh thái. Chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm cho sản xuất nông nghiệp và an toàn cho nhân dân.

- Phát triển nông nghiệp, nông thôn, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn là trách nhiệm, nhiệm vụ trọng tâm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, đề cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong hệ thống chính trị, sự hài lòng của người dân về những thành quả xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Tiếp tục ưu tiên nguồn lực đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn và xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

2.2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

Mục tiêu chung: Xây dựng nông dân và cư dân nông thôn có trình độ, đời sống vật chất và tinh thần ngày càng cao, làm chủ quá trình phát triển nông nghiệp. Nông nghiệp phát triển nhanh, bền vững, hiệu quả theo mô hình tăng trưởng xanh, bảo đảm môi trường sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Nông thôn phát triển toàn diện, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, môi trường sống an toàn, lành mạnh, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa Quảng Ninh; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Tiếp tục khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh, khác

biệt của từng vùng, từng địa phương. Tập trung phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới, hải đảo trên địa bàn tỉnh.

Mục tiêu cụ thể đến năm 2030: có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới bền vững; có 70% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và ít nhất 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; 100% số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; thu nhập của người dân khu vực nông thôn bằng 3 lần so với năm 2020.

2.3. Nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu

- Tập trung triển khai thực hiện 3 đột phá chiến lược trong xây dựng nông thôn mới: (1) Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội, đồng bộ, hiện đại, đảm bảo kết nối nông thôn - đô thị và kết nối các vùng; (2) Tập trung phát triển giáo dục đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, trọng tâm là đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông nghiệp, nông thôn gắn với tạo việc làm theo nhu cầu của thị trường, doanh nghiệp; nâng cao thu nhập cho người dân nông thôn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động ở nông thôn. (3) Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện của chính quyền cơ sở trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, tiến tới xây dựng nông thôn mới thông minh. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp với xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch nhằm nâng cao đời sống kinh tế - xã hội nông thôn gắn với quá trình đô thị hoá.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn; phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị; nâng cao hiệu quả hoạt động của kinh tế tập thể; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp ở nông thôn; nâng cao hiệu quả thu hút đầu tư; phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa; lấy công nghiệp, dịch vụ thúc đẩy nông nghiệp, lấy đô thị dẫn dắt nông thôn góp phần nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn trên cơ sở phân tích cơ cấu nguồn thu nhập của người dân từ báo cáo khảo sát của Cục Thống kê tỉnh, xác định giải pháp cụ thể với địa chỉ đến xã, thôn để thực hiện mục tiêu nâng cao thu nhập bình quân đầu người của người dân vùng nông thôn theo cơ cấu nguồn thu nhập, phù hợp với lợi thế của từng địa bàn.

- Nâng cao chất lượng y tế và chăm sóc sức khỏe, chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển kinh tế du lịch nông thôn chất lượng bảo vệ môi trường; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp và an toàn; giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Quảng Ninh. Tập

trung cụ thể hóa, thực hiện Nghị quyết số 17-NQ/TU ngày 30/10/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về “xây dựng và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Quảng Ninh trở thành nguồn lực nội sinh, động lực cho phát triển nhanh, bền vững”. Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số, gắn với phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo; phát triển kinh tế du lịch nông thôn.

- Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò của Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong thực hiện xây dựng nông thôn mới; giữ vững quốc phòng, an ninh và trật tự xã hội nông thôn.

- Rà soát, xây dựng, bổ sung hoàn thiện các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; thực hiện nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách liên quan để triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; có giải pháp tháo gỡ ngay vướng mắc về giải ngân vốn phát triển sản xuất theo hướng áp dụng kịp thời, linh hoạt Nghị quyết 111 ngày 18/1/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

- Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình; nâng cao năng lực xây dựng nông thôn mới; truyền thông về xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới./.

Báo cáo định hướng và giải pháp trong xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nghệ An



Tỉnh Nghệ An nằm phía Bắc Trung bộ có diện tích lớn nhất nước 16.493,7 km², dân số có hơn 3,3 triệu người, có 21 huyện, thành, thị; có 460 xã phường thị trấn; trong đó có 411 xã thực hiện chương trình nông thôn mới; 32 phường; 17 Thị trấn, có 5 dân tộc gồm: Kinh, Thái, Thổ, H Mông, Khơ Mú.

1. Thuận lợi, khó khăn

1.1. Thuận lợi: Bước vào thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tỉnh Nghệ An tiếp tục nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các Bộ ngành Trung ương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự vào cuộc của các ngành, đoàn thể, hệ thống chính trị, huyện, xã và sự đồng tình của người dân; Xác định xây dựng nông thôn mới là quá trình liên tục, lâu dài, có điểm khởi đầu nhưng không có điểm kết thúc, sau khi các xã, huyện được công nhận là đạt chuẩn NTM thì việc tiếp tục phấn đấu xây dựng để đạt chuẩn NTM nâng cao NTM kiểu mẫu là một trong những nhiệm vụ quan trọng, cần thiết và cốt lõi trong sự phát triển kinh tế, xã hội, chính trị của địa phương.

1.2. Khó khăn: Là tỉnh có địa bàn rộng lớn, có nhiều thành phần dân tộc sinh sống ở các vùng miền khác nhau; Điểm xuất phát xây dựng NTM của tỉnh rất thấp (năm 2010 bình quân chỉ đạt 3,64 tiêu chí/xã, có 50 xã không đạt tiêu chí nào), số xã triển khai xây dựng NTM lớn (411 xã); sản xuất nông nghiệp, công nghiệp dịch vụ khu vực nông thôn còn nhỏ lẻ, hiệu quả thấp; các hình thức tổ chức sản xuất ở nông thôn đổi mới còn chậm; nhận thức của một số bộ phận cán bộ đảng viên và nhân dân về xây dựng NTM chưa đầy đủ, nhất là vai trò “chủ thể” của cộng đồng dân cư nông thôn...

2. Kết quả thực hiện Chương trình xây dựng Nông thôn mới tỉnh Nghệ An đến hết năm 2023

Sau gần 14 năm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM, đến nay tỉnh Nghệ An đã có 319/411 xã đạt chuẩn NTM (đạt 77,61%). Trong đó, đã có 88/319 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 27,59%); 12 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (chiếm 3,76%); 9 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ/đạt chuẩn nông thôn mới; Bình quân tiêu chí cả tỉnh là 17.00 tiêu chí/xã; Có 212 thôn/bản đạt chuẩn NTM. Cả tỉnh đã có 583 sản phẩm được công nhận OCOP.

Nhìn lại chặng đường suốt thời gian thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, cho thấy mỗi người dân Nghệ An đều cảm nhận rõ những đổi thay ngay trong từng gia đình, từng ngõ xóm đến cộng đồng dân cư. Sự thay đổi đó được kết tinh từ sự đồng lòng, chung sức của cả hệ thống chính trị và người dân. Tất cả đều hướng đến cốt lõi là không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân.

Từ nền móng đã có được trong giai đoạn 2011-2020 và căn cứ trên các văn bản hướng dẫn thực hiện Chương trình của giai đoạn 2021-2025, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Nghệ An tiếp tục chỉ đạo Ban Chỉ đạo các cấp thực hiện quyết liệt, mạnh mẽ, thường xuyên bám sát, kiểm tra, đôn đốc để kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Trong đó việc xây dựng nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu được quan tâm triển khai thực hiện, coi đây là một trong những mục tiêu, bước tiến mới trong quá trình xây dựng nông thôn mới.

Riêng đối với việc xây dựng NTM kiểu mẫu, từ đầu năm 2015 khi chưa có văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh Nghệ An đã Ban hành bộ tiêu chí Nông thôn mới kiểu mẫu riêng của tỉnh và đã lựa chọn thí điểm 3 xã (Sơn Thành huyện Yên Thành, Quỳnh Đôi huyện Quỳnh Lưu, Kim Liên huyện Nam Đàn) để triển khai thực hiện. Bên cạnh đó để tuyên truyền, phổ biến, tạo động lực cho các xã và thôn, bản đã đạt chuẩn Nông thôn mới trong toàn tỉnh tiếp tục duy trì, nâng cao các tiêu chí nông thôn mới và xây dựng thành công xã nông thôn mới kiểu mẫu, Thường trực Tỉnh ủy, UBND tỉnh Nghệ An đã phát động và triển khai cuộc thi mẫu “Xã nông thôn mới đẹp năm 2018” và “Thôn (bản) nông thôn mới đẹp năm 2018”, đây là cuộc thi lần đầu tiên được tổ chức tại Nghệ An cũng như trên toàn quốc.

Ngoài ra Nghệ An cũng rất vinh dự được Trung ương lựa chọn huyện Nam Đàn là một trong 04 huyện thí điểm xây dựng Nông thôn mới kiểu mẫu trên cả nước theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch (đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 17/QĐ-TTg ngày 04/01/2019 và ngày 24/02/2019). Trong 4 năm thực hiện, toàn huyện Nam Đàn đã huy động 2.636,3 tỷ đồng; trong đó: Ngân sách các cấp là: 1.289,4 tỷ đồng, chiếm 48,9%; Vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án là 598 tỷ đồng, chiếm 22,7%; Vốn xã hội hoá (doanh nghiệp, các tập đoàn) 180 tỷ đồng, chiếm 6,83%; Vốn huy động từ cộng đồng dân cư là 611,9 tỷ đồng, chiếm 23,2% (chưa kể hiến đất, vật kiến trúc và ngày công lao động). Đã vận động nhân dân tự nguyện hiến 39.833 m² đất, tháo dỡ 14.548 m² tường rào và đóng góp hơn 58.446 ngày công để thực hiện. Với sự quyết tâm và sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị - xã hội, huyện Nam Đàn sẽ phấn đấu đạt chuẩn huyện Nông thôn mới nâng cao trong năm 2024 và đạt chuẩn huyện NTM kiểu mẫu vào năm 2025.

3. Một số định hướng và giải pháp trong xây dựng NTM Nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nghệ An

Việc xây dựng đạt chuẩn Nông thôn mới đã khó, nhưng việc duy trì và nâng cao tiêu chí để đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu còn khó hơn. Tuy nhiên với tinh thần, sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị cùng sự đồng thuận của người dân, với mục tiêu diện mạo nông thôn ngày càng thay đổi, kinh tế - xã hội địa phương ngày càng phát triển, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được cải thiện và nâng cao, tỉnh Nghệ An quyết tâm sẽ hoàn thành kế hoạch thực hiện đã đề ra, theo đó phấn đấu đến hết năm 2025, toàn tỉnh sẽ có 340 xã đạt chuẩn NTM, 135 xã đạt chuẩn NTM nâng cao, 34 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, 11 đơn vị cấp huyện hoàn thành/đạt chuẩn NTM, 01 huyện đạt chuẩn NTM Kiểu mẫu. Với mục tiêu đó, tỉnh Nghệ An đã chỉ đạo và đưa ra giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất: Tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và tổ chức các phong trào thi đua xây dựng NTM từ tỉnh đến cơ sở nhằm nâng cao nhận thức cho mọi tầng lớp nhân dân; đẩy mạnh công tác truyền thông; thường xuyên cập nhật, đưa tin về các mô hình, các điển hình tiên tiến, sáng kiến và kinh nghiệm hay về xây dựng NTM trên các phương tiện thông tin đại chúng để phổ biến và nhân rộng các mô hình này. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động xã hội sâu rộng về xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu, thôn/bản NTM, phong trào thi đua “Nghệ An chung sức xây dựng nông thôn mới”. Quán triệt, tuyên truyền, vận động, nâng cao nhận thức cho cả hệ thống chính trị, nhất là cán bộ cơ sở (cán bộ xã, cán bộ thôn xóm), tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức thực hiện. Vận động người dân tiếp tục tham gia đóng góp xây dựng NTM theo nguyên tắc tự nguyện cho từng dự án, nội dung cụ thể, do Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Thứ hai: Phải xây dựng kế hoạch, đề án cụ thể để thực hiện “Xã đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu” sát đúng, phù hợp theo điều kiện của địa phương. Tập trung chỉ đạo quyết liệt để thực hiện các tiêu chí, đặc biệt là nâng cao đời sống của nhân dân, tạo khí thế phấn khởi trong nhân dân, khơi dậy và phát huy tốt vai trò chủ thể của nhân dân. Việc huy động được nhiều nguồn lực và tất cả người dân tham gia là nhân tố quyết định thành công của Chương trình; lựa chọn các nội dung trọng tâm, gắn với lợi ích thiết thực của người dân, cộng đồng, kiên trì tổ chức thực hiện; xây dựng các mô hình hiệu quả và nhân rộng, nhất là các mô hình phát triển sản xuất hiệu quả.

Thứ ba: Việc tiếp tục xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu là cả một quá trình dài, do đó trong quá trình tổ chức thực hiện không chủ quan, nóng vội, vừa làm vừa học tập kinh nghiệm, vận dụng tốt các quy định, lấy hiệu quả là mục tiêu quan trọng để đánh giá tiêu chí. Đề ra các cơ chế, chính sách phù hợp, khuyến khích được phong trào cho các địa phương; sáng tạo trong huy động nguồn lực, nhất là nguồn xã hội hóa, ngân sách nhà nước chủ yếu chỉ mang tính hỗ trợ, kích hoạt. Tập trung huy động, quản lý, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nhất là xã hội hóa để xây dựng NTM, NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; khuyến khích các mô hình người dân tự chủ, tự làm, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, khai

thác các cơ sở hạ tầng, thiết chế văn hóa. Tăng cường vận động các tổ chức kinh tế đăng ký hỗ trợ các địa phương (huyện, xã) thực hiện xây dựng nông thôn mới;

Thứ tư: Tiếp tục triển khai xây dựng và thực hiện 06 Chương trình chuyên đề theo chỉ đạo của Trung ương để phát huy tiềm năng, lợi thế từng vùng, từng địa phương trong xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu; trong đó quan tâm hỗ trợ, triển khai các Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

Thứ năm: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Chương trình ở các cấp, các ngành. Có hình thức khen thưởng kịp thời các tổ chức, cá nhân điển hình đồng thời có biện pháp phòng ngừa, kịp thời ngăn chặn các biểu hiện tiêu cực, lãng phí, xử lý nghiêm các vi phạm trong quá trình thực hiện Chương trình.

Để tiếp tục thực hiện tốt phong trào xây dựng nông thôn mới, nhất là phong trào xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Nghệ An trong thời gian tới, tôi xin có một số đề xuất, kiến nghị như sau:

1. Đề nghị Ban chỉ đạo Trung ương xem xét trình Chính phủ, Quốc hội điều chỉnh cho các xã thuộc các huyện nghèo khi đạt chuẩn Nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025 được hưởng các chính sách thuộc huyện nghèo đến hết năm 2025 hoặc có lộ trình cụ thể để đảm bảo quyền lợi cho người dân, địa phương.

2. Đề nghị Trung ương tiếp tục hỗ trợ tỉnh Nghệ An thực hiện Đề án thí điểm: “Xây dựng huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu theo hướng phát triển văn hóa gắn với du lịch, giai đoạn 2018 - 2025”.

3. Sớm ban hành bộ tiêu chí huyện Nông thôn mới kiểu mẫu để các địa phương căn cứ triển khai thực hiện./.

Báo cáo kết quả định hướng và giải pháp đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Đồng Nai



Đồng Nai là tỉnh thuộc miền Đông Nam bộ, nằm giữa các tỉnh, thành như Thành Phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Bà Rịa-Vũng Tàu và các tỉnh Tây Nguyên có ý nghĩa quan trọng cả về kinh tế và quốc phòng, nhất là đối với Tp Hồ Chí Minh. Tuy là tỉnh Công nghiệp nhưng Đồng Nai luôn đặt nông nghiệp, nông dân, nông thôn là một trong nhiệm vụ đặc biệt quan trọng trong chiến lược phát triển bền vững của tỉnh. Cơ cấu kinh tế năm 2023 ngành công nghiệp xây dựng, dịch vụ chiếm hơn 90%; ngành nông nghiệp chỉ chiếm gần 10%.

Triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tỉnh thực hiện với tinh thần xuyên suốt sáu chữ “Chủ động, quyết tâm, quyết liệt” cả trước và trong thực hiện. Năm 2019, Đồng Nai được Thủ tướng Chính phủ công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, phát huy kết quả đạt được cùng với sự nhận thức rõ vai trò ý nghĩa của xây dựng nông thôn mới giai đoạn tiếp theo, sự vào cuộc đồng bộ trách nhiệm cao của toàn hệ thống chính trị, đặc biệt là người dân với vai trò chủ thể của chương trình. Bước vào thực hiện nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh tiếp tục đạt được những thành quả tích cực, đáng khích lệ, nông thôn tiếp tục phát triển và có sự chuyển mình rõ nét trên tất cả các mặt: Sản xuất nông nghiệp ổn định theo hướng sản xuất hàng hóa bền vững; kết cấu hạ tầng phát triển, kết nối sâu rộng giữa khu vực trung tâm, vùng miền; hệ thống trường học, y tế đạt chuẩn, môi trường sinh thái có bước cải thiện, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao. Hoạt động của hệ thống chính trị đổi mới và nâng cao về chất lượng; an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

Đến nay, toàn tỉnh đã hoàn thành 120/120 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 105/120 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 27 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu, 10/10 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, 01 huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới nâng cao (Huyện Xuân Lộc) và là 01 trong 02 tỉnh đầu tiên của cả nước được Thủ tướng Chính phủ công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới năm 2019, được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương cao quý Độc lập hạng ba.

Về Phương hướng, mục tiêu thời gian tới:

*** Phương hướng:**

Đồng Nai xác định xây dựng nông thôn mới là quá trình lâu dài, không có điểm kết thúc. Phát huy những thành tựu, kết quả đạt được, đặc biệt là bài học kinh nghiệm qua quá trình thực hiện Chương trình:

- Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới toàn diện trên tất cả các mặt, theo hướng ổn định, bền vững; gắn chặt xây dựng nông thôn mới nâng cao với củng cố giữ vững kết quả đạt được.

- Xây dựng nông thôn mới nâng cao gắn liền với xây dựng nông thôn giàu có, văn minh, hiện đại với quá trình đô thị hóa và không ngừng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; giữ gìn và phát huy tốt bản sắc văn hóa của nông thôn nói chung và từng địa phương nói riêng.

- Thực hiện xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu đa dạng trên nhiều lĩnh vực, tạo điểm nhấn chung và phát huy những lợi thế của từng địa phương trong thực hiện Chương trình.

*** Về mục tiêu**

Đồng Nai phấn đấu đến năm 2025:

Hoàn thành 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có ít nhất 25% xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu; có ít nhất 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và huyện Xuân Lộc đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Giải pháp thực hiện

Thực hiện phương hướng, mục tiêu trên, thời gian tới, tỉnh tập trung thực hiện một số giải pháp chủ yếu sau:

- Tiếp tục làm tốt công tác tuyên truyền theo hướng đổi mới, nâng cao chất lượng trên cả hai mặt: nội dung và cách làm. Nội dung cần cập nhật mới, sát với tình hình thực tiễn (nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, khu dân cư kiểu mẫu; nông thôn mới gắn với phát triển đô thị, văn minh). Đa dạng hóa phương thức tuyên truyền, thực hiện hiệu quả các phong trào thi đua, hội thi nhằm nâng cao nhận thức, dẫn dắt trong phong trào đổi mới của toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân, nhất là người dân khu vực nông thôn.

- Đẩy mạnh phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập người dân, với tinh thần sản xuất là cái gốc đầu tư xây dựng nông thôn mới. Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, hiện đại, bền vững, gắn chặt với việc áp dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật: Ứng dụng rộng rãi nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp sạch vào các cây, con phù hợp với tình hình thực tiễn của từng địa phương; gắn phát triển sản xuất nông nghiệp với phát triển du lịch sinh thái; hình thành chuỗi liên kết giá trị; chú trọng phát triển công nghiệp chế biến, nhất là chế biến nông sản; phát triển dịch vụ, mở rộng thị trường cả trong nước và xuất khẩu.

- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội theo hướng đồng bộ, hiện đại, phục vụ đa mục tiêu, nhất là: giao thông, thủy lợi, điện, trường học, hệ thống xử lý chất thải...; để hệ thống hạ tầng thực sự tạo sự kết nối sâu rộng, tạo sự đột phá cho phát triển kinh tế-xã hội nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng.

- Tiếp tục huy động cao nhất mọi nguồn lực với phương châm: Huy động nguồn lực từ cộng đồng là quyết định, sự tham gia của doanh nghiệp và xã hội là quan trọng, sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước là cần thiết với vai trò vốn ngân sách là nguồn vốn dẫn dắt, kích thích, huy động các nguồn vốn từ thành phần kinh tế khác tham gia thực hiện Chương trình. Thực hiện tốt các chính sách kêu gọi doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn để đầu tư mở rộng sản xuất, tham gia xây dựng các chuỗi liên kết giá trị phát triển sản xuất bền vững.

- Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, chủ động đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế xã hội nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng: Chuyển mạnh sang đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp, thị trường, để thúc đẩy giải quyết việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn. Đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hiện chuyển đổi số (chính quyền số, kinh tế số, xã hội số) để vừa hiện đại hóa hoạt động vừa nâng cao trình độ dân trí (trí thức hóa nông dân).

- Tạo lập mô hình, tập trung chỉ đạo sâu đối với thực hiện chương trình, nhằm khắc phục những khó khăn, tồn tại đang đặt ra ở một số lĩnh vực: Công tác chỉnh trang nông thôn (sáng, xanh, sạch, đẹp trong các khu dân cư và không gian chung trên địa bàn); công tác đảm bảo an ninh trật tự; việc đổi mới, nâng cao chất lượng hệ thống nhà văn ấp, để nơi đây thực sự là không gian sinh hoạt đời sống tinh thần gần gũi, gắn bó với người dân.

Đề xuất, kiến nghị

Để chủ động định hướng đổi mới chương trình, sau nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Qua thực tiễn công tác lãnh đạo, chỉ đạo trên địa bàn và vấn đề đặt ra thời gian tới Đồng Nai xin kiến nghị một số vấn đề sau: sớm tổ chức sơ kết đánh giá Đề án huyện nông thôn mới kiểu mẫu (04 huyện được lựa chọn thí điểm: Nam Đàn- Nghệ An, Hải Hậu -Nam Định, Đơn Dương-Lâm Đồng, Xuân Lộc-Đồng Nai); gắn với đánh giá thực hiện nông thôn mới nâng cao trên địa bàn bốn huyện, gắn kết quả thực hiện chung của chương trình. Trên cơ sở đó có những định hướng, chỉ đạo phát triển tiếp theo đối với chương trình thời gian tới.

- Để tiếp tục có bộ máy giúp việc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra đối với thực hiện chương trình nông thôn mới trong giai đoạn tới (vừa phát triển chiều sâu, vừa tập trung đạt chuẩn đối với những địa phương còn lại, đều là những địa phương khó khăn). Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu tham mưu sửa đổi bổ sung các quy định về tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp theo hướng độc lập, chuyên sâu cụ thể, thống nhất giữa các địa

phương, cả về mô hình tổ chức và cơ chế hoạt động (làm việc theo cơ chế phòng) để đảm bảo đáp ứng yêu cầu xây dựng nông thôn mới và khuyến khích, tạo điều kiện phân đấu cho cán bộ, công chức; tạo sự thống nhất, hiệu quả tốt trong hoạt động văn phòng các cấp từ tỉnh đến cơ sở./.

Báo cáo kế hoạch và giải pháp xây dựng đơn vị cấp tỉnh đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới thành phố Hà Nội

ĐC

Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Thành ủy Hà Nội đã Chương trình số 04-CTr/TU ngày 17/3/2021 về “Đẩy mạnh thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới gắn với cơ cấu lại ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân giai đoạn 2021-2025”, theo đó mục tiêu đến năm 2025, thành phố Hà Nội hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, theo ý kiến chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, UBND Thành phố phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2024.

Theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Đến hết năm 2023, thành phố Hà Nội đã có 06/8 chỉ tiêu cơ bản hoàn thành; còn 02/8 chỉ tiêu còn lại đang phấn, hoàn thiện: Cụ thể:

* Có 06/8 chỉ tiêu hoàn thành và cơ bản hoàn thành:

(1) Có 100% số huyện đạt chuẩn NTM: Đến nay Thành phố đã có 17/17 (100%) huyện đạt chuẩn NTM.

(2) Có 100% số thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM: thị xã Sơn Tây đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM.

(3) Có ít nhất 40% số xã đạt chuẩn NTM nâng cao: Đến hết năm 2023, Thành phố có 172 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đảm bảo chỉ tiêu yêu cầu theo quy định.

(4) Có Đề án xây dựng NTM giai đoạn 2021-2025 được HĐND Thành phố thông qua:

- Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành Nghị quyết số 33/NQ-HĐND ngày 06/12/2023 thông qua "Đề án xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội";

- UBND Thành phố ban hành Quyết định số 1408/QĐ-UBND ngày 14/3/2024 về việc phê duyệt Đề án xây dựng nông thôn mới thành phố Hà Nội giai đoạn 2021-2025. Chỉ tiêu này đảm bảo yêu cầu.

(5) Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4m²/người. Theo kết quả rà soát, đến nay có 6.470 ha đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn, chiếm 7,61m²/người. Chỉ tiêu này đã đảm bảo theo yêu cầu.

(6) Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường. Theo kết quả khảo sát, thống kê, hệ thống đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn 17 huyện có khoảng 269 tuyến đường, trong đó: Thành phố quản lý 108 tuyến đường và cấp huyện quản lý 161 tuyến đường. Hệ thống cây xanh đã được trồng trên địa bàn các huyện 195/269 tuyến đường (đạt 72,4%), khối lượng cây đô thị, cây bóng mát trên các đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ khoảng 670.000 cây. Như vậy chỉ tiêu này đã đảm bảo theo yêu cầu.

* Còn 02/08 chỉ tiêu còn lại:

(1) Có ít nhất 20% số huyện đạt chuẩn NTM nâng cao: Mục tiêu 4 huyện; đến hết năm 2024 dự kiến có 07 huyện, trong đó có 04 huyện: Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức đã được UBND Thành phố hoàn thiện hồ sơ báo cáo Trung ương; 03 huyện: Đan Phượng, Thanh Oai và Thường Tín dự kiến trình Thành phố trong Quý II/2024, đến hết năm 2024 dự kiến vượt chỉ tiêu đề ra.

(2) Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (chỉ số SIPAS) đạt từ 90% trở lên: Kết quả thực hiện chỉ số SIPAS của Thành phố Hà Nội trong 5 năm gần đây ở mức tương đương với bình quân cả nước:

- Năm 2018: Hà Nội đạt 83,00%, bình quân cả nước đạt 82,99% (chỉ có 09 tỉnh, thành đạt trên 90%);

- Năm 2019: Hà Nội đạt 80,09%, bình quân cả nước đạt 84,45% (chỉ có 06 tỉnh, thành đạt trên 90%);

- Năm 2020: Hà Nội đạt 85,15%, bình quân cả nước đạt 85,17% (chỉ có 06 tỉnh, thành đạt trên 90%);

- Năm 2021: Hà Nội đạt 87,11%, bình quân cả nước đạt 87,16% (chỉ có 08 tỉnh, thành đạt trên 90%);

- Năm 2022: Hà Nội đạt 80,16%, bình quân cả nước đạt 80,08% (không có tỉnh, thành nào đạt trên 90%, tỉnh cao nhất là Quảng Ninh cũng chỉ đạt 87,59%).

- Năm 2023: chỉ tiêu của Trung ương, Thành ủy, HĐND Thành phố giao cho Hà Nội chỉ số SIPAS đạt trên 83%. Đến nay, Trung ương chưa công bố chỉ tiêu năm 2023 của Hà Nội.

*** *Khó khăn, vướng mắc:***

- Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (chỉ số SIPAS) đạt từ 90% trở lên là khó thực hiện.

*** *Kế hoạch, giải pháp Thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới:***

Để thực hiện mục tiêu “Thành phố Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới” theo Chương trình 04 của Thành ủy, ngay từ đầu năm 2021, Thành ủy, HĐND, UBND Thành phố đã tập trung chỉ đạo các sở, ban, ngành Thành phố, UBND các quận, huyện, thị xã bám sát các Bộ tiêu chí xây dựng nông thôn mới và điều kiện, trình tự công nhận “Thành phố Hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới” để chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện đồng bộ, cụ thể:

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả của công tác tuyên truyền, đảm bảo đa dạng, thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm, nhằm huy động nội lực, khơi dậy tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và sự đồng thuận trong Nhân dân. Quán triệt chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở với phương châm “Dân là chủ và làm chủ xây dựng nông thôn mới”, “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”.

- Thành phố và các địa phương tập trung và ưu tiên dành nguồn lực đầu tư để bảo đảm hoàn thành các tiêu chí xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới nâng cao, xã nông thôn mới kiểu mẫu; đồng thời vận động, tuyên truyền Nhân dân chung sức xây dựng nông thôn mới và các nguồn lực hợp pháp khác để phân đấu về đích theo đúng kế hoạch. Từ năm 2021 đến nay Thành phố đã huy động 75.755,8 tỷ đồng thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Bên cạnh đó, có 08 quận thuộc Thành phố đã hỗ trợ các huyện xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí là 830,8 tỷ đồng. Trong đó Quận Tây Hồ đã bố trí hỗ trợ 7 huyện (Ba Vì, Sóc Sơn, Mỹ Đức, Ứng Hòa, Mê Linh, Phú Xuyên, Phúc Thọ) với tổng kinh phí là 270,8 tỷ đồng, quận Long Biên (328,7 tỷ đồng), quận Hoàng Mai (55 tỷ đồng), quận Hoàn Kiếm (65,7 tỷ đồng),...

- Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với các sở, ngành Thành phố và các huyện phân đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao tiến hành đánh giá, thẩm tra theo quy định để hoàn thiện hồ sơ trình Bộ Nông nghiệp và PTNT, Hội đồng thẩm định nông thôn mới Trung ương thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ công nhận 07 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Trước mắt, phân đấu trong tháng 05/2024 được Thủ tướng Chính phủ công nhận 4 huyện (Đông Anh, Gia Lâm, Thanh Trì, Hoài Đức) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, là điều kiện cần để hoàn thiện hồ sơ thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Giao các sở, ngành Thành phố phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã, huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, căn cứ chức năng nhiệm vụ được giao có trách nhiệm hướng dẫn, chỉ đạo, tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ban chỉ đạo và UBND Thành phố; xây dựng báo cáo kết quả định kỳ về Ban chỉ đạo và UBND Thành phố.

- Ban Chỉ đạo Thành phố tổ chức họp Giao ban định kỳ (hàng quý) để nắm bắt tình hình, kết quả thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu; kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc và đề ra các giải pháp để chỉ đạo thực hiện đảm bảo mục tiêu Chương trình đề ra.

- Chỉ đạo Ban chỉ đạo, UBND các huyện, thị xã rà soát, đánh giá, tổ chức họp giao ban (hàng tháng) về chuyên đề nông thôn mới để tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực, phát huy mọi nguồn lực tại chỗ nhằm đạt và vượt mục tiêu kế hoạch đề ra.

*** Kiến nghị:**

- Đề nghị Bộ Nội vụ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, tham mưu, đề xuất trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh nội dung Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý (chỉ số SIPAS) đạt từ 90% trở lên xuống còn đạt từ 80% trở lên hoặc cho chủ trương các tỉnh, thành phố (trong đó có Hà Nội) hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2024 được thực hiện nội dung chỉ số SIPAS đạt từ 80% trở lên.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, tham mưu sửa đổi quy định về tổ chức Văn phòng Điều phối nông thôn mới các cấp theo hướng đồng bộ, tổ chức đồng nhất, tránh tình trạng mỗi địa phương thành lập Văn phòng Điều phối nông thôn mới với mô hình tổ chức, bộ máy khác nhau; về nhân sự nên bố trí đủ các vị trí như một tổ chức; cán bộ Văn phòng Điều phối phải là những cán bộ có năng lực, tâm huyết và tinh thần trách nhiệm các trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới./.

Báo cáo kế hoạch và giải pháp xây dựng tỉnh Ninh Bình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Sở Nông nghiệp PTNT tỉnh Ninh Bình



I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG VỀ TỈNH NINH BÌNH

Ninh Bình là tỉnh ven biển thuộc phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, có diện tích tự nhiên gần 1.400 km², địa hình chia thành 3 vùng: vùng đồi núi bán sơn địa ở phía Tây Bắc; Vùng đồng bằng ven biển thuộc phía Đông Nam; và vùng chiêm trũng.

Dân số toàn tỉnh gần 1,1 triệu người, dân số nông thôn chiếm 78,3%. Toàn tỉnh có 6 huyện, 2 thành phố với tổng số 143 xã, phường, thị trấn; có 119 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, trong đó có 7 xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, 12 xã an toàn khu.

Ninh Bình là từng là kinh đô của Nhà nước Đại Cồ Việt với Cố đô Hoa Lư được xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt; ngoài ra Ninh Bình được thiên nhiên ưu đãi với nhiều thắng cảnh đẹp nổi tiếng như: Danh thắng Tràng An với hệ thống hang động và núi đá vôi chằng chịt đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa và thiên nhiên thế giới - Di sản hỗn hợp đầu tiên ở Đông Nam Á; Tam cốc Bích Động; Đàm Vân Long, rừng quốc gia Cúc Phương, chùa Bái Đính... Văn hóa Ninh Bình kế thừa đầy đủ các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, mang nét đặc trưng riêng có của vùng đất Cố đô Hoa Lư lịch sử. Đó là các giá trị lịch sử, văn hóa được hình thành, tích lũy, bồi đắp qua hàng ngàn năm và trao truyền đến ngày nay, hòa quyện với kết quả quá trình lao động sáng tạo, giao lưu, tiếp biến văn hóa thế giới. Đây là những điều kiện rất thuận lợi để Ninh Bình phát triển du lịch.

Những năm gần đây tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh khá ổn định. Tốc độ tăng trưởng GRDP năm 2023 tăng 7,27% so với năm 2022, thu ngân sách đạt trên 16.431 tỷ đồng; Tổng sản phẩm GRDP theo giá hiện hành đạt 88.947 tỷ đồng; Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, năm 2023, khu vực nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm 8,6%, công nghiệp - xây dựng chiếm 35,88%, dịch vụ chiếm 39,62%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 15,9%, tỉnh Ninh Bình đã thực hiện tự cân đối ngân sách từ năm 2022.

II. VỀ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI VÀ MỤC TIÊU TỈNH HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

1. Cơ sở xác định mục tiêu tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025

Căn cứ các quy định của Trung ương và thực tiễn xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đến hết năm 2020, bước vào giai đoạn 2021-2025, ngay từ đầu nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh đã xác định mục tiêu tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào năm 2024, đồng thời Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 08-NQ/TU ngày 08 tháng 11 năm 2021 về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 nhằm xác định các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể để đạt được các mục tiêu;

Tỉnh Ninh Bình xác định mục tiêu tổng quát “Tập trung phát triển kinh tế nông thôn gắn với phát triển kinh tế số nâng cao thu nhập cho người dân, gắn phát triển sản xuất với phát triển dịch vụ, du lịch, bảo tồn và phát triển các làng nghề, nâng cao chất lượng công tác bảo vệ môi trường, chất lượng hoạt động văn hóa và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống; quy hoạch và phát triển các vùng sản xuất nhất là vùng kinh tế ven biển; triển khai hiệu quả chương trình OCOP; đẩy mạnh cơ giới hóa, chế biến nông sản quy mô nhỏ và vừa, liên kết chuỗi, kinh tế tuần hoàn”, với các mục tiêu cụ thể: tỉnh Ninh Bình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (theo Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ) vào năm 2024. Đến hết năm 2025, có 25% số huyện trở lên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 50% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 20% số xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. Mỗi huyện, thành phố có ít nhất 40% số thôn (xóm, bản) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

Để cụ thể hóa các chủ trương nêu trên, HĐND, UBND tỉnh đã triển khai đồng bộ các giải pháp triển khai thực hiện trong đó đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn lực từ ngân sách cho chương trình, quy định một số cơ chế, chính sách hỗ trợ, cơ chế huy động và lồng ghép nguồn lực, để triển khai thực hiện chương trình. UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và ban hành kế hoạch hàng năm trong đó xác định mục tiêu, giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể từng cấp, từng ngành, từng địa phương đảm bảo hoàn thành đầy đủ và đảm bảo chất lượng các mục tiêu kế hoạch đã đề ra.

* *Kết quả đến nay*: trên địa bàn tỉnh đã có 6/6 huyện đạt chuẩn nông thôn mới, 2/2 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; có 01 huyện (Yên Khánh) đã được Hội đồng thẩm định họp và nhất trí trình Thủ tướng Chính phủ Quyết định công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 119/119

xã (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn nông thôn mới, 50/119 xã (tỷ lệ 42%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, 18/119 xã (tỷ lệ 15%) đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và 542 thôn, xóm, bản (tỷ lệ 40%) được công nhận thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

Hạ tầng kinh tế - xã hội đã cơ bản đồng bộ, an sinh xã hội, an toàn trật tự xã hội được đảm bảo; chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe nhân dân được nâng cao, đời sống văn hóa, tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện, hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn ngày càng vững mạnh...

2. Kết quả rà soát các nội dung tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới đến nay

Theo kết quả tự rà soát, đến nay tỉnh Ninh Bình đã đáp ứng 7/8 quy định đối với tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới tại Quyết định số 321/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

2.1. Quy định 1. Có 100% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; đối với các huyện đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021-2025:

Kết quả thực hiện: toàn tỉnh Ninh Bình có 6 huyện, đến nay 6/6 huyện (tỷ lệ 100%) đạt chuẩn nông thôn mới gồm 01 huyện (Kim Sơn) đạt chuẩn năm 2022 theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025; 05 huyện còn lại đạt chuẩn theo bộ tiêu chí giai đoạn 2010-2020, đã được rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.2. Quy định 2. Có 100% số thị xã, thành phố trên địa bàn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; đối với các thị xã, thành phố đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020, phải rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu đối với thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025:

Kết quả thực hiện: toàn tỉnh Ninh Bình có 2 thành phố, đến nay 2/2 thành phố (tỷ lệ 100%) đã được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, đã được rà soát, chỉ đạo thực hiện, đáp ứng đầy đủ mức hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới theo yêu cầu đối với thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.3. Quy định 3. Có ít nhất 20% số huyện trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Kết quả thực hiện: Theo phương án sắp xếp các đơn vị hành chính trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã trình Bộ Nội vụ, sẽ hợp nhất với thành phố Ninh Bình và huyện Hoa Lư thành đô thị, sau khi sắp xếp tỉnh Ninh Bình còn 5 huyện và 2 thành phố.

Hiện nay, huyện Yên Khánh tỉnh Ninh Bình hoàn thành các tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao, đã được Hội đồng thẩm định Trung ương họp xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao năm 2023. Như vậy, tỉnh Ninh Bình có 1/5 huyện (tỷ lệ 20%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.4. Quy định 4. Có ít nhất 40% số xã trên địa bàn đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025:

Kết quả thực hiện: Toàn tỉnh Ninh Bình có 119/119 xã (tỷ lệ 100%) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 50/119 xã (tỷ lệ 42%) đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao gồm 33 xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 và 17 xã đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2018-2020 đã được rà soát đáp ứng yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.5. Quy định 5. Có Đề án xây dựng nông thôn mới toàn tỉnh, thành phố giai đoạn 2021 - 2025 được Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thông qua.

Kết quả thực hiện: UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án số 05/ĐA-UBND ngày 01/7/2022 xây dựng nông thôn mới tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua tại Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 15/7/2022. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.6. Quy định 6. Có ít nhất 70% số km đường huyện, đường tỉnh, quốc lộ trên địa bàn được trồng cây xanh dọc tuyến đường.

Kết quả thực hiện: Theo kết quả rà soát đến nay trên địa bàn tỉnh đã có trên 77,6% số km đường quốc lộ, tỉnh lộ, đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.7. Quy định 7. Đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tối thiểu là 4 m²/người.

Kết quả thực hiện: Theo kết quả rà soát đến nay, đất cây xanh sử dụng công cộng trên địa bàn tỉnh ước đạt 4,31m²/người. Tự đánh giá: Đạt quy định.

2.8. Quy định 8. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý đạt từ 90% trở lên:

Kết quả thực hiện: Tỉnh Ninh Bình chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, chính quyền các địa phương trên địa bàn tỉnh, triển khai đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, tăng cường truyền thông về chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử... để góp phần nâng cao chất lượng phục vụ các dịch vụ công cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp trên địa bàn, qua đó giúp nâng cao chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (chỉ số SIPAS) trên địa bàn tỉnh.

Năm 2020, chỉ số SIPAS của tỉnh Ninh Bình đạt 88,63%, cao hơn 3,15% so với bình quân chung của cả nước;

Năm 2021, chỉ số SIPAS của tỉnh Ninh Bình đạt 89,36%, cao hơn 2,2% so với bình quân chung của cả nước;

Năm 2022 chỉ số SIPAS của tỉnh Ninh Bình đạt 81,06%, cao hơn 0,98% so với bình quân chung của cả nước;

Năm 2023, chưa có kết quả công bố của Bộ Nội vụ. Chưa đánh giá được quy định này.

3. Một số thuận lợi, khó khăn khi triển khai thực hiện chương trình

a) Thuận lợi:

- Các cấp, các ngành của tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và ban hành đồng bộ hệ thống văn bản, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn nói chung và xây dựng nông thôn mới nói riêng với nhiều chính sách khuyến khích, hỗ trợ làm tiền đề và động lực cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn và xây dựng nông thôn mới.

- Phong trào xây dựng nông thôn mới ở các địa phương được triển khai với khí thế mạnh mẽ, ngày càng đi vào chiều sâu thu hút sự tham gia của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

- Từ năm 2022 tỉnh Ninh Bình thực hiện tự cân đối ngân sách, do đó nguồn lực được tỉnh bố trí chủ động hơn và phân bổ ngay từ đầu giai đoạn.

b) Khó khăn:

- Các Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 ban hành với nhiều tiêu chí, chỉ tiêu yêu cầu mức chuẩn cao hơn giai đoạn trước rất nhiều (VD tổ chức sản xuất, y tế, môi trường, chất lượng môi trường sống...), có một số ít tiêu chí còn chưa phù hợp với thực tiễn các địa phương (VD tỷ lệ lao động trong các ngành kinh tế chủ lực, tỷ lệ người dân khám chữa bệnh từ xa, tỷ lệ người dân có sở khám chữa bệnh điện tử, chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước...) trong khi hướng dẫn của bộ, ngành chưa rõ ràng, dẫn đến vướng mắc, khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện ở cơ sở, cần phải điều chỉnh;

- Mặc dù Ninh Bình thuộc vùng đồng bằng sông Hồng, tuy nhiên trên địa bàn tỉnh có các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã an toàn khu (huyện Nho Quan) và các xã ven biển (huyện Kim Sơn) có xuất phát điểm thấp về trình độ phát triển kinh tế - xã hội so với các địa phương còn lại, trong khi yêu cầu về mức đạt chuẩn tiêu chí là như nhau, rất cần được tỉnh quan tâm nhiều hơn;

- Chưa có cơ chế chính sách đột phát trong việc tích tụ đất đai đáp ứng yêu cầu sản xuất tập trung quy mô lớn trong nông nghiệp.

- Đối với quy định số 8. Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý đạt từ 90% trở lên: Từ năm 2022, do có thay đổi lớn về nội dung, phương pháp đo lường sự hài lòng, tập trung trên hai khía cạnh gồm: việc xây dựng, tổ chức thực hiện các nhóm chính sách quan trọng có ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người dân và việc cung ứng dịch vụ hành chính công: 08 nhóm chính sách được lựa chọn gồm: chính sách phát triển kinh tế; chính sách khám, chữa bệnh; chính sách giáo dục phổ thông; chính sách trật tự an toàn xã hội; chính sách giao thông đường bộ; chính sách điện sinh hoạt; chính sách nước sinh hoạt; chính sách an sinh xã hội. Đối tượng khảo sát bao gồm người dân từ đủ 18 tuổi trở lên không chỉ là đối tượng đã được trải nghiệm các dịch vụ công như trước kia. Vì vậy, để đạt được chỉ số SIPAS $\geq 90\%$ theo quy định là khó khăn.

*** Đề xuất, kiến nghị:**

Từ khó khăn nêu trên, tỉnh Ninh Bình đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghiên cứu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa quy định số 8 (Quyết định số 321/QĐ-TTg) theo hướng quy định chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quản lý cao hơn mức bình quân chung của cả nước, để phù hợp với thực tiễn địa phương.

4. Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm để đạt mục tiêu tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

4.1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và sự đồng thuận của nhân dân trong xây dựng nông thôn mới; nâng cao chất lượng, hiệu quả phòng trào thi đua “Chung sức xây dựng nông thôn mới”, tăng cường vai trò giám sát của người dân trong xây dựng nông thôn mới. Phát huy truyền thống và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; hình thành và nhân rộng các mô hình tự quản; phát huy nội lực, tự lực, tự cường và trách nhiệm cao của cộng đồng dân cư nông thôn; tăng cường công tác tư tưởng, công tác vận động quần chúng, qua đó tạo sự thống nhất, tránh việc trông chờ, ỷ lại của một bộ phận cán bộ, đảng viên và Nhân dân.

4.2. Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai toàn diện các nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu; tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng và thường xuyên kiểm tra, giám sát thực hiện việc duy trì, giữ vững và nâng cao chất lượng các tiêu chí ở các xã, huyện đã đạt chuẩn.

Phát huy vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới. Tăng cường xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; đổi mới và nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp uỷ, chính quyền các cấp, đặc biệt là cấp xã. Lấy kết quả lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới là một trong những nội dung để đánh giá và xếp loại thực hiện nhiệm vụ chính trị của tập thể, cá nhân người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền các cấp hàng năm.

4.3. Đẩy mạnh phát triển kinh tế nông thôn phù hợp với chủ trương cơ cấu lại ngành nông nghiệp, tập trung cho các tiêu chí về kinh tế, phát triển sản xuất, thu nhập, môi trường, chất lượng cuộc sống, hướng tới nâng cao thu nhập người dân theo hướng bền vững; chú trọng phát triển các cây, con đặc trưng, đặc sản, đặc hữu của các địa phương nhằm nâng cao thu nhập cho người dân và phục vụ du lịch.

Đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp với nền nông nghiệp hàng hoá, thích ứng với biến đổi khí hậu; nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết trong sản xuất, tiêu thụ nông sản; thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong xây dựng nông thôn mới, trong phát triển sản xuất, quản lý, phát triển du lịch nông thôn.

Có chính sách thu hút các doanh nghiệp, tập đoàn đầu tư phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến, tiêu thụ nông sản. Ưu tiên đầu tư hình thành và phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng thu mua, kết nối, cung ứng nông sản hiện đại, cơ sở hạ tầng chế biến, thương mại và dịch vụ gắn với vùng sản xuất hàng hoá tập trung.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) theo hướng đa dạng hoá và nâng cao chất lượng, số lượng gắn với xây dựng thương hiệu; bảo tồn, phát triển các nghề, làng nghề. Phần đầu có trên 50% sản phẩm OCOP là sản phẩm nông nghiệp hoặc sản phẩm được chế biến từ nông nghiệp. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ sản phẩm và xuất khẩu.

Phát triển dịch vụ, ngành nghề nông thôn gắn với du lịch sinh thái cảnh quan, trải nghiệm và du lịch cộng đồng để tạo việc làm, tăng thu nhập và chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động nông thôn.

4.4. Phát triển toàn diện các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hoá trong xây dựng nông thôn mới. Quan tâm đảm bảo số lượng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ y tế dự phòng, y tế cấp xã. Nâng cao chất lượng giáo dục mầm non, tiểu học, góp phần giảm khoảng cách giữa học sinh nông thôn và thành thị.

Quan tâm nâng cao chất lượng đời sống văn hoá của người dân nông thôn, nhân rộng mô hình câu lạc bộ hoạt động văn hoá văn nghệ nhằm bảo tồn giá trị văn hoá truyền thống; chú trọng hiệu quả hoạt động các thiết chế văn hoá cơ sở, đáp ứng tốt hơn nhu cầu sinh hoạt văn hoá, tinh thần của người dân.

Phục dựng, bảo tồn và phát triển phong trào văn hoá, văn nghệ, các sản phẩm văn nghệ đặc sắc của các địa phương như hát sẩm, hát chèo, múa rối nước, nghệ thuật công chiêng... các giá trị văn hoá truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn.

4.5. Tiếp tục củng cố, hoàn thiện, nâng cao chất lượng, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn gắn với phát triển đô thị; tạo kết nối đồng bộ, nhất là kết nối liên xã, liên huyện, liên vùng. Quản lý tốt và có kế hoạch giải quyết và không để phát sinh nợ xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới. Nâng cao hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình đảm bảo bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu.

Ưu tiên đầu tư xây dựng các không gian truyền thống làng nghề, hệ thống trung tâm giới thiệu, tiêu thụ các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc sản đặc hữu tại các khu du lịch trong tỉnh; đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, thương mại, dịch vụ khu đô thị mới ở nông thôn, công trình xử lý rác thải tập trung liên huyện, liên vùng. Khuyến khích các mô hình người dân tự chủ, tự làm, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, khai thác các cơ sở hạ tầng, các thiết chế văn hoá cơ sở.

4.6. Xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch, trọng tâm là xây dựng cảnh quan nông thôn, bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề hiện có, đặc biệt là các nghề, làng nghề thủ công truyền thống trên cơ sở phát triển hài hoà giữa sản xuất, bảo vệ môi trường và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống. Rà soát, đánh giá toàn diện tiềm năng, thực trạng phát triển du lịch nông thôn, du lịch làng nghề, trang trại nông nghiệp làm du lịch trên địa bàn tỉnh.

Đẩy mạnh phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống điểm đến và sản phẩm du lịch nông thôn đặc trưng, trong đó tập trung vào loại hình du lịch làng nghề truyền thống, du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp, du lịch sinh thái trải nghiệm văn hoá, ẩm thực.

4.7. Coi trọng và triển khai đồng bộ các giải pháp bảo vệ môi trường và xây dựng cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; giữ gìn và khôi phục hình ảnh, cảnh quan kiến trúc truyền thống của nông thôn.

Thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, những nơi có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường (các khu, cụm công nghiệp, làng nghề, khu kinh doanh dịch vụ; khu chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản tập trung; nghĩa trang và cơ sở hoả táng; bãi chôn lấp chất thải tập trung và các khu vực mặt nước bị ô nhiễm:

sông, kênh, ao, hồ, kênh, mương trong các khu dân cư); đẩy mạnh xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Cải tạo, nâng cấp các khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung trở thành khu xử lý rác thân thiện môi trường .

Kết hợp chặt chẽ giữa việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với việc phát động thường xuyên, liên tục hướng tới mục tiêu xây dựng nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp. Hình thành, nhân rộng các mô hình cộng đồng dân cư làm tốt công tác bảo vệ môi trường, phòng chống dịch bệnh và làm đẹp cảnh quan nông thôn.

4.8. Tăng cường công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa bàn nông thôn, phát hiện, giải quyết kịp thời các mâu thuẫn, tranh chấp, khiếu kiện ngay tại cơ sở, không để hình thành “điểm nóng” phức tạp. Nâng cao chất lượng, hiệu quả phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh tổ quốc; củng cố, xây dựng, nhân rộng các mô hình tổ chức quần chúng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở theo hướng tự quản, tự phòng, tự bảo vệ, giữ vững bình yên thôn xóm, góp phần quan trọng xây dựng hệ thống chính trị tại cơ sở vững mạnh, phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng nông thôn mới.

4.9. Rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách hỗ trợ xây dựng nông thôn mới đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế; tạo thuận lợi để người dân thể hiện vai trò chủ thể trong xây dựng nông thôn mới. Khuyến khích các mô hình người dân tự làm, tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong xây dựng, quản lý, khai thác các công trình hạ tầng; xây dựng đời sống văn hoá; đảm bảo trật tự an toàn xã hội. Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Tỉnh Ninh Bình quyết tâm triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trên, để hoàn thành các quy định và hoàn thiện hồ sơ đề nghị xét công nhận tỉnh Ninh Bình hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trong năm 2024./.

Báo cáo kế hoạch và giải pháp xây dựng đơn vị cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Trà Vinh



Qua nghe báo cáo tóm tắt của Văn phòng Điều phối NTM Trung ương về kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023 và kế hoạch thực hiện Chương trình 2024, tôi thống nhất cao với báo cáo, trong đó đã đánh giá sâu những điểm tích cực và tồn tại, hạn chế trong thời gian qua.

Hôm nay tôi rất vinh dự được tham dự và phát biểu tại hội nghị này. Trước hết xin cảm ơn sự chỉ đạo sâu sát của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Trung ương, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM TW và các Bộ, ngành đã giúp đỡ tỉnh Trà Vinh thực hiện tốt Chương trình MTQG xây dựng NTM trong thời gian qua.

Theo gợi ý của Ban tổ chức hội nghị, tôi xin thay mặt tỉnh Trà Vinh phát biểu tham luận nội dung về “**Kế hoạch và giải pháp xây dựng đơn vị cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới**”.

Kính thưa các Đồng chí !

Trà Vinh là tỉnh thuộc khu vực Đồng bằng Sông Cửu Long, có 07 huyện, 01 thị xã và 01 thành phố; 106 xã, phường, thị trấn (có 85 xã xây dựng NTM). Diện tích tự nhiên là 234.115 ha; trong đó đất sản xuất nông nghiệp chiếm tỷ lệ 79,4%. Dân số toàn tỉnh là 1.034.621 người, trong đó dân tộc khmer chiếm tỷ lệ 31,55%. Tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh hết năm 2023, chiếm tỷ lệ 1,19%.

Kính thưa các Đồng chí !

Đến nay tỉnh Trà Vinh cơ bản đã ban hành kịp thời các văn bản để chỉ đạo thực hiện Chương trình cho giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như: Nghị quyết về định mức, tiêu chí phân bổ vốn Chương trình cho giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết về tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trước năm 2025; Kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025; Ban hành đầy đủ các Bộ tiêu chí NTM các cấp (*Huyện NTM, huyện NTM nâng cao; xã NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu; ấp NTM, ấp NTM kiểu mẫu, hộ gia đình NTM*). Đồng thời, UBND tỉnh đã kiện toàn Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG của tỉnh, kiện toàn lại Hệ thống Văn phòng Điều phối Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh.

Qua 03 năm triển khai thực hiện (từ năm 2021 đến nay), Trà Vinh có thêm 04 đơn vị cấp huyện, được công nhận (*Châu Thành, Cầu Ngang, Duyên Hải và Trà Cú*); 16 xã đạt NTM; 38 xã đạt NTM nâng cao và 03 xã đạt NTM kiểu mẫu.

Nâng tổng số đến nay, toàn tỉnh đã có 85/85 xã đạt chuẩn NTM (*trong đó có 50 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và 09 xã NTM kiểu mẫu*); 9/9 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; 02/09 huyện hoàn thành hồ sơ đề nghị công nhận huyện nông thôn mới nâng cao; đạt 5/8 nội dung tỉnh hoàn thành nhiệm vụ NTM và nhiều tiêu chí có tỷ lệ đạt cao (*trên 70-80%*), như: thủy lợi, điện, chợ nông thôn, thông tin và truyền thông, lao động có việc làm, giáo dục, y tế, văn hóa,... Có nhiều mô hình sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao; Chương trình mỗi xã một sản phẩm (*gọi tắt OCOP*), kết quả đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 291 sản phẩm, trong đó: 03 sản phẩm đạt 5 sao, chiếm tỷ lệ 1,03%; 07 sản phẩm tiềm năng 5 sao, chiếm tỷ lệ 2,41% (đang chờ Trung ương công nhận); 42 sản phẩm 4 sao, chiếm tỷ lệ 14,4% và 239 sản phẩm đạt 3 sao, chiếm tỷ lệ 82,1%, của tổng số 197 chủ thể (25 công ty; 06 doanh nghiệp; 30 hợp tác xã; 03 tổ hợp tác và 133 hộ kinh doanh), nhiều địa phương đang xây dựng xã NTM nâng cao, ấp NTM kiểu mẫu, đường hoa nông thôn, các mô hình bảo tồn, gìn giữ các giá trị văn hóa truyền thống...

Đặc biệt, tỷ lệ hài lòng của người dân ở các xã đạt chuẩn NTM, NTM nâng cao, kiểu mẫu đều đạt trên 90%. Đây chính là tiền đề để Trà Vinh phấn đấu xây dựng tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trước năm 2025 theo kế hoạch đã đề ra.

Bên cạnh kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện Trà Vinh cũng còn một số khó khăn như:

- Do giai đoạn chuyển tiếp giữa Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 và Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025, Bộ tiêu chí mới có mức đạt cao hơn, nhiều nội dung hơn và khi áp dụng vào đánh giá lại xã NTM, huyện NTM thì một số tiêu chí chưa đảm bảo theo qui định mới (*như: giao thông, trường học, Y tế, văn hoá, môi trường,...*), do đó phải cần thời gian và nguồn lực để nâng chất các xã NTM, huyện NTM.

- Nguồn lực được xác định theo đề án để đạt các nội dung, mục tiêu rất lớn lớn (trên 15.000 tỷ đồng), trong khi đó nguồn lực Trung ương, Tỉnh còn hạn chế; để đạt được mục tiêu là phải huy động từ nhiều nguồn lực khác như: Lồng ghép từ các Chương trình, dự án; nguồn xã hội hoá, nguồn lực từ nhân dân,..

Để Trà Vinh sớm đạt các nội dung còn lại và trình Trung ương thẩm định công nhận tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, tỉnh đưa ra một số nhóm giải pháp chủ yếu như sau:

Nhóm giải pháp chung:

1. Giải pháp về tuyên truyền, vận động

Đổi mới, đa dạng hình thức, phương pháp tuyên truyền, vận động (thông qua loa phát thanh, các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng trang website

sinh hoạt câu lạc bộ, thông qua các tổ chức công giáo, phật giáo,...), phù hợp với từng đối tượng, từng khu vực. Thực hiện có hiệu quả phong trào thi đua “Trà Vinh chung sức xây dựng NTM” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”. Thường xuyên sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời tôn vinh, khen thưởng những cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp cho xây dựng NTM.

2. Giải pháp về cơ chế, chính sách

Triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách của Trung ương, tỉnh đã ban hành. Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới nếu cần thiết; tiếp tục hoàn thiện các bộ tiêu chí NTM. Ban hành đồng bộ các chính sách về huy động nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Đề án.

3. Giải pháp đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nông thôn

Tranh thủ nguồn vốn từ Trung ương, địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống giao thông, thủy lợi, nước sạch ở nông thôn. Đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng nông thôn.

4. Giải pháp thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội

Tiếp tục thực hiện tốt các chính sách an sinh xã hội, như: chính sách giảm nghèo, chính sách bảo hiểm xã hội, chính sách bảo hiểm y tế, chính sách giáo dục, đào tạo,.. Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các trường học, trạm y tế ở nông thôn.

5. Giải pháp về huy động và sử dụng nguồn lực

Đa dạng hóa các hình thức huy động kết hợp giữa huy động trực tiếp đầu tư, đóng góp cho xây dựng NTM từ các tổ chức, cá nhân, đồng thời thực hiện hiệu quả huy động lồng ghép nguồn vốn từ 03 Chương trình MTQG triển khai tại địa phương. Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm nguồn vốn hỗ trợ thực hiện Đề án của Trung ương, và các nguồn vốn huy động khác.

6. Giải pháp phát triển kinh tế tập thể, HTX, OCOP

- Cùng cố tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể, HTX và tiếp tục hỗ trợ các hoạt động quản lý, sản xuất của HTX nhất là đối với các HTX nông nghiệp và tiếp tục thực hiện các cơ chế chính sách khuyến khích, hỗ trợ tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế tập thể, HTX phát triển vững mạnh.

- Tập trung nâng chất các sản phẩm OCOP hiện tại và hỗ trợ phát triển sản phẩm ngày càng hiệu quả, một số giải pháp cụ thể: tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức; hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ; phát triển sản

phẩm OCOP theo chuỗi giá trị; nâng cao chất lượng sản phẩm; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm.

Nhóm giải pháp nâng chất các nội dung, tiêu chí, địa phương chưa đạt:

1. Đối với xã, huyện đạt chuẩn NTM giai đoạn cũ:

Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành theo chức năng và thẩm quyền thường xuyên hỗ trợ, hướng dẫn BCD cấp xã, huyện xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM, triển khai thực hiện đạt theo Bộ tiêu chí giai đoạn mới (chậm nhất cuối năm 2024).

2. Đối với các tiêu chí tỉnh Nông thôn mới

Hiện nay tỉnh đánh giá đạt 5/8 nội dung, còn 3 nội dung chưa đạt (nội dung 1, 3, 8), cụ thể: Nội dung 1, 3 cơ bản sẽ đạt vào cuối năm (Huyện NTM và NTM nâng cao): Hiện nay Trung ương đang thẩm định và góp ý cho Trà Vinh để hoàn thiện hồ sơ trình công nhận 02 huyện nông thôn mới nâng cao (đảm bảo tỷ lệ 20% huyện NTM nâng cao).

Riêng nội dung 8 về chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước thuộc tỉnh (đạt từ 90% trở lên): Tỉnh Trà Vinh năm 2022 đạt tỷ lệ 81,93%. Hiện nay, tỉnh đang tập trung chỉ đạo thực hiện để sớm đạt nội dung này. Ngoài ra, tỉnh đã có văn bản xin ý kiến Bộ Nội vụ, đề nghị xem xét mức đạt nội dung này vì hiện tại mức đạt 90% là quá cao so với mức chung cả nước, do đó đề nghị giảm xuống 80% và Bộ Nội vụ đồng ý, có văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT (cơ quan thường trực), đề nghị Bộ Nông nghiệp và PTNT trình Thủ tướng Chính phủ xem xét nội dung này.

Về Hệ thống Văn phòng Điều phối NTM các cấp:

Trà Vinh thực hiện đúng theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cụ thể: Cấp tỉnh: Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm Chánh Văn phòng Điều phối NTM, Chi Cục trưởng Chi cục PTNT kiêm nhiệm Phó Chánh văn phòng, (không có Phó Chánh Văn phòng chuyên trách), thành viên là các công chức, viên chức của Chi cục PTNT và lãnh đạo cấp phòng của một số Sở, ngành. Cấp huyện: Phó Chủ tịch phụ trách kinh tế kiêm nhiệm Chánh văn phòng Điều phối, Trưởng phòng Nông nghiệp và PTNT kiêm nhiệm Phó Chánh văn phòng Điều phối, thành viên là các công chức, viên chức của các phòng ban huyện. Cấp xã: Tất cả các xã đều có cán bộ phụ trách nông thôn mới. Địa điểm Văn phòng Điều phối NTM tỉnh Trà Vinh hiện tại nằm trong Chi cục Phát triển nông thôn, cấp huyện chung với Phòng Nông nghiệp và PTNT. **Hiện tại Văn phòng Điều phối NTM các cấp của tỉnh Trà Vinh cơ bản tham mưu, giúp việc tốt cho Ban Chỉ đạo.**

Kiến nghị, đề xuất: Trung ương nên có văn bản chỉ đạo thay thế Quyết định số 1920/QĐ-TTg và nội dung theo hướng thành lập 01 Văn phòng Điều phối

chung các Chương trình MTQG (*Văn phòng Điều phối các Chương trình MTQG*), mục tiêu là tham mưu cho BCĐ thực hiện đồng bộ, hiệu quả, chuyên nghiệp các Chương trình MTQG trong thời gian tới.

*Chúc các đồng chí, các quý vị đại biểu, mạnh khỏe, hạnh phúc và thành công.
Xin trân trọng cảm ơn./.*

**Báo cáo đánh giá kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ,
chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn;
những khó khăn và kiến nghị giải pháp khắc phục**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Cao Bằng



Cao Bằng là tỉnh miền núi, biên giới nằm ở vùng Đông Bắc, phía Bắc và Đông Bắc giáp khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây (Trung Quốc) với đường biên giới dài 333km; phía Tây giáp 2 tỉnh Hà Giang và Tuyên Quang; phía Nam giáp 2 tỉnh Bắc Kạn và Lạng Sơn; Tỉnh có diện tích đất tự nhiên 6.690,72 km², là cao nguyên đá vôi xen lẫn núi đất, núi non trùng điệp, rừng núi chiếm hơn 90% diện tích toàn tỉnh; dân số toàn tỉnh khoảng 530.341 người, trong đó dân số nông thôn chiếm khoảng 76,6%; Tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện, gồm 01 thành phố trực thuộc tỉnh và 9 huyện (trong đó có 7/9 huyện thuộc huyện nghèo giai đoạn 2021 – 2025. Toàn tỉnh có 139 xã thực hiện xây dựng nông thôn mới, trong đó có 122/139 xã khu vực III đặc biệt khó khăn.

1. Ban hành cơ chế chính sách thực hiện Chương trình xây dựng NTM

Trên cơ sở văn bản quy định, hướng dẫn triển khai thực hiện của Trung ương, tỉnh Cao Bằng đã cụ thể hóa thành các nhiệm vụ, giải pháp, cơ chế, chính sách để triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như ban hành: Nghị quyết của Tỉnh ủy về lãnh đạo thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định về thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh; Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất; lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình MTQG; Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh; đã phân công các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn phụ trách, giúp đỡ các xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao; Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chỉ thị về đẩy mạnh tiến độ về xây dựng nông thôn mới; Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG các cấp và Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp tỉnh, huyện đã được kiện toàn đầy đủ....

2. Kết quả thực hiện Chương trình

2.1. Mục tiêu được Thủ tướng Chính phủ giao tỉnh Cao Bằng thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới theo Quyết định 652/QĐ-TTg

- Cấp huyện:

Số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: 2 đơn vị cấp huyện;

- Cấp xã:

+ Số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 50 xã (36% số xã);

+ Số xã nông thôn mới nâng cao: 11 xã (22%);

+ Số xã nông thôn mới kiểu mẫu: 5 xã (10%)

2.2. Kết quả thực hiện

Tỉnh chưa có đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Còn 02 huyện “trắng xã nông thôn mới”.

Xã nông thôn mới: có 17 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020 (sau khi rà soát lại thì một số xã không đảm bảo duy trì đạt chuẩn theo Bộ tiêu chí nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025), từ năm 2021 đến nay chưa có thêm xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 14 xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí, 55 xã đạt từ 10 – 14 tiêu chí và còn 69 xã đạt dưới 10 tiêu chí. Trên địa bàn tỉnh chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; nông thôn mới kiểu mẫu.

Từ thực tế kết quả xây dựng nông thôn mới của tỉnh đạt thấp như vậy, nên tỉnh Cao Bằng đã có văn bản đề xuất điều chỉnh mục tiêu nhiệm vụ thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025 theo hướng: có 01 đơn vị cấp huyện được công nhận đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM (thành phố Cao Bằng); số xã đạt chuẩn nông thôn mới 30 xã, số xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao 5 xã, số xã kiểu mẫu là 1 xã.

2.3. Một số hạn chế, tồn tại

- Do các xã phân đầu đạt chuẩn nông thôn mới của tỉnh Cao Bằng giai đoạn 2021 – 2025 cơ bản đều là xã đặc biệt khó khăn (thuộc địa bàn đầu tư hỗ trợ từ 02 Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) nên nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp để đạt các tiêu chí cấp huyện, cấp xã rất ít, mà tỉnh Cao Bằng là tỉnh khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao nên nguồn ngân sách tỉnh để hỗ trợ thực hiện hạn chế, nguồn vốn huy động từ cộng đồng, các Doanh nghiệp... cũng rất ít.

- Nguồn vốn hỗ trợ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 chưa bảo đảm thực hiện các mục tiêu duy trì xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu chưa bố trí nguồn vốn thực hiện. Khó lòng ghép nguồn vốn từ Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững, Chương trình phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vào thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu nông thôn mới vì mỗi Chương trình đều có mục tiêu cần thực hiện riêng, ví dụ như Chương trình giảm nghèo bền vững tập trung thực hiện các công trình liên vùng,

mà tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn 1 xã, vì vậy khi đầu tư như vậy khó thực hiện đạt các tiêu chí nông thôn mới.

- Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 – 2025 tăng thêm nhiều chỉ tiêu, quy định mức độ đạt chuẩn cao hơn (tiêu chí số 5 về trường học, số 10 về thu nhập, 11 về nghèo đa chiều, 13 về tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn, 17 về môi trường và an toàn thực phẩm), qua kết quả rà soát thực trạng hầu hết các địa phương không duy trì đạt chuẩn các tiêu chí; bên cạnh đó nhiều chỉ tiêu mới bổ sung, địa phương đang trong quá trình thực hiện nên nhiều tiêu chí chưa đạt chuẩn: ví dụ như: Tiêu chí số 5 Trường học yêu cầu phải có cơ sở vật chất đạt mức độ 1 theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT đối với các tỉnh Miền núi rất khó đạt; tiêu chí về nghèo đa chiều khi đánh giá tính cả hộ cận nghèo nên rất khó đạt (hộ nghèo giảm nhưng hộ cận nghèo lại tăng); hoặc các chỉ tiêu 17.11 về phân loại chất thải rắn tại nguồn và chỉ tiêu 17.12 về thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải nhựa trên địa bàn các huyện miền núi khó thực hiện, chỉ thực hiện trên địa bàn thành phố....

- Cán bộ chuyên trách nông thôn mới ở cấp huyện, xã không những thiếu mà còn thường xuyên biến động, dẫn đến hoạt động hiệu quả chưa cao; công tác tham mưu, triển khai chưa được kịp thời.

3. Một số giải pháp triển khai

- Để thực hiện đạt mục tiêu chương trình năm 2024 đã đề ra, ngay từ đầu năm UBND tỉnh đã ban hành chỉ thị về đẩy mạnh thực hiện chương trình, Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành các văn bản chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện các mục tiêu cụ thể như phân đấu trong năm có xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao...

- Kịp thời củng cố, kiện toàn Ban Chỉ đạo và bộ máy giúp việc Ban Chỉ đạo các cấp. Nâng cao hơn nữa vai trò, trách nhiệm của các thành viên Ban Chỉ đạo các cấp trong việc chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi việc thực hiện các tiêu chí do ngành mình phụ trách và việc thực hiện Chương trình của các địa phương được phân công theo dõi, chỉ đạo.

- Tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền nhằm huy động sự vào cuộc mạnh mẽ hơn nữa của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội tham gia xây dựng nông thôn mới. Các cơ quan thông tin, truyền thông chủ động triển khai có hiệu quả công tác tuyên truyền các nội dung của Chương trình. Phát huy vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị xã hội trong vận động hội viên, đoàn viên và nhân dân tham gia xây dựng nông thôn mới.

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, đảm bảo huy động đầy đủ, kịp thời theo quy định và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Áp dụng có hiệu quả cơ chế đầu tư đặc thù trong xây dựng nông thôn mới nhằm tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả đầu tư.

- Tiếp tục phát động và thực hiện các phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới, xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện, tạo hiệu ứng thi đua trong cả hệ thống chính trị, doanh nghiệp, cá nhân và người dân nông thôn; kịp thời khen thưởng các tập thể, cá nhân có nhiều đóng góp cho phong trào xây dựng nông thôn mới.

- Tiếp tục duy trì và tăng cường công tác kiểm tra, giám sát cơ sở, nhất là theo từng chuyên đề cụ thể và kiểm tra việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư, kinh phí sự nghiệp theo đúng quy định, từ đó kịp thời phát hiện và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện.

4. Đề xuất, kiến nghị

- Bổ sung các nội dung tại Tiêu dự án 1 (Dự án 4, Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi) về đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới (nhóm tiêu chí hạ tầng kinh tế - xã hội và nước sạch, môi trường) tại Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới

Trong giai đoạn 2021 – 2025, các xã khu vực III thuộc địa bàn hỗ trợ của chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với mục đích đầu tư đạt các mục tiêu của các chương trình MTQG đề ra; tuy nhiên do Quyết định số 1719/QĐ-TTg đã ban hành từ ngày 14/10/2021, còn chương trình xây dựng nông thôn mới Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2022, do vậy nhiều nội dung chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới chưa có trong nội dung hỗ trợ của chương trình MTQG phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi như: tiêu chí Giao thông có 04 chỉ tiêu thì 02 chỉ tiêu đường ngõ xóm và đường nội đồng chưa có nội dung hỗ trợ, tiêu chí số 6 chưa có hỗ trợ để thực hiện nhà văn hoá và sân thể thao xã; tiêu chí số 8 chưa có nội dung hỗ trợ hệ thống loa đến các xóm; chỉ tiêu 17.1 về nước sạch chưa có hỗ trợ; mặt khác tỉnh Cao Bằng ngân sách thực hiện chương trình chủ yếu do Trung ương hỗ trợ, từ đó dẫn đến kết quả thực hiện các tiêu chí về hạ tầng kinh tế xã hội và môi trường đạt rất thấp.

- Ban hành quy định hướng dẫn sau xã bị khi thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ là xã thuộc khu vực I, khu vực II hay khu vực III.

Theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định: Các xã khu vực III, khu vực II nếu được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới sẽ được xác định là xã khu vực I; Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ có quy định thu hồi Quyết định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; Tuy nhiên chưa có Quy định sau khi xã bị thu hồi Quyết

định công nhận đạt chuẩn nông thôn mới thì xã sẽ chuyển từ khu vực I sang khu vực II hay khu vực III./.

Báo cáo kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã khó khăn, những khó khăn và kiến nghị giải pháp khắc phục

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Điện Biên



Được sự cho phép của Ban tổ chức Hội nghị, được sự uỷ quyền của Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh Điện Biên, tôi xin báo cáo tham luận tại Hội nghị này với chủ đề “Kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn các xã khó khăn, những khó khăn và kiến nghị giải pháp khắc phục” tại tỉnh Điện Biên.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Điện Biên nằm ở rìa phía Tây khu vực Tây Bắc, Việt Nam là tỉnh duy nhất có chung đường biên giới với 2 quốc gia Lào và Trung Quốc dài 455,573 km (đường biên giới với Lào 414,712 km; đường biên giới với Trung Quốc 40,861 km). Dân số của tỉnh trên 63 vạn người, phân bố không đồng đều với 19 dân tộc anh em, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 38,12%, dân tộc Thái chiếm 35,69%, dân tộc Kinh chiếm 17,38%, dân tộc Khơ mú 3,3%, còn lại là các dân tộc khác chiếm 5,51%.

Tỉnh có 10 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 01 thành phố, 01 thị xã và 8 huyện (trong đó có 7 huyện nghèo) và 129 đơn vị hành chính cấp xã (gồm 9 phường, 5 thị trấn và 115 xã). Tỉnh có 126/129 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số; 27 xã, phường khu vực I, 05 xã khu vực II, 94 xã khu vực III; có 57 thôn, bản đặc biệt khó khăn.

Kính thưa quý vị đại biểu!

Bước sang Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Điện Biên gặp rất nhiều khó khăn như việc phải áp dụng Bộ tiêu chí mới với 57 chỉ tiêu, các xã chưa đạt chuẩn chủ yếu là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo cao, thu nhập thấp chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp thường xuyên bị ảnh hưởng từ thiên tai nên bấp bênh, nhận thức của một bộ phận đồng bào các dân tộc còn hạn chế, việc huy động đóng góp của người dân còn hạn chế. Nhưng với sự chỉ đạo quyết liệt tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh, Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh và sự đồng thuận của nhân dân đồng bào các dân tộc trên địa bàn tỉnh Chương trình xây dựng nông thôn mới đã có nhiều khởi sắc, thu nhập người dân từng bước ổn định, đời sống chất chất tinh thần của người dân ngày càng được nâng cao. Đến nay, toàn tỉnh có 21/115 xã đạt chuẩn nông thôn mới, 01 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, số tiêu chí bình quân

đạt 14,12 tiêu chí/xã, có 153 thôn bản được công nhận thôn bản nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, tuy đạt được một số kết quả đáng khích lệ, nhưng vẫn còn đó những tồn tại, khó khăn, thách. Các xã đạt chuẩn nông thôn mới chủ yếu là các xã ở vùng lòng chảo Điện Biên và một số xã có điều kiện thuận lợi khác, còn các xã còn lại là các xã đặc biệt khó khăn có tỷ lệ nghèo đa chiều cao (*bình quân trên 40%*), thu nhập đầu người thấp (*bình quân đạt khoảng 18,2 triệu đồng/người/năm*); mặt khác việc áp dụng Bộ tiêu chí giai đoạn 2021-2025 với rất nhiều chỉ tiêu nâng cao hơn so với giai đoạn 2016-2020 nên rất khó để đạt chuẩn. Để đẩy nhanh tiến độ và hoàn thành mục tiêu Chương trình đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Quyết định 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, trong thời gian tới tỉnh Điện Biên chỉ đạo tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là: Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền vận động bằng nhiều hình thức thiết thực, phổ biến cho người dân hiểu rõ về chủ trương, cơ chế chính sách, quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi cá nhân, cộng đồng thôn trong quá trình xây dựng NTM tại địa bàn. Lấy nội lực là căn bản, hiểu kỹ nội dung, phương pháp, cách làm, tự tin đứng lên làm chủ, tự giác tham gia và sáng tạo trong tổ chức thực hiện với phương châm “dân biết, dân làm, dân bàn, dân hưởng lợi”; củng cố hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh; giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ngành, đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo Chương trình MTQG các cấp; nâng cao tinh thần trách nhiệm, gắn nhiệm vụ thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới với công tác chỉ đạo điều hành của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, đặc biệt cấp huyện, xã và thôn, bản.

Hai là: Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng thiết yếu, cơ bản ở nông thôn; có chính sách đột phá, ưu tiên nguồn lực hỗ trợ hoàn thiện cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã đặc biệt khó khăn; trong đó, chú trọng đầu tư cho các công trình cấp thôn, bản nhằm cải thiện trực tiếp điều kiện sinh hoạt và sản xuất của người dân, từng bước hoàn thiện các tiêu chí xã nông thôn mới.

Ba là: Thực hiện có hiệu quả Chương trình OCOP gắn với đẩy mạnh triển khai Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng và xem đây là định hướng trọng tâm.

Bốn là: Thực hiện quyết liệt các giải pháp đẩy nhanh tiến độ đảm bảo giải ngân 100% kế hoạch vốn giao thực hiện Chương trình, đa dạng hóa việc huy động các nguồn lực và thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý tăng cường lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; tập trung đầu tư, hỗ trợ các xã, thôn khó khăn nhất; giải quyết các vấn đề bức xúc, cấp bách nhất; ưu tiên hỗ trợ hộ nghèo, các nhóm dân tộc thiểu số còn gặp nhiều khó khăn và có khó

khẩn đặc thù; ưu tiên cho các địa bàn còn thiếu hụt cơ sở hạ tầng thiết yếu nhằm giải quyết các khó khăn về kết cấu hạ tầng và hỗ trợ phát triển sản xuất để tạo thuận lợi về điều kiện sinh kế cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số và miền núi, Huy động tối đa các nguồn lực hợp pháp; khuyến khích sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nhằm thực hiện hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ của các Chương trình.

Năm là: Nâng cao chất lượng y tế, giáo dục, xây dựng các thiết chế văn hóa; đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, bài trừ hủ tục, tệ nạn xã hội để nâng cao đời sống tinh thần của người dân nông thôn. Bảo tồn và phát huy sự đa dạng về văn hóa của các dân tộc, làm cơ sở để nhân rộng các mô hình du lịch cộng đồng ở các vùng nông thôn.

Sáu là: Tăng cường bảo vệ môi trường nông thôn (thu gom xử lý nước thải, chất thải, bao gói thuốc bảo vệ thực vật...) và cải tạo cảnh quan môi trường; trong đó, tập trung phát triển các mô hình thôn, bản xanh – sạch – đẹp làm tiền đề cho phát triển du lịch cộng đồng.

Bảy là: Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát để kịp thời điều chỉnh, tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở các địa phương.

Kính thưa toàn thể Hội nghị!

Để hoàn thành mục tiêu Chương trình giai đoạn 2021-2025, tỉnh Điện Biên rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương như sau:

1. Đề nghị Chính phủ:

- Tiếp tục quan tâm hỗ trợ bổ sung thêm nguồn lực cho địa phương để đầu tư nâng cấp, phát triển, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng của các xã, thôn, bản trên địa bàn tỉnh.

- Có chính sách hỗ trợ đối với các xã sau khi công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ xã Khu vực II, Khu vực III về khu vực I tiếp tục hướng chế độ chính sách khu vực II, III một vài năm sau khi công nhận để đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn, đặc biệt đối với các đối tượng hộ dân tộc thiểu số, hộ mới thoát nghèo.

- Thống nhất bộ máy cơ quan giúp việc Văn phòng điều phối nông thôn mới trên toàn quốc, theo hướng có biên chế riêng, để điều phối triển khai thực hiện Chương trình nông thôn mới trên địa bàn (*Hiện tại VPDP tỉnh Điện Biên đang nằm trong Chi cục Phát triển nông thôn và Kinh tế hợp tác*).

2. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quan tâm giúp đỡ tỉnh trong việc

giới thiệu, kết nối các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn tỉnh; thí điểm xây dựng 01 đến 2 mô hình sản xuất nông nghiệp công nghệ cao gắn với tiêu thụ sản phẩm.

- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chi tiết khoản 1, Điều 104 về chi xây dựng các mô hình về thu gom, xử lý, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, chất thải nông nghiệp, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải nhựa theo nguyên lý tuần hoàn và mô hình cộng đồng dân cư không rác thải nhựa; khoản 1, Điều 106 về chi giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam; phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn, khu dân cư kiểu mẫu; điểm c, khoản 2, Điều 111 về chi thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh thuộc Thông tư 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính về quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025.

Xin kính chúc quý vị đại biểu khách quý mạnh khỏe, an lành và hạnh phúc, chúc Hội nghị thành công tốt đẹp. Xin trân trọng cảm ơn!

**Báo cáo đánh giá kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ,
chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn;
những khó khăn và kiến nghị giải pháp khắc phục**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Quảng Ngãi



Quảng Ngãi là tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của khu vực Duyên hải Nam Trung bộ, có diện tích tự nhiên 5.131,5 km²; toàn tỉnh có 13 đơn vị hành chính (gồm: 01 thành phố, 01 thị xã, 01 huyện đảo, 05 huyện miền núi, 05 huyện đồng bằng), 173 xã, phường, thị trấn, trong đó có 148 xã tham gia thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Xuất phát điểm thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới của tỉnh thấp, khi bắt đầu thực hiện (năm 2011) số tiêu chí bình quân/xã mới đạt hơn 3,5 tiêu chí; nhu cầu đầu tư về cơ sở hạ tầng của các xã trên địa bàn tỉnh nói chung và các xã miền núi nói riêng là rất lớn, do địa bàn rộng, mật độ dân cư thưa thớt và phân bố rải rác; bên cạnh đó các xã miền núi có số tiêu chí đạt theo Bộ tiêu chí về nông thôn mới rất thấp (huyện Sơn Tây trắng xã nông thôn mới). Việc triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới các xã miền núi vô cùng khó khăn.

Sau hơn 10 năm triển khai thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới, với sự nỗ lực, cố gắng của cả hệ thống chính trị các cấp và sự đồng thuận, chung tay góp sức của Nhân dân; bộ mặt nông thôn tỉnh Quảng Ngãi đã thay đổi đáng kể, có những chuyển biến rõ nét trên hầu hết mọi lĩnh vực, kết cấu hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục,... được quan tâm đầu tư, nâng cấp. Riêng các huyện miền núi của tỉnh đã có bước phát triển quan trọng, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng định hướng, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư phát triển. Hoạt động văn hóa, thông tin, công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được chú trọng. Giáo dục và đào tạo tiếp tục được đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện. Công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được tăng cường. Quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố vững chắc, góp phần rút ngắn khoảng cách giữa thành thị và nông thôn miền núi.

Theo kế hoạch thực hiện Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được UBND tỉnh phê duyệt, phấn đấu đến năm 2025: Có 07/13 huyện, thị xã, thành phố đạt chuẩn, hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (trong đó có ít nhất 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao); có 120/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới (có 24 xã đặc biệt khó khăn khu vực miền núi); có 53/120 số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 08/53 xã đạt nông thôn mới kiểu mẫu; 138/229

thôn thuộc các xã đặc biệt khó khăn khu vực miền núi được công nhận thôn đạt chuẩn nông thôn mới theo Bộ tiêu chí do UBND tỉnh quy định.

Để đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, tỉnh Quảng Ngãi đã chủ động, tích cực triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn theo chỉ đạo của Trung ương. Đến nay, toàn tỉnh có 95/148 xã đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 64,19%). Trong đó có 09/61 xã vùng dân tộc thiểu số và miền núi đạt chuẩn NTM (đạt tỷ lệ 14,75%); có 06 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; có 02 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; có 75 thôn được công nhận khu dân cư nông thôn kiểu mẫu; có 191 sản phẩm đạt OCOP còn thời hạn, trong đó có 17 sản phẩm OCOP 4 sao và 174 sản phẩm 3 sao. Tỷ lệ hộ nghèo cuối năm 2023 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi là 6,13% (tỷ lệ hộ nghèo miền núi chiếm tỷ lệ 24,26%).

Để đảm bảo hoàn thành mục tiêu Chương trình xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, đến năm 2025 có thêm 31 xã đạt chuẩn nông thôn mới, trong đó có 24 xã đặc biệt khó khăn. Do vậy, tỉnh Quảng Ngãi quyết tâm với phương châm “Huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, phát huy tiềm năng, lợi thế của miền núi để đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện hiệu quả toàn diện các chính sách xã hội, chính sách dân tộc, cải thiện đời sống nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách về mức sống, thu nhập của vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi so với bình quân chung của cả nước; bảo đảm quốc phòng, an ninh”.

1. Một số khó khăn, vướng mắc

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình, tỉnh Quảng Ngãi cũng gặp nhiều khó khăn, vướng mắc, cụ thể như sau:

- Theo Kế hoạch ban hành cho giai đoạn 2021-2025, nhưng thời gian để thực hiện kế hoạch chỉ khoảng 03 năm.

- Nguồn lực trung ương bố trí cho Chương trình vẫn chưa đáp ứng nhu cầu của các địa phương. Trong các xã đạt chuẩn NTM đến năm 2025, phần lớn thuộc các xã đặc biệt khó khăn (24 xã) cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ, hộ nghèo chiếm tỷ lệ cao nên việc huy động nguồn lực để thực hiện Chương trình gặp khó khăn, chủ yếu dựa vào sự đầu tư, hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước.

- Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đã được sửa đổi một số tiêu chí, chỉ tiêu tại Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 01/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ, tuy nhiên Tiêu chí số 10 về Thu nhập (năm 2025 \geq 48 triệu đồng/người/năm), tiêu chí số 11 về Nghèo đa chiều ($<$ 13%) vẫn thực hiện theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022. Thực tế cho thấy, thu nhập của người dân chủ yếu từ sản xuất nông nghiệp; phát triển cây lâm nghiệp như quế, keo,... còn manh mún, nhỏ lẻ; dịch vụ chậm phát triển, hạ tầng giao thông khó khăn ảnh hưởng đến sự thông thương hàng hóa giữa các địa phương lân cận. Việc thực hiện

giảm tỷ lệ nghèo đa chiều theo Chương trình nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối các xã miền núi chưa đạt chỉ tiêu đề ra (đa số hộ thoát nghèo đều rơi vào hộ cận nghèo, nên số hộ cận nghèo giảm hàng năm không đáng kể).

- Kết quả đạt chuẩn xã nông thôn mới giữa các vùng vẫn còn khoảng cách chênh lệch lớn. Đến nay, các xã đồng bằng của tỉnh đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới 100%; số lượng xã đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới chỉ đạt 14,75%. Chất lượng tiêu chí sau khi đạt được vẫn còn ở mức thấp, nhiều xã đạt chuẩn giai đoạn trước không duy trì được 19 tiêu chí theo Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp thực hiện

Để hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 đối với các xã miền núi, các cấp ủy đảng, các ngành, chính quyền, địa phương cần tập trung triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Một là, Phát huy vai trò người có uy tín trong vùng để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động người dân thực hiện chủ trương xây dựng nông thôn mới và giảm nghèo bền vững ở địa phương; khuyến khích và hỗ trợ người dân thay đổi tư duy, cách làm, chủ động vươn lên thoát nghèo bền vững; khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại của một số bộ phận người dân còn có tư tưởng khi đạt chuẩn nông thôn mới đồng nghĩa với việc không được hưởng các cơ chế, chính sách đặc thù của nhà nước.

Hai là, Tăng cường vai trò, trách nhiệm của chính quyền, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng nông thôn mới; nâng cao năng lực cụ thể hóa, có biện pháp, giải pháp khả thi, phù hợp để thực hiện quyết liệt, hiệu quả, thực chất công tác xây dựng nông thôn mới; kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các huyện miền núi là một trong các tiêu chí để đánh giá, phân loại hằng năm. Tập trung huy động tối đa các nguồn lực và thực hiện lồng ghép các nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia, các Chương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn và các nguồn vốn khác để thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

Ba là, Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới, ở cấp huyện, xã; Tập huấn, nâng cao năng lực cho cộng đồng trong việc áp dụng kiến thức mới, kỹ thuật mới trong phát triển sản xuất phù hợp với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và vùng đặc biệt khó khăn.

Bốn là, UBND các huyện miền núi tiếp tục chỉ đạo các xã đạt chuẩn nông thôn mới khẩn trương rà soát, đánh giá mức độ đạt chuẩn theo yêu cầu Bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025. Đối với các tiêu chí đã đạt, khẩn trương hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định, đối với các tiêu chí chưa đạt, đẩy nhanh tiến độ thực hiện để hoàn thành nội dung.

Năm là, Xây dựng nông thôn mới theo chiều sâu, thực chất, hiệu quả, bền vững, kết hợp hài hòa giữa phát triển sản xuất, tạo sinh kế và văn hóa - xã hội để cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Tập trung rà soát các tiêu chí nông thôn mới còn thấp và có giải pháp phù hợp, phân công cho từng tổ chức, cá nhân, nhất là người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện các chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới bảo đảm thực chất, hiệu quả, vì lợi ích của người dân; quan tâm đầu tư cơ sở hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông đến các địa bàn khó khăn, vùng sâu, vùng xa.

Sáu là, Thực hiện hiệu quả “Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP)”; trong đó, ưu tiên phát triển các nhóm ngành hàng chủ lực, có lợi thế của mỗi địa phương gắn với phát triển dịch vụ du lịch. Xây dựng, nâng cao hiệu quả hoạt động các mô hình kinh tế tập thể nhằm liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, tạo đầu ra ổn định cho nông sản; đưa các sản phẩm OCOP lên các sàn thương mại điện tử.

Bảy là, Tăng cường công tác quản lý và phát triển rừng; khuyến khích phát triển kinh tế vườn, rừng, trồng cây gỗ lớn, trồng cây dược liệu dưới tán rừng, bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Hình thành các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên canh phục vụ công nghiệp chế biến; nghiên cứu thực hiện kinh doanh tín chỉ carbon rừng, phát triển diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, tăng tỷ lệ độ che phủ rừng. Mở rộng quy mô, vùng sản xuất các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế cao./.

Báo cáo giải pháp thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn thuộc tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Kon Tum



I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MỚI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐẾN QUÝ I/2024.

1. Đặc điểm tình hình chung

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 - 2025, với tổng số xã là 85 xã, trong đó có 83/85 xã thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (50/85 xã thuộc xã đặc biệt khó khăn, khu vực III). Mục tiêu đến năm 2025 tỉnh Kon Tum phấn đấu có 70,5% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới (khoảng 60 xã), có 04 huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới và thành phố Kon Tum hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (chiếm 50% đơn vị cấp huyện).

Nhằm triển khai và tổ chức thực hiện Chương trình đạt mục tiêu đề ra, Trên cơ sở quy định của Trung ương, tỉnh đã kịp thời ban hành đầy đủ các quy định, cơ chế để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình, cụ thể như:

- Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh đã ban hành Nghị quyết về lãnh đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Kon Tum; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp trong xây dựng Thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh⁽⁶¹⁾.

- Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành 16 Nghị quyết quy định về triển khai thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 – 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các văn bản (Chỉ thị, Quyết định, Kế hoạch và các văn bản khác) để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình.

- Các sở, ban ngành thuộc tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, theo chức năng nhiệm vụ có liên quan đã xây dựng các Chương trình, kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn và theo lĩnh vực ngành; hướng dẫn tổ chức thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới các cấp và tổ chức triển khai thực hiện Chương trình đảm bảo theo mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

2. Về công tác chỉ đạo, điều hành

⁶¹ Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 19/5/2022 và Chỉ thị số 12-CT/TU ngày 18/02/2022.

a) Mô hình tổ chức hoạt động Ban Chỉ đạo các cấp tại địa phương.

- Cấp tỉnh: Thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã là cơ quan thường trực chương trình; thành lập Tổ công tác về Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh và tiếp tục duy trì, kiện toàn Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới để tham mưu triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025.

- Cấp huyện: Thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn. Các địa phương đã thành lập tổ công tác thực hiện Chương trình nông thôn mới; tiếp tục duy trì, kiện toàn Văn phòng điều phối nông thôn mới cấp huyện để tham mưu triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Tại cấp xã: Thành lập Ban quản lý xã, Ban phát triển thôn.

Việc tổ chức kiện toàn và thành lập đầy đủ theo mô hình tổ chức hoạt động đồng nhất từ cấp tỉnh đến xã, thôn đã xác định rõ được vai trò, nhiệm vụ của từng cấp trong quản lý triển khai thực hiện Chương trình; Ban chỉ đạo cấp tỉnh, huyện đã nâng cao được vai trò chỉ đạo, lãnh đạo, điều hành chương trình, ban hành các Chương trình, kế hoạch để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, đặc biệt là lồng ghép thực hiện có hiệu quả các chương trình MTQG trên địa bàn; Ban quản lý xã đã chủ động tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình; Ban phát triển thôn đã phát huy được vai trò tuyên truyền, vận động nhân dân trong tổ chức tham gia và giám sát thực hiện Chương trình trên địa bàn.

b) Công tác phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện từng Chương trình.

Tỉnh đã phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh, các Sở Ngành thuộc tỉnh phụ trách các chỉ tiêu, tiêu chí nông thôn mới; qua đó, trong quá trình thực hiện, các Sở, ngành có trách nhiệm hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện tại địa phương. Từ đó, trong thời gian qua việc phối hợp giữa các ngành, các cấp trong chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện đã được các ngành, địa phương thực hiện có hiệu quả, qua công tác phối hợp đã kịp thời phát hiện và có giải pháp hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho địa phương.

3. Kết quả đạt được theo Bộ tiêu chí nông thôn mới

- Xã nông thôn mới: Toàn tỉnh đã có 49 xã cơ bản đạt chuẩn 19/19 tiêu chí (trong đó có 44 xã đã được công nhận xã NTM, 05 đang hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận); 9 xã đạt chuẩn từ 15 đến 18 tiêu chí; 26 xã đạt từ 10 đến 14 tiêu chí và 01 xã có số tiêu chí đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí; số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã là 16,34 tiêu chí.

- Xã nông thôn mới nâng cao: Đến nay toàn tỉnh có 04 xã đạt chuẩn xã NTM nâng cao và 03 xã đang trong gian đoạn thẩm định trình công nhận theo kế hoạch năm 2023.

- Xã nông thôn mới kiểu mẫu: Đến nay đã có 01 xã đạt chuẩn xã NTM kiểu mẫu (xã Tân Lập) và 01 xã đang trình tỉnh quyết định công nhận thuộc kế hoạch 2023 (xã Hà Môn).

-Thôn (làng) nông thôn mới kiểu mẫu và thôn nông thôn mới: Đến nay toàn tỉnh có 28 thôn đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu và 47 thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới.

- Về thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm: Đến nay, toàn tỉnh có 236 sản phẩm OCOP còn hiệu lực, trong đó: 01 sản phẩm 5 sao, 06 sản phẩm tiềm năng 5 sao đang đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đánh giá, 14 sản phẩm 4 sao, 19 sản phẩm tiềm năng 4 sao đang đề nghị Hội đồng OCOP cấp tỉnh đánh giá và 196 sản phẩm 3 sao.

II. GIAI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TẠI ĐỊA BÀN KHÓ KHĂN

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh Kon Tum có 83/85 xã thuộc xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 50 xã thuộc xã đặc biệt khó khăn và 371 thôn thuộc thôn đặc biệt khó khăn. Đến cuối năm 2020, toàn tỉnh mới chỉ có 30% số xã đạt chuẩn xã nông thôn mới, chưa có xã nông thôn mới nâng cao, chưa có huyện nông thôn mới; số tiêu chí đạt chuẩn bình quân/xã là 14,8 tiêu chí, có 01 huyện trắng xã nông thôn mới, số xã có số tiêu chí đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí còn tương đối cao.

Một trong những nguyên nhân khó khăn trong xây dựng nông thôn mới đó là mặt bằng phát triển kinh tế - xã hội của vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn quá khó khăn, dẫn đến rất khó xây dựng đạt chuẩn xã nông thôn mới, tình trạng mặc dù xã đã đảm bảo đạt chuẩn nông thôn mới nhưng một số thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số của xã vẫn còn khó khăn chưa tương xứng với danh hiệu xã nông thôn mới; trình độ, nhân thức của phần lớn người đồng bào dân tộc thiểu số có mặt còn hạn chế, các phong tục, tập quán lạc hậu chậm thay đổi, dẫn đến khó khăn trong việc tuyên truyền, vận động và hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ đó, nhằm khắc phục những khó khăn, hạn chế tại địa phương, góp phần quan trọng trong xây dựng thành công Chương trình nông thôn mới, đặc biệt đối với những địa bàn khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, trong giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh đã tập trung một số giải pháp cơ bản như:

1. Phát động Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững” trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025

Qua 03 năm triển khai thực hiện, Cuộc vận động đã được cả hệ thống chính trị tích cực vào cuộc, các tầng lớp Nhân dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số đồng tình, hưởng ứng. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị-xã hội các cấp đã đổi mới công tác tuyên truyền, vận động, từng bước đưa Cuộc vận động đi vào cuộc sống của đồng bào dân tộc thiểu số, gắn kết với các phong trào thi đua yêu nước, các cuộc vận động, đặc biệt là Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”. Việc triển khai hiệu quả việc xây dựng mô hình điểm thực hiện Cuộc vận động đã tạo ra sức lan toả đối với các hộ nghèo, cận nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số. Một bộ phận người nghèo là đồng bào dân tộc thiểu số đã thay đổi nếp nghĩ, cách làm, từng bước xóa bỏ các hủ tục lạc hậu, thay đổi cách thức lao động sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững bằng chính nội lực của mình.

Kết quả đạt được cụ thể một số lĩnh vực chính như: (1) 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo trên địa bàn tỉnh được tuyên truyền, phổ biến về nội dung Cuộc vận động; các địa phương đã thực hiện lồng ghép Cuộc vận động với Cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”, Phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”...(2) Có 15.343 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, cận nghèo (chiếm 74,61%) thay đổi nếp nghĩ, bỏ dần những hủ tục, tập tục lạc hậu, không trông chờ, ỷ lại vào sự giúp đỡ của Nhà nước, tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững; (3) Có 12.370 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo (đạt tỷ lệ 62,31%) biết áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao, phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng của địa phương để nuôi, trồng, biết chi tiêu hợp lý để tích lũy vốn tái đầu tư sản xuất; (4) Có 11.061 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo (đạt tỷ lệ 54,41%) có đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện (có mức thu nhập cao hơn mức thu nhập trung bình của người dân tộc thiểu số trong tỉnh, có mô hình sản xuất ổn định, nhà ở kiên cố và một số vật dụng thiết yếu như ti vi, xe gắn máy...); (5) Có 5.458 hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và cận nghèo (đạt tỷ lệ 24,27%) tham gia các tổ hợp tác, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; (6) Cuối năm 2023, có 5.549 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thoát nghèo (đạt tỷ lệ 26,20%) và có 2.654 hộ đồng bào dân tộc thiểu số thoát cận nghèo (đạt tỷ lệ 18,89%); (7) Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các huyện, thành phố xây dựng hoặc duy trì từ 01 đến 03 mô hình thực hiện Cuộc vận động/đơn vị; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp xây dựng hoặc duy trì 01 mô hình thực hiện Cuộc vận động/đơn vị.

2. Triển khai thực hiện xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bằng dân tộc thiểu số

Qua rà soát, tại các xã xây dựng nông thôn mới, toàn tỉnh Kon Tum có 498 thôn (làng) thuộc diện vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và Ban thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bằng dân tộc thiểu số, với mục tiêu phấn đấu đến năm 2025 toàn tỉnh có ít nhất 50% số thôn (làng) vùng đồng bằng dân tộc thiểu số đạt chuẩn thôn nông thôn mới theo bộ tiêu chí của tỉnh ban hành.

Nhằm triển khai thực hiện Chương trình đồng bộ trên toàn tỉnh, trong năm 2023, tỉnh đã chỉ đạo thực hiện xây dựng điểm tại các thôn theo hình thức, cấp tỉnh lựa chọn 01 thôn để chỉ đạo điểm; tại cấp huyện, mỗi huyện lựa chọn 01 thôn để chỉ đạo điểm; tại cấp xã, mỗi xã lựa chọn 01 thôn để chỉ đạo điểm; trên cơ sở thực hiện thí điểm sẽ tổng kết để nhân ra diện rộng. Kết quả sau 2 năm thực hiện, đến nay toàn tỉnh đã có 47 thôn đã được công nhận đạt chuẩn, trong quá trình triển khai thực hiện đã đạt được những kết quả cơ bản như:

- Trong quá trình triển khai thực hiện Chỉ thị đã nhận được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp uỷ, chính quyền; sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của người dân vùng đồng bằng dân tộc thiểu số trong xây dựng thôn (làng) nông thôn mới.

- Các địa phương đã phát huy được vai trò, trách nhiệm trong tổ chức thực hiện xây dựng thôn (làng) nông thôn mới trên địa bàn; chủ động, linh hoạt trong triển khai thực hiện; đã xây dựng kế hoạch chi tiết, xác định rõ việc nào dân làm, việc nào Nhà nước hỗ trợ, việc nào Nhà nước làm; các tiêu chí dễ, tiêu chí ít vốn làm trước. Qua đó đã phát huy tính chủ động, sáng tạo trong việc tổ chức, triển khai thực hiện xây dựng thôn (làng) nông thôn mới.

- Triển khai thực hiện điểm tại các thôn (làng) đã góp phần phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng tại cộng đồng dân cư; đặc biệt đã làm thay đổi cách nghĩ của người dân trong việc nâng cao nhận thức trong xây dựng nông thôn mới và các lợi ích của việc xây dựng nông thôn mới mang lại trên địa bàn.

- Việc triển khai xây dựng Thôn (làng) nông thôn mới được gắn với thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, do đó đã huy động được tổng hợp các nguồn lực để hỗ trợ xây dựng đạt chuẩn các tiêu chí.

- Kết quả xây dựng thôn (làng) nông thôn mới là giải pháp quan trọng để duy trì và nâng cao chất lượng xã nông thôn mới và đẩy nhanh tiến độ xây dựng nông thôn mới đối với những xã có điều kiện khó khăn.

3. Huy động, lồng ghép nguồn vốn từ các Chương trình MTQG trong xây dựng nông thôn mới

Trong giai đoạn 2021 – 2025, tỉnh Kon Tum có 83/85 xã thuộc xã vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi, trong đó có 50 xã thuộc xã đặc biệt khó khăn, 371

thôn thuộc diện thôn đặc biệt khó khăn; 03/10 huyện thuộc huyện nghèo; do đó hằng năm, ngoài Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, từ các Chương trình mục tiêu quốc gia khác (như: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình giảm nghèo bền vững) tỉnh Kon Tum đã được Trung ương phân bổ người lực tương đối lớn và xác định đây cũng chính là nguồn lực chính để hỗ trợ xây dựng nông thôn mới.

Từ đó, ngay từ đầu giai đoạn, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết về cơ chế lồng ghép các nguồn vốn thực hiện các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021 – 2025, trong đó:

- Nội dung thực hiện lồng ghép: Dự án đầu tư; các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG; hoạt động đào tạo nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, đào tạo nghề, tập huấn nâng cao năng lực quản lý, tổ chức thực hiện, thông tin tuyên truyền; hoạt động kiểm tra, đánh giá, hội nghị triển khai các Chương trình MTQG các cấp và các nội dung khác.

- Nguồn vốn lồng ghép: Từ nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện các Chương trình MTQG; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi các nhà tài trợ nước ngoài; nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn đóng góp tự nguyện của cộng đồng dân cư, vốn huy động từ các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; các nguồn vốn hợp pháp khác).

- Nhằm huy động, lồng ghép các nguồn lực để thực hiện Chương trình nông thôn mới, tỉnh đã xây dựng tiêu chí phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình, trong đó: nguồn vốn Chương trình nông thôn mới chỉ phân bổ cho các xã không thuộc xã đặc biệt khó khăn; qua đó các xã đặc biệt khó khăn được lồng ghép từ nguồn vốn của các Chương trình MTQG còn lại để xây dựng nông thôn mới.

III. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUNG ĐẠT ĐƯỢC VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN

1. Những kết quả đạt được

- Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là Chương trình tổng hợp, phát triển kinh tế - xã hội, do đó xây dựng nông thôn mới đã góp phần quan trọng trong việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Chương trình đã được Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào Chương trình trọng tâm để lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt trong quá trình thực hiện (Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết để lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, Hội đồng nhân dân tỉnh đã kịp thời ban hành một số Nghị quyết để tổ chức thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành Chỉ thị tăng cường vai trò trách nhiệm các cấp, các ngành trong thực hiện nhiệm vụ hàng năm) do đó đã huy động được cả hệ thống chính trị cùng vào cuộc trong lãnh đạo, chỉ đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện Chương trình.

- Nhằm hỗ trợ xây dựng nông thôn mới toàn diện, đồng bộ và xây dựng các thôn (làng) phát triển, đặc biệt là các thôn (làng) vùng đồng bào dân tộc thiểu số; Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy các cấp đối với việc xây dựng thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh.

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các ngành, các cấp theo nhiệm vụ phân cấp đã kịp thời ban hành các Nghị quyết, Chỉ thị, Quyết định, Chương trình, kế hoạch và các văn bản chỉ đạo một cách kịp thời và đồng bộ tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện.

- Các địa phương đã ban hành Chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện theo mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm trên địa bàn để triển khai thực hiện; các sở, ban, ngành đã tích cực hướng dẫn, phối hợp và hỗ trợ các địa phương trong quá trình thực hiện các tiêu chí nông thôn mới.

- Việc triển khai đồng bộ các Chương trình mục tiêu quốc gia đã tạo điều kiện cho các địa phương chủ động lồng ghép thực hiện các nguồn lực để thực hiện Chương trình đạt kết quả cao.

2. Khó khăn, vướng mắc

Trong triển khai thực hiện mục tiêu xã nông thôn mới, hiện nay đang gặp một số khó khăn sau:

- Đến nay toàn tỉnh vẫn còn 01 xã có số tiêu chí đạt chuẩn dưới 10 tiêu chí, 01 huyện chưa có xã đạt chuẩn nông thôn mới; một số xã đã được công nhận NTM theo bộ tiêu chí giai đoạn 2016 – 2020 đến nay không đảm bảo duy trì đạt chuẩn 19/19 tiêu chí theo bộ tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

- Về phân bổ và thực hiện nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình: Việc thực hiện và giải ngân nguồn vốn sự nghiệp là rất khó khăn, do áp dụng quy định nội dung, mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính còn một số bất cập, dẫn đến khó thực hiện, nhiều nội dung phải trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ mới đủ cơ sở triển khai thực hiện; Có nội dung thực tế cần bố trí kinh phí để thực hiện nhưng Chương trình lại không quy định nội dung thực hiện như: Hỗ trợ duy tu bảo dưỡng công trình sau đầu tư, hỗ trợ kiểm định chất lượng nước sạch, trong khi yêu cầu tiêu chí phải có tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch... quy định mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương thực hiện một số mô hình trong xây dựng nông thôn mới còn bất cập, ví dụ như: tại khoản 12 Điều 4 Thông tư 55/2023/TT-BTC qui định “Chi ngân sách Trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (không bao gồm dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách Trung ương tối đa không

quá 70% kinh phí thực hiện (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch... đối với các huyện còn lại”(tại Thông tư 55/2023/TT-BTC, rất nhiều nội dung chỉ có mức hỗ trợ theo qui định khoản 12 Điều 4 như trên); Quy định này được hiểu rằng mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương chỉ được thực hiện tại các huyện miền núi và không thực hiện tại các thị xã, thành phố miền núi (trong khi tại thị xã, thành phố cũng có các xã rất cần vốn hỗ trợ để xây dựng xã NTM, xã NTM nâng cao...). Mặt khác, các huyện của tỉnh Kon Tum đều là huyện vùng cao (được quy định tại các Quyết định của Ủy ban dân tộc: số 21/UB-QĐ ngày 26/01/1993, 42/UB-QĐ ngày 23/5/1997, 68/UBND ngày 09/8/1997, 363/2005/QĐ-UBND ngày 15/8/2005), như vậy đối chiếu theo quy định lại không thuộc diện được ngân sách Trung ương hỗ trợ tối đa là 70% (vì khoản 12 Điều 4 Thông tư 55/2023 chỉ quy định hỗ trợ tối đa 70% đối với huyện miền núi), trong khi đó các huyện vùng cao có điều kiện khó khăn hơn nhiều so với huyện miền núi.

3. Nguyên nhân hạn chế

- Nguyên nhân khách quan

+ Do cơ chế chính sách quy định, hướng dẫn thực hiện Chương trình giai đoạn 2021 - 2025 chưa được kịp thời và đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong công tác tổ chức thực hiện.

+ Là những năm đầu thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 với nhiều tiêu chí, chỉ tiêu mới, mức đạt chuẩn cao nên trong một thời gian ngắn chưa thể thực hiện đạt tiêu chí và một số tiêu chí đã đạt chuẩn trước đây nhưng không đáp ứng được theo mức quy định mới.

+ Hầu hết các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới đều là những xã đặc biệt khó khăn, với điều kiện về kinh tế - xã hội, đời sống người dân còn nhiều hạn chế, dẫn đến để xây dựng đạt chuẩn nông thôn mới cần tập trung nguồn lực tương đối lớn để đầu tư hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế.

- Nguyên nhân chủ quan

+ Công tác tuyên truyền, vận động có lúc, có nơi chưa có chiều sâu, phương thức, cách thức tuyên truyền chưa đa dạng, dẫn đến nhận thức của một số người dân chưa cao và phong trào chung tay xây dựng NTM chưa đạt hiệu quả cao.

+ Các địa phương chưa có các giải pháp thiết thực để huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho Chương trình (chủ yếu vẫn phụ thuộc vào ngân sách Trung ương) như giải pháp phân bổ ngân sách địa phương, huy động sự tham gia hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, người dân...

+ Một số địa phương, nhất là cấp xã chưa thật sự vào cuộc một cách quyết liệt, chỉ đạo còn chung chung, chưa phát huy sức mạnh của tập thể, hệ thống chính trị để vận động Nhân dân chung sức xây dựng NTM.

IV. GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến sâu rộng về ý nghĩa, mục đích, sự cần thiết của chương trình; nâng cao chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” và các Cuộc vận động “Làm thay đổi nếp nghĩ, cách làm của đồng bào dân tộc thiểu số, làm cho đồng bào dân tộc thiểu số vươn lên thoát nghèo bền vững”, “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”.

- Xây dựng và nhân rộng những mô hình hay, việc làm hiệu quả trong thực hiện chương trình, tạo sự lan tỏa mạnh mẽ trong cộng đồng về xây dựng nông thôn mới.

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia

- Thực hiện rà soát, đánh giá sát, đúng tình hình thực hiện chương trình theo từng nội dung, tiêu chí cụ thể; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; xây dựng kế hoạch, lộ trình thực hiện và giao chỉ tiêu, phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân, tổ chức, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu.

- Lựa chọn xây dựng mô hình mẫu, điển hình theo từng tiêu chí để nhân rộng; chú trọng công tác sơ tổng kết, khen thưởng, vinh danh các tập thể, cá nhân thực hiện tốt các chương trình mục tiêu quốc gia.

- Thực hiện hiệu quả công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, tạo nguồn và phát triển đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số, chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức cấp xã. Phân công và phát huy vai trò trong việc vận động, hướng dẫn người dân thay đổi nếp nghĩ, cách làm, vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Đẩy mạnh triển khai các chủ trương, định hướng về phân quyền, phân cấp giữa cấp tỉnh với các cấp địa phương trong xây dựng, tổ chức quản lý và thực hiện chương trình, đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, tiềm năng, thế mạnh, bản sắc văn hóa, phong tục tập quán của các dân tộc, địa phương.

- Thanh tra, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện chương ở các cấp, các ngành; kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, lãng phí trong quá trình thực hiện.

- Cập nhật, hoàn thiện dữ liệu phục vụ công tác theo dõi, phân tích và đánh giá việc thực hiện chương trình trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin.

3. Huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp về huy động vốn, bảo đảm huy động đầy đủ, kịp thời nguồn lực thực hiện các chương trình theo quy định; cân đối bố trí đủ vốn đối ứng ngân sách địa phương và tăng cường các nguồn huy động, khuyến

khích đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia, đóng góp của người dân, đối tượng thụ hưởng của chương trình. Phát huy và thực hiện tốt, có hiệu quả phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”, “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” trong thực hiện các công trình và mô hình cụ thể.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn lực Trung ương hỗ trợ, huy động tối đa nguồn lực của địa phương (tỉnh, huyện, xã) để tổ chức triển khai chương trình. Thực hiện có hiệu quả quy định phân cấp nguồn thu để lại cho ngân sách xã, huyện từ đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, có thu tiền sử dụng đất (sau khi hoàn trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng) trên địa bàn xã để thực hiện các nội dung xây dựng nông thôn mới⁽⁶²⁾. Khuyến khích các địa phương có kinh tế phát triển hỗ trợ cho các địa phương khó khăn đẩy nhanh tiến độ thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của chương trình.

- Thực hiện lồng ghép hiệu quả nguồn vốn của các Chương trình mục tiêu quốc gia còn lại các chương trình, dự án khác trên địa bàn.

- Thực hiện hiệu quả chính sách tín dụng đầu tư cho nông nghiệp, nông thôn, chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn. Bổ sung vốn cho Quỹ Hỗ trợ nông dân tỉnh, huyện, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã và huy động tối đa nguồn lực từ hệ thống Quỹ này; hàng năm cân đối, bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện) ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội (cấp tỉnh, cấp huyện), khuyến khích cho vay ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội; thực hiện có hiệu quả cơ chế huy động nguồn vốn tín dụng và nguồn vốn hợp pháp khác thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Nghị quyết số 59/2022/NQ-HĐND ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

4. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội thiết yếu và thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách hỗ trợ đặc thù

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm và bền vững theo thứ tự ưu tiên theo địa bàn đầu tư, đối tượng thụ hưởng, trên nhu cầu giải quyết những vấn đề bức thiết nhất của từng chương trình về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và các hoạt động đáp ứng nhu cầu sản xuất tại khu vực nông thôn. Trong đó, quan tâm hỗ trợ đầu tư tại các xã, các huyện chưa đạt chuẩn nông thôn mới, nhất là các xã an toàn khu, xã đạt dưới 15 tiêu chí; hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững; hỗ trợ đầu tư xây dựng các thôn (làng) nông thôn mới ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

⁽⁶²⁾ Nghị quyết số 57/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định phân cấp ngân sách Nhà nước tỉnh Kon Tum giai đoạn 2022-2025.

- Cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, dịch vụ ở nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới. Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo chuỗi giá trị. Thực hiện có hiệu quả Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm và chủ trương dồn đổi ruộng đất để xây dựng cánh đồng lớn, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ, khuyến khích thúc đẩy phát triển kinh tế trang trại, hợp tác xã nông nghiệp và các mô hình sản xuất có sự tham gia của các hộ nghèo, cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số; nghiên cứu, có chính sách khuyến khích doanh nghiệp và hợp tác xã liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm.

- Tạo điều kiện cho người dân tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi và hướng dẫn, hỗ trợ sử dụng hiệu quả vốn vay để phát triển kinh tế; hỗ trợ cho các hộ nghèo, nhất là những hộ thuộc các nhóm dân tộc thiểu số khó khăn nhất, hộ nghèo có thành viên là người có công với cách mạng và trẻ em, phụ nữ; trong đó, tập trung vào 03 nhóm chính sách: (i) Hỗ trợ phát triển sản xuất; (ii) Hỗ trợ về lao động - việc làm, nâng cao thu nhập; (iii) Hỗ trợ người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Tích cực kêu gọi, thu hút các nhà đầu tư đến tìm hiểu, triển khai các dự án quy mô lớn trên địa bàn để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đầu tư kết cấu hạ tầng vùng dự án, giải quyết việc làm, đóng góp vào nguồn thu ngân sách và tham gia vào các chương trình an sinh và phúc lợi xã hội của địa phương.

5. Phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện khả năng thụ hưởng, nâng cao đời sống tinh thần cho Nhân dân

- Bố trí nguồn vốn phù hợp để nâng cấp, xây dựng mới cơ sở vật chất phục vụ dạy học, khám chữa bệnh; chuẩn hóa đội ngũ giáo viên, y bác sĩ, đảm bảo đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức, y đức.

- Tuyên truyền, vận động hạn chế tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống; đẩy mạnh thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề bức thiết của trẻ em, phụ nữ.

- Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và triển khai việc xây dựng nếp sống văn hóa ở nông thôn; bảo tồn, phát huy bản sắc, giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể của các dân tộc trên địa bàn, gắn với phát triển du lịch nông thôn. Rà soát, đầu tư hoàn thiện và nâng cao hiệu quả sử dụng các thiết chế văn hóa ở cơ sở.

- Đầu tư xây dựng Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; thực hiện tốt việc thu gom, xử lý rác và nước thải sinh hoạt, chăn nuôi. Kiểm tra, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất, kinh doanh gây ô nhiễm môi trường, xây dựng

khu chôn cất tập trung theo đúng quy hoạch, quy định. Quản lý và bảo vệ bền vững tài nguyên đất, nước, rừng.

6. Đảm bảo an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội vùng nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới

- Xây dựng, duy trì và nhân rộng các mô hình hay, hiệu quả về giữ gìn an ninh trật tự; phát huy vai trò của già làng, người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, lực lượng công an xã, vai trò tự quản, tích cực của Nhân dân tham gia đấu tranh; xử lý những vấn đề nhạy cảm phát sinh ngay từ cơ sở.

- Ngăn chặn và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn; quản lý chặt chẽ người và phương tiện ra, vào khu vực biên giới; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, đường biên, cột mốc; đảm bảo an ninh trật tự, phòng ngừa, ngăn chặn có hiệu quả các hoạt động vượt biên, buôn lậu qua biên giới.

- Thực hiện tốt công tác đối ngoại với các tỉnh giáp biên của nước Lào và Campuchia; xây dựng lực lượng dân quân vũ trang mạnh, rộng khắp, tích cực xây dựng địa bàn nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và biên giới vững mạnh toàn diện, bảo đảm giữ vững tiêu chí quân sự, quốc phòng./.

Báo cáo kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Bình Phước



Xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn, là sự nghiệp cách mạng của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân và của cả hệ thống chính trị. Đây là mục tiêu, yêu cầu cấp bách cho sự phát triển bền vững, có tầm chiến lược đặc biệt quan trọng trong công cuộc đổi mới. Xây dựng nông thôn mới mang tính thời sự, thu hút được sự quan tâm của người dân, đặc biệt là cộng đồng dân cư khu vực nông thôn, để cộng đồng dân cư nông thôn đồng lòng xây dựng thôn, xã khang trang, sạch đẹp; phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ một cách toàn diện; có nếp sống văn hoá, môi trường và an ninh nông thôn được đảm bảo; thu nhập, đời sống vật chất, tinh thần của người dân được nâng cao.

Thực hiện đường lối đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền các cấp, sự chung sức, đồng lòng của toàn dân, đặc biệt là các xã đặc biệt khó khăn. Đến hết tháng 3/2024 tỉnh Bình Phước có 3/11 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn huyện nông thôn mới/thị xã thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (thành phố Đồng Xoài, thị xã Phước Long, thị xã Bình Long); có 73/86 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới; có 21/86 xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; số tiêu chí toàn tỉnh đến tháng 03/2024 là: 18,37 tiêu chí. Trong đó số xã đạt 19 tiêu chí là 80/86 xã; số xã đạt từ 15 – 18 tiêu chí: 0 xã; số xã đạt từ 11 – 14 tiêu chí: 6 xã; toàn tỉnh không còn xã dưới 10 tiêu chí.

Bình Phước có 05 xã khu vực 1 theo Quyết định 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 về phê duyệt danh sách các xã khu vực I, khu vực II, khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025 (Lộc Phú, Lộc Quang-huyện Lộc Ninh; Bù Gia Mập, Phú Văn, Đăk Ô huyện Bù Gia Mập). Đến nay xã Lộc Quang đã về đích nông thôn mới năm 2021; hiện nay 2 xã Lộc Phú và Đăk Ô cơ bản đạt 19/19 tiêu chí nông thôn mới. Với sự quan tâm chỉ đạo và ưu tiên nguồn lực hỗ trợ của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, sự quyết tâm của hệ thống chính trị và nỗ lực vươn lên của một bộ phận người dân, đời sống sinh hoạt và sản xuất của người dân vùng đặc biệt khó khăn đã có nhiều khởi sắc, nhưng kết quả xây dựng nông thôn mới của các địa phương vùng đặc biệt khó khăn (ĐBK) vẫn còn nhiều thách thức

Để đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2024-2025 đối với các xã đặc biệt khó khăn cần thực hiện các giải pháp trọng tâm cụ thể như sau:

Thứ nhất, rà soát và điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn mới của các huyện, xã vùng khó khăn, nhất là các xã sau sáp nhập, chia tách theo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xác định những thôn, bản khó khăn để xây dựng Đề án, kế hoạch thực hiện cụ thể trong giai đoạn 2024-2025.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền và người dân về xây dựng nông thôn mới ở địa bàn đặc biệt khó khăn, phát huy các nguồn lực tại chỗ, lồng ghép từ các chương trình, dự án khác để phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu trong xây dựng nông thôn mới;

Thứ ba, nghiên cứu, xây dựng cơ chế, chính sách, lồng ghép cơ chế hỗ trợ của 03 CTMTQG và các chương trình, dự án khác để tập trung cho các địa phương vùng ĐBKK phát huy vai trò chủ động của các địa phương trong điều phối phân bổ nguồn lực thực hiện đảm bảo hiệu quả, không chồng chéo; nghiên cứu, đổi mới và mở rộng chính sách cho vay tín dụng của Ngân hàng Chính sách Xã hội tăng định mức cho vay, mở rộng đối tượng được vay về nước sạch và vệ sinh môi trường, thực hiện các nội dung về phát triển sản xuất, đặc biệt là phát triển Chương trình OCOP.

Thứ tư, tập trung đầu tư, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống của người dân trên địa bàn xã theo quy hoạch đã được phê duyệt gắn với phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (giao thông, điện, nước sạch, y tế, trường học...); xây dựng các bản đồ cảnh báo khu vực có nguy cơ lũ ống, lũ quét, sạt lở đất nguy hiểm, quy hoạch, phân bổ lại, bố trí lại dân cư và có chủ trương đầu tư để ổn định đời sống, phát triển sản xuất đảm bảo an toàn cho người dân. Đồng thời xây dựng hệ thống cảnh báo sớm để kịp thời sơ tán khẩn cấp trước khi có sạt lở đất, lũ quét.

Thứ năm, tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, trong đó: Hỗ trợ nhân rộng các mô hình chuyển đổi kinh tế hiệu quả (trồng cây ăn trái, chăn nuôi đại gia súc...) để phát huy, khơi dậy tiềm năng, lợi thế của vùng; tăng kinh phí hỗ trợ cho các hộ nhận khoán khoanh nuôi, bảo vệ rừng để người dân có thu nhập ổn định, phát triển các sản phẩm từ rừng; thúc đẩy phát triển các mô hình liên kết trồng rừng gỗ lớn tập trung, gắn với cấp chứng chỉ rừng bền vững, các mô hình trồng được liệu xen ghép, chăn nuôi đại gia súc.

Thứ sáu, cần chú trọng đến các vấn đề về bảo vệ môi trường và tạo cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và triển khai các mô hình sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phù hợp với đặc thù của vùng khó khăn để phát huy được các giá trị đặc trưng của vùng và góp phần nâng cao thu nhập của người dân. Tăng cường thực hiện hiệu quả các giải pháp huy động nguồn lực thực hiện Chương trình.

Bên cạnh các giải pháp trọng tâm nhằm đẩy nhanh tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới đối với xã đặc biệt khó khăn trong giai đoạn 2024-2025 Văn

phòng Điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Phước cũng có một số kiến nghị cụ thể như sau:

1. Trong giai đoạn 2024-2025 Tỉnh Bình Phước còn 6 xã phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới: Tuy nhiên hiện nay có 02 xã trên địa bàn huyện Bù Gia Mập phấn đấu về đích nông thôn mới là xã Phú Văn và xã Bù Gia Mập (02 xã đều là xã đặc biệt khó khăn; xã khu vực I) 02 xã đều có quy hoạch Bouxit (Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 và nằm trong đất lâm phần chiếm đến 80%; tương tự 02 xã của huyện Bù Gia Mập thì 02 xã của huyện Bù Đăng là xã Đồng Nai và xã Nghĩa Bình có tới 100% diện tích đất của xã nằm trong đất quy hoạch khoáng sản theo Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 về phê duyệt quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn tới 2050. Như vậy 04 xã Phú Văn, xã Bù Gia Mập, xã Nghĩa Bình, xã Đồng Nai khó có thể về đích nông thôn mới khi các hạng mục xây dựng cơ bản không thể hoàn thành do nằm trong đất quy hoạch khoáng sản. Để đáp ứng nhu cầu cấp thiết của người dân, thực hiện 3 CTMTQG và đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công và để các xã về đích đúng lộ trình ... đề nghị Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương cho phép tỉnh được nâng cấp, sửa chữa các công trình hiện hữu trên đất khoáng sản. Trường hợp không thể nâng cấp, sửa chữa thì cho phép xây dựng mới trên phạm vi đất hiện hữu (không xây dựng mới ở khu mới, không mở rộng quy mô hiện hữu).

2. Cho phép các xã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục được hưởng các chính sách của Chương trình Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tại một số khu vực nhất định./.

Báo cáo đánh giá kết quả và giải pháp trọng tâm thúc đẩy tiến độ, chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn khó khăn; những khó khăn và kiến nghị giải pháp khắc phục

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Cà Mau



Cà Mau là tỉnh cực Nam của Tổ quốc, nơi có mốc tọa độ số 0 nằm ở Mũi Cà Mau. Tỉnh có 03 mặt giáp biển với chiều dài bờ biển gần 254 km và tổng diện tích lãnh hải trên 70.000 km², thuộc hành lang kinh tế ven biển Đông - Tây. Trong đất liền, địa hình của tỉnh bị chia cắt bởi hệ thống sông rạch, kênh mương chằng chịt với tổng chiều dài trên 8.000 km. Là nơi có địa hình thấp so với mặt nước biển và là tỉnh duy nhất chịu tác động của cả 02 chế độ nhật triều và bán nhật triều không đều. Diện tích tự nhiên của tỉnh là 529.487 ha, bằng 13,13% diện tích cả nước. Dân số tự nhiên của tỉnh khoảng trên 1,2 triệu người, trong đó khu vực nông thôn gần 01 triệu người. Tỉnh có 09 đơn vị hành chính cấp huyện. Có 101 đơn vị cấp xã, trong đó có 82 xã, 10 phường và 09 thị trấn. Với vị trí địa lý đặc thù, tỉnh Cà Mau có nhiều tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh một số lợi thế thì Cà Mau cũng gặp phải một số khó khăn, xuất phát từ điều kiện đặc thù của địa phương như: Kinh tế - xã hội phát triển chưa cao; Xuất phát điểm về xây dựng nông thôn mới thấp so với các tỉnh bạn, bình quân chỉ đạt 3,5 tiêu chí/xã, cá biệt có nhiều xã không đạt tiêu chí nào; Suất đầu tư hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn nông thôn lớn. Đặc biệt, Cà Mau được đánh giá là một trong những tỉnh chịu ảnh hưởng nặng nề nhất của quá trình biến đổi khí hậu và nước biển dâng, xâm nhập mặn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống hàng ngày của người dân nông thôn.

Đối với Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới, qua hơn 13 năm triển khai thực hiện với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, kết quả đạt được của tỉnh là **rất khiêm tốn** so với bình quân chung của khu vực và cả nước, cụ thể: toàn tỉnh có 60/82 xã đạt chuẩn nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 73,2%; 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; đơn vị thành phố Cà Mau được công nhận hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Đặc biệt, tỉnh chưa có xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và huyện đạt chuẩn nông thôn mới.

Trong bối cảnh khó khăn chung của tỉnh thì việc triển khai xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn khó khăn càng đối mặt nhiều vấn đề khó khăn, thách thức hơn. Trong giai đoạn 2021 - 2025, theo Quyết định của cấp thẩm quyền, tỉnh có 07 xã thuộc đối tượng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ngoài ra, toàn tỉnh có 65 ấp trên địa bàn 26 xã của 07 huyện (trong đó, 43 ấp thuộc xã vùng ĐBDTTS&MN và 22 ấp thuộc xã

khu vực III) thuộc diện đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Đã qua, tỉnh rất quan tâm tập trung chỉ đạo việc triển khai Chương trình xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn khó khăn bằng nhiều giải pháp, cụ thể như:

- Lòng ghép các nguồn vốn từ các Chương trình, Đề án, huy động trong nhân dân; trong đó, đặc biệt là từ 03 Chương trình MTQG để tập trung hỗ trợ cho các địa bàn khó khăn hoàn thiện các tiêu chí, phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới trong thời gian sớm nhất.

- Chỉ đạo rà soát các nội dung, tiêu chí khó khăn, chưa đạt của các xã khó khăn; trên cơ sở đó phân công các sở, ngành phụ trách các tiêu chí tương ứng và các thành viên Ban Chỉ đạo tỉnh phụ trách địa bàn các xã để theo dõi, chỉ đạo tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc.

- Thường xuyên tham mưu Ban Chỉ đạo, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành, đơn vị có liên quan hỗ trợ, hướng dẫn, làm việc cụ thể để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện Chương trình nông thôn mới.

Mặc dù đã tập trung chỉ đạo bằng nhiều giải pháp, tuy nhiên kết quả đạt được đến thời điểm hiện tại là **rất hạn chế**, cụ thể: tất cả 07/7 xã thuộc đối tượng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều chưa được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới, bình quân chỉ đạt 11 tiêu chí/xã. Đối với 26 xã trên địa bàn có áp đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, chỉ có 14/26 được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới.

Qua quá trình chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện, công tác xây dựng nông thôn mới trên các địa bàn khó khăn, tỉnh nhận thấy có một số khó khăn như sau:

- Trước đây, thực hiện Đề án theo Quyết định 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án hỗ trợ thôn, bản, ấp của các xã đặc biệt khó khăn xây dựng nông thôn mới, tỉnh Cà Mau có 55 ấp của 05 xã thuộc phạm vi điều chỉnh của Đề án được ưu tiên hỗ trợ nguồn vốn. Tuy nhiên, hiện nay Đề án không còn triển khai thực hiện nữa.

- Toàn tỉnh có 82 xã nhưng có đến 07 xã thuộc đối tượng xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 và có đến 65 ấp trên địa bàn 26 xã của 07 huyện thuộc diện đặc biệt khó khăn vùng ĐBDTTS&MN, gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác chỉ đạo chung của tỉnh đối với Chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Về phân bổ vốn: các xã khó khăn vùng bãi ngang ven biển không thuộc đối tượng ưu tiên phân bổ theo Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ đối ứng vốn ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, nên trong quá trình phân bổ vốn các xã này tương tự các xã khác, trong khi đó là địa bàn khó khăn nên

việc triển khai gặp rất nhiều khó khăn. Hộ nghèo còn khá cao nên việc huy động vốn trong dân để tham gia xây dựng nông thôn mới còn gặp nhiều khó khăn.

Từ những khó khăn nêu trên, tỉnh kiến nghị một số nội dung như sau:

- Nghiên cứu tiếp tục triển khai Đề án đặc thù để hỗ trợ địa bàn khó khăn tương tự như Đề án theo Quyết định số 1385/QĐ-TTg ngày 21/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ để các địa bàn này thực hiện.

- Xem xét có sự ưu tiên về hệ số phân bổ vốn cho các địa bàn khó khăn để được hưởng nguồn vốn nhiều hơn tập trung xây dựng nông thôn mới./.

**Báo cáo đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai
Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn
trong xây dựng nông thôn mới**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Yên Bái



Trong những năm qua, Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Yên Bái luôn nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân và nông thôn, là cơ sở và động lực quan trọng để phát triển kinh tế - xã hội bền vững khu vực nông thôn, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng - an ninh. Từ những chủ trương đúng đắn, cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kịp thời, khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế đã góp phần tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế xã hội khu vực nông thôn trong thời gian qua.

Đến hết năm 2023, toàn tỉnh có 106/150 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 70,7%.

- Số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 37 xã; Số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: 11 xã.

- Có 04/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (Trần Yên, Yên Bình, Thành phố, Nghĩa Lộ).

- Tổng số thôn được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 104 thôn; Tổng số thôn công nhận đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu: 245 thôn.

- Đối với Chương trình OCOP: Lũy kế đến thời điểm hiện tại toàn tỉnh có 237 sản phẩm OCOP, trong đó: có 25 sản phẩm đạt 4 sao, 212 sản phẩm đạt 3 sao. Các sản phẩm thuộc 05 nhóm ngành hàng (Thực phẩm: 173 sản phẩm; Thủ công mỹ nghệ: 14 sản phẩm; Dược liệu và sản phẩm từ dược liệu: 21 sản phẩm; Đồ uống: 14 sản phẩm; Dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch: 15 sản phẩm).

Yên Bái có nhiều tiềm năng, lợi thế về tài nguyên thiên nhiên, cảnh quan sinh thái và các giá trị văn hóa vật thể, phi vật thể đặc sắc, tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch. Trong những năm qua, tỉnh Yên Bái đã quan tâm phát triển các sản phẩm du lịch như: Sinh thái - nghỉ dưỡng; du lịch mạo hiểm leo núi, dù lượn; du lịch tâm linh, tham quan di tích lịch sử, lễ hội ... trong đó chú trọng đến phát triển sản phẩm du lịch cộng đồng tìm hiểu văn hóa các dân tộc gắn với phát triển nông nghiệp... Đã có nhiều sản phẩm du lịch độc đáo, đặc trưng thu hút đông đảo du khách trong và ngoài nước đến với Yên Bái, cụ thể như:

Du lịch sinh thái khám phá danh thắng quốc gia đặc biệt Ruộng bậc thang Mù Cang Chải; du lịch văn hóa gắn với di tích lịch sử và bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số địa phương; du lịch sinh thái vùng Hồ Thác Bà; du lịch trải nghiệm sinh thái nước khoáng nóng Trạm Tấu...; Du lịch cộng đồng gắn với văn hóa của các dân tộc Thái, Mông, Tày, Dao, Cao Lan tại các địa phương...

Du lịch mạo hiểm: Bay dù lượn tại đèo Khau Phạ, huyện Mù Cang Chải (hàng năm tổ chức 02 Festival dù lượn: “Bay trên mùa vàng” và “Bay trên mùa nước đổ”); săn mây trên đỉnh Tà Xùa, Tà Chì Nhù huyện Trạm Tấu; Du lịch tâm linh dọc sông Hồng tại các di tích lịch sử - văn hóa, các địa điểm tâm linh nổi tiếng, như: Đền Đông Công, Đền Tuần Quán, Chùa Am kết nối với hệ thống các điểm du lịch tâm linh tại các tỉnh Lào Cai, Phú Thọ.

Thường xuyên tổ chức các sự kiện, lễ hội văn hóa, du lịch hàng năm: Lễ hội Văn hóa, Du lịch Mường Lò và khám phá danh thắng quốc gia đặc biệt ruộng bậc thang Mù Cang Chải; Lễ hội Bưởi Đại Minh và khám phá danh thắng quốc gia hồ Thác Bà; lễ hội đền Đại Cại; Lễ hội Đền Đông Công gắn với Festival thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu Thượng Ngàn; Lễ hội Quế Văn Yên; Festival dù lượn Bay trên mùa nước đổ và Festival dù lượn Bay trên mùa vàng...

Kế hoạch phấn đấu năm 2024:

- Xã nông thôn mới: Toàn tỉnh có thêm 11 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới (lũy kế hết năm 2024 có 117/150 xã đạt chuẩn nông thôn mới).

- Xã nông thôn mới nâng cao: Toàn tỉnh có thêm 07 xã trở lên đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (lũy kế hết năm 2024 có 44 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao).

- Xã nông thôn mới kiểu mẫu: Toàn tỉnh có thêm 03 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (lũy kế hết năm 2024 có 14 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu).

- Huyện nông thôn mới: Toàn tỉnh có thêm 01 huyện Văn Yên cơ bản đạt chuẩn huyện nông thôn mới (lũy kế hết năm 2024 có 05/09 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới)

- Thôn đạt chuẩn nông thôn mới: Toàn tỉnh có thêm 39 thôn (bản) được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới. Lũy kế hết năm 2024 có 143 thôn (bản) đạt chuẩn nông thôn mới.

- Thôn đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu: Toàn tỉnh có thêm 90 thôn (bản) đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu. Lũy kế hết năm 2024 có 335 thôn, bản đạt chuẩn thôn nông thôn mới kiểu mẫu.

- Năm 2024 phấn đấu toàn tỉnh có tổng số 264 sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3 sao trở lên, phấn đấu có 01 sản phẩm OCOP đạt tiêu chuẩn 5 sao.

Đối với tỉnh Yên Bái, Chương trình OCOP là chương trình để phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát huy nội lực và gia tăng giá trị, là giải pháp quan trọng trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM của tỉnh; Phát triển sản phẩm OCOP dựa trên thế mạnh, lợi thế về nguyên liệu địa phương, văn hóa và tri thức bản địa. Trong đó tập trung phát triển các sản phẩm đặc sản, sản vật và làng nghề truyền thống, dịch vụ du lịch có lợi thế của thôn, bản, xã, cộng đồng theo chuỗi giá trị.

Trên cơ sở những kết quả đạt được, trong thời gian tới tỉnh Yên Bái triển khai một số giải pháp trọng tâm thực hiện Chương trình:

(1) Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chương trình OCOP, Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin, đại chúng từ tỉnh đến cấp xã, thôn, bản; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng NTM.

(2) Đẩy mạnh triển khai có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị, phát triển bền vững. Khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế về đất đai, khí hậu, điều kiện tự nhiên để phát triển kinh tế nông nghiệp, từng bước đưa tỉnh Yên Bái thành một trong những tỉnh trọng điểm trong khu vực miền núi phía Bắc về sản xuất nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ.

(3) Thực hiện khâu xúc tiến thương mại và thực hiện bảo hộ sở hữu trí tuệ chung cho cả chương trình. Xây dựng thương hiệu OCOP với các sản phẩm đảm bảo chất lượng, giá cả cạnh tranh, số lượng sản phẩm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Đẩy mạnh chuyển đổi số cho các sản phẩm OCOP thông qua việc đưa các sản phẩm OCOP lên sàn thương mại điện tử; các nền tảng số; Tích hợp gian hàng các sản phẩm OCOP với các công cụ quảng cáo ưu việt.

(4) Tăng cường đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP về chuyển đổi số; năng lực cộng đồng và tinh thần hợp tác; đổi mới hình thức tổ chức sản xuất; các kỹ năng về quản trị; marketing, bán hàng; kỹ năng về thiết kế bao bì, ghi nhãn và mẫu mã sản phẩm; sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị... đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

(5) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong: Truyền thông đa phương tiện về Chương trình OCOP; Xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; Số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị OCOP, ..., hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về chương trình OCOP của tỉnh.

(6) Hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP chuyển đổi số để tối ưu hoá hoạt động, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh

doanh, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh, tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp, góp phần phát triển kinh tế số trên địa bàn tỉnh.

(7) Hỗ trợ phát triển, quảng bá, xúc tiến các sản phẩm dịch vụ du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với Chương trình OCOP; tạo điều kiện để các sản phẩm OCOP tỉnh Yên Bái tham gia các sự kiện lễ hội, văn hóa, xúc tiến du lịch trong và ngoài tỉnh; Xây dựng các tour, tuyến, điểm du lịch gắn với nông nghiệp và nông thôn.

(8) Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm OCOP của tỉnh sau khi được công nhận.

Tỉnh Yên Bái mong rằng trong trong thời gian tới sẽ tiếp tục được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Chính phủ, sự hỗ trợ, giúp sức của các Bộ, ban, ngành, đoàn thể Trung ương để tỉnh Yên Bái sớm hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới nói chung và Chương trình OCOP, chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới nói riêng trên địa bàn tỉnh, góp phần cùng với cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn./.

Báo cáo đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thái Nguyên



1. Kết quả nổi bật và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 về việc phê duyệt Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021 - 2025; Quyết định 148/QĐ-TTg ngày 24/2/2023 ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, trên cơ sở Đề án “Mỗi xã một sản phẩm” tỉnh Thái Nguyên, giai đoạn 2019-2025 đã được phê duyệt, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành Kế hoạch số 135/KH-UBND ngày 14/9/2022 thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021 - 2025 và chỉ đạo Sở Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh cùng các Sở, ngành, địa phương liên quan ban hành trên 50 văn bản chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện chu trình OCOP; hướng dẫn công tác đánh giá, phân hạng, quản lý, giám sát đối với các sản phẩm OCOP; hướng dẫn hồ sơ tài liệu minh chứng đánh giá sản phẩm OCOP; triển khai Hệ thống phần mềm đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP; tổ chức tuyên truyền, tập huấn,... Ngoài các cơ chế hỗ trợ của Trung ương, Thái Nguyên hỗ trợ các chủ thể có sản phẩm OCOP đạt 3 sao: 20 triệu đồng/sản phẩm, đạt 4 sao: 30 triệu đồng/sản phẩm, đạt 5 sao: 40 triệu đồng/sản phẩm; hỗ trợ thiết kế, bao bì mẫu mã, đăng ký bảo hộ nhãn hiệu: 30 triệu đồng/sản phẩm; hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP: 15 triệu đồng/điểm cấp huyện, 05 triệu đồng/điểm cấp xã; hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử; hỗ trợ quảng bá, xúc tiến thương mại, tiêu thụ sản phẩm, tổ chức hội chợ, triển lãm; hỗ trợ thúc đẩy thương mại điện tử, livestream sản phẩm;...

Với sự vào cuộc quyết liệt, hiệu quả của các cấp, ngành, địa phương; Chương trình OCOP được triển khai sâu rộng, có sự lan tỏa mạnh mẽ, tác động tích cực, đậm nét đến phát triển kinh tế nông thôn. Thông qua thực hiện chương trình, đã góp phần chuyển đổi từ sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ sang sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị, theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, có truy xuất nguồn gốc và theo nhu cầu thị trường. Khơi dậy tiềm năng đất đai, sản vật, lợi thế so sánh, đặc biệt là các giá trị văn hóa vùng miền để hình thành các sản phẩm OCOP tích hợp “đa giá trị”, gắn kết giữa phát triển nông nghiệp với dịch vụ, du lịch.

Từ việc triển khai chương trình OCOP, nhiều địa phương đã quy hoạch được các vùng nguyên liệu đặc sản, phát triển các ngành nghề nông thôn, đặc biệt là bảo tồn và phát triển nhiều làng nghề truyền thống. Sản phẩm OCOP đã đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng, an toàn thực phẩm; có mẫu mã, bao bì đa dạng và thân thiện với môi trường, phù hợp yêu cầu của thị trường. Từ đó, góp phần nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm, giúp các chủ thể tăng quy mô sản xuất và doanh thu; tạo việc làm, nâng cao thu nhập, đời sống cho người dân,...

Năm 2023, có thêm 67 sản phẩm mới được đánh giá, xếp hạng từ 3-4 sao trở lên, nâng tổng số sản phẩm đã được xếp hạng OCOP từ 3-5 sao trên địa bàn tỉnh là 240 sản phẩm. Có 03 sản phẩm đủ điều kiện trình Trung ương xem xét, đánh giá, phân hạng 5 sao OCOP (gồm Chè đỉnh, Chè tôm nõn của Hợp tác xã Chè Hảo Đạt và sản phẩm Du lịch văn hóa dân tộc Tày Bản làng Thái Hải của Công ty TNHH Thái Hải Thái Nguyên). Bằng 160% chỉ tiêu Đề án phát triển sản phẩm OCOP giai đoạn 2019-2025.

Giá trị kinh tế của các sản phẩm được đánh giá xếp hạng OCOP nâng lên từ 20% đến 50%. Các sản phẩm OCOP đang từng bước khẳng định được giá trị và chất lượng trên thị trường, được người dân tin dùng. Đặc biệt, các sản phẩm OCOP 5 sao của tỉnh Thái Nguyên đã được Lãnh đạo Đảng và Nhà nước tin tưởng, lựa chọn làm quà tặng trong các hội nghị quan trọng và các chuyến công tác nước ngoài; làm quà tặng, quà biếu trong các hội nghị, hội thảo, sự kiện trọng đại, các ngày lễ lớn của tỉnh và các địa phương và là sản phẩm đặc sản phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch khi đến với tỉnh Thái Nguyên.

Số lượng Chủ thể là Hợp tác xã tham gia Chương trình OCOP rất lớn chiếm trên 78% đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại khu vực nông thôn, gia tăng sức mạnh cộng đồng và là giải pháp quan trọng để thực hiện nhóm tiêu chí về tổ chức sản xuất, thu nhập, hộ nghèo trong xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu. Thông qua phát triển các sản phẩm OCOP đã góp phần thúc đẩy phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh với Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản năm 2023 đạt 15.893,1 tỷ đồng, tăng 4,04%; giá trị sản phẩm thu được trên 01 ha đất nông nghiệp trồng trọt (giá hiện hành) đạt 128,7 triệu đồng/ha; toàn tỉnh có 118/126 xã (đạt tỷ lệ 93,65%) đạt chuẩn nông thôn mới, 33 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (đạt tỷ lệ 26,2%); 10 xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu (đạt tỷ lệ 7,9%); 03 thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới (thành phố Thái Nguyên, thành phố Sông Công, thành phố Phổ Yên); 01 huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Phú Bình) và 02 huyện đang hoàn thiện hồ sơ trình Trung ương xét công nhận huyện đạt chuẩn nông thôn mới (huyện Định Hóa, huyện Đại Từ). 125/126 xã đạt tiêu chí về Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn (99,2%).

Đề tiếp tục phát huy những kết quả đạt được và đẩy mạnh phát triển các sản phẩm OCOP theo hướng nâng cao chất lượng, gia tăng giá trị sản phẩm, tỉnh Thái Nguyên tiếp tục thực hiện một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

Một là, phát huy lợi thế của các địa phương, hình thành và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển các sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP theo các quy trình, tiêu chuẩn sản xuất: VietGAP, GlobalGAP, Organic, ... hỗ trợ áp dụng kỹ thuật và thực hiện chuyển đổi số trong quản lý chất lượng đồng bộ, tăng cường năng lực chế biến và phát triển thị trường gắn với Chương trình OCOP.

Hai là, huy động, lồng ghép các nguồn lực để tập trung cho phát triển sản phẩm OCOP và xây dựng cơ chế chính sách phù hợp, hỗ trợ chủ thể tham gia chu trình OCOP thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong quản lý, điều hành, ứng dụng công nghệ cao để phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Ba là, chú trọng việc truy xuất nguồn gốc sản phẩm gắn với cấp mã số vùng trồng, đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng để xuất khẩu sản phẩm. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP tham gia vào các sàn thương mại điện tử quy mô lớn, các kênh bán hàng trực tuyến (online), bán hàng tương tác trực tiếp (livestream). Xây dựng và vận hành hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản, kết nối với Cổng Thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa quốc gia và góp phần xây dựng thương hiệu nông sản Việt.

Bốn là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm; số hóa sản phẩm và xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc theo chuỗi giá trị OCOP, gắn với giám sát - chứng thực của công tác quản lý Nhà nước; hướng tới hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu kết nối với chương trình OCOP cấp độ quốc gia;

Năm là, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý Nhà nước; tích cực tuyên truyền để nâng cao nhận thức về phát triển các sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn, nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp và chất lượng xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh.

2. Kết quả nổi bật và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn

Thực hiện Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, UBND tỉnh Thái Nguyên đã ban hành kế hoạch số 54/KH-UBND ngày 10/4/2023 triển khai thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.

Xác định, phát triển du lịch nông thôn là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình mục tiêu quốc gia về NTM giai đoạn 2021-2025.

Tỉnh Thái Nguyên đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh, như: hỗ trợ phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn bền vững gắn với sản phẩm OCOP; xây dựng các tour, tuyến, trục du lịch trải nghiệm kết nối giữa các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao, các xóm, xã đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Thái Nguyên là một vùng đất có bề dày lịch sử văn hóa, nơi lưu giữ nhiều di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của cộng đồng các dân tộc Việt Nam với trên 800 di tích lịch sử, văn hóa, danh lam thắng cảnh, 238 làng nghề truyền thống (trong đó có trên 200 làng nghề chề truyền thống nổi tiếng) đã tạo cho Thái Nguyên không chỉ có thế mạnh phát triển loại hình du lịch văn hóa, lịch sử về nguồn, sinh thái nghỉ dưỡng mà còn có tiềm năng lớn trong việc phát triển sản phẩm nông nghiệp theo hướng nông nghiệp sinh thái, sản phẩm dịch vụ du lịch kết hợp với sản xuất nông nghiệp, văn hóa truyền thống và lịch sử dân tộc. Trong những năm gần đây, tỉnh chú trọng phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch trải nghiệm, đặc biệt gắn với sản phẩm và văn hóa trà. Nhiều khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh có lợi thế về cảnh quan tự nhiên, văn hóa truyền thống, các sản phẩm gắn với đặc trưng nông nghiệp vùng miền, hiện nay là điểm đến hấp dẫn trong chiến lược phát triển du lịch của tỉnh, như: Vùng chề Tân Cương, Bản làng Thái Hải, suối kẹm La Bằng, Hoàng Nông farmstay, Hang Phượng Hoàng, ATK Định Hóa.... Đến nay, tỉnh Thái Nguyên có 11 điểm du lịch cộng đồng, như: Khu bảo tồn làng nhà sàn dân tộc sinh thái Thái Hải; Làng văn hóa dân tộc bản Quyền, xã Diềm Mặc, huyện Định Hóa; điểm du lịch Tân Cương, thành phố Thái Nguyên; điểm du lịch xóm Mỏ Gà, huyện Võ Nhai; điểm du lịch xóm Tân Sơn, xã La Bằng, huyện Đại Từ; điểm du lịch Hồ Ghèn Chè, xã Bình Sơn, thành phố Sông Công;.... Năm 2023, xã La Bằng, huyện Đại Từ được Trung ương lựa chọn triển khai thực hiện mô hình thí điểm “Phát triển sản phẩm OCOP về dịch vụ du lịch gắn với nâng cao vai trò tổ chức và quản lý cộng đồng”.

Hiện nay, UBND tỉnh giao cho Sở Nông nghiệp và PTNT tiếp tục phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan hướng dẫn các địa phương khảo sát, tìm ra những nét đặc trưng, những lợi thế về cảnh quan thiên nhiên, di tích văn hóa, lịch sử để phát triển du lịch nông thôn, nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế về nông nghiệp, làng nghề, văn hóa và môi trường sinh thái của các địa phương, cùng với việc đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP khơi dậy tiềm năng, lợi thế của khu vực nông thôn vừa gắn với phát triển du lịch cộng đồng, du lịch nông thôn, đồng thời đa dạng các ngành nghề dịch vụ nông thôn để tăng thu nhập của người nông dân... góp phần phát triển kinh tế vùng nông thôn, xây dựng NTM đi vào chiều sâu, hiệu quả và bền vững.

Để tiếp tục thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn gắn với phát triển các sản phẩm OCOP, Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới trong thời gian tới đạt hiệu quả, Tỉnh Thái Nguyên đưa ra một số giải pháp như sau:

- Một là, Tập trung triển khai kịp thời, có hiệu quả các chính sách của Trung ương, của tỉnh hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn; trong đó tiếp tục đẩy mạnh triển khai phát triển du lịch nông nghiệp gắn với Chương trình OCOP và Chương trình xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu xác định đây là giải pháp động lực cho phát triển kinh tế để nâng cao đời sống cho người dân và xây dựng NTM bền vững.

- Hai là, Tăng cường công tác tuyên truyền, truyền thông bằng nhiều hình thức, linh hoạt và sáng tạo; triển khai có hiệu quả phong trào thi đua “Thái Nguyên chung sức xây dựng NTM” và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh. Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền để tiếp tục nâng cao nhận thức hơn nữa trong công tác bảo vệ môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, theo phương châm bảo vệ môi trường nông thôn gắn với phát triển du lịch sinh thái, du lịch trải nghiệm, du lịch nông thôn.

- Ba là, Tiếp tục rà soát, hoàn thiện việc quy hoạch và quản lý nhà nước về phát triển du lịch nông nghiệp. Bố trí nguồn vốn và lồng ghép các nguồn vốn khác để thực hiện các mô hình thí điểm về du lịch nông thôn. Tăng cường đầu tư kết cấu hạ tầng, thay đổi tích cực diện mạo nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập từ các loại hình du lịch gắn với kinh doanh các sản phẩm nông sản địa phương. Phục dựng các làng nghề truyền thống, những nét văn hóa đặc trưng đậm đà bản sắc dân tộc. Gắn phát triển các sản phẩm OCOP, nhất là sản phẩm OCOP 4, 5 sao với phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của các bộ, ngành Trung ương; tìm và lựa chọn những khâu đột phá để tổ chức thực hiện trong đó trọng tâm là phát triển tổ chức sản xuất, phát triển văn hóa - du lịch, bảo vệ môi trường.

- Bốn là, Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực cho các cá nhân, tổ chức, hợp tác xã, doanh nghiệp làm du lịch nông nghiệp; tăng cường tuyên truyền quảng bá các chương trình du lịch nông thôn; kết hợp phát triển du lịch với phát triển nông thôn, kết hợp yếu tố truyền thống với yếu tố hiện đại./.

Báo cáo đánh giá kết quả đạt được và kế hoạch, giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thanh Hoá



Thanh Hóa là tỉnh lớn cả về diện tích và dân số; có cả vùng đồng bằng, ven biển và vùng trung du, miền núi, có tiềm năng phát triển đa dạng các sản phẩm OCOP và các sản phẩm du lịch nông thôn; thời gian qua, Thanh Hóa luôn xác định thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM là Chương trình trọng tâm để phát triển nông nghiệp, nông thôn; đồng thời tập trung tổ chức thực hiện hiệu quả các Chương trình chuyên đề để xây dựng NTM theo chiều sâu, chất lượng.

I. Về Chương trình mỗi xã một sản phẩm

Để tổ chức triển khai, thực hiện Chương trình OCOP, UBND tỉnh đã phê duyệt Đề án Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Thanh Hóa, giai đoạn 2018 - 2020, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP giai đoạn 2021-2025; hàng năm, UBND tỉnh đều ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP gắn với nội dung cụ thể, phân công trách nhiệm cho từng thành viên có liên quan.

Năm 2023: Thực hiện Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 24/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí và quy trình đánh giá, phân hạng sản phẩm Chương trình mỗi xã một sản phẩm và Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025, UBND tỉnh Thanh Hoá đã chỉ đạo các địa phương bám sát quy định của Trung ương để tập trung triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình, ban hành nhiều văn bản đôn đốc, hướng dẫn các địa phương triển khai công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm theo phân cấp; điều chỉnh chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm OCOP, đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại, chuyển đổi số; hỗ trợ các chủ thể xây dựng nhận diện thương hiệu, bán hàng trực tuyến trên các nền tảng mạng xã hội. Riêng năm 2023, tỉnh Thanh Hoá đánh giá, công nhận thêm 172 sản phẩm OCOP.

Đến nay, sau hơn 5 năm triển khai Chương trình, được sự quan tâm lãnh, chỉ đạo của Chính phủ, các bộ, ngành trung ương, chỉ đạo trực tiếp của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Văn phòng Điều phối NTM Trung ương, đến nay tỉnh Thanh Hóa đã có 479 sản phẩm OCOP được công nhận, gồm: 422 sản phẩm hạng 3 sao; 56 sản phẩm hạng 4 sao; 01 sản phẩm 5 sao của 355 chủ thể OCOP (75 doanh

nghiệp, 104 HTX, 10 tổ hợp tác, 166 hộ sản xuất, kinh doanh), trên địa bàn 27 huyện, thị xã, thành phố; trên cơ sở khảo sát đánh giá tại các cơ sở sản xuất và các chủ thể OCOP cho thấy, sản phẩm sau khi được công nhận xếp hạng OCOP cấp tỉnh đều tăng trưởng cả về quy mô, số lượng và doanh thu bán hàng (khoảng 15-20%). Trong đó nhiều sản phẩm OCOP khai thác hiệu quả vùng nguyên liệu địa phương, gắn với chỉ dẫn địa lý và nhãn hiệu tập thể, như: cói Nga Sơn, bưởi Luận Văn, bánh lá răng bừa Xuân Lập; bánh gai Tứ Trụ - Thọ Xuân; nước mắm Ba Làng - Thị xã Nghi Sơn; cam Vân Du - Thạch Thành; chè lam Phủ Quảng - Vĩnh Lộc, tương Làng Ái - Yên Định...

Đã tổ chức nhiều đợt xúc tiến, giới thiệu sản phẩm OCOP tại các siêu thị trong tỉnh và ngoài tỉnh; định kỳ hàng năm tổ chức các gian hàng giới thiệu, bán sản phẩm OCOP tại các điểm du lịch của thành phố Sầm Sơn, Thành phố Thanh Hoá...; phát triển các điểm giới thiệu, quảng bá sản phẩm OCOP trong và ngoài tỉnh; biên tập và phát hành hàng năm cuốn catalogue và cuốn Bản tin sản xuất, thị trường và tiêu thụ sản phẩm OCOP để giới thiệu quảng bá sản phẩm OCOP tỉnh.

Thanh Hoá có 23 sản phẩm OCOP xuất khẩu, như: mắm tôm, mắm tép Lê Gia xuất khẩu vào thị trường Nga, Hàn Quốc, Đài Loan và Nam Phi; đồ thủ công mỹ nghệ, các sản phẩm từ cói của Công ty Việt Anh xuất khẩu trực tiếp và bán tại các siêu thị ở Hoa Kỳ; sản phẩm từ tre của công ty TNHH sản xuất và thương mại BambooVina đã xuất khẩu đi các thị trường Châu Âu, Đức, Mỹ; Dứa, ngô ngọt đóng hộp Trường Tùng, đã xuất khẩu đi các nước Châu Âu, Nga, Hàn Quốc, Australia...

Để hoàn thành mục tiêu đến năm 2025, tỉnh Thanh Hóa có 559 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm OCOP cấp tỉnh, trong đó có 05 sản phẩm đề xuất công nhận sản phẩm OCOP cấp Quốc gia, Thanh Hóa tập trung một số nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau:

- Tăng cường công tác đào tạo, tập huấn, nhất là cán bộ quản lý, tư vấn và các chủ thể OCOP. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đặc biệt là gắn với bảo tồn và phát triển các nghề, làng nghề truyền thống.

- Đẩy mạnh chuyển đổi sản xuất quy mô nhỏ sang sản xuất theo hướng liên kết chuỗi giá trị khép kín, đặc biệt là gắn với vai trò của các HTX, doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Hướng dẫn các chủ thể OCOP: Nâng cao và ổn định chất lượng nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất. Đầu tư đổi mới áp dụng khoa học công nghệ, dây chuyền sản xuất tiên tiến vào sản xuất để nâng cao chất lượng, năng suất, giảm chi phí giá thành sản phẩm, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường. Ổn định nguyên liệu đầu vào phục vụ sản xuất thông qua liên kết hoặc đầu tư nâng cấp hệ thống dự trữ nguyên liệu. Cần quan tâm tới việc phát triển vùng nguyên liệu chất lượng, ổn định gắn với tiêu chuẩn thị trường, phát triển mô

hình sản xuất gắn với chế biến theo chuỗi giá trị, thúc đẩy liên kết ngang giữa các chủ thể, hộ sản xuất. Ổn định và nâng cấp chất lượng sản phẩm OCOP. Thường xuyên rà soát và hoàn thiện quy trình sản xuất, chế biến, quy trình cung cấp dịch vụ để hoàn thiện chất lượng sản phẩm dịch vụ.

- Hướng dẫn các chủ thể OCOP quan tâm áp dụng các giải pháp kỹ thuật để phát triển sản phẩm OCOP gắn với khai thác giá trị tài nguyên bản địa (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, văn hóa,...). Phát triển sản xuất sản phẩm OCOP theo tiêu chuẩn mới, đáp ứng yêu cầu thị trường (VietGAP, hữu cơ, sinh thái, HACCP, GMP, ISO,...); phát triển mô hình kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp sinh thái đa giá trị, phát triển mới các sản phẩm xung quanh hệ sinh thái lõi là sản phẩm OCOP. Đối với các sản phẩm đạt 3- 4 sao, rà soát các tiêu chí còn thiếu để có kế hoạch hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm, tham gia đánh giá nâng hạng sao.

- Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP gắn với các chương trình hội chợ sản phẩm OCOP thường niên cấp quốc gia, cấp vùng và địa phương; xây dựng các chuỗi cửa hàng trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP ở tất cả các huyện, thị xã và thành phố trong tỉnh và một số tỉnh, thành phố lớn trong nước; Duy trì hoạt động quảng bá các gian hàng OCOP vào các ngày cuối tuần tại Công viên Hội An, Thành phố Thanh Hóa; xây dựng không gian giới thiệu, bán sản phẩm OCOP tại phố đi bộ Thành phố Sầm Sơn; đẩy mạnh phát triển các sàn thương mại điện tử để thúc đẩy quảng bá, tiêu thụ các sản phẩm OCOP. Kết nối đưa các sản phẩm OCOP tỉnh Thanh Hóa vào các siêu thị lớn; và xuất khẩu đến các thị trường quốc tế như Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ, Úc và các nước Châu Âu.

- Nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP như: hệ thống tư vấn, cơ sở đào tạo nghề, hệ thống khuyến công, khuyến nông cơ sở; trung tâm dịch vụ nông nghiệp cấp huyện...

- Tăng cường chuyển đổi số, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong truyền thông, xây dựng hồ sơ và quản lý dữ liệu sản phẩm OCOP, số hóa quá trình tiếp nhận hồ sơ, chấm điểm, phân hạng sản phẩm. Thúc đẩy phát triển thương mại điện tử cho sản phẩm OCOP.

II. Về Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM

1. Về tiềm năng tự nhiên

Khu vực nông thôn Thanh Hóa là một vùng rộng lớn bao gồm nhiều loại địa hình khác nhau, đan xen nhau như: Địa hình núi, trung du, đồng bằng và ven biển. Địa hình núi và trung du phân bố ở 11 huyện miền núi phía Tây của tỉnh, là nơi có điều kiện thuận lợi phát triển các loại cây lâm sản, cây ăn trái, cây công nghiệp, có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, có nhiều hang, động, rừng, hồ với cảnh quan thiên nhiên đẹp, khí hậu trong lành, mát mẻ và là nơi cư trú, sinh sống của nhiều loài

động, thực vật đặc hữu, quý hiếm như: Khu Bảo tồn thiên nhiên Pù Luông, Pù Hu; rừng và hồ Bến En, Khu Bảo tồn thiên nhiên Cửa Đạt - Xuân Liên,... Khu vực đồng bằng châu thổ Thanh Hoá được cấu tạo bởi phù sa hiện đại, trải dài trên một bề mặt rộng hơi nghiêng về phía biển ở mé Đông Nam, trồng được nhiều loại cây lương thực, hoa màu, cây ăn quả,... Đặc biệt, vùng ven biển, với bờ biển dài 102 km kéo dài từ huyện Nga Sơn đến thị xã Nghi Sơn, bờ biển phẳng với thềm lục địa tương đối nông và rộng, trên địa hình ven biển này có nhiều bãi tắm nổi tiếng, như: Sầm Sơn, Hải Hòa, Hải Tiến, Tiên Trang đây là một trong những điểm du lịch hấp dẫn thu hút khách du lịch trong và ngoài nước.

2. Về tiềm năng văn hoá, lịch sử

Bên cạnh lợi thế về địa lý tự nhiên, các tiềm năng nhân văn cho phát triển du lịch nông thôn cũng rất đa dạng và phong phú. Thanh Hóa cũng được biết đến như là vùng đất “địa linh nhân kiệt” với bề dày lịch sử hào hùng và truyền thống văn hóa đặc sắc với trên 1.535 di tích văn hóa lịch sử, trong đó có 854 di tích được xếp hạng với 01 Di sản Văn hóa thế giới, 05 di tích Quốc gia đặc biệt, 139 di tích Quốc gia và 709 di tích cấp tỉnh, đặc biệt có những cụm di tích lớn có giá trị cao về ý nghĩa lịch sử như Thành Nhà Hồ, Khu di tích văn hóa lịch sử Lam Kinh, đền Bà Triệu,... Ngoài ra, hệ thống văn hóa phi vật thể của Thanh Hóa cũng rất đa dạng và đặc sắc, từ các loại hình nghệ thuật, các điệu hò trên sông Mã đến các làn điệu dân ca, dân vũ (hò sông Mã, hát sầm xoan, múa đèn Đông Anh, trò diễn Xuân Phả, múa sập, múa xòe...); những lễ hội (Bà Triệu, Lam Kinh, Sòng Sơn, Hàn Sơn...), ẩm thực (chè Lam Phủ Quảng, bánh gai Tứ Trụ, bưởi Luận Văn, Sâm báo, nem chua, dứa, cá Mè sông Mực, nước mắm Ba làng...), làng nghề truyền thống (đúc đồng Thiệu Trung, đá núi Nhôi, dệt thổ cẩm, chiếu cói Nga Sơn...),... là điều kiện thuận lợi để xây dựng và cung cấp cho du khách nhiều sản phẩm, dịch vụ khi tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn tỉnh Thanh Hóa.

Thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM, tỉnh Thanh Hoá đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2023-2025 và ban hành kế hoạch hàng năm; tổ chức 02 lớp tập huấn kiến thức phát triển du lịch nông thôn cho 162 học viên là chủ cơ sở và lao động du lịch nông thôn trên địa bàn; chỉ đạo các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch nông thôn xây dựng đề án, kế hoạch thực hiện Chương trình; lựa chọn nhiều mô hình điểm du lịch và du lịch cộng đồng có tiềm năng để xây dựng thành các điểm du lịch OCOP như: Mô hình phát triển du lịch cộng đồng thác Mây, xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành; mô hình phát triển du lịch cộng đồng bản Đôn, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước; mô hình phát triển du lịch thác Đồng Quan, xã Hoá Quý, huyện Như Xuân; mô hình phát triển du lịch hồ Cửa Đạt và mô hình du lịch cộng đồng bản Mạ, huyện Thường Xuân; Khu dịch vụ thương mại tổng hợp Yên Trung, xã Yên Trung, huyện Yên Định; khu Danh thắng núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc...

Đề triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, phấn đấu đến hết giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh có từ 05 điểm du lịch nông thôn được công nhận OCOP gắn với lợi thế về nông nghiệp, văn hóa, làng nghề hoặc môi trường sinh thái của địa phương, Thanh Hóa tập trung một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau:

- Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới: Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Thiết kế, cải tạo cảnh quan kiến trúc và môi trường trong toàn bộ không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái; tiết kiệm đầu tư thông qua việc sử dụng các nguyên liệu tại chỗ, thân thiện với môi trường. Bố trí và xây dựng các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm OCOP, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm,... đạt chất lượng phục vụ khách du lịch.

Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền: Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi,...). Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch

Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng: Nâng cao chất lượng cán bộ cơ sở về quản lý và phát triển hoạt động du lịch nông thôn. Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, xây dựng văn hóa du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn và văn minh

Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn: Xây dựng, triển khai các chương trình xúc tiến quảng bá, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên lợi thế của hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc trưng văn hóa, sinh thái của các địa phương.

Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Tập trung triển khai, thực hiện các mô hình trọng điểm như: (1) Mô hình chuỗi giá trị sản phẩm chế biến từ cáy tại Hợp tác xã sản xuất, kinh doanh và dịch vụ nông nghiệp Quảng Phúc, huyện Quảng Xương; (2) Mô hình phát triển du lịch thác Hiêu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa; (3) Mô hình phát triển chuỗi du lịch nông nghiệp, nông thôn liên kết các điểm đến, hình thành Tour du lịch Pù Luông gắn với nông nghiệp, nông thôn tại huyện Bá Thước; (4) Mô hình phát triển chuỗi du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với du lịch cộng đồng bản Hang xã Phú Lệ, huyện Quan

Hóa, tỉnh Thanh Hóa; (5) Mô hình phát triển du lịch tại bản Năng Cát, xã Trí Nang, huyện Lang Chánh, tỉnh Thanh Hóa.

Để thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM và các Chương trình chuyên đề giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thanh Hóa đề nghị Trung ương 03 nội dung trọng tâm: (1) Tăng cường công tác lãnh, chỉ đạo thực hiện các Chương trình và thường xuyên tổ chức tập huấn kiến thức, nâng cao năng lực thực hiện Chương trình OCOP và chương trình phát triển du lịch cho cán bộ địa phương và tổ chức cho các địa phương tham quan, học tập các mô hình hay, hiệu quả trong và ngoài nước. (2) Tiếp tục quan tâm chỉ đạo và thí điểm các mô hình, dự án, đề án điểm trong cả nước nói chung và tại Thanh Hóa nói riêng. (3) Bố trí nguồn kinh phí đảm bảo để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM và các Chương trình chuyên đề./.

**Báo cáo đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai
Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây
dựng nông thôn mới**

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Quảng Nam



Được sự cho phép của Hội nghị, Tôi xin báo cáo tham luận về Đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM.

I. Đánh giá kết quả thực hiện chương trình OCOP giải đoạn (2018 - 2023) tỉnh Quảng Nam.

1. Kết quả đạt được:

Quảng Nam là một trong những tỉnh đi đầu trong thực hiện Chương trình OCOP. Ngay sau khi Quyết định số 490/QĐ-TTg được ban hành, Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Nam đã chủ động xây dựng Đề án Chương trình "Mỗi xã một sản phẩm" tỉnh Quảng Nam, giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2030 (gọi tắt là Chương trình OCOP) trình UBND tỉnh và được phê duyệt tại Quyết định số 1599/QĐ-UBND ngày 22/5/2018 để triển khai thực hiện kịp thời và kết quả ban đầu rất tích cực.

Giai đoạn 2018-2020, toàn tỉnh có 206 sản phẩm OCOP được UBND tỉnh công nhận; trong đó 179 sản phẩm 3 sao, 26 sản phẩm 4 sao; phát hành 02 loại sổ tay phổ biến thông tin rộng rãi đến địa phương và người dân gồm:

+ Sổ tay thông tin tuyên truyền về các văn bản hướng dẫn về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với số lượng 665 cuốn, phát hành năm 2018;

+ Sổ tay thông tin tuyên truyền, các văn bản hướng dẫn về Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) với số lượng 700 cuốn, phát hành năm 2019;

+ Thông qua cổng thông tin điện tử Chương trình mỗi xã một sản phẩm tại địa chỉ: <http://ocop.quangnam.gov.vn/> đã cung cấp, chia sẻ thông tin kịp thời đến các đối tượng có liên quan đến chương trình; đồng thời cũng là nơi thông tin quảng bá, giới thiệu các sản phẩm OCOP tỉnh Quảng Nam;

Ngoài ra, đã phát hành tờ rơi, pano, appich, các chuyên mục trên đài phát thanh truyền hình tỉnh, báo... để thông tin rộng rãi đến người dân, những điển hình tiên tiến, những cách làm hay ở các địa phương về Chương trình “Mỗi xã một sản phẩm (OCOP)... Kinh phí sự nghiệp được phân bổ thực hiện giai đoạn 2018-2020: là 58,7 tỷ đồng (trong đó: vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh 29,5 tỷ đồng; vốn trung ương 29,3 tỷ đồng) để hỗ trợ chủ thể và phát triển Chương trình OCOP của địa phương.

Kết thúc giai đoạn 2018-2020, trong khi chờ Trung ương ban hành quy định mới về chương trình Mỗi xã một sản phẩm cho giai đoạn tiếp theo, thì sở NN&PTNT đã chủ động tham mưu xây dựng Đề án chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 trình UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021 về cơ chế chính sách hỗ trợ Chương trình mỗi xã một sản phẩm trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 33/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 13/01/2021.

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo các ngành, địa phương vào cuộc đồng bộ, tập trung triển khai nhiều hình thức thông tin tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước để các doanh nghiệp, HTX, THT, các chủ thể OCOP và nhân dân chủ động nắm bắt cơ hội, tích cực tham gia đầu tư phát triển sản phẩm địa phương từ Chương trình OCOP.

Ngay sau khi Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/08/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt chương trình Mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 được ban hành. Tỉnh Quảng Nam đã kịp thời rà soát những quy định mới của trung ương (tại Quyết định 919, bộ tiêu chí 148 về đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP giai đoạn 2021-2025) để sửa đổi, bổ sung, xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp theo từng hạng sao; ưu tiên hỗ trợ các chủ thể phát triển sản phẩm, hướng dẫn, xây dựng hồ sơ sản phẩm; phát triển vùng nguyên liệu địa phương; xây dựng chuỗi giá trị; hỗ trợ cơ sở hạ tầng sản xuất, máy móc, thiết bị; xây dựng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến; sở hữu trí tuệ; bao bì, nhãn mác, truy xuất nguồn gốc; hoạt động quảng bá, giới thiệu và xúc tiến thương mại; thương mại điện tử, thực tế ảo; khen thưởng sản phẩm OCOP; hỗ trợ các điểm, trung tâm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP..

Qua 6 năm (2018 - 2023) triển khai chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh đã đem lại kết quả rất tích cực. Toàn tỉnh Quảng Nam hoàn thành đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện, cấp tỉnh và đã công nhận được 407 sản phẩm OCOP (nhóm thực phẩm 302, đồ uống 32, dược liệu, sản phẩm từ dược 24, thủ công mỹ nghệ 47, nhóm sinh vật cảnh 0 sản phẩm, Sản phẩm dịch vụ du lịch cộng đồng du lịch sinh thái và điểm du lịch 2); trong 407 sản phẩm đã đạt sao (61 sản phẩm đạt 4 sao, 346 sản phẩm đạt 3 sao). Có 325 tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp tham gia OCOP; trong đó có 43 doanh nghiệp, 118 tổ hợp tác, hợp tác xã (HTX), 164 hộ sản xuất. Hội đồng đánh giá đã tổ chức đánh giá phân hạng và đánh giá công nhận lại cho các sản phẩm sau 36 tháng được công nhận. Đến nay, có 245 sản phẩm còn hạng sử dụng nhãn hiệu Logo OCOP. Các sản phẩm OCOP Quảng Nam ngày càng được nâng cao về chất lượng, đa dạng về chủng loại, mẫu mã bao bì được cải thiện và được người tiêu dùng tin cậy.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện chương trình OCOP được tỉnh hết sức quan tâm, hoạt động đánh giá phân hạng sản phẩm OCOP cấp huyện đã được thực hiện trực tuyến, kết nối thành viên hội đồng đánh giá tại điểm cầu huyện và các thành viên đại diện sở ngành tại điểm cầu tỉnh đã mang lại nhiều yếu tố thuận lợi cho triển khai thực hiện chương trình (OCOP). Các chủ thể OCOP chủ động áp dụng chuyển đổi số trong các giai đoạn sản xuất, chế biến và quảng bá sản phẩm như áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc kết hợp mã QR; giới thiệu sản phẩm thông qua mạng xã hội. Từ kết quả đạt được cho thấy, chuyển đổi số đã giúp các chủ thể sản xuất có khả năng quảng bá rộng rãi hơn, tăng doanh số bán hàng, mở rộng các kênh tiêu thụ, đạt mục tiêu đưa sản phẩm OCOP của địa phương vươn ra thị trường thế giới.

Về kinh phí thực hiện Chương trình OCOP. Đến nay, tổng kinh phí đã thực hiện Chương trình OCOP gần 100 tỷ đồng (trong đó vốn sự nghiệp ngân sách tỉnh 64 tỷ đồng, vốn trung ương 36 tỷ đồng)

Năm 2024: được phân bổ 6,277 tỷ đồng vốn kinh phí sự nghiệp tỉnh và 2,1 tỷ nguồn kinh phí nông thôn mới để tiếp tục thực hiện Chương trình OCOP trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Quảng Nam là một trong các tỉnh đang triển khai thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) giai đoạn 2021-2025 với Dự án xây dựng vùng nguyên liệu tập trung gắn với phát triển chuỗi sản phẩm OCOP trái Mãng cụt, trái Lòn bon trên địa bàn huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam. Kinh phí thực hiện dự kiến hơn 54 tỷ đồng (trong đó ngân sách trung ương hỗ trợ 15 tỷ, ngân sách địa phương hỗ trợ 5 tỷ)

Chương trình OCOP đã tạo động lực, sức sáng tạo, giúp người sản xuất đổi mới tư duy trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn. Nhiều sản phẩm mẫu mã đẹp, chất lượng tốt, sản xuất theo đúng các quy định của nhà nước, từ đó, các sản phẩm tham gia chương trình này khi được công nhận đạt sao không chỉ tiêu thụ ở địa phương mà còn thu hút người tiêu dùng cả nước, được phân phối rộng rãi ở các chuỗi siêu thị, cửa hàng thực phẩm sạch giúp kinh tế nông thôn từng bước phát triển. Từ việc đẩy mạnh triển khai chương trình OCOP, các sản phẩm đặc trưng của mỗi địa phương đã dần được khẳng định thương hiệu, nâng cao chất lượng và được nhiều người biết đến, hướng đến xuất khẩu.

Qua việc tham gia Chương trình, nhiều chủ thể đã dần thay đổi nhận thức và quan tâm hơn đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm thông qua việc đầu tư mua sắm máy móc, kiểm nghiệm các chỉ tiêu an toàn vệ sinh thực phẩm, xây dựng hồ sơ tự công bố, xây dựng kế hoạch kiểm soát chất lượng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến, xây dựng tem điện tử truy xuất nguồn gốc sản phẩm... ; bao bì sản phẩm được nâng cấp, cải tiến theo hướng đúng quy định, đẹp hơn, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng.

Có thể nói Chương trình OCOP giúp nâng cao giá trị, chất lượng sản phẩm, đa dạng hơn các loại hàng hoá nông sản, dịch vụ ở nông thôn; đã xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất như: VietGap, GlobalGAP, GMP, ISO, HACCP...; phát triển Chương trình OCOP đã góp phần thúc đẩy phát triển chuỗi liên kết trong sản xuất, chế biến, tiêu thụ sản phẩm, nâng cao chất lượng hàng hoá của Việt Nam, góp phần to lớn vào cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng Hàng Việt Nam”.

2. Tồn tại, hạn chế:

Ngoài những kết quả đạt được nêu trên, Chương trình OCOP tại địa phương Quảng Nam cũng có những tồn tại hạn chế nhất định như:

- Đội ngũ cán bộ phụ trách, tham mưu Chương trình OCOP tại cấp huyện, cấp xã chủ yếu là kiêm nhiệm, phụ trách nhiều công việc, thường xuyên thay đổi nên việc triển khai Chương trình này ở một vài địa phương vẫn còn chậm, chưa đáp ứng yêu cầu, việc rà soát, đăng ký sản phẩm tham gia Chương trình ở một vài địa phương chưa được sàng lọc, đánh giá kỹ càng, còn nhiều sai sót, dẫn đến tình trạng sau khi sản phẩm được UBND tỉnh thống nhất đưa vào triển khai thực hiện lại phải điều chỉnh, bổ sung nhiều lần (sai sót tên sản phẩm, tên chủ thể tham gia).

- Số lượng các THT, HTX, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia sản phẩm OCOP chưa nhiều và hoạt động còn hạn chế, chủ thể là hộ sản xuất kinh doanh đăng ký tham gia Chương trình OCOP chiếm tỉ lệ tương đối cao (50 % tổng số chủ thể tham gia OCOP), trong khi đó nhóm chủ thể này đa số có quy mô nhỏ lẻ ở, năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế, vẫn còn bị động về nguồn vốn, còn lúng túng trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

- Công tác phát triển, nâng hạng sản phẩm còn chậm, có gần 80 % sản phẩm 3 sao, nhiều sản phẩm đã được công nhận 3 sao nhưng các chủ thể chưa thật sự tâm huyết để nâng hạng sản phẩm và mở rộng quy mô sản xuất phát triển sản phẩm. Nhóm các sản phẩm thô còn nhiều, một số sản phẩm chưa đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, logo, mẫu mã bao bì còn đơn giản, chưa đa dạng, phong phú. Việc phân lô sản xuất để theo dõi, quản lý chất lượng sản phẩm, an toàn vệ sinh chưa được chú trọng. Tình hình ứng dụng và đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình sản xuất khép kín chưa nhiều, hình thức sản xuất bán thủ công, thủ công vẫn còn khá phổ biến nên chất lượng, hiệu quả đầu tư, khả năng cạnh tranh sản phẩm OCOP chưa cao.

- Tình trạng nhiều chủ thể đăng ký tham gia Chương trình OCOP cùng một loại sản phẩm (dầu phộng, dầu mè, nước mắm, gạo nếp...) với chất lượng, bao bì mẫu mã tương tự nhau, làm cho sản phẩm OCOP trở nên đơn điệu, không mang ý tưởng mới, thiếu tính sáng tạo.

- Việc rà soát, định hướng sản phẩm OCOP cho các chủ thể đăng ký ở một số sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn do sản phẩm mang tính mùa vụ, chưa có vùng

nguyên liệu ổn định, quy mô nhỏ nên không đáp ứng được số lượng và chất lượng khi thị trường có nhu cầu cao ...; công tác quảng bá xúc tiến thương mại chưa mạnh, năng lực tiếp cận thị trường còn hạn chế nên chủ thể chưa mạnh dạn đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất.

II. Kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP

1. Tuyên truyền, nâng cao nhận thức.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức thường xuyên, liên tục thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

Tập trung nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy cho các tổ chức kinh tế khu vực nông thôn, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị phân phối, người tiêu dùng thông qua các hội nghị triển khai Chương trình OCOP; đa dạng hóa các hình thức truyền thông, qua các cổng thông tin điện tử (website), truyền thông mạng xã hội, tạp chí, bản tin, chuyên đề, tài liệu (sổ tay, cẩm nang...).

Đồng thời, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước về phát triển các sản phẩm OCOP gắn với chuyển đổi số trong nông nghiệp, nông thôn.

Khuyến khích, hỗ trợ xây dựng các gói combo quà tặng, quà lưu niệm sản phẩm OCOP, gắn với lịch sử văn hóa địa phương.

2. Xây dựng cơ chế, chính sách hỗ trợ.

Tiếp tục rà soát, nghiên cứu các chính sách phù hợp hỗ trợ địa phương, chủ thể phát triển sản phẩm OCOP.

Khuyến khích phát triển các tuyến phố OCOP gắn với các địa điểm du lịch địa phương theo hình thức xã hội hóa có Nhà nước hỗ trợ một phần theo quy định.

3. Tổ chức bộ máy và đào tạo nguồn nhân lực.

Tổ chức triển khai Chương trình OCOP theo tổ chức bộ máy của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ triển khai Chương trình OCOP và chất lượng công tác đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP các cấp.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao năng lực về quản trị, marketing cho các bộ quản lý, điều hành của các doanh nghiệp, hợp tác xã, các cơ sở/hộ sản xuất; đào tạo kỹ năng làm nông nghiệp cho thanh niên, đào tạo lao động gắn với nhu cầu sản xuất sản phẩm OCOP.

Tổ chức triển khai Chương trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của sản phẩm, phát huy các điều kiện về nguồn nguyên liệu, lao động địa phương, lợi thế về chất lượng sản phẩm;

4. Giải pháp về khoa học công nghệ.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới, hoàn thiện công nghệ chế biến quy mô nhỏ và vừa, đặc biệt là các sản phẩm OCOP đã được công nhận đạt sao.

Tăng cường chuyên gia ứng dụng công nghệ, chuyên đổi số trong sản xuất, kết nối thị trường, truy xuất nguồn gốc, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin; khoa học xã hội và nhân văn trong phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch nông thôn, bảo tồn giá trị văn hóa bản địa.

Rà soát, xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản phẩm OCOP đáp ứng các quy định của thị trường trong nước và xuất khẩu; xây dựng nhóm tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ sản xuất và hoạt động giám sát, đánh giá sản phẩm OCOP.

Thúc đẩy áp dụng các giải pháp về bảo hộ và khai thác hiệu quả giá trị tài sản trí tuệ (chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận) cho sản phẩm OCOP, đặc biệt là các sản phẩm OCOP cấp quốc gia.

5. Huy động nguồn lực

Ưu tiên huy động nguồn lực về vốn, đất đai, lao động, nguyên vật liệu, máy móc, công nghệ của chủ thể OCOP.

Lồng ghép hiệu quả các chương trình/đề án, dự án phát triển kinh tế-xã hội và chương trình, dự án khoa học công nghệ và các cơ chế, chính sách khác có liên quan.

Nhà nước hỗ trợ chủ thể OCOP tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng thông qua các chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn và chính sách hỗ trợ riêng của từng địa phương.

Lồng ghép hiệu quả nguồn kinh phí từ các chương trình khuyến nông, khuyến công và các chương trình, dự án khác có liên quan.

6. Tăng cường vai trò của cộng đồng trong phát triển sản phẩm OCOP.

Nâng cao vai trò của các hội/hiệp hội trong triển khai Chương trình OCOP, khai thác và phát triển sản phẩm của địa phương gắn với bảo tồn sản phẩm, kỹ năng truyền thống, danh tiếng của cộng đồng.

Đẩy mạnh giám sát của cộng đồng về sản phẩm, chất lượng sản phẩm, phát triển vùng nguyên liệu; duy trì sự đặc sắc, nét văn hóa của các sản phẩm địa phương; thúc đẩy sự tham gia và có cơ chế chia sẻ lợi ích phù hợp của cộng đồng vào sản xuất, chế biến sản phẩm OCOP; phát triển vùng sản xuất nguyên liệu, sử dụng lao động địa phương.

7. Tăng cường giới thiệu, quảng bá, tiêu thụ sản phẩm OCOP

Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu cho sản phẩm OCOP thông qua các diễn đàn, triển lãm, sự kiện tôn vinh, quảng bá, giới thiệu sản phẩm OCOP đặc sắc thường niên gắn với văn cấp vùng, địa phương và quốc tế. Đặc biệt, tập trung xây dựng để hình thành các “Điểm đến” về sản phẩm OCOP

gắn với các trung tâm du lịch, các hoạt động văn hóa; nâng cao năng lực hệ thống logistic về nông sản và OCOP nhằm thúc đẩy thương mại, thị trường sản phẩm trong nước và xuất khẩu.

8. Tăng cường hợp tác quốc tế.

Đẩy mạnh kêu gọi các tổ chức quốc tế hỗ trợ về kỹ thuật, nguồn lực về chuyên đổi số, thúc đẩy cơ giới hóa trong phát triển sản phẩm OCOP, phát triển OCOP xanh theo hướng xuất khẩu, gắn với bảo tồn, phát triển bao trùm và bền vững (rừng, môi trường, cảnh quan...); nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm, hỗ trợ phát triển và quảng bá sản phẩm OCOP trong và ngoài nước.

Tổ chức các sự kiện giới thiệu sản phẩm OCOP tới các đại sứ quán, lãnh sự quán, cơ quan đại diện của các nước, vùng lãnh thổ và tổ chức quốc tế tại Việt Nam.

Tham gia, tổ chức các sự kiện, diễn đàn khu vực, quốc tế về OCOP thường niên, góp phần quảng bá, giới thiệu văn hóa, du lịch Việt Nam.

Trên đây là báo cáo Đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng NTM. Trân trọng cảm ơn./.

Báo cáo đánh giá kết quả, kế hoạch và giải pháp trọng tâm triển khai Chương trình OCOP và Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Đồng Tháp



Qua 06 năm triển khai thực hiện Chương trình Mỗi xã một sản phẩm (OCOP), các sản phẩm đặc trưng tỉnh Đồng Tháp đã phát triển mạnh hơn cả về số lượng, lẫn chất lượng. Đến nay, toàn tỉnh có 453 sản phẩm được công nhận sản phẩm OCOP từ 3 sao trở lên (01 sản phẩm 5 sao; 85 sản phẩm 4 sao; 367 sản phẩm 3 sao) của 175 chủ thể. Công tác xúc tiến thương mại được tỉnh đẩy mạnh thực hiện, nhiều sản phẩm OCOP của tỉnh vào hệ thống siêu thị Co.op Mart, Big C, Vin Mart, Bách hóa xanh, Tứ Sơn và có 81,67% sản phẩm OCOP của tỉnh được kinh doanh trên các sàn thương mại điện tử uy tín như Voso, Postmart, Lazada, Shopee, Sendo. Ngoài ra, tỉnh đã thành lập Trung tâm giới thiệu đặc sản và quảng bá du lịch Đồng Tháp tại Hà Nội, Trung tâm giới thiệu Ẩm thực – Đặc sản – Du lịch Đồng Tháp và các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long tại Phú Quốc, thành lập Hợp tác xã Đặc sản Đồng Tháp với mục tiêu kết nối các doanh nghiệp, giới thiệu, quảng bá các sản phẩm nông sản của tỉnh tại khu vực phía Bắc và khách du lịch trong và ngoài nước. Với sự đa dạng về sản phẩm và chất lượng không ngừng được nâng cao, các sản phẩm OCOP tỉnh có tiềm năng rất lớn trong liên kết phát triển sản phẩm OCOP với các tỉnh trong và ngoài khu vực.

Trong thời gian tới, tỉnh sẽ tập trung đẩy mạnh thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm như: Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng; Chuẩn hóa quy trình, tiêu chuẩn và phát triển sản phẩm OCOP theo chuỗi giá trị, phù hợp với lợi thế về điều kiện sản xuất và yêu cầu thị trường; Nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động cho các chủ thể OCOP; Quảng bá, xúc tiến thương mại, kết nối cung - cầu; Xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản lý, giám sát sản phẩm OCOP; Nâng cao năng lực hệ thống hỗ trợ triển khai Chương trình; Tăng cường chuyển đổi số. Để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, tỉnh Đồng Tháp đã đề ra các giải pháp cụ thể như sau:

(1) Tăng cường hoạt động quảng bá, giới thiệu, kết nối sản phẩm OCOP giúp cho các đơn vị phân phối, người tiêu dùng hiểu rõ hơn về sản phẩm OCOP. Khuyến khích, hỗ trợ chủ thể xây dựng các gói combo quà tặng, quà lưu niệm sản phẩm OCOP gắn kết vào hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn.

(2) Tổ chức triển khai Chương trình OCOP thường niên linh hoạt, phù hợp với điều kiện, đặc điểm của sản phẩm, phát huy các điều kiện về nguồn nguyên liệu, lao động địa phương, lợi thế về chất lượng sản phẩm. Việc chuẩn hoá, phát triển sản phẩm OCOP cần dựa trên nhu cầu thực tế chủ thể sản xuất.

(3) Mỗi chủ thể nên xác định rõ sản phẩm tiềm năng của mình, khai thác nguồn nguyên liệu đặc trưng tại địa phương, gắn kết với nguồn nguyên liệu ổn định để tạo ra những sản phẩm đặc sắc, riêng biệt, mang đậm nét vùng miền để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường, ổn định sản xuất lâu dài; quan tâm khai thác quảng bá giá trị sản phẩm khi được công nhận là sản phẩm OCOP để người tiêu dùng tiếp cận nhiều hơn về cụm từ “sản phẩm OCOP”, nhìn nhận được sản phẩm OCOP có những chất lượng nổi trội, mang đậm nét đặc sắc vùng miền hơn những sản phẩm khác trên thị trường.

(4) Triển khai, vận hành hiệu quả Không gian Khởi nghiệp và Đổi mới sáng tạo tỉnh Đồng Tháp: là không gian hỗ trợ chủ thể phát triển, chuẩn hoá thêm sản phẩm tiềm năng để tham gia vào Chương trình OCOP; cũng như là nơi để các sản phẩm OCOP tiếp cận thêm nhiều nội dung tư vấn, hỗ trợ, chuyển giao công nghệ, kết nối giao thương.

(5) Tổ chức sản xuất gắn với phát triển vùng nguyên liệu đặc trưng; khai thác tối ưu nguồn nguyên liệu/sản phẩm từ các làng nghề, làng nghề truyền thống, HTX/THT

(6) Lồng ghép xây dựng sản phẩm OCOP gắn với du lịch : Sản phẩm OCOP sẽ góp phần làm phong phú cho chương trình du lịch, thu hút du khách và ngược lại, hoạt động du lịch sẽ quảng bá, tiêu thụ và nâng cao giá trị cho sản phẩm OCOP.

(7) Đẩy mạnh công tác giám sát, kiểm tra sản phẩm sau khi được đánh giá, phân hạng OCOP, nhất là chất lượng, an toàn thực phẩm: đảm bảo cho người tiêu dùng luôn tiếp cận và sử dụng được các sản phẩm OCOP chất lượng, như vậy sẽ góp phần vào sự tiêu thụ ổn định, lâu dài các sản phẩm, nâng cao uy tín cho các sản phẩm OCOP.

Tính đến nay, Đồng Tháp có 07 sản phẩm du lịch đạt 3-4 sao OCOP (01 sản phẩm đạt 4 sao OCOP-Khu vui chơi miệt vườn HappyLand Hùng Thy). Đây là những sản phẩm khai thác nguồn lực sẵn có trên cơ sở phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn tại tỉnh.

Tính đến cuối năm 2023 toàn tỉnh có 72 điểm du lịch nông nghiệp, du lịch cộng đồng đang hoạt động, trong đó có 50 điểm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch. Phát triển thêm 04 điểm du lịch gắn với trải nghiệm nông nghiệp. Có 02 mô hình mới là Chợ quê Tân Thuận Đông (hoạt động mỗi thứ 7 hàng tuần) và Chợ quê Gò Tháp họp định kỳ vào thứ 7 cuối tháng, bước đầu khai thác hiệu quả và thu hút được các công ty lữ hành đưa khách về tham quan, trải nghiệm. Xây dựng tour du lịch tuyến biên giới Tân Hồng - Hồng Ngự; tiếp tục hoàn thiện chất lượng tour dờ chà đái bạn thành phố Cao Lãnh, tour du lịch trải nghiệm nông nghiệp huyện Cao Lãnh, tour Làng nghề chiếu Định Yên. Đặc biệt, tỉnh xây dựng chuyên mục ẩm thực sen và thực hiện chuyên trang ẩm thực sen để quảng bá các món ăn chế biến từ sen. Các nhà hàng, khách sạn, quán ăn, homestay, farmstay, khu, điểm du

lịch đưa vào phục vụ các món ăn chế biến từ sen Đồng Tháp. Giai đoạn 2016-2023 các điểm du lịch cộng đồng trên địa bàn tỉnh đã tổ chức đón tiếp và phục vụ một số lượng lớn (trên 4,3 triệu) lượt khách, tổng doanh thu từ du lịch đạt trên 519 tỷ đồng. Từ đó cho thấy, du lịch nông nghiệp đang dần tập trung khai thác các thế mạnh riêng biệt của từng vùng để xây dựng nên các tour, tuyến du lịch “đặc sản” thu hút khách du lịch, mở ra nhiều cơ hội để các địa phương khai thác lợi thế sẵn có để phát triển kinh tế- xã hội, nâng cao đời sống cho người dân địa phương trên chính những sản phẩm của mình.

Hiện nay, tỉnh vẫn đang tiếp tục rà soát, hỗ trợ phát người dân phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp, nông thôn (theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 24/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2026) gắn với xây dựng nông thôn mới nhằm cải thiện, nâng cao thu nhập cho người dân vùng nông thôn, đồng thời nâng cao chất lượng cơ sở hạ tầng tại các mô hình du lịch để đáp ứng, thu hút khách du lịch đến tham quan, trải nghiệm và lưu trú. Theo đó, trong thời gian tới tỉnh Đồng Tháp xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện để khai thác hiệu hơn các mô hình du lịch nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới. Cụ thể như sau:

(1) Nâng cấp, đầu tư phát triển điểm du lịch nông thôn gắn với việc thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương

(2) Phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng thế mạnh của địa phương: tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng. Đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao và bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống,... gắn với du lịch nông thôn.

(3) Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng: Tăng cường nâng cao năng lực nghiệp vụ, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm, kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, xây dựng văn hóa du lịch chuyên nghiệp, thân thiện, an toàn và văn minh. Chuyên nghiệp hóa việc cung cấp, kiểm tra, kiểm soát dịch vụ du lịch có chất lượng và công tác quản lý điểm du lịch nông thôn.

(4) Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn: Tập trung hỗ trợ, tăng cường liên kết trong hoạt động kinh doanh du lịch giữa các xã, huyện NTM có tiềm năng phát triển du lịch với các công ty lữ hành để chào bán các sản phẩm du lịch nông thôn cho khách du lịch nội địa và quốc tế.

(5) Xây dựng và triển khai các mô hình thí điểm về phát triển du lịch nông thôn theo hướng du lịch xanh, có trách nhiệm và bền vững: Ưu tiên các mô hình có sản phẩm du lịch đặc sắc cho từng vùng miền và có hiệu quả kinh tế; hướng tới việc nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi tác nhân trong chuỗi giá trị du lịch (nhà quản lý, doanh nghiệp lữ hành, cộng đồng và du khách) trong bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa và bảo vệ môi trường; sử dụng nguyên liệu và lao động tại chỗ; có áp dụng các giải pháp về chuyển đổi số; huy động sự tham gia của phụ nữ, người nghèo, người yếu thế để nâng cao đời sống, thu nhập cho người dân.

Để thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trên, tỉnh đã và đang thực hiện các giải pháp sau:

(1) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách về phát triển du lịch nông thôn

(2) Huy động, lồng ghép và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho phát triển du lịch nông thôn:

(3) Tuyên truyền, quảng bá, nâng cao nhận thức về du lịch nông thôn: Đa dạng hóa và đổi mới hình thức, nội dung truyền thông du lịch nông thôn trên nền tảng công nghệ số thông qua các cổng thông tin điện tử, mạng xã hội, bản tin, chuyên đề...; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng NTM; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, tổ chức các cuộc thi sáng tác ý tưởng liên quan tới du lịch nông thôn (tác phẩm nghệ thuật, tác phẩm truyền thông, thiết kế sản phẩm hàng lưu niệm và quà tặng du lịch...).

(4) Bồi dưỡng, đào tạo và nâng cao năng lực cho lao động du lịch nông thôn: Đưa các nội dung bồi dưỡng, đào tạo về du lịch vào các chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo nghề ở địa phương và vùng; đưa các nội dung về tài nguyên du lịch vào tài liệu giáo dục địa phương sử dụng trong các cơ sở giáo dục phổ thông. Xây dựng tài liệu hướng dẫn quy trình phục vụ một số dịch vụ du lịch cơ bản tại khu vực nông thôn.

(5) Ứng dụng công nghệ, thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển du lịch nông thôn: Lập bản đồ số các sản phẩm du lịch nông thôn, hỗ trợ kết nối sản phẩm du lịch nông thôn với các sản phẩm du lịch khác phục vụ cho việc xúc tiến du lịch nông thôn.

(6) Tăng cường phối hợp liên ngành về phát triển du lịch nông thôn: Tăng cường chia sẻ, trao đổi thông tin và phối hợp giữa các ngành, lĩnh vực liên quan nhằm triển khai hoạt động phát triển du lịch nông thôn đồng bộ và hiệu quả./.

**Báo cáo đánh giá kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số
trong xây dựng nông thôn mới, giải pháp trọng tâm
năm 2024 trên địa bàn tỉnh Sơn La**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Sơn La



Sơn La là tỉnh miền núi biên giới, thuộc vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, giáp với 06 tỉnh phía Bắc Việt Nam và CHDCND Lào. Diện tích tự nhiên của tỉnh 14.109,83 km², chiếm 4,26% diện tích cả nước, đứng thứ 03/63 tỉnh, thành phố cả nước về diện tích. Có khoảng 1,3 triệu người với 12 dân tộc chủ yếu, trong đó người dân tộc thiểu số chiếm 83,51%; Số người trong độ tuổi lao động chiếm 57,8%. Toàn tỉnh có 11 đơn vị hành chính cấp huyện, 01 thành phố, 188 xã và 2.308 bản, tiểu khu thuộc đối tượng triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới (*trong đó có 2 huyện nghèo, 126 xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số ĐBKK*). Chương trình xây dựng nông thôn mới tỉnh Sơn La đã và đang đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể như: Tiêu chí bình quân đã đạt 12,35 tiêu chí bình quân/xã, có 65/188 xã (*bằng 35,57%*) đã đạt chuẩn nông thôn mới, 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có 01 đơn vị cấp huyện là Thành phố Sơn La hoàn thành và duy trì đạt chuẩn huyện nông thôn mới.

Tỉnh Sơn La đã xác định Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới là một trong những giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Vì vậy ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 Phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Sơn La đã ban hành Kế hoạch số 228/KH-UBND ngày 15/9/2022 về việc triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025. Thời gian qua tỉnh Sơn La đã nhận được quan tâm, giúp đỡ của các Bộ, Ngành Trung ương; sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh; sự vào cuộc của các cấp ủy chính quyền địa phương Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới đã đạt được một số kết quả, cụ thể:

(1) Công tác tuyên truyền, phổ biến quán triệt: Với quan điểm phát huy vai trò của hệ thống chính trị, các ngành, các cấp, người dân tham gia thực hiện và hoàn thiện cơ chế chính sách chương trình chuyển đổi số. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về chương trình chuyển đổi số luôn được chú trọng, các nhiệm vụ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới hướng tới nông thôn mới thông minh theo các Nghị quyết, quyết định, kế hoạch và các văn bản liên quan của

Trung ương, của tỉnh đã được tuyên truyền tới toàn thể người dân thông qua các cuộc họp, hội nghị, các phương tiện thông tin đại chúng. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số: Các cổng thông tin điện tử (website), mạng xã hội, bản tin, chuyên đề, tài liệu; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới...

(2) Đào tạo và nâng cao năng lực về chuyên đổi số: đây là một trong các giải pháp triển khai có hiệu quả của tỉnh Sơn La để thực hiện chương trình, cụ thể:

- Phối hợp với Cục Kinh tế hợp tác, Công ty TNHH Sorimachi tổ chức các lớp tập huấn online qua ứng dụng Zoom cho các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh sử dụng các phần mềm chuyển đổi số, kết quả: có 04 HTX tham gia sử dụng phần mềm nhật ký sản xuất Facefarm và Kế toán Waca; 02 HTX tham gia sử dụng phần mềm chuyển đổi số cho nông nghiệp điển hình 05 HTX tham gia sử dụng phần mềm theo dõi và phản hồi thông tin chính sách HTX nông nghiệp.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn nâng cao tăng cường kỹ năng bán các sản phẩm OCOP qua phương tiện số cho thanh niên nông thôn với hơn 300 đoàn viên, thanh niên, chủ thể OCOP là thanh niên, hợp tác xã, tổ hợp tác thanh niên, doanh nghiệp vừa và nhỏ, trang trại, hộ sản xuất.

- Tập huấn đào tạo trực tiếp cho các hợp tác xã trọng điểm của tỉnh, quảng bá xúc tiến thương mại, xuất khẩu nông sản tỉnh Sơn La trên sàn thương mại điện tử. Số tài khoản hoạt động trên sàn thương mại điện tử đạt 117.264; số hộ sản xuất nông nghiệp được đào tạo kỹ năng số và kỹ năng hoạt động trên không gian mạng đạt 140.260 hộ.

- Tổ chức diễn đàn tăng cường chuyển đổi số trong truyền thông quảng bá sản phẩm OCOP của thanh niên với nội dung “Khai thác tiềm năng kinh tế số trong xúc tiến quảng bá sản phẩm OCOP”.

- Triển khai 26 hoạt động tuyên truyền, 22 hội nghị tập huấn, hội thảo trao đổi các giải pháp hỗ trợ, thúc đẩy các doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh thực hiện chuyển đổi số nhằm tối ưu hóa hoạt động, nâng cao năng lực và lợi thế cạnh tranh tạo ra các giá trị mới cho doanh nghiệp...

(3) Đẩy mạnh xây dựng chính quyền số; phát triển hạ tầng số và dữ liệu số

- Xây dựng chính quyền số: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Sơn La liên thông, đồng bộ cả 3 cấp từ tỉnh đến huyện, xã; đã kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đồng thời kết nối đầy đủ, toàn diện, liên tục với Hệ thống EMC. Duy trì tích hợp 573 dịch vụ công trực tuyến của tỉnh trên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, bao gồm: 326 dịch vụ cấp tỉnh, 188 dịch vụ cấp huyện, 59 dịch vụ cấp xã.

- Phát triển hạ tầng số: Hoàn thành phát triển 100% xã có hạ tầng băng rộng cáp quang, phủ cập mạng thông tin di động 4G đến 100% xã; tỷ lệ bản được phủ

sóng băng rộng di động 4G đạt 98,50%, tỷ lệ dân số được phủ sóng 4G đạt 94,86%; tỷ lệ số thuê bao sử dụng dịch vụ di động có điện thoại thông minh khoảng 59,64%; tỷ lệ hộ gia đình có thuê bao cáp quang đạt 39,05%; tỷ lệ người sử dụng Internet toàn tỉnh ước đạt 46,34%. Đến thời điểm hiện tại có 148/188 xã (bằng 78,72%) đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới.

- Phát triển dữ liệu số và nền tảng số: (1) Triển khai phần mềm giải pháp chuyển đổi số trong triển khai và quản lý Chương trình Mỗi xã một sản phẩm OCOP; (2) Đẩy mạnh quá trình số hóa, cơ sở dữ liệu đồng bộ, thực hiện quản lý mã số vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông nghiệp (*Hệ thống truy xuất nguồn gốc; Ứng dụng công nghệ GIS trong quản lý, bảo vệ rừng; phần mềm cập nhật diễn biến rừng; Triển khai ứng dụng nhật ký điện tử farmdiary.online...*); (3) Tăng cường ứng dụng trực tuyến, công nghệ thực tế ảo trong công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử cho các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn (*Hỗ trợ 42 doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia quảng bá, giới thiệu đơn vị với 52 sản phẩm nông sản tiêu biểu trên Trang thông tin doanh nghiệp và nông sản tỉnh Sơn La (tại địa chỉ <https://agritradepage.vn>). Hỗ trợ 05 doanh nghiệp, hợp tác xã với 75 sản phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn xuất khẩu đưa lên sàn Alibaba.com, Agrim, EC. Xây dựng, biên tập các công cụ truyền thông hỗ trợ doanh nghiệp, HTX tìm kiếm đối tác trên nền tảng số (kênh Youtube, bài viết, video, thực hiện quảng cáo Google Adwords...); số sản phẩm của Sơn La đưa lên sàn thương mại điện tử đạt 2.466 sản phẩm; số giao dịch trên sàn đạt trên 49.916 giao dịch; quảng bá tour du lịch ảo tại khu du lịch Quốc gia Mộc Châu; triển khai Phần mềm/Ứng dụng du lịch thông minh tại địa chỉ <https://mysonla...>).*

(4) Triển khai thí điểm mô hình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới: Hiện nay tỉnh Sơn La đang thực hiện xây dựng mô hình chuyển đổi số nông thôn mới tại xã Chiềng Xôm theo Quyết định số 1824/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo thuộc Chương trình Chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn thông minh giai đoạn 2021-2025. Ngoài ra tỉnh đã xây dựng duy trì 23 mô hình camera an ninh; mô hình chuyển đổi số trong thương mại điện tử tại các xã nông thôn mới; xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp an toàn, ứng dụng các thiết bị cảm biến và thiết bị thông minh được kết nối và điều khiển tự động trong suốt quá trình sản xuất nông nghiệp như: Quản lý mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh; Mô hình ứng dụng IPM trên chanh leo; Mô hình tái canh cà phê; Xây dựng 04 trạm quan trắc cảnh báo sớm cháy rừng; Xây dựng 12 biển báo hiệu cấp dự báo cháy rừng tự động tại 12 huyện, thành phố; Kết nối đồng bộ dữ liệu ngành nông nghiệp lên Trung tâm điều hành thông minh (IOC) của tỉnh; Mô hình phòng học thông minh...

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình

chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới trong năm 2024 tỉnh Sơn La nhận thấy cần thực hiện đồng bộ các giải pháp sau:

(1) Tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh Chiềng Xôm, thành phố Sơn La. Xây dựng thí điểm các mô hình: xã, bản nông thôn mới thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (*quản lý quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, an ninh trật tự, du lịch nông thôn...*). Mô hình xã thương mại điện tử cho sản phẩm nông nghiệp, nông thôn chủ lực của địa phương (*liên kết hợp tác giữa địa phương, các doanh nghiệp thương mại điện tử, ngân hàng và người dân*).

(2) Xây dựng phương án tổng thể về phát triển hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý; chuẩn hóa dữ liệu, cập nhật cơ sở dữ liệu nông nghiệp, nông thôn trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) đồng bộ, kết nối và liên thông hoàn thiện hệ thống hạ tầng cho sản xuất. Từng bước xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu số sản xuất, kinh doanh nông nghiệp (*quản lý đất đai, số hóa vùng trồng, cây trồng, vật nuôi, rừng, thủy sản, thủy lợi, phòng chống thiên tai, dịch bệnh, thị trường...*). Xây dựng hệ thống số hóa cơ sở dữ liệu quốc gia về nông nghiệp và liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân sinh, kinh tế, hạ tầng sản xuất, công nghệ, môi trường, khí tượng thủy văn... làm cơ sở cho phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư cho chuyển đổi nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác.

(3) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong tổ chức triển khai, thông tin truyền thông trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đảm bảo đồng bộ, thống nhất từ tỉnh đến huyện, xã. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số: Các cổng thông tin điện tử (website), mạng xã hội, bản tin, chuyên đề, tài liệu; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

(4) Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ số và kỹ năng an toàn, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet.

(5) Xây dựng cơ sở dữ liệu và bản đồ số các điểm du lịch nông thôn trên địa bàn tỉnh. Đẩy mạnh phát triển du lịch nông thôn gắn với quá trình chuyển đổi số; ít nhất 50% điểm du lịch nông thôn được công nhận được số hóa và kết nối trên trang quảng bá, xúc tiến du lịch bằng công nghệ số. Phấn đấu 100% điểm du lịch nông thôn được giới thiệu, quảng bá.

(6) Tăng cường chuyển đổi số trong thực hiện các nội dung của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025; lồng ghép việc triển khai

xây dựng các mô hình về bảo vệ môi trường, cấp nước sạch và an toàn thực phẩm trong Chương trình khoa học công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

(7) Rà soát, nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về chuyên đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng nông thôn mới thông minh; chính sách khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số đầu tư, phát triển và cung cấp dịch vụ trực tuyến về các lĩnh vực (*kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục, du lịch, văn hóa, xã hội, môi trường...*) đầu tư vào khu vực nông thôn.

(8) Tăng cường ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn và kinh tế số. Tăng cường xây dựng và áp dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến liên thông, đồng bộ cấp tỉnh, huyện, xã; nâng cao dịch vụ phục vụ nhân dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng cường thực hiện cải cách hành chính gắn với chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3- 4 ở cấp xã.

(9) Nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông, hỗ trợ người dân sử dụng thiết bị công nghệ thông tin (*mạng internet không dây (wifi) miễn phí khu vực trung tâm xã, các điểm sinh hoạt văn hóa ở cộng đồng, điểm du lịch nông thôn,...*). Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển hạ tầng và kết nối mạng internet đến cấp xã, bản (*hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao; hạ tầng mạng di động 4G/5G; hạ tầng kết nối internet, hạ tầng kết nối IoT,...*), nâng cao chất lượng và năng lực tiếp cận dịch vụ viễn thông của người dân; hạ tầng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử./.

Báo cáo kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, kế hoạch và giải pháp trọng tâm năm 2024

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định



Thực hiện Chương trình chuyển đổi số giai đoạn 2021-2025 của tỉnh Nam Định: Ngày 15/10/2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XX ban hành Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ngày 22/10/2021 UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 122/KH-UBND thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU về chuyển đổi số tỉnh Nam Định đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025; UBND tỉnh Nam Định đã ban hành Kế hoạch số 140/KH-UBND ngày 25/10/2022 về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Nam Định;

Theo đó, Chương trình chuyển đổi số của tỉnh Nam Định được thực hiện song song và lồng ghép vào Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Nam Định. Lũy kế đến hết tháng 3/2024, Tỉnh Nam Định có 197 xã, thị trấn (chiếm 96,6% tổng số xã, thị trấn) đã được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao; 32 xã (chiếm 17% tổng số xã) đã được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu, trong đó có 8/32 xã (chiếm 25%) đạt chuẩn NTM kiểu mẫu về lĩnh vực chuyển đổi số và xã Giao Phong - huyện Giao Thủy đang triển khai, thực hiện xây dựng mô hình thí điểm xã nông thôn mới thông minh. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Nam Định báo cáo tham luận về kết quả thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng NTM, kế hoạch và giải pháp trọng tâm năm 2024, như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG XÂY DỰNG NTM

1. Công tác truyền thông, thúc đẩy chuyển đổi số

Công tác thông tin, tuyên truyền được đẩy mạnh thường xuyên đã góp phần từng bước tạo sự đồng thuận, vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự hưởng ứng tham gia tích cực vào tiến trình thực hiện chuyển đổi số của tỉnh:

- Đài PTTH tỉnh xây dựng các phóng sự phim về chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến phát trên sóng truyền hình NTV Nam Định. Báo Nam Định xây dựng các tin bài, phóng sự đăng trên Báo Nam Định và các báo điện tử khác,...

- Chuyên mục chuyển đổi số trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, chuyên trang của tỉnh về chuyển đổi số và Kênh OAZalo của Công cung cấp dịch vụ công trực tuyến được xây dựng và thường xuyên cập nhật kịp thời các tin bài, văn bản, tài liệu về chuyển đổi số; xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đô thị thông minh.

- Sở Thông tin và Truyền thông ban hành văn bản chỉ đạo, hướng dẫn các huyện, thành phố tổ chức thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số, dịch vụ công trực tuyến trên hệ thống đài phát thanh cấp huyện và Đài Truyền thanh cấp xã.

2. Công tác đào tạo, tập huấn phổ biến kiến thức về chuyển đổi số

- Tổ chức các Hội nghị phát động chương trình phổ cập chữ ký số công cộng nhằm thúc đẩy người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với các Sở, ngành, UBND các huyện, thành phố xây dựng tổ chức các hội nghị phổ biến, hướng dẫn kỹ năng ứng dụng các nền tảng số cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Sở Thông tin và Truyền thông phối hợp với UBND các huyện, thành phố, Hội Nông dân tỉnh và các doanh nghiệp công nghệ số tổ chức các hội nghị phổ biến kiến thức về chuyển đổi số và bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng số cho trên 14.000 người dân tại 70 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh.

3. Xây dựng, phát triển hạ tầng số, nền tảng số

- Tiếp tục hoàn thiện, cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 2.0 làm cơ sở tham chiếu trong triển khai thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh; nghiên cứu việc cập nhật kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Nam Định, phiên bản 3.0 hướng tới Chính phủ số.

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu: Trục liên thông văn bản tỉnh Nam Định kết nối liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia, đảm bảo việc liên thông gửi, nhận văn bản điện tử đến 100% các cơ quan Đảng, Đoàn thể và Nhà nước trên địa bàn tỉnh Nam Định và liên thông đến 100% các Bộ, ban, ngành Trung ương và 62 tỉnh, thành phố trên cả nước. Nền tảng LGSP tỉnh Nam Định hoạt động hiệu quả kết nối liên thông 100% CSDL, hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh và kết nối liên thông, chia sẻ thông tin dữ liệu với Nền tảng NGSP/NDXP Quốc gia, CSDL Quốc gia về dân cư, Cổng dịch vụ công Quốc gia và 29 CSDL, hệ thống thông tin ở Trung ương.

- Mạng truyền số liệu chuyên dùng của của tỉnh được mở rộng với 371 điểm đảm bảo về kỹ thuật, an toàn thông tin phục vụ việc kết nối, liên thông 4 cấp từ

Trung ương đến tỉnh và đến tất cả các sở, ngành, UBND 10 huyện, thành phố; UBND 226 xã, phường, thị trấn.

4. Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số

4.1 Phát triển các hệ thống thông tin, ứng dụng, dịch vụ số đổi mới lề lối, phương thức làm việc

- Phần mềm quản lý văn bản và điều hành: 100% các cơ quan Đảng, đoàn thể, nhà nước 3 cấp của tỉnh và một số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh đã sử dụng phần mềm Quản lý văn bản, điều hành và được cấp chữ ký số chuyên dùng Chính phủ trong điều hành, giải quyết công việc. Trên 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước được thực hiện dưới dạng điện tử và được kết nối liên thông qua Trục liên thông văn bản của tỉnh.

- Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh đã được triển khai đến 100% cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh. Các chế độ báo cáo, bộ chỉ tiêu phục vụ chỉ đạo, điều hành của các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn của tỉnh theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP của Chính phủ được chuẩn hóa, điện tử hóa. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo ngành, lĩnh vực phục vụ chỉ đạo, điều hành được các sở, ban, ngành của tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn cập nhật thường xuyên, đảm bảo theo định kỳ hàng tháng, quý, năm.

4.2 Triển khai kết nối, khai thác dữ liệu phục vụ giải quyết TTHC và bổ sung, làm giàu dữ liệu

- Thực hiện triển khai kết nối Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh thông qua Nền tảng LGSP của tỉnh và Nền tảng NGSP Quốc gia với các CSDL, hệ thống thông tin, phần mềm của các Bộ, ngành Trung ương. Đến nay cơ bản các kết nối theo yêu cầu của Trung ương, tỉnh Nam Định đều là một trong những đơn vị sớm hoàn thành và đảm bảo chất lượng, góp phần phục vụ hiệu quả công tác giải quyết TTHC, dịch vụ công trực tuyến của người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Nam Định là một trong 13 tỉnh đã được Bộ Công an cho chính thức kết nối với CSDL Quốc gia về dân cư, 100% TTHC sử dụng lại thông tin, dữ liệu đã có trong CSDL quốc gia về Dân cư đã đơn giản hóa thông tin, tự động điền 25 trường thông tin khai thác từ CSDL quốc gia về Dân cư vào biểu mẫu. Đến nay tỉnh Nam Định đã cấp 2.712 tài khoản có chức năng khai thác, sử dụng CSDL Quốc gia về Dân cư cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh. Tổng số hơn 319.377 lượt truy vấn vào CSDL Quốc gia về Dân cư để khai thác thông tin dữ liệu phục vụ việc giải quyết TTHC cho người dân, doanh nghiệp.

4.3 Xây dựng hệ thống thông tin phục vụ nhu cầu của người dân, doanh nghiệp

- Xây dựng, phát triển Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh: Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (Cổng cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp Hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh) được triển khai đến 100% các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố và 226 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh. Niêm yết công khai 1.694 TTHC của tỉnh, 100% hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp được các cơ quan nhà nước 3 cấp của tỉnh tiếp nhận, giải quyết công khai trên Hệ thống; 100% quy trình giải quyết TTHC của tỉnh được xây dựng quy trình điện tử và công khai trên Hệ thống để người dân, doanh nghiệp có thể giám sát, đánh giá quá trình thực hiện; 100% DVC trực tuyến toàn trình và một phần được cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh và được kết nối, cung cấp trên Cổng DVC Quốc gia, qua đó đã góp phần nâng cao được chất lượng giải quyết TTHC và tăng cường được việc quản lý, theo dõi, giám sát việc thực hiện giải quyết TTHC của công chức một cửa.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh đã tích hợp, kết nối với Cổng DVC Quốc gia; kết nối, chia sẻ thông tin dữ liệu với Hệ thống đánh giá Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp của Cổng DVC Quốc gia; tích hợp, kết nối liên thông với nền tảng thanh toán trực tuyến. Kết nối, chia sẻ với gần 30 CSDL, hệ thống thông tin của các Bộ, ngành Trung ương góp phần đồng bộ, liên thông hồ sơ, tái sử dụng kết quả,... trong quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC của người dân và DN.

- Cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 100% TTHC đủ điều kiện của tỉnh đã được cung cấp trực tuyến toàn trình và trực tuyến một phần. Quý I năm 2024, tiếp nhận và giải quyết trên Hệ thống khoảng trên 124.000 hồ sơ TTHC của người dân, doanh nghiệp. Tỷ lệ DVC trực tuyến phát sinh hồ sơ trên 60; hơn 95.4% hồ sơ TTHC được thực hiện bằng hình thức trực tuyến; 99.95% hồ sơ giải quyết đúng hạn.

- Số hóa hồ sơ, kết quả TTHC: 100% có quan nhà nước 3 cấp của tỉnh đã triển khai việc số hóa hồ sơ, kết quả TTHC trong quá trình tiếp nhận TTHC tại Bộ phận một cửa. Tổng số chứng thư số cấp cho cán bộ một cửa các cấp để phục vụ việc số hóa là gần 2.000 chứng thư số chuyên dùng Chính phủ. Năm 2023, đã có gần 500.000 hồ sơ TTHC được Bộ phận một cửa các cấp thực hiện số hóa. Trong đó 100% kết quả TTHC được số hóa hoặc trả kết quả bằng văn bản điện tử.

4.4 Phát triển xã hội số

Hiện nay trên địa bàn tỉnh có trên 90% số hộ gia đình được phủ mạng internet cáp quang tốc độ cao và tỷ lệ dân số trưởng thành có điện thoại di động thông minh ước đạt trên 85% đã góp phần giúp người dân dễ dàng tiếp cận với các nền tảng số, dịch vụ số do các cơ quan nhà nước và thực hiện các hoạt động giao dịch khác phục vụ đời sống hàng ngày trên môi trường điện tử.

Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép hoạt động khác ước đạt 75% đã góp phần thúc đẩy người

dân tham gia các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt trong nhiều lĩnh vực, đặc biệt là trong kinh doanh bán lẻ, thanh toán các khoản phí, lệ phí trong giải quyết TTHC và lĩnh vực y tế, giáo dục.

5. Thực hiện xây dựng xã NTM kiểu mẫu lĩnh vực chuyển đổi số

Đến nay, Tỉnh Nam Định có 8/32 (chiếm 25%) xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu về lĩnh vực chuyển đổi số⁶³, các xã đều hoàn thành đạt và vượt mức đạt các Tiêu chí nổi trội về lĩnh vực chuyển đổi số trong xây dựng xã NTM kiểu mẫu:

- 100% số xã đều có mô hình thôn thông minh.
- 100% cán bộ công chức xã, tổ công nghệ cộng đồng của các xã, thôn/xóm được bồi dưỡng, tập huấn các nội dung về chuyển đổi số;
- 100% số xã có Đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông (truyền thanh thông minh).
- 100% số xã có bảng tin điện tử công cộng phục vụ hoạt động điều hành, chỉ đạo của chính quyền cơ sở. Bảng tin được đặt ở địa điểm công cộng, tập trung đông dân cư để người dân dễ nhìn, dễ tìm hiểu các thông tin thiết yếu bằng chữ viết, hình ảnh.

6. Xây dựng mô hình thí điểm xã NTM thông minh Giao Phong giai đoạn 2023-2025

Năm 2020, xã Giao Phong - huyện Giao Thủy được công nhận đạt chuẩn NTM nâng cao giai đoạn 2018-2020. Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí NTM và phấn đấu xây dựng NTM kiểu mẫu, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của người dân nông thôn; năm 2022 xã Giao Phong là xã đầu tiên của tỉnh Nam Định được công nhận đạt chuẩn NTM kiểu mẫu về lĩnh vực Giáo dục.

Ngày 18/3/2024, xã Giao Phong được UBND tỉnh Nam Định quyết định phê duyệt đề xuất mô hình thí điểm xã NTM thông minh, với tổng kinh phí thực hiện 11 tỷ đồng (ngân sách Trung ương là 5,5 tỷ đồng; ngân sách huyện 1,0 tỷ đồng; ngân sách xã và huy động nguồn vốn hợp pháp khác là 4,5 tỷ đồng). Nội dung chính của Mô hình thí điểm xã NTM thông minh với 31 tiêu chí, 18 mục tiêu của 06 Nội dung⁶⁴. Phấn đấu đến năm 2025 Xã Giao Phong thực hiện thành công các tiêu chí xã Nông thôn mới thông minh đảm bảo 03 trụ cột “Chính quyền số”, “Kinh tế số” và “Xã hội số”.

II. MỘT SỐ KHÓ KHĂN

⁶³ 08 xã: Xã Liên Minh - huyện Vụ Bản; Xã Yên Lương - huyện Ý Yên; Xã Nghĩa Thái - huyện Nghĩa Hưng; Xã Nam Mỹ - huyện Nam Trực; Xã Trực Tuấn - huyện Trực Ninh; Xã Giao Xuân, Xã Giao Thanh, Xã Giao Hương - huyện Giao Thủy

⁶⁴ 06 Nội dung: Xây dựng chính quyền điện tử định hướng chính quyền số; Hạ tầng số; Dịch vụ nông thôn số; Kinh tế nông thôn; Quản lý môi trường và ứng phó với BĐKH; Đảm bảo an ninh trật tự, xã hội

1. Nhận thức về chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới nói riêng của một số cán bộ và người dân chưa đồng bộ, còn nhiều hạn chế.

2. Hạ tầng số (internet, cáp quang, 3G, 4G, điện thoại thông minh...) phục vụ ứng dụng chuyển đổi số còn yếu; hạ tầng phần mềm xử lý văn bản chưa đồng bộ giữa các địa phương (các nhà cung cấp khác nhau) nên gặp khó khăn trong việc chia sẻ thông tin, cập nhật, xử lý dữ liệu.

3. Chất lượng nguồn nhân lực về kỹ năng số của cán bộ, doanh nghiệp và người dân chưa cao.

4. Các ứng dụng nền tảng số cho người dân còn ít (Dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt...).

5. Tiêu chí xã nông thôn mới thông minh chưa cụ thể, đồng bộ giữa các tỉnh trên cả nước nên việc phân tích, đánh giá, so sánh sẽ thiếu tính chính xác. Đặc biệt, là mô hình thí điểm xã NTM thông minh, mặc dù đã có hướng dẫn số 3445/BNN-VPĐP nhưng khi triển khai còn rất lúng túng: mô hình mới cần phải thực hiện hạ tầng đồng bộ (từ tỉnh đến huyện, xã...), cùng một phần mềm phục vụ cho nhiều ứng dụng; phần cứng cần đầu tư nhiều trang thiết bị kỹ thuật chuyên môn cao; nhân lực vận hành; việc duy trì lâu dài...

6. Nguồn kinh phí huy động hỗ trợ triển khai chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới nói chung và NTM thông minh nói riêng còn nhiều hạn chế.

III. MỘT SỐ NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM NĂM 2024

1. Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn về kiến thức chuyển đổi số, khả năng tiếp cận thông tin cho các cơ quan quản lý nhà nước, cán bộ xây dựng NTM các cấp (tỉnh, huyện, xã) và người dân, cộng đồng ở nông thôn;

2. Tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế ở khu vực nông thôn

3. Tiếp tục đẩy mạnh thanh toán trực tuyến không dùng tiền mặt, trong đó tập trung đẩy mạnh việc thanh toán trực tuyến phí, lệ phí trong giải quyết TTHC đến cấp xã; triển khai thanh toán trực tuyến đối với các dịch vụ thiết yếu như điện, nước, y tế, giáo dục,...

4. Tiếp tục thực hiện việc số hóa thành phần hồ sơ, kết quả TTHC trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC tại Bộ phận một cửa đến cấp xã.

5. Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại địa phương để phổ cập kỹ năng số cho người dân thực hiện chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

6. Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu. Tập trung triển khai, thực hiện các nội dung mô hình thí điểm xã NTM thông minh Giao Phong, huyện Giao Thủy.

7. Đẩy mạnh đầu tư hạ tầng số (internet, cáp quang, 3G, 4G, điện thoại thông minh...) phục vụ ứng dụng chuyển đổi số; đồng bộ hạ tầng phần mềm xử lý văn bản giữa các địa phương trong việc chia sẻ thông tin.

8. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về kỹ năng số cho cán bộ, doanh nghiệp và người dân.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Các bộ, ngành Trung ương sớm ban hành Tài liệu tập huấn, hướng dẫn tuyên truyền về chuyển đổi số cho cán bộ các cấp và người dân; đẩy mạnh công tác truyền thông từ Trung ương đến các địa phương để nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong xây dựng NTM, hướng tới NTM thông minh.

2. Sớm có tiêu chí xã NTM thông minh để có cơ sở triển khai nền tảng số dùng chung cho cả nước để tạo sự đồng bộ trong triển khai thực hiện.

3. Đối với mô hình thí điểm xã NTM thông minh, cần có hướng dẫn chi tiết hơn (về mặt kỹ thuật) so với hướng dẫn số 3445/BNN-VPĐP để các địa phương dễ áp triển khai; cân đối, bổ sung kinh phí triển khai, kinh phí duy trì sau khi xây dựng xong mô hình NTM thông minh (thuê bản quyền, phần mềm ứng dụng...)/.

**Báo cáo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số
trong xây dựng nông thôn mới và kế hoạch, giải pháp nhiệm vụ
trọng tâm năm 2024**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng



Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ được UBND tỉnh Lâm Đồng ban hành tại Kế hoạch số 5306/KH-UBND ngày 19/6/2023 về triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng giai đoạn 2023- 2025.

1. Mục tiêu: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong xây dựng NTM nhằm tăng cường hiệu quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; Góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn, nâng cao chất lượng đời sống người dân; Thu hẹp dần khoảng cách về chất lượng dịch vụ giữa nông thôn - thành thị, từng bước hướng tới NTM thông minh, với các mục tiêu cụ thể là:

- Phát triển chính quyền số trong xây dựng NTM:

+ Chương trình MTQG xây dựng NTM được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện, 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng.

+ Phấn đấu 100% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM; trên 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về Thông tin và Truyền thông, 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao.

+ Có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 (có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3) về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM; 70% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 về Kinh tế, 25% đạt chỉ tiêu 9.2 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao.

+ 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

- Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn: ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

- Xã hội số trong xây dựng NTM: có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa) và tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng NTM thông qua ứng dụng trực tuyến.

- Có ít nhất 01 mô hình thí điểm xã NTM thông minh theo lĩnh vực nổi trội nhất (chuyển đổi số, kinh tế, du lịch nông thôn, môi trường, văn hoá...), trên cơ sở phát huy lợi thế của địa phương làm cơ sở để tổng kết và đề xuất Bộ tiêu chí quốc gia về NTM thông minh giai đoạn 2026-2030.

2. Kết quả triển khai thực các chỉ tiêu nhiệm vụ

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng đạt 98%. Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh 95%; Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện 90%; Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã 80%.

- Số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về Thông tin và Truyền thông theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM đến nay có 111/111 xã, đạt 100%; số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về Thông tin và Truyền thông đến nay có 48/111 xã, đạt 43,2%; số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 về Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về xã NTM nâng cao đến nay có 50/111 xã, đạt 45,4%.

- Đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 (có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3) về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM đến nay có 12/12 cấp huyện, đạt 100%; đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 6.5 về Kinh tế đến nay có 1/2 huyện NTM nâng cao, đạt 50%; đơn vị cấp huyện đạt chỉ tiêu 9.2 về An ninh trật tự - Hành chính công theo Bộ tiêu chí quốc gia về huyện NTM nâng cao đến nay có 2/12 đơn vị cấp huyện, đạt 16,67%.

- Cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình MTGQ xây dựng NTM được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số: Hàng năm Sở Thông tin truyền thông tỉnh phối hợp với Công an tỉnh Lâm Đồng, Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm tích hợp dữ liệu và chuyển đổi số tỉnh Lâm Đồng, VietinBank tỉnh Lâm Đồng, Mobifone, Viettel, VNPT và Bưu điện tỉnh Lâm Đồng cùng tham gia hướng dẫn, triển khai các dịch vụ chuyển đổi số tổ chức lớp tập huấn kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chiến sỹ lực lượng vũ trang các cơ quan, đơn vị, MTTQ và các đoàn thể; các trường học; UBND các xã, thị trấn và các thành viên Tổ công nghệ số cấp xã, tỉnh, đạt 100%.

- Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn: xã có các hợp tác xã 109/111 xã, đạt 98,19%; cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực 111/111 xã, đạt 100% và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số có 109/111 xã, đạt 98,19%.

- Về tổ chức lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng NTM thông qua ứng dụng trực tuyến: Hiện nay UBMTTQ tỉnh

Lâm Đồng đang xây dựng kế hoạch triển khai phần mềm lấy ý kiến phản hồi về sự hài lòng của người dân/cộng đồng về kết quả xây dựng NTM thông qua ứng dụng trực tuyến trình UBMTTQ Việt Nam bố trí vốn để triển khai thực hiện.

- Về mô hình thí điểm xã NTM thông minh: Hiện nay tại Lâm Đồng đã có kế hoạch thực hiện tại các xã Xuân Thọ thành phố Đà Lạt; Đa R sal, Rô Men huyện Đam Rông; Gia Viễn, Đức Phổ huyện Cát Tiên; Lạc Lâm huyện Đơn Dương (huyện NTM nâng cao); Mỹ Đức huyện Đa Têh (huyện NTM nâng cao) để triển khai thực hiện mô hình xã NTM thông minh. Một trong các xã đã lựa chọn đã được bố trí một phần kinh phí để triển khai thực hiện mô hình xã NTM thông minh theo văn bản số 3445/BNN-VPĐP ngày 20/5/2023 của Bộ Nông nghiệp & PTNT.

3. Kế hoạch nhiệm vụ trọng tâm năm 2024

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số trong xây dựng NTM cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ và cộng đồng dân cư.

- Đa dạng hóa các hình thức truyền thông trên nền tảng công nghệ số: Các cổng thông tin điện tử (website), mạng xã hội, bản tin, chuyên đề, tài liệu; đẩy mạnh gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới.

b) Xây dựng chính quyền số trong xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng và áp dụng hệ thống dịch vụ công trực tuyến liên thông, đồng bộ cấp tỉnh, huyện, xã; nâng cao dịch vụ phục vụ nhân dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tăng cường thực hiện cải cách hành chính gắn với chính phủ điện tử, dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3 - 4 ở cấp xã.

- Áp dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động quản lý, điều hành các cấp (huyện, xã), đặc biệt là quản lý quy hoạch xây dựng nông thôn và các lĩnh vực kinh tế, y tế, giáo dục, văn hóa, môi trường.

- Nghiên cứu áp dụng công nghệ số trong công tác quản lý, tổ chức triển khai Chương trình MTQG xây dựng NTM, gồm:

+ Ứng dụng công nghệ số trong tổ chức triển khai, thông tin truyền thông, đào tạo và tập huấn trong thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM đảm bảo đồng bộ, thống nhất từ Trung ương đến địa phương (tỉnh, huyện, xã).

+ Ứng dụng phần mềm quản lý trực tuyến trong công tác: Lập kế hoạch, thẩm định, xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM và báo cáo kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM; hỗ trợ công tác quản lý, giám sát và đánh giá, phân hạng, sản phẩm OCOP và du lịch nông thôn; giám sát chất lượng môi trường, quản lý các nguồn chất thải, chất ô nhiễm và cấp nước sạch nông thôn.

+ Xây dựng và triển khai hệ thống bản đồ số về kết quả xây dựng NTM phục vụ công tác quản lý, tra cứu, tuyên truyền về kết quả triển khai xây dựng NTM theo Bộ tiêu chí NTM các cấp.

+ Xây dựng và triển khai phần mềm lấy ý kiến sự hài lòng của người dân trong xây dựng nông thôn mới, tăng cường hơn nữa vai trò giám sát và phản biện của các tầng lớp nhân dân đối với hoạt động xây dựng nông thôn mới.

+ Xây dựng và triển khai phần mềm phục vụ công tác thẩm định, xét công nhận địa phương đạt chuẩn NTM các cấp.

+ Tiếp tục xây dựng thí điểm mô hình xã NTM thông minh, xã thương mại điện tử trong các xã đăng ký NTM kiểu mẫu về chuyển đổi số (Xã Xuân Thọ thành phố Đà Lạt; Xã Đa R sal, Rô Men huyện Đam Rông; Xã Gia Viễn, Đức Phổ huyện Cát Tiên; Xã Lạc Lâm huyện Đơn Dương; Xã Mỹ Đức huyện Đa Têh. Việc lựa chọn các mô hình xã/thôn thông minh gắn với lĩnh vực nổi trội ở các địa phương (quy hoạch xây dựng, kinh tế, y tế, giáo dục, văn hoá, an ninh trật tự, du lịch nông thôn, thương mại điện tử,..). Ưu tiên thực hiện các mô hình về kinh tế số, xã hội số dựa trên các điều kiện thực tế và nhu cầu áp dụng chuyển đổi số của địa phương.

c) Thúc đẩy kinh tế số trong phát triển kinh tế nông thôn

- Ứng dụng công nghệ số trong phát triển kinh tế nông thôn theo hướng kinh tế tuần hoàn và kinh tế số.

- Thực hiện số hóa, xây dựng bản đồ số nông nghiệp nông thôn, cơ sở dữ liệu đồng bộ, thực hiện quản lý mã số vùng nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

- Ứng dụng trực tuyến, công nghệ thực tế ảo, thực tế ảo tăng cường trong công tác quảng bá, xúc tiến thương mại, thương mại điện tử cho các sản phẩm nông nghiệp, nông thôn.

- Xây dựng thí điểm các mô hình thúc đẩy phát triển kinh tế ở khu vực nông thôn, gồm: áp dụng chuyển đổi số về quản trị trong tổ chức sản xuất, quản lý vùng nguyên liệu, theo dõi, giám sát môi trường, kiểm soát chất lượng, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và thương mại sản phẩm nông sản chủ lực (tại các kiểu mẫu về sản xuất nông nghiệp là xã Ka Đô, Quảng Lập, Lạc Lâm, Lạc Xuân, Đa Ròn, Tu Tra huyện Đơn Dương; xã Hà Lâm huyện Đa Huoai).

d) Phát triển xã hội số trong xây dựng nông thôn mới

- Ứng dụng công nghệ số trong hoạt động lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.

- Hỗ trợ các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số đầu tư, phát triển và cung cấp dịch vụ trực tuyến về y tế, giáo dục, văn hóa, xã hội, môi trường nông thôn ở các địa phương.

- Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân sử dụng các dịch vụ số và kỹ năng an toàn, trọng tâm là dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ y tế số, giáo dục số, sử dụng các mạng xã hội, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử và khai thác tiện ích, tài nguyên số trên Internet.

- Xây dựng thí điểm các mô hình thúc đẩy phát triển xã hội số, nâng cao năng lực tiếp cận thông tin liên thông của người dân, cộng đồng gắn với công tác quản lý nhà nước của chính quyền cơ sở và dịch vụ công trực tuyến; các hoạt động quản lý cộng đồng, gồm: an ninh trật tự, môi trường, dịch vụ du lịch; các dịch vụ trực tuyến phục vụ đời sống người dân, gồm: văn hóa, giáo dục, y tế, chăm sóc sức khỏe (tại các xã Lộc An, Lộc Quảng huyện Bảo Lâm; xã Gia Lâm, Tân Hà, Nam Hà, Hoài Đức huyện Lâm Hà; xã Hòa Ninh, Đình Lạc huyện Di Linh; xã Quảng Trị huyện Đạ Tẻh; xã Gia Viễn, Đức Phổ huyện Cát Tiên; xã Lộc Thanh thành phố Bảo Lộc).

4. Giải pháp triển khai thực hiện.

a) Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và năng lực về chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới:

- Thực hiện công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy về chuyển đổi số trong xây dựng NTM cho cấp ủy, chính quyền, cán bộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn tỉnh; góp phần chuyển tải thông điệp, tầm quan trọng của hoạt động chuyển đổi số về phát triển kinh tế - xã hội tới người dân.

- Đa dạng hóa các hình thức thông tin, tuyên truyền về chuyển đổi số trong xây dựng NTM dưới dạng hội nghị chuyên đề, hội thảo, diễn đàn trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm, tờ rơi, pano, áp phích, các cuộc thi tìm hiểu,... để giới thiệu cách làm hay, mô hình sáng tạo về chuyển đổi số trong xây dựng NTM; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục, phóng sự, phim, tiểu phẩm,... trên các báo, đài, trang thông tin điện tử ở cấp tỉnh, huyện để tuyên truyền về chuyển đổi số trong xây dựng NTM; kịp thời động viên, khen thưởng các gương điển hình tiêu biểu, có nhiều sáng kiến trong triển khai thực hiện chuyển đổi số ở địa phương.

- Phối hợp các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tăng thời lượng, số lượng tin, bài phản ánh hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng NTM; giới thiệu những mô hình mới, cách làm hay về chuyển đổi số, giúp người dân nông thôn hiểu rõ lợi ích của việc tham gia vào quá trình chuyển đổi số sẽ phục vụ tốt hơn cho phát triển kinh tế và đời sống của mình.

- Biên soạn tài liệu tập huấn về chuyển đổi số trong xây dựng NTM phù hợp với điều kiện kinh tế của từng địa phương, trong đó tập trung vào các điều kiện/tiêu chí cần để phát triển kinh tế số và xã hội số gắn với việc phát triển sản xuất và phát huy các lợi thế ở địa phương, đặc biệt là các tài liệu về phát huy vai trò của cộng đồng dân cư tham gia chuyển đổi số để góp phần xây dựng NTM hiệu quả, bền vững.

- Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn, hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số (bao gồm cả thương mại điện tử), khả năng tiếp cận thông tin cho cán bộ xây dựng NTM các cấp (tỉnh, huyện, xã), doanh nghiệp, người dân và cộng đồng ở khu vực nông thôn; kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho cán bộ các cấp, các doanh nghiệp, hợp tác xã và tổ chức kinh tế tại khu vực nông thôn; tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn cho tổ công nghệ cộng đồng, đội ngũ cán bộ khuyến nông cộng đồng tại cơ sở, để hình thành đội ngũ cộng tác viên hỗ trợ trực tiếp đến hộ dân tham gia hoạt động chuyển đổi số.

- Phát động phong trào, các đợt thi đua tham gia hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới xây dựng NTM thông minh gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình MTQG xây dựng NTM trên địa bàn.

b) Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, theo dõi, giám sát, thẩm định, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM:

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong phát triển hạ tầng và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản (hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao; hạ tầng mạng di động 4G/5G; hạ tầng kết nối internet, hạ tầng kết nối IoT,...), nâng cao chất lượng và năng lực tiếp cận dịch vụ viễn thông của người dân; hạ tầng công nghệ để phát triển hệ thống thông tin điện tử trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch và thương mại điện tử.

- Xây dựng phương án tổng thể hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý, giám sát Chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Ứng dụng phát triển hạ tầng số và xây dựng dữ liệu số trong xây dựng nông thôn mới: Xây dựng và triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu về NTM trên nền tảng dữ liệu lớn đồng bộ, kết nối và liên thông từ cấp xã, huyện, tỉnh đến Trung ương để phục vụ công tác quản lý, hoạt động đánh giá, thẩm định địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; theo dõi, giám sát việc thực hiện Bộ tiêu chí NTM các cấp và nhiệm vụ thuộc các chương trình chuyên đề.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách và các hướng dẫn liên quan đến chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới:

- rà soát các nội dung, định mức hỗ trợ của Nhà nước về chuyển đổi số để đề xuất áp dụng trong xây dựng NTM thông minh; chính sách khuyến khích các tổ chức và doanh nghiệp cung cấp dịch vụ số về các lĩnh vực (kinh tế, thương mại, y tế, giáo dục, văn hóa, du lịch) đầu tư vào khu vực nông thôn.

- Áp dụng triển khai thực hiện tốt hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu số về Chương trình MTQG xây dựng NTM và quy chế, quy trình vận hành hệ thống phần mềm đánh giá, công nhận đạt chuẩn NTM từ Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, xã.

- Xây dựng phương án tổng thể hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu, chuẩn hóa dữ liệu, hệ thống định danh gắn với đối tượng quản lý, giám sát Chương trình MTQG xây dựng NTM.

- Ban hành quy chế, quy trình vận hành phần mềm đánh giá, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM ở các cấp, tổ chức thí điểm và nhân rộng nhằm từng bước đơn giản hoá, nâng cao hiệu quả thẩm định, công nhận địa phương đạt chuẩn NTM các cấp.

- Đề xuất, ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù để hỗ trợ triển khai thực hiện các hoạt động phục vụ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới NTM thông minh ở địa phương, phù hợp với các quy định hiện hành; ban hành chính sách hỗ trợ cho các thành viên Tổ công nghệ cộng đồng tham gia hướng dẫn, vận động, huy động sự tham gia của người dân trong thực hiện các hoạt động chuyển đổi số trong xây dựng NTM.

d) Huy động nguồn lực, vận động hỗ trợ chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới:

- Tạo điều kiện, môi trường đầu tư thuận lợi để thu hút doanh nghiệp, tập đoàn viễn thông, công nghệ thông tin đầu tư về cơ sở hạ tầng số và kết nối mạng internet đến cấp xã, thôn/bản; hạ tầng công nghệ gắn với phát triển dịch vụ trên các lĩnh vực: giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, môi trường, thương mại điện tử.

- Huy động các nguồn lực tham gia thực hiện Kế hoạch, nhất là lồng ghép hiệu quả các Chương trình MTQG, nguồn vốn thực hiện kế hoạch chuyển đổi số của tỉnh, đề án, dự án phát triển kinh tế - xã hội, các nguồn huy động hợp pháp từ các thành phần kinh tế và người dân thực hiện chuyển đổi số.

- Vận động các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và tham gia cung cấp các dịch vụ phục vụ chuyển đổi số trong xây dựng NTM.

Trên đây là báo cáo cáo kết quả triển khai thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới và kế hoạch, giải pháp nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Lâm Đồng./.

Báo cáo đánh giá kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, kế hoạch và giải pháp trọng tâm năm 2024

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Gia Lai



Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 924/QĐ-TTg ngày 02/8/2022. Theo đó, Tỉnh Gia Lai đã ban hành Kế hoạch số 592/KH-UBND ngày 17/3/2023 về Thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 nhằm khởi động Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới tại tỉnh nhà; tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số ở cấp huyện, cấp xã.

Với quan điểm chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới là giải pháp, nhiệm vụ trọng tâm trong triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, tỉnh Gia Lai xác định thực hiện chuyển đổi số nông thôn là góp phần thực hiện chiến lược chuyển đổi số quốc gia; thực hiện mục tiêu xây dựng nền nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh. Chương trình triển khai linh hoạt với 03 trụ cột chính: (i) Phát triển chính quyền số ở nông thôn; (ii) Phát triển các chủ thể kinh tế số ở nông thôn; (iii) Phát triển xã hội số cho cộng đồng dân cư ở nông thôn. Cụ thể:

Về Phát triển chính quyền số

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới được tổ chức đồng bộ, thống nhất trên nền tảng công nghệ số, ít nhất 90% hồ sơ công việc cấp tỉnh, 80% hồ sơ công việc cấp huyện và 60% hồ sơ công việc cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- Đối với cấp xã phân đầu có:

+ Ít nhất 97% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về “Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới;

+ Ít nhất 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về “Ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới”; 50% số xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 về “Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên” theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.

- Đối với cấp huyện: phân đầu có ít nhất 60% đơn vị cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 về “Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên” theo Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới.

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý các cấp tham gia thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới được tập huấn, nâng cao năng lực về chuyển đổi số.

Về Phát triển kinh tế số, góp phần thúc đẩy kinh tế nông thôn: Ít nhất 70% xã có các hợp tác xã, 70% cấp huyện có các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực và 50% các mô hình liên kết gắn với vùng nguyên liệu có ứng dụng công nghệ số.

Về Xã hội số trong xây dựng nông thôn mới: Có ít nhất 40% đơn vị (cấp xã, huyện) cung cấp ít nhất một dịch vụ thiết yếu (y tế, giáo dục, giám sát cộng đồng, an ninh trật tự, môi trường, văn hóa).

Về mô hình thí điểm: phân đầu xây dựng thành công mô hình **thí điểm “Thực hiện chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai”** triển khai tại Xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Kết quả thực hiện các mục tiêu của Chương trình:

Căn cứ các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra, đến nay 17/17 huyện, thị xã, thành phố đã ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021-2025 triển khai thực hiện tại địa phương với lộ trình và mục tiêu cụ thể.

Các doanh nghiệp Bưu chính viễn thông phát triển đã đáp ứng nhu cầu của tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh, đến nay toàn tỉnh đã được phủ sóng điện thoại (2G), Internet băng rộng di động (3G, 4G); 100% xã đã được kết nối cáp quang đến trung tâm. Toàn bộ thủ tục hành chính của tỉnh được cung cấp dưới dạng Dịch vụ công trực tuyến (DVCTT); trong đó có 943 DVCTT một phần và 982 DVCTT toàn trình; được tích hợp tại Cổng Dịch vụ công của tỉnh.

Tính cuối năm 2023, theo số liệu báo cáo từ Cổng Dịch vụ công của tỉnh và dịch vụ công liên thông đã có:

- 95/182 (52%) xã đạt chuẩn chỉ tiêu 8.4 về “Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành” theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới;

- 100% xã đạt chuẩn chỉ tiêu số 15.2 về “Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên” theo Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới nâng cao.

- 100% cấp huyện đạt chuẩn chỉ tiêu 9.5 về “Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên” theo Bộ tiêu chí về huyện nông thôn mới.

Vì Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới là một Chương trình mới đối với các tỉnh Tây Nguyên. Hơn nữa, đến nay Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ mới ban hành hướng dẫn tạm thời theo hướng chỉ hướng dẫn về cách làm để đồng bộ cách triển khai thực hiện Chương trình trên toàn quốc, chưa hướng dẫn về kỹ thuật. Do đó, trong năm 2023 tỉnh Gia Lai chỉ tập trung xây

dựng mô hình điểm do Trung ương chỉ đạo, kết quả thực hiện mô hình này là tiền đề để triển khai các mô hình do tỉnh chỉ đạo tại địa phương trong những năm tiếp theo. Tỉnh Gia Lai có 01 mô hình thuộc danh mục mô hình thí điểm do Trung ương chỉ đạo được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt tại Quyết định số 1824/QĐ-BNN-VPĐP ngày 11/5/2023, cụ thể: Mô hình xã nông thôn mới thông minh xã Biển Hồ, TP.Pleiku.

Căn cứ các hướng dẫn hiện hành, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã phối hợp với Sở Thông tin truyền thông và các Sở, ngành liên quan hướng dẫn UBND TP. Pleiku lập kế hoạch xây dựng mô hình “xã nông thôn mới thông minh Biển Hồ”. Đến nay, UBND TP. Pleiku đang tổ chức thẩm tra kế hoạch thực hiện mô hình và thực hiện các quy định theo đúng trình tự trước khi trình cấp tỉnh thẩm định.

Kế hoạch và một số giải pháp trọng tâm trong năm 2024

(1) Triển khai thực hiện có hiệu quả mô hình “xã nông thôn mới thông minh Biển Hồ”, kết quả thực hiện mô hình này là tiền đề để triển khai các mô hình do tỉnh chỉ đạo tại địa phương trong những năm tiếp theo

(2) Lựa chọn, phê duyệt danh sách các mô hình thí điểm xã, thôn nông thôn mới thông minh trên địa bàn tỉnh theo từng lĩnh vực (gồm có: Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn; Giáo dục và đào tạo; Văn hóa; Du lịch; Cảnh quan môi trường; An ninh trật tự) đồng thời tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan hướng dẫn các địa phương triển khai thực hiện hiệu quả các mô hình đã được phê duyệt.

(3) Phổ biến tài liệu hướng dẫn, tập huấn về chuyển đổi số, áp dụng chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, đặc biệt là các tài liệu về phát huy vai trò của cộng đồng dân cư tham gia chuyển đổi số để góp phần xây dựng nông thôn mới hiệu quả, bền vững.

(4) Tổ chức các hội nghị, các đợt tập huấn, hướng dẫn các kiến thức, kỹ năng về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, sử dụng dịch vụ số an toàn trên không gian mạng cho các cơ quan quản lý nhà nước, khả năng tiếp cận thông tin cho cán bộ xây dựng nông thôn mới các cấp (tỉnh, huyện, xã), người dân và cộng đồng nông thôn.

Trên đây là Báo cáo tham luận về việc đánh giá kết quả triển khai Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, kế hoạch và giải pháp trọng tâm năm 2024 của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Gia Lai./.

Báo cáo kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai Chương trình chuyên đề về tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang



Tuyên Quang là một tỉnh miền núi phía Bắc, tiếp giáp với 07 tỉnh, nằm giữa Đông Bắc và Tây Bắc của Việt Nam, phía Đông giáp tỉnh Bắc Kạn và Thái Nguyên, phía Bắc giáp tỉnh Hà Giang, Cao Bằng, phía Tây giáp tỉnh Yên Bái và phía Nam giáp tỉnh Vĩnh Phúc, Phú Thọ, cách thủ đô Hà Nội 165 km, cách sân bay Nội Bài 130 km. Diện tích tự nhiên 5.867,9 km², chiếm 1,77% diện tích cả nước, đứng thứ 24/63 tỉnh, thành phố về diện tích, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 448.239,92 ha (cơ cấu: đất rừng đặc dụng 10,47%; đất rừng phòng hộ 27,13%; đất rừng sản xuất 62,39%). Diện tích rừng hiện có 426.205 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 65%; diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản trên 11.000 ha. Tỉnh có tuyến Quốc lộ 2, 2C, 37, 279, 3B, 2D, 280 giúp tỉnh có thể liên kết, giao lưu kinh tế, văn hóa, xã hội với các tỉnh lân cận như Hà Giang, Yên Bái, Thái Nguyên, Phú Thọ, Bắc Kạn... cũng như kết nối với các vùng kinh tế lớn một và các tỉnh thuộc vùng trung du, đồng bằng sông Hồng. Dân số toàn tỉnh trên 80 vạn người; tỷ lệ hộ nghèo ước giảm còn 15,12%. Tuyên Quang có 22 dân tộc cùng sinh sống. Toàn tỉnh có 6 huyện, 1 thành phố với 138 xã, phường, thị trấn; 1.735 thôn, tổ dân phố.

Với mục tiêu thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14/4/2023 về thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025.

Để Chương trình triển khai sâu rộng đến cơ sở, tỉnh Tuyên Quang đã chỉ đạo các sở ngành liên quan và các địa phương trong tỉnh tăng cường công tác tuyên truyền các quan điểm, mục tiêu, nội dung và giải pháp nêu trong kế hoạch của tỉnh; các đơn vị theo phân công nhiệm vụ trong kế hoạch tăng cường công tác tổ

chức triển khai thực hiện, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo việc thực hiện kế hoạch; đồng thời tiếp tục chỉ đạo đẩy mạnh triển khai những kế hoạch liên quan như: Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 18/02/2022 về thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu hủy bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, giai đoạn 2022-2025; Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 18/10/2023 về thúc đẩy ứng dụng Quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM) trên các cây trồng chủ lực, cây trồng có giá trị kinh tế cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2023-2030; Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 30/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc nâng cao hiệu quả đầu tư, quản lý, sử dụng và khai thác các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn tập trung trên địa bàn tỉnh.

Kết quả đến hết năm 2023, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã tổ chức 15 lớp tập huấn IPM với 405 nông dân tham gia; xây dựng 15 mô hình IPM trên các cây trồng: Lúa, ngô, rau, cam, bưởi, chè với diện tích thực hiện 63 ha (*tại các huyện: Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa và thành phố Tuyên Quang*). Tổ chức 07 hội nghị tuyên truyền các cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ cho 210 hộ gia đình trên địa bàn tỉnh. Phối hợp với Tạp chí Hữu cơ Việt Nam và các đơn vị liên quan xây dựng 26 tin, bài tuyên truyền về phát triển nông nghiệp hữu cơ của tỉnh Tuyên Quang.

Tổ chức 12 lớp tập huấn với 449 người tham dự, trong đó: 07 lớp tập huấn về thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói cho nông dân tại vùng trồng và người lao động tại cơ sở đóng gói với 289 người tham dự; 01 lớp tập huấn nâng cao năng lực về đánh giá, cấp và quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói cho cán bộ chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện, tổng số 30 người tham dự. Tổ chức 04 lớp tập huấn, hướng dẫn các Tổ hợp tác, Hợp tác xã, doanh nghiệp về công tác thiết lập, quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói trên địa bàn huyện Yên Sơn, Sơn Dương, Hàm Yên, Chiêm Hóa và thành phố Tuyên Quang với 130 người tham dự. Qua công tác tập huấn đã thay đổi tập quán canh tác, chuyển đổi tư duy, nâng cao nhận thức sản xuất của người nông dân theo hướng chuyên nghiệp hơn qua đó góp phần nâng cao giá trị, năng lực cạnh tranh cho sản phẩm nông nghiệp, đồng thời hướng đến một ngành nông nghiệp minh bạch, bền vững và có trách nhiệm.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đã thường xuyên chỉ đạo tổ chức thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng theo quy định. Đến nay, toàn tỉnh lắp đặt được 6.285 bể chứa và 44 nhà kho lưu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

Duy trì trên 3.580 ha trồng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn (*VietGAP, hữu cơ*) đối với cây cam, chè, bưởi (Cam 1.483,2 ha; chè 1.309 ha; bưởi 471,1 ha; rau 163 ha; lúa 39,8 ha, còn lại các loại cây ăn quả khác). Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ đối với 10 vùng trồng và 02 cơ sở đóng gói đã được cấp mã số năm 2022; tiếp tục kiểm tra, đánh giá để cấp các mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh.

Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh tổ chức cho các hội viên ký cam kết tuân thủ “4 đúng” về sử dụng thuốc an toàn thực phẩm; cam kết trồng lúa, rau hữu cơ. Hướng dẫn người dân sử dụng chai nhựa, túi ni lông làm được 44.683 viên “gạch sinh thái” xây dựng 139 công trình (bàn ghế, bồn hoa, tường rào, công nhà văn hóa, ...).

Về đầu tư xây dựng, quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước nông thôn tập trung: Huy động đầu tư từ các nguồn vốn Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vốn vay Ngân hàng Thế giới, Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình MTQG phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững... Toàn tỉnh hiện có 412 công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn. Tổ chức quản lý, sử dụng và khai thác hiệu quả các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung. Lũy kế tổng số công trình được giao quản lý 92 công trình. Kết quả đến thời điểm báo cáo đã đạt mục tiêu về công trình hoạt động bền vững là 30 công trình, tăng 10 công trình so với năm 2022. Các công trình cấp nước tập trung cơ bản hoạt động hiệu quả, đáp ứng nhu cầu cấp nước của người dân trên địa bàn có công trình, góp phần nâng cao tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh, nước sạch trên địa bàn tỉnh. Hết năm 2023, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch hợp vệ sinh ước đạt 96,5%.

Công tác kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, vận hành hệ thống xử lý chất thải, kiểm soát ô nhiễm môi trường tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh tiếp tục được chú trọng; hỗ trợ xây dựng bể Biogas hoặc bể tự hoại với kinh phí 8,03 tỷ đồng/1.607 công trình; hỗ trợ Vườn mẫu nông thôn mới với kinh phí 970 triệu đồng/97 vườn; hỗ trợ Thôn mẫu nông thôn mới với kinh phí 660 triệu đồng/33 thôn; vận động nhân dân thực hiện chỉnh trang 03 công trình vệ sinh (*đã xây dựng gần 11.000 công trình chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh*). Các hội, đoàn thể tăng cường vận động nhân dân thu gom, xử lý rác thải đạt hiệu quả (*kết quả: rác thải nông thôn được thu gom và xử lý đạt khoảng 40%*). Các xã đã chủ động xây dựng, ban hành quy chế quản lý nghĩa trang theo quy hoạch, nhận thức được sự cần thiết phải đóng cửa các nghĩa trang không theo quy hoạch, ảnh hưởng đến môi trường. Các cơ sở, hộ gia đình kinh doanh đã chú trọng và thực hiện theo các quy định vệ sinh an toàn thực phẩm. Đến hết năm 2023 toàn tỉnh có 74 xã hoàn thành tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm.

Với những kết quả đạt được, tỉnh Tuyên Quang tiếp tục xây dựng nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2024 và những năm tiếp theo để thực hiện hoàn thành các mục tiêu nêu trong Kế hoạch số 81/KH-UBND ngày 14/4/2023 về thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025, như sau:

Một là, về thu gom, xử lý chất thải bao bì thuốc bảo vệ thực vật: Tiếp tục tuyên truyền về tác hại, ảnh hưởng của bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và chất thải nhựa; các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải nhựa, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; khuyến cáo, vận động người dân chuyển sang phân phối, sử dụng các loại thuốc BVTV có nguồn gốc thảo mộc, sinh học, ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật như: IPM, 3 giảm 3 tăng, SRI, VietGAP, hữu cơ...; Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Tuyên Quang xây dựng phóng sự, tin bài về thu gom, vận chuyển và xử lý tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và chất thải nhựa trong sản xuất trồng trọt.

Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng, lắp đặt bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; huy động nguồn lực từ các tổ chức, cá nhân và nhân dân để khuyến khích sự tham gia của cộng đồng. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan rà soát, thống kê các bể chứa bị hư hỏng cần thay thế và các xã chưa có bể chứa, khu vực lưu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. Đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân huyện, thành phố thực hiện việc thu gom và quản lý việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; xây dựng các mô hình điểm về sử dụng thuốc BVTV an toàn và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định của pháp luật.

Hai là, về giải pháp để giảm thiểu ô nhiễm môi trường chăn nuôi: Tuyên truyền, vận động người chăn nuôi thực hiện chăn nuôi theo hướng an toàn dịch bệnh, có kiểm soát, đảm bảo môi trường chăn nuôi; Khuyến cáo các tổ chức cá nhân chăn nuôi đặc biệt là chăn nuôi lợn cần quan tâm áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi để giảm thiểu ô nhiễm môi trường như: sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi; sử dụng bể Biogas, ao, hồ sinh học... để xử lý chất thải trong chăn nuôi; cân đối khẩu phần ăn cân bằng dinh dưỡng hoàn chỉnh; sử dụng chế phẩm sinh học phối trộn trong thức ăn để tăng hệ số tiêu hóa thức ăn; thu gom phân, chất thải rắn, sử dụng các chế phẩm sinh học trong ủ phân theo phương pháp nhiệt sinh học để tạo nguồn phân bón hữu cơ cho cây trồng; xây bể chứa sử dụng máy hút tách phân để hút tách nước ra khỏi phân, đưa lượng phân khô vào ủ làm phân bón cho cây trồng, lượng nước còn lại được nạp vào hệ thống hầm biogas để tạo khí sinh học; sau hầm biogas cần xây dựng hệ thống bể lắng lọc; ao sinh học hoặc hệ thống đất ngập nước để sử dụng nước thải làm nước tưới cho cây trồng, hạn chế gây ô nhiễm môi trường từ chất thải chăn nuôi.

Ba là, về giải pháp thực hiện tiêu chí Môi trường và an toàn thực phẩm trong bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới: Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả tiêu chí số 17 về Môi trường và an toàn thực phẩm trong bộ tiêu chí quốc gia xã nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 với 12 chỉ tiêu, trong thời gian tới, cần duy trì thường xuyên hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác. Đẩy mạnh công tác phân loại và xử lý rác thải hữu cơ tại nguồn, đảm bảo chỉ tiêu thực hiện phân loại

chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn. Thực hiện đồng bộ các biện pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm môi trường tại các làng nghề, các khu chăn nuôi. Tổ chức quản lý, vận hành, khai thác hiệu quả các công trình bảo vệ môi trường nông thôn; các khu xử lý rác thải sinh hoạt tập trung ở các xã; kết hợp chặt chẽ giữa việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường với việc phát động thường xuyên, liên tục phong trào toàn dân tham gia xây dựng nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn; nhân rộng các mô hình thôn xóm, cộng đồng dân cư làm tốt công tác bảo vệ môi trường đồng thời phát triển các mô hình thôn, xóm xanh - sạch - đẹp, thôn nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu nông thôn mới để phát triển du lịch nông thôn. Quản lý, khai thác có hiệu quả các công trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn. Tiếp tục triển khai thực hiện mô hình thí điểm của Trung ương “Chợ an toàn thực phẩm tại xã Thượng Lâm, huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang” theo lộ trình kế hoạch đã đề ra.

Hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về kỹ thuật, nguyên tắc sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn (VietGAP, hữu cơ...) trên các cây trồng; mở rộng các vùng sản xuất theo tiêu chuẩn (VietGAP, hữu cơ...), đáp ứng tiêu chuẩn, chất lượng, truy xuất nguồn gốc; tuyên truyền, phổ biến các cơ chế, chính sách của tỉnh hỗ trợ phát triển sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

Bôn là, tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện công tác bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh; đề xuất, phối hợp đề xuất xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo quy định./.

**Báo cáo kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai
Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm
và cấp nước sạch nông thôn**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh



Hà Tĩnh nằm ở khu vực Bắc Trung Bộ, với tổng diện tích đất tự nhiên là 5.990,67 km² (trong đó 52,5% diện tích của tỉnh được bao phủ bởi rừng). Dân số 1,288 triệu người, trong đó 80,45% dân số sống ở khu vực nông thôn; có 13 đơn vị hành chính cấp huyện và 216 đơn vị hành chính cấp xã, trong đó có 181 xã. Thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng NTM, tỉnh Hà Tĩnh luôn nhận được quan tâm hướng dẫn, hỗ trợ của Trung ương, sự chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự vào cuộc cả hệ thống chính trị các cấp, đặc biệt là phát huy cao vai trò chủ thể của người dân..., do đó xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh đã đạt được những thành tựu có ý nghĩa lớn, góp phần đáng kể vào sự phát triển kinh tế, xã hội chung của tỉnh; cảnh quan môi trường nông thôn có nhiều khởi sắc, chuyển biến tích cực. Lũy kế đến nay toàn tỉnh có 181/181 xã đạt chuẩn NTM (đạt 100%), 60 xã đạt chuẩn NTM nâng cao (đạt 33,1%), 15 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu (đạt 8,3%), 1.181/1.626 thôn đạt chuẩn Khu dân cư NTM kiểu mẫu (đạt 72,6%); 9/13 đơn vị cấp huyện đạt chuẩn/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM; huyện Kỳ Anh đang hoàn thiện hồ sơ trình đạt chuẩn NTM năm 2023, huyện Hương Khê, Thị xã Kỳ Anh, Thị xã Hồng Lĩnh phấn đấu đạt chuẩn/ hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM trong năm 2024.

Thực hiện Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Quyết định số 07/QĐ-BCĐCTTW-VPĐP ngày 17/10/2022 của Ban chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và nông thôn về triển khai chương trình chuyên đề. Hà Tĩnh xác định thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, cần tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện, với mục tiêu chung là: “Thực hiện hiệu quả nội dung vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, góp phần tạo ra môi trường sống ở nông thôn an toàn và bền vững; xây dựng cảnh quan nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn, giàu

bản sắc văn hóa truyền thống; góp phần bảo vệ sức khỏe, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân nông thôn, đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống”.

Quá trình triển khai tổ chức thực hiện, Hà Tĩnh đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:

1. Ban hành đồng bộ các văn bản để chỉ đạo, điều hành, phân công cụ thể trách nhiệm của các sở, ngành địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện, cụ thể: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch số 15/KH-UBND ngày 18/01/2023 để chỉ đạo và tổ chức thực hiện; Quyết định số 2770/QĐ-UBND ngày 26/10/2023 về phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh đến năm 2025 và những năm tiếp theo về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh; ban hành các quy định về quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh; các Bộ tiêu chí xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, huyện nông thôn mới, huyện nông thôn mới nâng cao và Bộ tiêu chí Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu (quy mô thôn, bản), trong đó tiêu chí Cảnh quan - môi trường được cụ thể hóa thành những chỉ tiêu, yêu cầu cụ thể rõ ràng trong Bộ tiêu chí, bắt buộc thực hiện mới được công nhận đạt chuẩn, như yêu cầu: Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn trên 60%; thu gom, xử lý hoặc sơ xử lý nước thải sinh hoạt trên 80%, thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt trên 90%, hàng rào xanh ở hai bên trục đường thôn, bản, ngõ xóm trên 70%, hộ gia đình đảm bảo yêu cầu: xanh - sạch - đẹp trên 80%,... để gắn với hộ dân và cộng đồng dân cư trong quá trình thực hiện.

2. Kịp thời ban hành các cơ chế chính sách để hỗ trợ thực hiện Chương trình: Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh ban hành Nghị quyết số 97/2022/NQ- HĐND ngày 16/12/2022 về một số chính sách hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường giai đoạn 2023-2025 (trong đó có các chính sách về hỗ trợ tổ chức hoạt động tuyên truyền về phân loại rác tại nguồn; mua chế phẩm sinh học; mua thùng chuyên dụng gom rác và chế phẩm sinh học khử mùi; mua xe cuốn ép rác phục vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt,..); Nghị quyết số 44/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 về một số cơ chế, chính sách hỗ trợ thực hiện các nội dung, tiêu chí xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2022 - 2025 (trong đó, có các chính sách như: hỗ trợ xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt; di dời công trình vệ sinh 1 ngăn, 2 ngăn không hợp vệ sinh; xây dựng công trình vệ sinh tự hoại; lắp đặt thiết bị xử lý nước sinh hoạt, thường thôn đạt chuẩn khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu 300 triệu đồng/khu, với nhiều nội dung liên quan đến thực hiện tiêu chí cảnh quan môi trường ở từng hộ dân và cộng đồng dân cư). Ngoài ra Hà Tĩnh đã phân bổ 50% tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách Trung ương để đầu tư xây dựng 20 công trình cấp nước sạch tập trung khu vực nông thôn, với tổng kinh phí 380.700 triệu đồng.

3. Một số kết quả cụ thể theo từng nội dung của Chương trình:

- Về công tác phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình: được tập trung triển khai thực hiện các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn, nhất là đối với chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) được chính quyền, đoàn thể các cấp triển khai tuyên truyền, phổ biến kiến thức về cách thức thực hiện phân loại, đồng thời hỗ trợ thiết bị lưu chứa (thùng, giỏ đựng), xử lý 3 (xây hố ủ, thùng ủ kết hợp chế phẩm vi sinh tạo phân hữu cơ) chất thải thực phẩm tại hộ gia đình. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 190.838 hộ thực hiện phân loại rác và 27 mô hình xử lý chất thải thực phẩm tập trung; theo đó, tổng số hộ thực hiện phân loại rác ở tại hộ và mô hình xử lý tập trung khoảng 191.878/306.501 hộ, đạt tỷ lệ khoảng 62,3%. Ước tính lượng chất thải thực phẩm sau phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình khoảng 231,5 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 28% so với tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh (829,8 tấn/ngày).

- Về công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH): Trên địa bàn tỉnh đã hình thành một mạng lưới HTX, tổ đội vệ sinh môi trường rộng khắp hoạt động thu gom CTRSH tại 13/13 huyện, thành phố, thị xã. Toàn tỉnh hiện có 213 đơn vị thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH (gồm: 05 Công ty môi trường và 01 Trung tâm dịch vụ hạ tầng, 164 HTX môi trường, 43 tổ đội vệ sinh môi trường) với 2.187 lao động, 1.869 xe đẩy tay, 125 xe tải các loại (chủ yếu là xe Julong), 45 xe chuyên dụng, 30 xe điện và một số phương tiện thu gom rác tự chế (xe máy kéo theo thùng rác); tần suất thu gom trung bình 3-4 lần/tuần; Các địa phương đã thực hiện việc hỗ trợ người dân các thiết bị lưu giữ rác tại hộ bằng các thùng/giỏ đựng rác sau phân loại; các hộ dân đã thực hiện việc phân loại rác tại nguồn thành 03 loại rác thải (chất thải thực phẩm, chất thải có khả năng tái chế, tái sử dụng và chất thải khác) và lưu chứa tại 3 thùng/giỏ. Hiện toàn tỉnh có 13 khu xử lý chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động với 03 loại hình công nghệ (03 nhà máy, 04 bãi chôn lấp và 06 lò đốt độc lập) thực hiện xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Năm 2023, lượng rác phát sinh khoảng 829,8 tấn/ngày; lượng rác được thu gom khoảng 778,9 tấn/ngày, đạt khoảng 93,9% lượng rác phát sinh, trong đó lượng rác được thu gom, xử lý đúng quy định khoảng 730,2 tấn/ngày (trong đó số được phân loại và tự xử lý tại hộ gia đình là 231,5 tấn, đạt 28%; số được xử lý tại các khu xử lý là 498,7 tấn) đạt tỷ lệ 88% so với lượng rác phát sinh.

- Về thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt: toàn tỉnh đã thực hiện 07 mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung tại 05/13 địa phương như: xã Kỳ Châu, (quy mô 150 hộ), xã Kỳ Xuân (quy mô 250 hộ) - huyện Kỳ Anh; xã Cẩm Nhung, huyện Cẩm Xuyên (02 mô hình tại thôn Liên Thành (quy mô 8 hộ) và thôn Tân Định (quy mô 80 hộ)); thôn Đông Hạ, xã Cẩm Vĩnh, huyện Cẩm Xuyên (quy mô 50 hộ); thôn Kim Sơn, xã Lưu Vĩnh Sơn, huyện Thạch Hà (quy mô 50 hộ); xã Tùng Lộc, huyện Can Lộc (quy mô 150 hộ); xã Thanh Bình Thịnh (huyện Đức Thọ) quy mô 150 hộ. Đối với quy mô hộ gia đình, 13/13 huyện, thị xã, thành phố

đã triển khai với 2 hình thức bể composite và bể lắng lọc bê tông 3 ngăn/3 bi. Toàn tỉnh có khoảng 33.900 hộ/306.501 hộ dân cư nông thôn có công trình thu gom, xử lý nước thải (bao gồm số hộ thuộc mô hình tập trung) đạt 11,06%. Hiện nay UBND tỉnh Hà Tĩnh đang đề xuất Bộ Tài nguyên và Môi trường hỗ trợ kinh phí xây dựng 07 mô hình xử lý nước thải tập trung tại 6 huyện (Đức Thọ, Can Lộc, Lộc Hà, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh và Nghi Xuân).

- Về thu gom và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật: Hiện các địa phương trên địa bàn tỉnh đã ban hành kế hoạch chỉ đạo, triển khai việc thu gom, xử lý bao gói vỏ bao bì thuốc BVTV sau sử dụng. Theo thống kê của các địa phương toàn tỉnh xây dựng được khoảng 4.661 bể chứa; trung bình mỗi năm lượng chất thải vỏ bao bì thuốc BVTV phát sinh khoảng 125 tấn, khoảng 95% lượng bao bì thuốc BVTV sau sử dụng được thu gom, xử lý đúng quy định.

- Về cấp nước sạch nông thôn: toàn tỉnh Hà Tĩnh có 25 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung với công suất thiết kế 25.480 m³/ngày đêm, công suất khai thác thực tế 19.669 m³/ngày đêm (đạt 77,19%) và 14 hệ thống đầu nối với công trình cấp nước sạch đô thị đang được quản lý và khai thác sử dụng. Tỷ lệ người dân nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh là 1.086.000/1.086.000 người, đạt 100,0%; số người dân sử dụng nước đạt quy chuẩn quốc gia là 705.900/1.086.000 người, đạt 65% (trong đó tỷ lệ sử dụng nước máy từ các công trình cấp nước tập trung đạt 26,25%). Hiện nay trên địa bàn tỉnh hiện đang triển khai đầu tư xây dựng 20 công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung⁶⁵ từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, dự kiến đạt được khi các công trình hoàn thành, đưa vào sử dụng tỷ lệ người dân nông thôn được sử dụng nước từ công trình cấp nước tập trung mới đạt khoảng gần 50%.

Nhìn chung công tác môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn được quan tâm, chỉ đạo thực hiện, nhất là việc phân loại rác tại hộ gia đình, xây dựng các điểm thu gom rác thải, mô hình xử lý nước thải sinh hoạt và đầu tư xây dựng công trình nước sạch tập trung. Nhiều địa phương ở Hà Tĩnh đã xây dựng một số mô hình nổi bật về bảo vệ môi trường, như: Các xã Cẩm Trung, Cẩm

⁶⁵ Có 17 công trình được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết 94/NQ-HĐND ngày 11/11/2022 gồm: Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Xai, huyện Thạch Hà (Giai đoạn 2); Dự án đầu tư xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt vùng Trà Sơn huyện Can Lộc (giai đoạn 2); Mở rộng mạng lưới cấp nước nhà máy nước Nghi Xuân cấp cho xã Xuân Phổ, huyện Nghi Xuân; Mở rộng mạng lưới cấp nước nhà máy nước Nghi Xuân cấp cho xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân; Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Sung, huyện Kỳ Anh (GĐ 1); Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Kỳ Lạc, huyện Kỳ Anh; Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Đá Hàn, huyện Hương Khê (Giai đoạn 1); Dự án đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Khe Cò, huyện Hương Sơn (GĐ1); Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Ngàn Trươi, huyện Vũ Quang (GĐ1); Dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt Đức Đồng và vùng phụ cận, huyện Đức Thọ; Dự án hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Hương Lâm, huyện Hương Khê; Dự án sửa chữa hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Hương Liên, huyện Hương Khê; Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Thiên Lộc cấp cho xã Vương Lộc, huyện Can Lộc (GĐ2); Dự án Đầu tư xây dựng mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt Bắc Cẩm Xuyên cấp cho xã Cẩm Quang (GĐ2); Dự án Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt Bắc Cẩm Xuyên cấp cho xã Cẩm Mỹ, huyện Cẩm Xuyên (GĐ3); Dự án Thay thế nguồn cấp nước cho hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Thạch Sơn, huyện Thạch Hà; và 03 công trình được HĐND tỉnh phân bổ tại Nghị quyết số 113/NQ-HĐND ngày 06/6/2023 gồm: Dự án Nâng cấp mở rộng công trình cấp nước Thiên Lộc cấp cho xã Vương Lộc (Giai đoạn 3); Dự án Sửa chữa, nâng cấp hệ thống mạng lưới công trình cấp nước Bắc Cẩm Xuyên cấp cho xã Cẩm Vĩnh; Dự án Sửa chữa, nâng cấp mở rộng công trình cấp nước xã Thạch Bằng (cấp nước cho xã Bình An và Tân Lộc) từ nguồn vốn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

Vịnh - huyện Cẩm Xuyên thực hiện phân loại rác tại hộ gia đình và thu gom, giám sát, việc xử lý chất thải thực phẩm tập trung kết hợp với sử dụng chế phẩm sinh học tạo ra phân hữu cơ; các xã: Xuân Phổ - huyện Nghi Xuân, Cẩm Vịnh, Cẩm Thành - huyện Cẩm Xuyên duy trì cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, đã hình thành các tiểu công viên tại các khu vực công cộng, chỉnh trang vườn hộ, chăm sóc, cắt tỉa hệ thống hàng rào xanh, vệ sinh môi trường sạch sẽ,... Ngoài ra, các tổ chức chính trị xã hội đã hình thành một số mô hình bảo vệ môi trường, tiêu biểu như “Cụm dân cư sáng, xanh, sạch, đẹp do phụ nữ tự quản”, “Tổ nhà sạch, vườn đẹp”, “Chi hội, CLB gia đình 5 không 3 sạch”, “Tổ ươm mầm xanh, biến rác thành tiền”; mô hình “Ngôi nhà xanh” thu gom phế liệu, thành lập các CLB giảm rác thải nhựa... của Hội Phụ nữ; mô hình “Thu gom, phân loại, xử lý rác thải kết hợp ủ phân vi sinh tại hộ gia đình, cụm dân cư” của Hội nông dân; mô hình “Câu lạc bộ, HTX bảo vệ môi trường” của Hội Cựu chiến binh; phong trào “Nói không với sản phẩm nhựa một lần”, Cuộc thi Thách thức để thay đổi “Challenge For Change”, “Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Ngày chủ nhật xanh” của Tỉnh đoàn ...thu hút được nhiều cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia chung tay BVMT, góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen của cộng đồng hướng đến lối sống xanh, thân thiện với môi trường.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, tiến độ, kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể của Chương trình còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu đề ra, nhất là về nước sạch tập trung, thu gom xử lý nước thải sinh hoạt, vấn đề về an toàn vệ sinh thực phẩm,... Để hoàn thành các mục tiêu của Chương trình đề ra trong năm 2025, thời gian tới Hà Tĩnh sẽ tiếp tục bám sát Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, các Kế hoạch và Hướng dẫn của Trung ương về thực hiện Chương trình để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, trong đó Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn mới tỉnh Hà Tĩnh tập trung thực hiện một số giải pháp trọng tâm sau:

Một là, tiếp tục tăng cường, đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền đổi mới tư duy, thống nhất nhận thức và hành động của cán bộ và người dân trong thực hiện Chương trình, trọng tâm là làm chuyển biến mạnh nhận thức ý thức cho người dân trong việc ăn ở sạch sẽ, gọn gàng, ngăn nếp và không thể chấp nhận việc sống bẩn, ở bẩn.

Hai là, xác định công tác bảo vệ môi trường là hoạt động công ích, vì cộng đồng, vì vậy cần phải rà soát, ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ phù hợp, nhất là chính sách hỗ trợ cho các Tổ Hợp tác, Hợp tác xã môi trường; hỗ trợ chế phẩm sinh học xử lý rác thải hữu cơ, xử lý nước thải, di dời công trình phụ trợ, xây dựng công trình vệ sinh tự hoại,...

Ba là, tiếp tục tập trung ưu tiên nguồn lực đầu tư xây dựng hệ thống mạng lưới cấp nước sạch tập trung đảm bảo phù hợp với quy hoạch, thích ứng với biến

đôi khí hậu, suy thoái nguồn nước. Tập trung đẩy nhanh tiến độ thực hiện hoàn thành các dự án, công trình nước sạch đã được phân bổ vốn để đưa vào vận hành, khai thác, sử dụng đảm bảo cấp nước sinh hoạt nông thôn bền vững,...

Bốn là, tập trung xây dựng các mô hình, mẫu hình thuyết phục và phù hợp với các địa phương, thực hiện có hiệu quả các mô hình điểm của Trung ương hỗ trợ thực hiện trên địa bàn, tổ chức tham quan học tập để lan tỏa nhanh, nhân rộng.

Năm là, phải lồng ghép, gắn chặt chẽ các mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của Chương trình vào thực hiện xây dựng nông thôn mới ở hộ gia đình, ở thôn để chỉ đạo và tổ chức thực hiện và thực hiện thường cho thôn (bản) theo kết quả đầu ra (thôn đạt chuẩn Khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu) để tạo được phòng trào thi đua giữa các cộng đồng thôn xóm, góp phần rất quan trọng từng bước hoàn thành các mục tiêu cụ thể của Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường.

Sáu là, phân công, giao trách nhiệm rõ, cụ thể cho các sở, ngành, tổ chức đoàn thể, địa phương trong tổ chức thực hiện, thường xuyên tham mưu UBND tỉnh, Ban chỉ đạo nông thôn mới tỉnh đôn đốc, kiểm tra quá trình thực hiện Chương trình.

Thời gian tới, để đạt được mục tiêu tại Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Điều phối xây dựng nông thôn tỉnh Hà Tĩnh đề nghị Trung ương:

(1) Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện, bố trí kinh phí và tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn chương trình xây dựng nông thôn mới, chương trình BVMT, giai đoạn 2022 - 2025, trong đó có nội dung nâng cao nhận thức của người dân và cộng đồng trong việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, phân loại chất thải tại nguồn; đầu tư xây dựng mô hình phân loại chất thải tại nguồn, hệ thống xử lý chất thải tập trung.

(2). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường: Xem xét, hỗ trợ, hướng dẫn tỉnh Hà Tĩnh triển khai thực hiện mô hình xử lý nước thải sinh hoạt cụm dân cư theo Thông báo số 47/TB-BTNMT ngày 04/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường góp phần thực hiện, đạt mục tiêu Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn theo Quyết định số 925/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; ban hành định mức kinh tế kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt và hướng dẫn phân loại chất thải rắn sinh hoạt theo quy định của Luật bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản pháp luật có liên quan để địa phương có căn cứ thực hiện./.

**Báo cáo kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai
Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm
và cấp nước sạch nông thôn**

Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh Thừa Thiên Huế



Thừa Thiên Huế là tỉnh ven biển nằm ở cực Nam của vùng Bắc Trung Bộ có tổng diện tích tự nhiên 4947,11 km². Có 09 đơn vị hành chính cấp huyện (01 thành phố, 02 thị xã và 06 huyện) với 141 đơn vị hành chính cấp xã (95 xã, 39 phường, 07 thị trấn).

Cơ cấu kinh tế: Ngành nông, lâm, ngư nghiệp chiếm 10,6%, ngành công nghiệp, xây dựng chiếm 34,6%, ngành dịch vụ chiếm 46,4%;

Dân số toàn tỉnh tính ước khoảng 1.160.200 người, chủ yếu dân tộc Kinh cùng với nhiều dân tộc anh em cùng sinh sống, gồm các dân tộc Tà Ôi, Cơ Tu, Bru-Vân Kiều, Hoa, Mường, Thái và Thổ, trong đó tập trung chủ yếu ở 02 huyện A Lưới và Nam Đông.

Giai đoạn 2021-2025, tỉnh Thừa Thiên Huế triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn của 94 xã⁶⁶ trên địa bàn 09 đơn vị cấp huyện: gồm 01 thành phố Huế, 02 thị xã Hương Trà và Hương Thủy; 06 huyện: Phong Điền, Quảng Điền, Phú Vang, Phú Lộc, Nam Đông và A Lưới.

Triển khai Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Kế hoạch số 94/KH-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2023 triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. Để tăng cường công tác bảo vệ môi trường, duy trì, cải thiện chất lượng môi trường nông thôn trên địa bàn tỉnh đồng thời đáp ứng các tiêu chí môi trường trong xây dựng nông thôn mới, ngày 24/1/2024, UBND tỉnh ban hành Công văn số 895/UBND-CT yêu cầu Sở Tài nguyên và Môi trường Tăng cường triển khai các hoạt động quản lý và kiểm soát chất thải từ khu vực nông thôn, bao gồm việc quản lý chất thải rắn sinh hoạt; chai lọ và bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; kiểm soát chất thải từ các làng nghề; hỗ trợ, hướng dẫn các địa phương trên địa bàn tỉnh triển khai các hoạt động bảo vệ môi trường, sớm đạt yêu cầu của các tiêu chí về môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

⁶⁶ Xã Lộc Sơn quy hoạch đô thị La Sơn (Quyết định số 2705/QĐ-UBND ngày 12/12/2013) nên không triển khai xây dựng nông thôn mới.

Chủ trì, triển khai các chính sách, quy định pháp luật về bảo vệ môi trường nông thôn, tập trung khuyến khích, xây dựng quy chế quản lý, quy ước nhằm huy động sự tham gia của cộng đồng trong quản lý và bảo vệ môi trường nông thôn. Tiếp tục triển khai thực hiện các mô hình về quản lý, thu gom, xử lý chất thải theo Đề án tổng thể về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn về phân loại rác tại nguồn, bảo vệ môi trường nông thôn.

Bên cạnh đó, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, chủ trì triển khai, nhân rộng các mô hình điểm về thu gom rác để làm phân vi sinh phục vụ sản xuất nông nghiệp; tái sử dụng các phụ phẩm nông nghiệp... Theo dõi công tác triển khai xây dựng thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt tại các huyện có thực hiện xây dựng hạng mục xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo tiêu chí nông thôn mới. Đánh giá kết quả để tham mưu nhân rộng hiệu quả của mô hình.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế tổ chức, triển khai công tác phân loại rác tại nguồn, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn vận động người dân tham gia, đầu tư, hỗ trợ trang thiết bị bước đầu thực hiện việc phân loại rác tại nguồn nhằm mục đích giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng trước khi xử lý. Nghiên cứu kêu gọi đầu tư các cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt để hạn chế chôn lấp trực tiếp. Trước mắt, đối với các huyện Phong Điền, Quảng Điền cần rà soát, xây dựng phương án vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt về xử lý tại Nhà máy Điện rác Phú Sơn để đảm bảo tiêu chí tỷ lệ chôn lấp trực tiếp dưới 50%. Triển khai việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn với tần suất ít nhất 1 lần/năm. Chỉ đạo hạn chế việc đốt rơm, rạ sau thu hoạch gây ô nhiễm môi trường; thực hiện tốt công tác diệt trừ các sinh vật ngoại lai gây hại.

Tiếp tục thực hiện các nội dung của Đề án chủ nhật xanh, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường, huy động các tổ chức, cá nhân và nhân dân tham gia trồng cây, khơi thông cống rãnh, kênh mương, xử lý rác thải; hướng dẫn phân loại rác hữu cơ tại hộ gia đình; thu gom, xử lý rác thải tồn đọng tại các khu vực công cộng, trục lộ giao thông về các bãi rác tập trung để xử lý theo quy định. Rà soát, bố trí đầu tư, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom, thoát nước thải; các công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tập trung và tại chỗ phù hợp đáp ứng yêu cầu về quy mô, công suất, chất lượng của tiêu chí môi trường nông thôn mới. Đẩy mạnh xử lý, khắc phục ô nhiễm và cải thiện chất lượng môi trường tại những khu vực tập trung nhiều nguồn thải, ô nhiễm môi trường. Xây dựng, phê duyệt và triển khai thực hiện đề án cấp huyện về cải tạo chất lượng và cảnh quan môi trường nước mặt khu vực công cộng; tổ chức theo dõi diễn biến chất lượng nước ao, hồ công cộng nằm trong khu dân cư nông thôn; cải tạo cảnh quan và khôi phục chất lượng môi trường nước khi bị ô nhiễm.

Qua 01 năm triển khai Chương trình trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đã đạt được một số kết quả như sau:

1. Về công tác tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực

Công tác tuyên truyền về các chương trình chuyên đề được tỉnh Thừa Thiên Huế quan tâm triển khai thực hiện: Thường xuyên tuyên truyền trên các cơ quan báo chí Trung ương, tỉnh về vai trò, ý nghĩa của các chương trình chuyên đề: Báo Thừa Thiên Huế, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh... đã thường xuyên xây dựng các tin, bài viết, chuyên mục, phóng sự về chương trình OCOP, những gương điển hình tiên tiến trong thực hiện xây dựng và phát triển sản phẩm, ANTT...

Năm 2023, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì, phối hợp với các tổ chức, địa phương tổ chức 34 lớp tuyên truyền, tập huấn với hơn 1700 người tham dự, về các nội dung như Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, hướng dẫn phân loại rác thải tại nguồn.... Chi cục vệ sinh an toàn thực phẩm, Trung tâm Quản lý chất lượng nông lâm thủy sản cũng đã tổ chức 30 hội nghị, tập huấn phổ biến văn bản quy định pháp luật về ATTP cho người dân và đối tượng cán bộ, công chức cấp huyện, xã với số lượng tham dự hơn 1.000 người; in ấn và phân phát gần 6.800 tờ rơi và 40 băng rôn tuyên truyền. Đã thực hiện 01 phóng sự truyền hình về mô hình chăn nuôi bò theo hướng hữu cơ và 01 roadshow truyền thông nâng cao nhận thức về ATTP.

- Việc công khai kết quả đánh giá xếp loại các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản luôn được công khai và cập nhật thường xuyên trên trang web của Sở tại địa chỉ <https://snnptnt.thuathienhue.gov.vn/>. Đối với tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về ATTP cũng được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan đơn vị và trên trang web của ngành.

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua thực hiện có hiệu quả Đề án Ngày Chủ nhật Xanh “Hãy hành động để Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng”, UBND các cấp đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cùng cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” với phương châm hành động “Mỗi cá nhân, hộ gia đình một việc làm; mỗi tổ dân phố, thôn, bản, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp một công trình, phần việc để xây dựng Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng”. Các địa phương trên toàn tỉnh đã triển khai các mô hình, phong trào: Phong trào “Nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần”; Mô hình “Huế - Thành phố 4 mùa hoa”; Mô hình điểm “Dòng Hương trong xanh”; Mô hình “Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”; Chiến dịch “Hãy làm sạch biển”; phong trào Mai vàng trước ngõ....

2. Tình hình triển khai và một số kết quả đạt được:

2.1. Về chất thải rắn sinh hoạt:

- Khối lượng rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phát sinh khoảng 624 tấn/ngày; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn, quy chuẩn, chôn lấp hợp vệ sinh trên toàn tỉnh năm 2022 đạt 94,3%, Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt nông thôn đạt 86%, tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn đô thị đạt 100%. Khối lượng rác sinh hoạt trên địa bàn tỉnh phát sinh năm 2023 khoảng 675.68 tấn/ngày, khối lượng được thu gom, vận chuyển 653,9 tấn/ngày

- Về hiện trạng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Các địa phương trên địa bàn tỉnh đều có đơn vị cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển. Công tác lựa chọn đơn vị được thông qua hình thức giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu theo quy định. Về cơ bản, đảm bảo phục vụ cho nhu cầu thu gom, vận chuyển trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Về hiện trạng xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh: Dự án “Nhà máy xử lý rác thải sinh hoạt Phú Sơn, thị xã Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên Huế (Nhà máy điện rác Phú Sơn, tỉnh Thừa Thiên Huế)” thuộc Công ty TNHH Năng lượng Môi trường EB (Thừa Thiên Huế) là Dự án cơ sở xử lý chất thải rắn có quy mô 600 tấn/ngày theo công nghệ đốt rác phát điện hiện đại, hiện tại đang tiếp nhận toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt của 06/9 địa phương của tỉnh Thừa Thiên Huế: thành phố Huế, thị xã Hương Thủy, thị xã Hương Trà, huyện Phú Vang, huyện Phú Lộc, huyện Nam Đông để xử lý theo công nghệ đốt phát điện, về cơ bản chất thải rắn sinh hoạt tại các địa phương này sẽ được xử lý, không tiến hành chôn lấp chất thải rắn như trước đây. Các bãi chôn lấp sẽ được đóng cửa phần đã chôn lấp, còn phần dung tích còn lại sẽ sử dụng làm phương án dự phòng cho công tác xử lý rác khi Nhà máy điện rác gặp sự cố. Đối với huyện A Lưới do cách xa nhà máy điện rác Phú Sơn, trước mắt vẫn xử lý theo phương án chôn lấp, UBND huyện A Lưới đang đầu tư khu xử lý chất thải rắn tập trung mới, trong đó sẽ đầu tư bãi chôn lấp hợp vệ sinh đồng thời kêu gọi đơn vị xử lý có công nghệ và công suất phù hợp để hạn chế chôn lấp. Đối với 2 huyện phía Bắc gồm Phong Điền và Quảng Điền, định hướng sẽ kêu gọi đầu tư nhà máy xử lý công suất khoảng 60 tấn/ngày đáp ứng nhu cầu xử lý của 02 địa phương trong thời gian tới. Bên cạnh đó, Sở Tài nguyên và Môi trường đang xây dựng phương án vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại 02 địa phương này về xử lý tại Nhà máy Điện rác Phú Sơn, đáp ứng chỉ tiêu về tỷ lệ chôn lấp trực tiếp chất thải rắn sinh hoạt dưới 50%.

2.2. Nước thải sinh hoạt

Hiện nay chỉ có thành phố Huế có Nhà máy xử lý nước thải khu vực phía Nam công suất 30.000 m³/ngày và huyện Phú Lộc có Nhà máy xử lý nước thải Lăng Cô công suất 4.750 m³/ngày đêm là đáp ứng tiêu chí.

Huyện Phong Điền đang triển khai thủ tục để xây dựng công trình xử lý nước thải tập trung theo Quyết định số 4615/QĐ-BNN-VPĐP ngày 10/10/2023 về việc

Phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Đợt 2).

Đối với các huyện còn lại chưa đảm bảo tiêu chí, UBND tỉnh đã có văn bản chỉ đạo các địa phương bố trí kinh phí, đầu tư thực hiện đảm bảo tiêu chí.

2.3 Xây dựng và tổ chức hướng dẫn thực hiện các Đề án/Kế hoạch tổ chức phân loại, thu gom, vận chuyển chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo theo quy định; phát triển, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải tại nguồn phát sinh.

Ngày 01/3/2023, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Quyết định số 435/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án tổng thể thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh đến năm 2030, căn cứ trên đề án đã được phê duyệt các địa phương tổ chức triển khai công tác quản lý rác thải, phân loại rác tại nguồn, xây dựng các mô hình ủ phân hữu cơ, tái sử dụng, tái chế rác thải.

Phân loại rác tại nguồn tại Thành phố Huế: được sự hỗ trợ của Dự án “Huế - Đô thị giảm nhựa miền Trung Việt Nam” và Dự án Thành phố sạch, đại dương xanh, từ năm 2022 thành phố Huế đã triển khai thí điểm việc phân loại rác tại nguồn, đến nay tại thành phố đã triển khai cho 33/33 phường, xã thực hiện.

Đối với các địa phương còn lại: UBND các huyện, thị xã đã tích cực trong công tác tuyên truyền, truyền thông về phân loại rác tại nguồn.

Hiện nay, tỉnh Thừa Thiên Huế thông qua thực hiện có hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, “Hãy hành động để Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng”, đã xây dựng mô hình Ngôi nhà Xanh nhằm thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng. Đây là một hình thức phân loại chất thải rắn tại nguồn cần được nhân rộng, vừa thúc đẩy phân loại, vừa là hoạt động xã hội tạo nguồn kinh phí giúp đỡ, hỗ trợ các trường hợp khó khăn, đồng đảo các hộ gia đình ủng hộ.

2.4 Chất thải và phụ phẩm nông nghiệp

Đối với tỉnh Thừa Thiên Huế, cây lúa là loại cây trồng chủ lực nên phụ phẩm nông nghiệp chủ yếu là rơm rạ, phế phẩm thân, lá cây lạc, ngô, sắn, chuối, vỏ keo,... khối lượng phát sinh trên toàn tỉnh khoảng 360.700 tấn/năm được thu gom tái sử dụng, tái chế làm thức ăn gia súc, độn chuồng, giá thể trồng nấm và phủ gốc cây, hoa màu với tỉ lệ khoảng 68%.

Trung tâm Khuyến nông tỉnh triển khai “Mô hình thu gom rơm bằng máy cuốn rơm phục vụ sản xuất nông nghiệp và bảo vệ môi trường” thực sự mang lại hiệu quả lớn về kinh tế, xã hội và môi trường, góp phần hạn chế đốt đồng, phù hợp với chủ trương của UBND tỉnh, Trung tâm Khuyến nông đã đề xuất bổ sung nội dung hỗ trợ máy cuốn rơm và đã đưa vào Nghị quyết 20/2020/NQ-HĐND và Nghị quyết 30/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp thực hiện cơ cấu

lại ngành nông nghiệp tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2021-2025, việc đầu tư mua sắm máy cuốn rơm và kinh doanh rơm cuộn phát triển mạnh, toàn tỉnh hiện nay có 53 máy cuốn rơm⁶⁷ đã cơ bản thu gom rơm rạ.

2.4. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

Công tác thu gom, xử lý chất thải từ bao bì, chai lọ hóa chất bảo vệ thực vật ở các vùng nông thôn thực hiện khá tốt. Hầu như tất cả các vùng nông thôn đã có đầu tư các bể, thùng thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên đồng ruộng.

Số lượng bể chứa đã đầu tư tại các vùng nông thôn trên toàn tỉnh khoảng 2.391 bể/thùng chứa, trong đó: Thành phố Huế: 116 bể chứa; huyện Phong Điền: 227 thùng, 297 bể; huyện Quảng Điền: 949 thùng; thị xã Hương Trà: 32 bể; huyện Phú Vang: 350 thùng; thị xã Hương Thủy: 120 bể chứa; huyện Phú Lộc: 200 bể chứa; huyện Nam Đông: 35 thùng và huyện A Lưới 65 bể.

Công tác thu gom, phân loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng chưa có sự đồng đều ở các vùng nông thôn trên địa bàn tỉnh. Các địa phương như thành phố Huế, huyện Phong Điền, huyện Quảng Điền, thị xã Hương Thủy, huyện Nam Đông đã bố trí thùng thu gom trên toàn bộ khu vực; huyện Phú Lộc mới chỉ thu gom được 05/15 xã, A Lưới thu gom được 13/17 xã và thị xã Hương Trà 01/04 xã. Về tần suất thu gom, hầu hết các địa phương hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý tần suất 02 lần/năm (sau mỗi vụ mùa), riêng A Lưới thuộc khu vực miền núi, công tác vận chuyển khó khăn nên tần suất thu gom 01 lần/năm.

2.5. Bảo vệ môi trường làng nghề

Ở tỉnh Thừa Thiên Huế, các làng nghề tập trung vào 02 nhóm sau: Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản thực phẩm và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản xuất đồ gỗ, mây tre đan, gốm sứ. Chất thải từ các làng nghề đặc trưng theo hoạt động sản xuất của mỗi loại hình làng nghề và tác động đến môi trường nước, không khí và đất trong khu vực ở những mức độ khác nhau.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 10 làng nghề và 20 làng nghề truyền thống được công nhận, chủ yếu là các làng nghề tiểu thủ công nghiệp ít phát sinh nước thải như đan lát, điêu khắc, gốm, dệt, chế biến dầu tràm, tranh dân gian, chế biến nước mắm, trồng nấm rơm...nguy cơ ô nhiễm môi trường thấp.

Tỉnh Thừa Thiên Huế có 05 làng nghề nằm trong danh sách 47 làng nghề ô nhiễm môi trường đặc biệt nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg ngày 22/4/2003 về việc phê duyệt Kế hoạch xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hiện nay 02 làng nghề ở Thừa Thiên Huế đã xây dựng hệ thống xử lý nước thải là Làng nghề bún Ô Sa huyện Quảng Điền và làng nghề bún Vân Cù, thị xã Hương Trà. Làng nghề sản xuất vôi hào Lăng Cô, huyện Phú

⁶⁷ Có 36 máy tự hành (chuyên dùng cuốn rơm) và 17 máy vận hành bằng máy kéo

Lộc; cụm sản xuất gạch ngói xã Hương Toàn và xã Hương Vinh, thị xã Hương Trà đã chấm dứt hoạt động, làng nghề đúc đồng Phường Đúc vẫn còn hoạt động nhưng không nhiều. Hiện nay, việc sản xuất tại làng nghề này không còn tập trung như trước đồng thời các cơ sở sản xuất không còn sử dụng các thành phần phụ gia độc hại như chì. Việc sản xuất theo đơn đặt hàng số lượng lớn đã được các cơ sở thực hiện ngay tại vị trí đặt hàng không thực hiện trong khuôn viên cơ sở điều này đã giảm thiểu rất nhiều sự tác động của sản xuất đúc đồng đến môi trường sống.

Ngoài ra, để triển khai công tác xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đã ban hành Kế hoạch số 255/KHUBND ngày 13/7/2022 về việc xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh.

Để ngăn chặn tình trạng phát sinh mới cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trên địa bàn, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên kiểm tra, rà soát các khu, điểm, cơ sở gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để đôn đốc việc đầu tư xây dựng công trình xử lý môi trường tại các cơ sở sản xuất kinh doanh. Những năm qua, hoạt động thanh tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường luôn được Sở xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của quản lý nhà nước. Công tác thanh tra, kiểm tra hàng năm được quan tâm và triển khai một cách sâu rộng, toàn diện và đạt kết quả tốt. Hoạt động kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường và xử lý vi phạm của các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất - kinh doanh đã được triển khai một cách thường xuyên, liên tục. Qua đó, đã phát hiện, hướng dẫn cơ sở sản xuất - kinh doanh thực hiện các quy định trong bảo vệ môi trường và xử lý nghiêm các đối tượng vi phạm. Thông qua các đợt thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm hành chính trong hoạt động bảo vệ môi trường đã tạo những bước chuyển trong nhận thức trong bảo vệ môi trường của doanh nghiệp, các cấp chính quyền. Hoạt động thanh tra, kiểm tra đã nâng cao nhận thức của cộng đồng doanh nghiệp và người dân trong vấn đề BVMT gắn với các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

2.6. Môi trường nước

Chất lượng nguồn nước mặt ở thượng nguồn lưu vực sông Hương, các hệ thống sông khác và các chi lưu sông Hương so với giai đoạn trước đã có sự cải thiện tại một số khu vực do việc thực hiện các dự án đầu tư cải thiện môi trường, tăng cường quản lý và việc thực hiện các đề án bảo vệ môi trường, đầu tư nâng cấp, cải thiện cảnh quan môi trường một số sông hồ. UBND tỉnh Thừa Thiên Huế luôn quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, UBND tỉnh chủ trương đối với các dự án đầu tư mới phải xây dựng hệ thống xử lý nước thải đạt cột A quy chuẩn kỹ thuật trước khi thải ra môi trường. Đối với các cơ sở đang hoạt động, xây dựng kế

hoạch để cải tạo chất lượng nước thải sau xử lý nhằm đảm bảo cột A.

UBND tỉnh đang chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Trên cơ sở đó, UBND các địa phương cấp huyện sẽ tiến hành xây dựng kế hoạch quản lý chất lượng nước mặt của địa phương nhằm đáp ứng tiêu chí.

2.7 Cấp nước sạch nông thôn

Trong những năm qua, công tác cấp nước sạch cho sinh hoạt ở đô thị và nông thôn được UBND tỉnh giao Công ty Cổ phần Cấp nước Thừa Thiên Huế (gọi tắt HueWACO) đảm nhiệm; Hệ thống cấp nước từ các Nhà máy nước sạch ở đô thị được mở rộng, liên kết, đầu nối hòa mạng với các nhà máy nước sạch ở khu vực nông thôn, tạo nên mạng lưới cung cấp nước sạch chung cho toàn tỉnh để phục vụ sinh hoạt cho Nhân dân (*đã bao phủ các xã đồng bằng, ven biển, vùng trung du và miền núi,..*); phần đầu trong giai đoạn 2024-2025 sẽ phủ kín mạng lưới các tuyến ống cấp nước sạch đáp ứng theo quy chuẩn kỹ thuật của Bộ Y tế và quy chuẩn kỹ thuật Địa phương để cung cấp nước sạch trên địa bàn các xã vùng nông thôn còn lại của tỉnh.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh hiện có là 66 công trình cấp nước tập trung; Trong đó, HueWACO đã quản lý, vận hành hơn 30 Nhà máy cấp nước sạch, với tổng công suất hoạt động khoảng 305.000m³/ng.đêm (*đã bao gồm NMN Vạn Niên GĐI là 60.000 m³/ngđ*), chiếm 99,3% trên tổng số công suất của 66 công trình cấp nước sạch và đóng vai trò chủ đạo trong việc cung cấp nước sạch cho Nhân dân trên địa bàn toàn Tỉnh; Các loại hình quản lý cấp nước sinh hoạt khác có 36 công trình cấp nước tập trung nông thôn (CNSTTNT), có quy mô nhỏ, với công suất hoạt động khoảng 1.609 m³/ng.đêm, chiếm 0,7% do các địa phương, cộng đồng (*UBND các xã, HTX, Thôn, bản*) quản lý, vận hành.

Từ năm 2003 đến nay, HueWACO đã triển khai đầu tư xây dựng và thi công các công trình cấp nước sạch từ những Chương trình, dự án nối mạng nguồn nước sạch ở đô thị về nông thôn có trên 5.400 km đường ống các loại đã cấp nước ổn định cho 91 xã vùng nông thôn đạt chất lượng nước sạch theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia của Bộ Y tế (QCVN 01-1: 2018/BYT) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (QCĐP 01:2022/TT-H).

Tính đến cuối năm 2023, Tỷ lệ hộ gia đình toàn Tỉnh sử dụng nước sạch đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia của Bộ Y tế (*QCVN 01-1: 2018/BYT*) và Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (*QCĐP 01:2022/TT-H*) đạt tỷ lệ 97,0%. Trong đó, ở khu vực thành thị đạt 98,8% và vùng nông thôn đạt 95,0% (*hiện đang tổng hợp để trình UBND tỉnh công bố*).

2.8 Giữ gìn và khôi phục cảnh quan truyền thống của nông thôn Việt Nam, tập trung phát triển các mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; khu dân cư kiểu mẫu;

Thực hiện Đề án Ngày Chủ nhật Xanh “Hãy hành động để Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng”, UBND các cấp đã chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cùng cấp xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện có hiệu quả phong trào “Ngày Chủ nhật xanh” với phương châm hành động “Mỗi cá nhân, hộ gia đình một việc làm; mỗi tổ dân phố, thôn, bản, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp một công trình, phần việc để xây dựng Thừa Thiên Huế thêm Xanh - Sạch - Sáng”.

Các địa phương trên toàn tỉnh đã triển khai các mô hình, phong trào: Phong trào “Nói không với túi ni lông và sản phẩm nhựa sử dụng một lần”; Mô hình “Huế - Thành phố 4 mùa hoa”; Mô hình điểm “Dòng Hương trong xanh”; Mô hình “Tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp - an toàn”; Chiến dịch “Hãy làm sạch biển”; phong trào Mai vàng trước ngõ,....

Qua quá trình thực hiện, các phong trào, mô hình đã phát huy tính tích cực trong việc khôi phục cảnh quan truyền thống, môi trường trong lành, sạch đẹp.

2.9. Công tác Vệ sinh an toàn thực phẩm

Nâng cao hiệu quả hoạt động thanh tra, kiểm tra thường xuyên, đột xuất các cơ sở sản xuất; kiểm tra việc sử dụng chất cấm, chất độc hại trong sản xuất, chế biến; phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm. Tổ chức 334 đoàn kiểm tra, trong đó 10 đoàn kiểm tra tuyến tỉnh (03 đoàn liên ngành và 07 đoàn chuyên ngành); 27 đoàn kiểm tra tuyến huyện liên ngành; 423 đoàn kiểm tra tuyến xã. Tổng cộng trên địa bàn toàn tỉnh đã kiểm tra 4.254 cơ sở, số cơ sở đạt yêu cầu 3.784 (đạt tỷ lệ 89,0%).

3. Một số khó khăn, tồn tại và đề xuất, kiến nghị

3.1. Khó khăn, tồn tại

- Công tác phân loại rác tại nguồn đã được các địa phương tích cực thực hiện như ban hành kế hoạch thực hiện, tổ chức tập huấn, tuyên truyền... Tuy nhiên, những khó khăn trong hỗ trợ trang thiết bị, sự phối hợp giữa các địa phương và cơ quan chuyên trách trong thu gom và xử lý rác thải chưa thật sự nhịp nhàng, lúng túng trong công tác phân loại rác tại nguồn. Các địa phương chưa bố trí điểm tập kết và xử lý rác thải sau phân loại; cơ sở vật chất, nguồn kinh phí để đầu tư vào việc mua trang thiết bị phục vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải còn nhiều bất cập. Việc sử dụng túi nilong vẫn còn là thói quen thường xuyên của các tầng lớp nhân dân và chưa nhận thức sâu sắc về ý thức, trách nhiệm đối với việc phân loại rác thải tại nguồn; bên cạnh đó, sản phẩm thay thế túi ni lông với giá thành cao nên gặp nhiều khó khăn trong việc triển khai thực hiện...

- Các khu vực miền núi, vùng sâu vùng xa, hệ thống thu gom chưa phủ đến các địa bàn, đồng thời với dân cư thưa thớt, giao thông khó khăn nên công tác thu gom, vận chuyển xử lý rác thải sinh hoạt khó đảm bảo, tỷ lệ thu gom, xử lý thấp.

- Công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đã được các địa phương quan tâm bố trí kinh phí, cơ sở hạ tầng, tuy nhiên việc thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng chủ yếu phụ thuộc vào ý thức của người dân, chưa có sự giám sát, chế tài xử phạt nên vẫn xảy ra tình trạng chưa thu gom triệt để.

- Việc xây dựng các công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung quy mô cấp huyện là phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, tuy nhiên, các địa phương tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa thực sự quan tâm đến việc xử lý nước thải sinh hoạt nên khó khăn trong công tác triển khai thực hiện. Đồng thời, chưa có cơ chế để duy trì, quản lý hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt khi đi vào hoạt động cũng là nguyên nhân gây lúng túng trong quá trình triển khai.

- Hiện tại một số công trình cấp nước tự chảy tại các địa phương (*UBND các xã, HTX, Thôn, bản*) đang quản lý, vận hành, khai thác đã bị xuống cấp, không đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của Nhân dân; mặt khác vào mùa khô nguồn nước mặt ở các khe suối thường hay bị suy giảm, khô hạn.

3.2 Đề xuất, kiến nghị

- Ban hành cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với các tổ chức, cá nhân có hoạt động thu gom, tái chế túi ni lông và các cơ sở sản xuất túi giấy hoặc sản xuất sản phẩm thân thiện với môi trường thay thế túi ni lông. Phát triển và triển khai thực hiện các mô hình 3R (Reduce - Reuse - Recycle); Tiết giảm - Tái chế - Tái sử dụng - Thay thế; phong trào sáng kiến vật liệu thay thế vật liệu nhựa sử dụng 01 lần trong sinh hoạt hàng ngày.

- Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã ban hành hướng dẫn phân loại rác tại nguồn, tuy nhiên điều kiện tại mỗi địa phương có hình thức xử lý khác nhau nên việc phân loại rác tại nguồn nên quy định phù hợp với hình thức xử lý chất thải rắn sinh hoạt của địa phương.

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai mô hình xử lý chất thải rắn cho các vùng miền núi có dân cư thưa thớt, các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu vùng xa, nơi mà các dịch vụ công ích về thu gom rác thải chưa thể cung cấp đến các địa bàn.

- Giới thiệu, xây dựng, nhân rộng mô hình thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng có hiệu quả, đặc biệt các vùng ngập lụt.

- Có hướng dẫn cụ thể trong việc xác định tiêu chí chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế xử lý theo quy định.

- Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư thực hiện các hạng mục, công trình trên địa bàn còn lại góp phần nâng cao tỷ lệ người dân toàn tỉnh và đặc biệt là người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số được tiếp cận và sử dụng nguồn nước sạch đảm bảo theo quy chuẩn và an toàn./.

Báo cáo kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn

Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh An Giang



Bám sát các nhiệm vụ bảo vệ môi trường thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (ban hành tại Quyết định số 925/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ) và phù hợp với điều kiện thực tiễn tại tỉnh An Giang, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang đã ban hành Kế hoạch 393/KH-UBND ngày 24/5/2023 của về triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025. Trong năm 2023 vừa qua, tỉnh đã triển khai thực hiện các nhiệm vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới và Chương trình chuyên đề về môi trường đạt một số kết quả như sau:

I. Kết quả xây dựng nông thôn mới

- Đơn vị cấp huyện: Toàn tỉnh có 03 đơn vị cấp huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận đạt chuẩn huyện nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, bao gồm: Thành phố Châu Đốc (năm 2017), thành phố Long Xuyên (năm 2018) và huyện Thoại Sơn (năm 2018);

- Xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới”: có 76/110 xã đạt 19 tiêu chí theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới. Trong đó, có 75 xã được Chủ tịch UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn nông thôn mới (đạt tỷ lệ 68,18%);

+ Có 05 xã đạt từ 15-18 tiêu chí;

+ Có 23 xã đạt từ 10-14 tiêu chí;

+ Có 06 xã đạt từ 5-9 tiêu chí;

+ Bình quân tiêu chí/xã : 17 tiêu chí.

- Xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới nâng cao”: Có 34 xã đạt 19 tiêu chí theo bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao (đạt tỷ lệ 45,33%).

- Xã đạt chuẩn “Xã nông thôn mới kiểu mẫu”: có 02 xã đạt bộ tiêu chí xã kiểu mẫu (đạt tỷ lệ 5,88%).

- Ấp đạt chuẩn “Nông thôn mới”: Có 14 ấp tại các xã biên giới, xã khó khăn trên địa bàn tỉnh được Chủ tịch UBND cấp huyện công nhận đạt chuẩn “Ấp nông thôn mới”.

II. Kết quả triển khai Chương trình chuyên đề tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới năm 2023

1. Tuyên truyền, tập huấn, nâng cao năng lực

Trong năm 2023, tổ chức 146 lớp tập huấn cho 4.837 người tham dự về các nội dung như: hướng dẫn thực hiện các chỉ tiêu môi trường; an toàn thực phẩm, hội nhập thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu, chuyển đổi số trong nông nghiệp tại 11 huyện, thị xã, thành phố. Đối tượng tham dự lớp tập huấn là cán bộ phụ trách môi trường, phụ trách nông thôn mới và đại diện lãnh đạo tuyến xã, huyện nhằm phục vụ Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực phục vụ phát triển nông nghiệp công nghệ cao năm 2023. Phối hợp với Hội Phụ nữ tỉnh tổ chức 33 lớp tuyên truyền, phổ biến các văn bản, quy định, quy chuẩn liên quan đến an toàn thực phẩm với 1.690 lượt người tham dự, góp phần thực hiện tốt chỉ tiêu về ATTP thuộc Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

Phát hành 144 bản tin dự báo tình hình dịch hại trong tuần trên Đài Phát thanh truyền hình tỉnh An Giang (ATV); thực hiện 01 đợt ghi hình tuyên truyền đảm bảo chất lượng ATTP đối với việc chấp hành qui định của pháp luật về kiểm dịch, kiểm soát giết mổ; kiểm tra vệ sinh thú y động vật, sản phẩm động vật.

2. Cấp nước sạch nông thôn, trữ nước ngọt (các vùng khó khăn về nguồn nước)

Thực hiện quản lý, vận hành 30 hệ thống cấp nước có công suất thiết kế từ 200 – 2.000 m³/ngày.đêm, cấp nước cho khoảng 57.000 hộ nông thôn; Xây dựng thí điểm Kế hoạch cấp nước an toàn; Kế hoạch phòng chống thất thoát ứng phó, khắc phục nhanh sự cố đảm bảo cấp nước liên tục hộ dân sử dụng. Trang bị phòng thí nghiệm với đầy đủ thiết bị, hóa chất phân tích 14 chỉ tiêu nước sinh hoạt theo QCVN 01-1:2018/BYT.

Triển khai thi công 02 công trình: Lắp đặt tuyến ống tải hệ thống cấp nước Hội An với tổng chiều dài 1.400m; Lắp đặt tuyến ống chuyển tải hệ thống chuyển tải Trung Phú 4 với tổng chiều dài 2.500m thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2023 theo Quyết định số 1551/QĐ-UBND ngày 27/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Đối với các chỉ tiêu nước sạch thuộc Bộ tiêu chí nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao đạt theo quy định, cụ thể: Chỉ tiêu 17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn đạt từ 90% trở lên; Chỉ tiêu 17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch đạt trên 70%; Chỉ tiêu 18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt từ 95% trở lên; đạt Chỉ tiêu 18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm từ 60 lít/người/ngày đêm; Chỉ tiêu 18.3. Tỷ lệ công

trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững đạt trên 40%; Chỉ tiêu 18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch từ 80% trở lên.

Chủ động xây dựng phương án ứng phó với hạn mặn xảy ra cục bộ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt lưu ý đối với các khu vực vùng núi thuộc huyện Tri Tôn, Tịnh Biên; các khu vực giáp ranh tỉnh Kiên Giang. Phối hợp với các xã thuộc lộ trình xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 – 2025 lập kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các danh mục công trình mở rộng các tuyến ống cấp nước, góp phần tăng tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch.

3. Phân loại, thu gom trung chuyển rác thải sinh hoạt và xử lý nước thải

3.1. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt và phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn

Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt được quan tâm và thực hiện tốt. Toàn tỉnh phát sinh khoảng 1.220 tấn/ngày, thu gom 938,40 tấn/ngày (đạt 76,92%, tăng hơn 1,33% so với cùng kỳ năm 2022) trên địa bàn 156/156 xã, phường, thị trấn.

Hiện tại, tỉnh chưa thực hiện phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn một cách rộng rãi, chủ yếu thực hiện thông qua Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, cụ thể:

*** Đối với phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu vực nông thôn**

Tỉnh đã từng bước đẩy mạnh công tác phân loại rác thải tại nguồn, tái sử dụng và tái chế rác thải nhựa gắn với Chương trình mục tiêu quốc gia trong xây dựng nông thôn mới dưới hình thức thu hồi, tái chế, tái sử dụng; đồng thời vận động, khuyến khích các hộ dân tận dụng thức ăn thừa, hư hỏng, vỏ các loại trái cây,... làm thức ăn gia súc, gia cầm hoặc ủ phân compost, đối với chất thải rắn còn lại các hộ dân bố trí để chuyển giao cho đơn vị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định. Tính đến này, toàn tỉnh có 36 xã thuộc đối tượng xã nông thôn mới thực hiện mô hình phân loại, thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn (lồng ghép phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế và xử lý chất thải nhựa) thuộc tiêu chí, chỉ tiêu môi trường của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao, với khối lượng khoảng 11,739 tấn/ngày, đạt tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn, tái chế, tái sử dụng và xử lý chất thải nhựa đạt 9,62%.

*** Đối với phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn tại khu vực đô thị**

Sở Tài nguyên và Môi trường đã trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt Kế hoạch Xây dựng mô hình thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Châu Đốc và Long Xuyên (02 mô hình) để triển khai thực hiện trong năm 2024. Đồng thời, Sở Tài nguyên và Môi trường đã báo cáo, đề xuất và

được UBND tỉnh chấp thuận cho chủ trương xây dựng và ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang năm 2025 và định hướng đến năm 2030 trong quý III/2024.

3.2. Công tác xử lý nước thải sinh hoạt nông thôn tập trung

Đối với việc đầu tư, cải tạo hệ thống thu gom, thoát nước thải và công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, đến nay đã triển khai thực hiện 02 Dự án, cụ thể: Nhà máy xử lý nước thải thành phố Châu Đốc (công suất 5.000 m³/ngày) và Nhà máy xử lý nước thải thành phố Long Xuyên (công suất 30.000 m³/ngày); Các dự án xử lý nước thải của các đô thị còn lại hiện đang đề xuất. Ngoài ra, UBND tỉnh đã ban hành mô hình xử lý nước thải sinh hoạt của hộ gia đình, khu dân cư (tại Công văn số 4227/VPUBND-KTN ngày 29/9/2017).

Trên địa bàn tỉnh có 7 huyện: Châu Thành, Chợ Mới, Thoại Sơn, Châu Phú, An Phú, Phú Tân, Tri Tôn. Trong đó: Có 03 huyện (Châu Thành, Chợ Mới, Thoại Sơn) có Đề án/Kế hoạch cải tạo chất lượng môi trường nước mặt khu vực công cộng và có mô hình xây dựng hoặc cải tạo cảnh quan sông, kênh, rạch (chiếm khoảng 43% số huyện).

3.3. Mô hình điểm trung ương: Theo quyết định số 1796/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/4/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (đợt 1). Trong đó tỉnh An Giang được hỗ trợ 02 mô hình thí điểm: Mô hình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cụm, tuyến dân cư trên địa bàn xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang và mô hình thu gom phân gia súc, gia cầm nuôi trùn quế tạo sản phẩm dịch trùn quế, phân trùn ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản và cây nông nghiệp tại 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên. Tiến độ triển khai thực hiện 02 mô hình thí điểm đến tháng 11 năm 2023 cụ thể như sau:

a) Mô hình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt cụm, tuyến dân cư trên địa bàn xã Lê Chánh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang:

- Hiện nay đơn vị tư vấn đã tổ chức khảo sát, xác định quy mô, khối lượng, đề xuất công nghệ xử lý, hình thức vận hành, thành lập tổ tự quản sau khi bàn giao mô hình.

- Đã hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế trình cấp thẩm quyền phê duyệt với tổng kinh phí dự kiến thực hiện là 5.500 triệu đồng trong đó vốn ngân sách trung ương hỗ trợ 4.000 triệu đồng và 1.500 triệu đồng từ ngân sách đối ứng của địa phương. Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành mô hình trong quý IV, năm 2024.

- Sau khi vận hành, khai thác sử dụng tỉnh sẽ tổ chức Hội nghị đánh giá, Sơ kết mô hình để có giải pháp nhận rộng.

b) Mô hình Thu gom phân gia súc, gia cầm nuôi trùn quế tạo sản phẩm dịch trùn, phân trùn ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản và cây nông nghiệp tại 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên tỉnh An Giang

- Sở Nông nghiệp và PTNT (Chi cục Chăn nuôi và Thú y) đã phối hợp cùng Công ty CP đầu tư Phát triển nông nghiệp công nghệ cao MPA xây dựng dự thảo Đề cương Kế hoạch thực hiện mô hình “Thu gom phân gia súc, gia cầm nuôi trùn quế tạo sản phẩm dịch trùn, phân trùn ứng dụng trong nuôi trồng thủy sản và cây nông nghiệp tại 02 huyện Tri Tôn và Tịnh Biên tỉnh An Giang”, khảo sát và thu thập danh sách hộ chăn nuôi có thể cung cấp phân bò cho Công ty CP đầu tư Phát triển nông nghiệp công nghệ cao MPA.

- Cơ quan chủ trì đã hoàn chỉnh đề cương chi tiết, dự toán kinh phí đang trình Hội đồng thẩm định của tỉnh. Dự kiến thời gian thực hiện và hoàn thành mô hình trong quý III, năm 2024.

- Sau hỗ trợ hoàn thành tỉnh sẽ tổ chức Hội đồng nghiệm thu, đánh giá hiệu quả về môi trường, hiệu quả kinh tế, tổ chức sơ kết mô hình để có giải pháp nhận rộng.

4. Bao gói thuốc bảo vệ thực vật

Để triển khai có hiệu quả Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021-2025, đến nay tỉnh đã thực hiện thí điểm 08 mô hình thu gom vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật tại các xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao. Kết quả thu được khoảng 4,21 tấn vỏ bao bì, chai lọ thuốc bảo vệ thực vật tập trung tại các điểm trồng rau màu, lúa trên địa bàn 08 xã.

III. Thuận lợi, khó khăn và đề xuất

1. Khó khăn

Đối với Chương trình chuyên đề về môi trường, ATTP và nước sạch Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn không ban hành hướng dẫn nên đại phương lúng túng trong triển khai các mô hình (dự án) điểm dẫn tiến độ thực hiện còn chậm so với kế hoạch.

+ Một số hệ thống cấp nước đã đưa vào vận hành, quản lý lâu năm thường xảy ra sự cố, tỷ lệ thất thoát cao nhưng chưa có nguồn vốn để đầu tư nâng cấp, cải tạo. Đến thời điểm hiện tại, Ủy ban nhân dân tỉnh vẫn chưa ban Quy chuẩn kỹ thuật địa phương nên gây khó khăn cho đơn vị cấp nước trong quản lý, kiểm soát chất lượng nước.

+ Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025 vẫn chưa được UBND tỉnh ban hành, dẫn đến khó khăn trong quá trình thực hiện. Một số mô hình bảo vệ

môi trường đã được triển khai nhưng chưa được quan tâm kiểm tra, giám sát để duy trì hoạt động hiệu quả.

+ Việc triển khai mua sắm thùng rác hỗ trợ thực hiện mô hình phân loại rác phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật về đấu thầu (thời gian thực hiện đấu thầu khoảng 06 tháng) dẫn đến chậm trễ thời gian triển khai thực hiện Kế hoạch.

+ Một số địa phương chưa chủ động trong việc bố trí kinh phí và đầu tư hệ thống xử lý nước thải khu dân cư tập trung, làng nghề và các khu điểm ô nhiễm môi trường trên địa bàn.

2. Đề xuất

Hỗ trợ kinh phí để thiết kế, lựa chọn mô hình xử lý đơn giản, chi phí thấp và hiệu quả xử lý nước nguồn từ nước sông, kênh, rạch đạt chuẩn nước sinh hoạt, an toàn sử dụng cho các hộ dân ở khu vực chưa có điều kiện tiếp cận với nước sạch.

Tiếp tục tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn, nâng cao năng lực thực hiện các chỉ tiêu môi trường trong xây dựng nông thôn mới.

Triển khai Kế hoạch xây dựng mô hình thí điểm về phân loại tại nguồn, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt năm 2023 chuyển tiếp sang năm 2024 và năm 2024; Kế hoạch Xây dựng mô hình thí điểm phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn thành phố Châu Đốc và Long Xuyên.

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 để các địa phương tổ chức thực hiện, và tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2021 – 2025.

Hỗ trợ và đôn đốc UBND cấp huyện thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai bảo vệ môi trường đối với khu dân cư tập trung, cụm dân cư nông thôn theo các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 5820/VPUBND-KTN ngày 20/10/2023.

Tiếp tục thống kê, tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức ký cam kết, kiểm tra việc thực hiện nội dung cam kết đối với cơ sở không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn./.

**Báo cáo kết quả và giải pháp đẩy nhanh tiến độ triển khai
Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm
và cấp nước sạch nông thôn**

Văn phòng Điều phối các Chương trình MTQG tỉnh Hậu Giang



Chương trình xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang đến thời điểm hiện tại đã công nhận được 40/51 xã đạt chuẩn nông thôn mới, đạt 78,4%, 11 xã nông thôn mới nâng cao, đạt 27,5%, 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu, đạt 27,3%, 03 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới, đạt 37,5%.

Đối với các chương trình chuyên đề tỉnh đã chủ động xây dựng Kế hoạch triển khai đồng bộ 06 nội dung Chương trình chuyên đề đáp ứng theo yêu cầu đặt ra, Chuyên đề về “tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới” là chuyên đề đóng vai trò cốt lõi trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân tại khu vực nông thôn, từ đó biến nông thôn trở thành nơi đáng sống.

Tỉnh Hậu Giang đã cụ thể hoá các văn bản của Trung ương về Chuyên đề 68 “tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025” đã được tỉnh đã cụ thể hoá thành các kế hoạch để triển khai thực hiện theo từng nội dung cụ thể.

Tỉnh Hậu Giang xây dựng và triển khai Đề án Hậu Giang xanh đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030 với mục tiêu:

- Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng dân cư trong công tác bảo vệ môi trường;

- Kiểm soát ô nhiễm môi trường từ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải sản xuất nông nghiệp; nâng cao tỷ lệ thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng đảm bảo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; duy trì và nâng cao chất lượng tiêu chí môi trường trong xây dựng xã nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao và tiêu chí đô thị văn minh; cải thiện cảnh quan môi trường đô thị và

⁶⁸ Kế hoạch số 55/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh Hậu Giang về việc phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 06/4/2022 của UBND tỉnh về việc thu gom, vận chuyển, lưu giữ, trung chuyển, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 26/2022/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quản lý chất thải, phân loại chất thải rắn sinh hoạt; chính sách khuyến khích phân loại riêng chất thải nguy hại trong chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của UBND tỉnh về việc quy định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Kế hoạch số 02/KH-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Hậu Giang giai đoạn 2021 – 2025.

nông thôn để hướng đến xây dựng Hậu Giang “xanh - sạch- đẹp”. Với tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2021 - 2025: 1.623.468.960.000 đồng (Nguồn vốn đầu tư phát triển, vốn thường xuyên, vốn đề nghị Trung ương hỗ trợ và vốn xã hội hoá); Nguồn vốn dự kiến giai đoạn 2026 - 2030: 323.551.900.000 đồng.

Đến nay, Tỉnh Hậu Giang đã triển khai thực hiện và đạt được một số kết quả quan trọng về kết quả thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới đạt so với kế hoạch đến năm 2025 và so với Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ giao cụ thể như sau:

- Có 64,46% số hộ nông thôn triển khai các giải pháp phân loại chất thải tại nguồn (vượt chỉ tiêu theo Kế hoạch đến năm 2025 là ít nhất 50%);

- Có 60,08% chất thải rắn sinh hoạt được thu gom và xử lý (đạt 70,7 % theo Kế hoạch đến năm 2025 là 85%);

- Có 18,63% bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng được thu gom và xử lý theo đúng quy định (đạt 19,61% so với Kế hoạch đến năm 2025 là 95%).

- Đối với chỉ tiêu có ít nhất 15% số hộ nông thôn có nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng các biện pháp phù hợp, hiệu quả, một số hộ dân trên địa bàn tự xử lý nước thải sinh hoạt bằng cách thải vào ruộng vườn nội bộ trước khi thải ra môi trường. Bên cạnh đó, một số địa phương đang triển khai thí điểm mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình để đảm bảo vấn đề bảo vệ môi trường. Mặt khác, để tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tỉnh Hậu Giang đã tiến hành hỗ trợ hàng chục ngàn thùng rác, sọt rác, thùng rác công cộng để hộ gia đình phân loại rác và thu gom rác.

Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh xây dựng và triển khai mô hình phân loại, thu gom chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn các xã nông thôn mới. Một số địa phương đã triển khai hoàn thành dự án xe thu gom rác thải, thùng chứa rác thải, xây dựng bể chứa rác thải phục vụ công tác thu gom rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, xây dựng mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, ra quân dọn dẹp, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, hoa kiểng nhằm cải thiện, tạo cảnh quan môi trường khu vực công cộng vào các đợt hưởng ứng Ngày Môi trường thế giới, Chiến dịch làm cho thế giới sạch hơn, Ngày thứ bảy tình nguyện, Ngày chủ nhật xanh. Đặc biệt có 526 ấp, khu vực thành lập tổ thu gom rác cộng đồng, được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua mức hỗ trợ 900,000đ/tháng/tổ; phát động mô hình không gian xanh nơi ở và nơi làm việc, học tập.

Bên cạnh đó, tỉnh cũng đã chỉ đạo các đơn vị chuyên môn, địa phương và các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện thu gom, chuyển giao xử lý bao gói thuốc

bảo vệ thực vật sau sử dụng (từ nguồn kinh phí địa phương và xã hội hóa). Ngoài ra, ngành nông nghiệp đã phối hợp cùng doanh nghiệp sản xuất thuốc bảo vệ thực vật để tổ chức thu gom, thu hồi xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (nguồn kinh phí xã hội hóa). Trong năm 2021-2023, đã thu gom, chuyển giao xử lý 43.884 kg bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và khoảng 2.500 kg chất thải nguy hại phát sinh từ sinh hoạt của hộ dân để lẫn lộn trong bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Cùng với việc triển khai đồng bộ các giải pháp về thực hiện Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn tỉnh cũng được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025, Quyết định số 4165/QĐ-BNN-VPĐP ngày 10 tháng 10 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 (Đợt 2). Theo đó, tỉnh Hậu Giang được phê duyệt mô hình thuộc nhóm Cải tạo cảnh quan môi trường với tên mô hình “Xây dựng cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn tại liên ấp 6-7, xã Hoà An, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang”, đã và đang thực hiện.

*** Thuận lợi:**

- Sự vào cuộc và phối hợp thường xuyên, liên tục, hiệu quả giữa các Sở, ban ngành, địa phương đoàn thể các cấp trong thực hiện các nhiệm vụ của Chương trình.
- Được sự quan tâm đầu tư của Nhà nước vào công tác cấp nước sạch nông thôn từng bước đáp ứng nhu cầu nông thôn.
- Huy động các nguồn lực để thực hiện các nội dung của Chương trình từng bước hoàn thành các mục tiêu đề ra.
- Công tác thanh tra, kiểm tra về an toàn thực phẩm được các đơn vị thực hiện thường xuyên.

*** Hạn chế, khó khăn:**

- Người dân nhận thức chưa đầy đủ về môi trường như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, suy thoái tài nguyên thiên nhiên,... Một số người dân còn xả rác bừa bãi, sử dụng hóa chất độc hại, khai thác tài nguyên thiên nhiên quá mức,...
- Địa bàn rộng, sông, kênh rạch nhiều khó quản lý về công tác môi trường.
- Hạ tầng nông thôn xuống cấp, chưa đồng bộ nên việc triển khai vận triển rác còn gặp nhiều khó khăn.

- Người đứng đầu tại địa phương chưa quyết tâm cao trong công tác bảo vệ và thực hiện các giải pháp khôi phục, giữ vững cảnh quan môi trường nông thôn.

- Thiếu nguồn lực đầu tư hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phi tập trung theo cụm hoặc theo khu vực phù hợp, hiệu quả (kế hoạch 50% số đơn vị cấp huyện).

*** Một số giải pháp triển khai thực hiện hiệu quả Chương trình tăng cường bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025**

- Tăng cường giáo dục và nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cấp nước sạch nông thôn thông qua các buổi tập huấn, hội thảo, tọa đàm và các phương tiện thông tin.

- Đầu tư nâng cấp hạ tầng về nước để xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước, hệ thống xử lý chất thải, và hệ thống vệ sinh nông thôn.

- Thúc đẩy phát triển nông nghiệp hữu cơ từ việc sản xuất đến chế biến và tiêu thụ. Việc sử dụng phân bón hữu cơ và phương pháp canh tác bền vững không chỉ giúp bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường kiểm soát và giám sát việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch. Đồng thời, cần xây dựng và củng cố hệ thống giám sát để đảm bảo tính minh bạch và trách nhiệm trong việc thực hiện chương trình.

- Khuyến khích sáng tạo và ứng dụng công nghệ trong việc bảo vệ môi trường, an toàn thực phẩm và cung cấp nước sạch. Các giải pháp công nghệ như hệ thống giám sát từ xa, hệ thống quản lý thông minh, và ứng dụng di động có thể giúp cải thiện hiệu quả và tăng cường quản lý trong các lĩnh vực này./.